# MỤC LỤC

1. Tên học phần: toán cao cấp ..... 3
2. Tên học phần: xác suất và thống kê ..... 20
3. Tên học phần: kinh tế vi mô ..... 33
4. Tên học phần: kinh tế vĩ mô ..... 44
5. Tên học phần: luật kinh tế ..... 57
6. Mã học phần: kt2.1.005.3 ..... 72
7. Tên học phần: nguyên lý thống kê ..... 85
8. Tên học phần: tài chính – tiền tệ ..... 96
9. Tên học phần: kỹ năng quản lý và làm việc nhóm ..... 105
10. Tên học phần: quản trị học ..... 111
11. Tên học phần: kinh tế quốc tế ..... 122
12. Tên học phần: marketing căn bản ..... 135
13. Tên học phần: kế toán tài chính 1 ..... 154
14. Tên học phần: kế toán tài chính 2 ..... 162
15. Tên học phần: kế toán tài chính 3 ..... 175
16. Tên học phần: lý thuyết kiểm toán ..... 183
17. Tên học phần: tiếng anh chuyên ngành kế toán ..... 193
18. Tên học phần: thuế nhà nước ..... 204
19. Tên học phần: tài chính doanh nghiệp ..... 214
20. Tên học phần: luật và chuẩn mực kế toán ..... 224
21. Tên học phần: thanh toán quốc tế ..... 234
22. Tên học phần: giao tiếp trong kinh doanh ..... 243
23. Tên học phần: tài chính công ..... 262
24. Tên học phần: thị trường chứng khoán ..... 274
25. Tên học phần: kế toán hành chính sự nghiệp ..... 282
26. Tên học phần: kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ..... 295
27. Tên học phần: kế toán quản trị ..... 309
28. Tên học phần: phân tích báo cáo tài chính ..... 317
29. Tên học phần: kế toán máy ..... 329
30. Tên học phần: tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp ..... 349
31. Tên học phần: tổ chức công tác kế toán hành chính sự nghiệp ..... 362

32. Tên học phần: tin học ứng dụng trong kế toán ..... 370
33. Tên học phần: nghiệp vụ ngân hàng thương mại ..... 380
34. Tên học phần: kế toán doanh nghiệp xây dựng ..... 392
35. Tên học phần: định giá tài sản ..... 404
36. Tên học phần: kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ ..... 419
37. Tên học phần: kế toán ngân hàng thương mại ..... 430
38. Tên học phần: hệ thống thông tin kế toán ..... 443
39. Tên học phần: kế toán quản trị nâng cao ..... 452
40. Tên học phần: thực tập 1 ..... 460
41. Tên học phần: thực tập 2 (thực tập tốt nghiệp) ..... 476
42. Tên học phần: kiểm toán báo cáo tài chính ..... 487
43. Tên học phần: kế toán thuế ..... 497

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**
**KHOA SƯ PHẠM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** TN2.1.114.3

**1.2. Tên học phần: Toán cao cấp**

**1.3. Tính chất học phần: Bắt buộc.**

**Loại hình học phần:** Lý thuyết kết hợp thực hành/bài tập

**1.4. Số tín chỉ:** 03

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30
- Thực hành/bài tập trên lớp: 30
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa:
- Thực tập:
- Tự học: 90

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Trương Mỹ An Ngọc | Thạc sĩ | Toán |
| 2 | Lê Thiếu Tráng | Tiến sĩ | Toán |
| 3 | Mai Thị Hiền | Thạc sĩ | Toán |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Toán cao cấp trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về không gian vectơ số học (n) chiều, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phép tính vi phân, phép tính tích phân và phương trình vi phân; đồng thời hình thành khả năng phân tích, giải thích và vận dụng các kiến thức toán học để giải quyết các bài toán cơ bản trong lĩnh vực kế toán và quản trị kinh doanh. Thông qua các hoạt động học tập trên lớp, thực hành giải bài tập và tự học, người học phát triển tư duy logic, tư duy phân tích, kỹ năng học tập độc lập, kỹ năng làm việc nhóm, sử dụng ngôn ngữ toán học trong trình bày và giải quyết vấn đề, đồng thời hình thành ý thức học tập nghiêm túc, trung thực và chủ động trong học tập, nghiên cứu.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)

CO1: Trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về không gian vectơ số học nnn chiều, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính, phép tính vi phân,

phép tính tích phân và phương trình vi phân; làm cơ sở để học các học phần chuyên ngành và vận dụng trong phân tích các vấn đề kế toán.

CO2 Hình thành cho người học khả năng vận dụng các kiến thức toán học để giải quyết các bài toán cơ bản; bước đầu phát triển tư duy logic, tư duy phân tích, kỹ năng giải quyết vấn đề, tự học và làm việc nhóm trong học tập.

CO3: Hình thành tác phong học tập nghiêm túc, trung thực, chủ động, có trách nhiệm trong học tập; có ý thức hợp tác, chia sẻ trong hoạt động học tập và rèn luyện tư duy khoa học khi tiếp cận và giải quyết các vấn đề.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày được các khái niệm, định nghĩa, tính chất cơ bản của không gian vectơ số học (n) chiều, ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính. | x | x | |
| CLO2 | Giải thích được các khái niệm, quy tắc và phương pháp cơ bản của phép tính vi phân, phép tính tích phân và phương trình vi phân. | x | x | |
| CLO3 | Vận dụng các kiến thức toán cao cấp để giải các bài toán cơ bản và một số bài toán đơn giản trong lĩnh vực kế toán. | x | x | |
| CLO4 | Lựa chọn và thực hiện được phương pháp giải phù hợp đối với các bài toán cơ bản; bước đầu hình thành kỹ năng tư duy logic, giải quyết vấn đề và tự học. | x | x | |
| CLO5 | Thể hiện tinh thần tự học, ý thức trách nhiệm, trung thực trong học tập và hợp tác hiệu quả khi thực hiện các nhiệm vụ học tập. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | PLO 1 | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 6 | PLO 7 | PLO 8 | PLO 9 | PLO 10 |
| **CLO 1** | | R | | | | | | | | |
| **CLO 2** | | R | | | | | | | | |
| **CLO 3** | | R | | | | I | | | | |
| **CLO 4** | | | | | | I | | | | |
| **CLO 5** | | | | | | | R | | | |
| **Học phần Toán cao cấp** | | | | | | | R | | | |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Đánh giá thông qua điểm danh, ý thức học tập, mức độ chuẩn bị bài, mức độ tham gia thảo luận và xây dựng bài. | CLO 5 | 100% | X | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 01 điểm kiểm tra thường xuyên thang điểm 10, cấu trúc: (1) Bài kiểm tra tự luận cá nhân (80%, thang điểm 8/10): đo CLO1 (50%) và CLO2 (50%) - minh chứng: bài làm cá nhân; (2) | CLO 1 | 50% | x | |
| | | | CLO 2 | 50% | x | |

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Hoạt động trên lớp/bài tập/thực hành (20%, thang điểm 2/10): đo CLO1, CLO2 - minh chứng: quan sát tiến trình học tập, ghi chép của giảng viên về số lần tham gia lên bảng, thực hành, không thu thập sản phẩm. | | | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | 01 bài thi tự luận, thời gian làm bài 90 phút. | CLO 3 | 50% | x | |
| | | | CLO 4 | 50% | x | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | Chương 1. Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính<br>1.1. Hệ phương trình đại số tuyến tính. Khái niệm hệ phương trình tuyến tính, nghiệm của hệ, hệ tương đương, phương pháp khử Gauss. | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Người học trình bày được khái niệm hệ phương trình tuyến tính; giải được hệ bằng phép biến đổi sơ cấp và phương pháp khử Gauss; vận dụng để giải các bài toán đơn giản. | CLO 1, CLO 4, CLO 5 | Thuyết trình, gợi mở, dạy học giải quyết vấn đề, hướng dẫn giải bài tập, thảo luận nhóm. | Nghe giảng, ghi chép; nghiên cứu tài liệu [1]; tham gia thảo luận; giải bài tập trên lớp và ở nhà; chuẩn bị nội dung bài học tuần sau. | Điểm danh; đánh giá mức độ tham gia học tập; hỏi đáp trên lớp; nhận xét kết quả làm bài tập. |
| 2 | 1.2. Ma trận. Khái niệm ma trận, các phép toán trên ma | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Người học thực hiện được các phép toán | CLO 1, CLO 4, | Thuyết trình kết hợp vấn đáp; | Đọc trước tài liệu; ghi chép; thực hành | Theo dõi chuyên cần; đánh giá bài |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | trận, ma trận nghịch đảo, hạng của ma trận và ứng dụng trong giải hệ phương trình. | | | | | | trên ma trận; xác định hạng ma trận, ma trận nghịch đảo và vận dụng vào giải bài toán đại số tuyến tính. | CLO 5 | hướng dẫn thực hành; học theo nhóm; giải quyết vấn đề. | tính toán trên lớp; thảo luận nhóm; hoàn thành bài tập được giao. | tập trên lớp; kiểm tra miệng. |
| 3 | 1.3. Định thức. | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Người học tính được định thức bằng nhiều phương pháp; vận dụng tính chất định thức để giải các bài toán và hệ phương trình tuyến tính. | CLO 1, CLO 4, CLO 5 | Thuyết trình; hướng dẫn giải bài tập; thảo luận nhóm; dạy học giải quyết vấn đề. | Nghe giảng; thực hành tính định thức; trao đổi nhóm; làm bài tập trên lớp và tự học. | Đánh giá quá trình; chữa bài tập; nhận xét kết quả học tập. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 4 | 1.4. Ứng dụng ma trận và định thức. Ôn tập Chương 1. | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Người học vận dụng thành thạo ma trận, định thức để giải hệ phương trình và các bài toán ứng dụng đơn giản trong kế toán. | CLO 1, CLO 4, CLO 5 | Dạy học giải quyết vấn đề; luyện tập; thảo luận nhóm; hướng dẫn thực hành. | Giải bài tập tổng hợp; làm việc nhóm; trình bày lời giải; ôn tập kiến thức chương. | Kiểm tra thường xuyên (01 bài kiểm tra tự luận); đánh giá chuyên cần và bài tập. |
| 5 | Chương 2. Phép tính vi phân<br>2.1. Hàm số một biến. Giới hạn, liên tục, đạo hàm, vi phân, các quy tắc tính đạo hàm. | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Người học trình bày được khái niệm giới hạn, đạo hàm, vi phân; tính được đạo hàm của các hàm số cơ bản và vận dụng trong | CLO 2, CLO 4, CLO 5 | Thuyết trình; vấn đáp; hướng dẫn giải bài tập; dạy học giải quyết vấn đề. | Đọc trước chương 2; nghe giảng; ghi chép; thực hành tính đạo hàm; làm bài tập trên lớp và tự học | Đánh giá chuyên cần; hỏi đáp trên lớp; nhận xét bài tập; giao bài tập về nhà. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | khảo sát hàm số. | | | theo hướng dẫn. | |
| 6 | 2.2. Hàm số hai biến số. Khái niệm hàm số hai biến; miền xác định; giới hạn; tính liên tục; đạo hàm riêng cấp một; vi phân toàn phần. | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Người học xác định được miền xác định của hàm số hai biến; tính được đạo hàm riêng và vi phân toàn phần; vận dụng vào các bài toán đơn giản. | CLO 2, CLO 4, CLO 5 | Thuyết trình; vấn đáp gợi mở; hướng dẫn giải bài tập; thảo luận nhóm. | Đọc trước tài liệu; nghe giảng; ghi chép; thực hành tính đạo hàm riêng và vi phân; thảo luận nhóm; hoàn thành bài tập được giao. | Điểm danh; đánh giá mức độ tham gia học tập; kiểm tra miệng; nhận xét bài tập. |
| 7 | 2.3. Ứng dụng của vi phân và đạo hàm. Cực trị của hàm số một biến; bài | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Người học vận dụng đạo hàm để khảo sát hàm số, tìm cực trị và | CLO 2, CLO 4, CLO | Dạy học giải quyết vấn đề; thuyết | Giải bài tập ứng dụng; phân tích các bài | Đánh giá bài tập trên lớp; hỏi đáp; nhận xét |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | toán tối ưu; cực trị của hàm hai biến; ứng dụng trong các bài toán kế toán. | | | | | | giải các bài toán tối ưu đơn giản trong kế toán. | 5 | trình; hướng dẫn thực hành; thảo luận nhóm. | toán kế toán; trình bày kết quả trước lớp; tự học theo hướng dẫn. | kết quả học tập. |
| 8 | Chương 3. Phép tính tích phân<br>3.1. Tích phân bất định. Nguyên hàm; các phương pháp tính tích phân bất định: đổi biến số, tích phân từng phần. | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Người học tính được nguyên hàm và tích phân bất định bằng các phương pháp cơ bản; vận dụng vào giải bài tập. | CLO 2, CLO 4, CLO 5 | Thuyết trình; hướng dẫn giải bài tập; thực hành trên lớp; thảo luận nhóm. | Đọc tài liệu trước khi đến lớp; thực hành tính nguyên hàm; trao đổi nhóm; hoàn thành bài tập về nhà. | Đánh giá chuyên cần; chữa bài tập; kiểm tra miệng. |
| 9 | 3.2. Tích phân xác định và ứng dụng. Các | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Người học tính được tích phân xác | CLO 2, CLO | Thuyết trình; gợi mở; | Nghe giảng; ghi chép; giải | Đánh giá quá trình học tập; |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | tính chất của tích phân xác định; công thức Newton – Leibniz; tính diện tích hình phẳng; ứng dụng trong kế toán. | | | | | | định; vận dụng để tính diện tích và giải một số bài toán ứng dụng trong kế toán. | 4, CLO 5 | hướng dẫn thực hành; giải quyết vấn đề. | bài tập trên lớp; làm việc nhóm; nghiên cứu tài liệu tham khảo. | nhận xét bài tập; kiểm tra miệng. |
| 10 | 3.3. Tích phân kép và tích phân suy rộng. Khái niệm tích phân kép; cách tính tích phân kép trên miền đơn giản; tích phân suy rộng và điều kiện hội tụ. | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Người học thiết lập và tính được tích phân kép; nhận biết và tính được một số tích phân suy rộng cơ bản. | CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5 | Thuyết trình; hướng dẫn thực hành; thảo luận nhóm; dạy học giải quyết vấn đề. | Thực hành tính tích phân kép; thảo luận cách giải; hệ thống hóa kiến thức chương; chuẩn bị kiểm tra giữa kỳ. | Kiểm tra giữa kỳ (01 giờ); đánh giá chuyên cần; đánh giá kết quả thực hành và bài tập. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 11 | Bài tập vận dụng. | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Người học trình bày được khái niệm tích phân kép; tính được tích phân kép trên miền đơn giản; vận dụng để tính diện tích, thể tích và giải một số bài toán ứng dụng trong kế toán. | CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5 | Thuyết trình; vấn đáp gợi mở; hướng dẫn giải bài tập; dạy học giải quyết vấn đề; thảo luận nhóm. | Đọc trước tài liệu [1]; nghe giảng, ghi chép; thực hành tính tích phân kép; thảo luận nhóm; trình bày lời giải; làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà; tự học theo hướng dẫn của giảng viên. | Theo dõi chuyên cần; đánh giá mức độ tham gia học tập; kiểm tra miệng; nhận xét và chữa bài tập trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 12 | 3.4. Tích phân suy rộng.<br>Bài tập tổng hợp Chương 3. | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Người học nhận biết được các dạng tích phân suy rộng; xác định được tính hội tụ của tích phân suy rộng; vận dụng để giải các bài toán cơ bản và tổng hợp kiến thức Chương 3. | CLO 2, CLO 3, CLO 4, CLO 5 | Thuyết trình; hướng dẫn giải bài tập; dạy học giải quyết vấn đề; thảo luận nhóm; luyện tập trên lớp. | Đọc trước tài liệu; nghe giảng; ghi chép; giải bài tập cá nhân và theo nhóm; ôn tập Chương 3; hoàn thành bài tập tự học. | Theo dõi chuyên cần; đánh giá bài tập trên lớp; kiểm tra miệng; nhận xét kết quả học tập. |
| 13 | Chương 4. Đại cương về chuỗi<br>4.1. Chuỗi số, chuỗi hội tụ và chuỗi phân kỳ.<br>4.2. Chuỗi số | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Người học trình bày được khái niệm chuỗi số; nhận biết được chuỗi hội tụ và chuỗi phân | CLO 3, CLO 4, CLO 5 | Thuyết trình; vấn đáp gợi mở; hướng dẫn giải bài tập; dạy học | Đọc trước Chương 4; nghe giảng và ghi chép; tham gia thảo luận; thực hành | Theo dõi chuyên cần; kiểm tra miệng; đánh giá bài tập trên lớp; nhận xét |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | dương | | | | | | kỳ; vận dụng các tiêu chuẩn cơ bản để xét tính hội tụ của chuỗi số dương. | | giải quyết vấn đề; thảo luận nhóm. | xét hội tụ chuỗi số; giải bài tập trên lớp; hoàn thành bài tập tự học theo hướng dẫn của giảng viên. | kết quả tự học và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập. |
| 14 | Chương 5. Phương trình vi phân 5.1. Phương trình có biến số phân li. Phương trình vi phân có biến số phân li. Bài tập vận dụng. | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Người học giải được phương trình vi phân có biến số phân li và vận dụng vào một số bài toán thực tiễn, kế toán đơn giản. | CLO 3, CLO 4, CLO 5 | Thuyết trình; vấn đáp gợi mở; hướng dẫn giải bài tập; dạy học giải quyết vấn đề; thảo | Đọc trước tài liệu [1]; nghe giảng và ghi chép; giải phương trình vi phân; thảo luận nhóm; trình bày | Theo dõi chuyên cần; đánh giá mức độ tham gia học tập; kiểm tra miệng; nhận xét và chữa bài tập trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | | | luận nhóm. | lời giải; làm bài tập trên lớp và bài tập về nhà; tự học theo hướng dẫn của giảng viên. | |
| 15 | 5.2. Phương trình đẳng cấp cấp I.<br>5.3. Phương trình tuyến tính cấp I.<br>5.4. Phương trình Bernoulli.<br>5.5. Phương trình cấp II giảm cấp | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Người học giải được các dạng phương trình vi phân cơ bản; vận dụng kiến thức đã học để giải các bài toán tổng hợp; hệ thống hóa toàn bộ nội dung học phần và | CLO 3, CLO 4, CLO 5 | Thuyết trình; hướng dẫn ôn tập; dạy học giải quyết vấn đề; hướng dẫn giải bài tập tổng hợp; | Nghe giảng; ghi chép; giải bài tập tổng hợp; hệ thống hóa kiến thức toàn học phần; trao đổi, thảo luận nhóm; hoàn | Theo dõi chuyên cần; đánh giá kết quả ôn tập; chữa bài tập tổng hợp; hướng dẫn sinh viên chuẩn bị thi kết |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | được.<br>5.6. Phương trình tuyến tính cấp II có hệ số hằng.Ôn tập tổng kết học phần. | | | | | | chuẩn bị cho kỳ thi kết thúc học phần. | | thảo luận nhóm. | thành đề cương ôn tập và tự học chuẩn bị thi kết thúc học phần. | thúc học phần. |
| | **Tổng cộng** | **30** | **30** | **0** | **0** | **90** | | | | | |

**8. Học liệu**

## 8.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Nguyễn Thành Mậu (2006), Toán cao cấp đại cương, Nhà xuất bản Đại học Sư phạm, Hà Nội.

## 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Huy Hoàng (2010), Toán cao cấp – Tập một: Đại số tuyến tính, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[3] Nguyễn Huy Hoàng (2010), Toán cao cấp – Tập hai: Giải tích toán học, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[4] Lê Đình Thúy (2015), Giáo trình Toán cao cấp cho các nhà kế toán, Phần I: Đại số tuyến tính, Nhà xuất bản Đại học Kế toán Quốc dân, Hà Nội.

[5] Lê Đình Thúy (2015), Giáo trình Toán cao cấp cho các nhà kế toán, Phần II: Giải tích toán học, Nhà xuất bản Đại học Kế toán Quốc dân, Hà Nội.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

Hình thức thi: Tự luận.

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo mức đạt CLO | Đo PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **CLO1** | Trình bày và vận dụng được các khái niệm, tính chất về không gian vectơ số học n chiều, ma trận, định thức và hệ phương trình tuyến tính để giải các bài toán đại số tuyến tính cơ bản. | Tự luận | 20% | 2,0 | X | PLO2 |
| **CLO2** | Vận dụng được phép tính vi phân và tích phân của hàm một biến, hàm nhiều biến để khảo sát hàm số và giải một số bài toán liên quan. | Tự luận | 40% | 4,0 | X | PLO2 |
| **CLO3** | Giải quyết được các bài toán cơ bản về chuỗi số và phương trình vi phân. | Tự luận | 40% | 4,0 | X | PLO2 |
| **Tổng** | | | **100%** | **10,0** | | |

| Câu | Nội dung đánh giá | CLO | Mức độ nhận thức | Điểm | Hình thức |
|---|---|---|---|---|---|
| Câu 1 | Bài toán về không gian vectơ, ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính | CLO1 | Vận dụng | 2,0 | Tự luận, 90 phút |
| Câu 2 | Bài toán về phép tính vi phân và tích phân của hàm số | CLO2 | Vận dụng | 4,0 | |
| Câu 3 | Bài toán về chuỗi số và phương trình vi phân | CLO3 | Vận dụng | 4,0 | |
| **Tổng** | | | | **10,0** | |

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO**
**KHOA SƯ PHẠM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học**

**Chương trình đào tạo: Kinh tế**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** TN2.1.802.2

**1.2. Tên học phần:** Xác suất và thống kê

**1.3. Tính chất học phần:** Bắt buộc

**Loại học phần:** Lý thuyết kết hợp thực hành/bài tập

**1.4. Số tín chỉ:** 02

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 15
- Thực hành/bài tập trên lớp: 30
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa:
- Thực tập:
- Tự học: 55

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Lê Thiếu Tráng | Tiến sĩ | Toán |
| 2 | Mai Thị Hiền | Thạc sĩ | Toán |
| 3 | Nguyễn Bích Linh | Thạc sĩ | Toán |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về lý thuyết xác suất và thống kê. Học phần gồm các kiến thức cơ bản về phép thử và biến cố, biến ngẫu nhiên và các phân phối xác suất thông dụng, cơ sở lí thuyết mẫu, phương pháp ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê. Thông qua học phần, sinh viên có khả năng áp dụng các công cụ thống kê để thu thập, xử lí dữ liệu, đưa ra các kết luận khoa học chính xác đối với các bài toán chuyên ngành.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)

- CO1: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về xác suất và thống kê toán.

- CO2: Hình thành kỹ năng tính toán, xử lý và tóm tắt số liệu thu thập được từ các bài toán thực tế, thực nghiệm chuyên ngành.

- CO3: Bước đầu vận dụng được các mô hình thống kê để giải thích, phân tích kết quả thực nghiệm thuộc chuyên ngành.

- CO4: Góp phần hình thành cho sinh viên thái độ học tập nghiêm túc, tích cực tham gia các hoạt động học tập; trung thực, khách quan với số liệu khoa học.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Vận dụng được kiến thức về không gian xác suất, biến ngẫu nhiên và các phân phối xác suất để mô hình hóa các hiện tượng cơ bản thuộc lĩnh vực chuyên ngành. | x | x | |
| CLO2 | Tính toán được các đặc trưng mẫu và thực hiện ước lượng khoảng tin cậy cho dữ liệu thực nghiệm, chuyên ngành. | x | x | |
| CLO3 | Áp dụng được các bài toán kiểm định giả thuyết thống kê để phân tích và đánh giá dữ liệu thực nghiệm, chuyên ngành. | x | x | |
| CLO4 | Thực hiện đầy đủ nhiệm vụ học tập cá nhân/nhóm, chuẩn bị bài, tham gia thảo luận và trình bày lời giải bài tập theo yêu cầu của học phần; trung thực trong việc xử lý số liệu bài tập thực hành. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* | | | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | PLO 1 | PLO 2 | PLO 3 | PLO 4 | PLO 5 | PLO 6 | PLO 7 | PLO 8 | PLO 9 | PLO 10 |
| **CLO 1** | | R | | | | | | | | |
| **CLO 2** | | | | | | I | R | | | |
| **CLO 3** | | | | | | I | R | | | |
| **CLO 4** | | | | | | | | | | |
| **Học phần Xác suất và thống kê** | | **R** | | | | **I** | **R** | | | |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Đánh giá thông qua điểm danh, ý thức học tập, mức độ chuẩn bị bài, mức độ tham gia thảo luận và xây dựng bài. | CLO4 | 100% | X | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 01 điểm kiểm tra thường xuyên thang điểm 10, cấu trúc: (1) Bài kiểm tra tự luận cá nhân (80%, thang điểm 8/10): đo CLO1 (50%) và CLO2 (50%) - minh chứng: bài làm cá nhân; (2) Hoạt động trên lớp/bài tập/thực hành (20%, thang điểm 2/10): đo CLO1, CLO2 - minh chứng: quan sát tiến trình học tập, ghi chép của giảng viên về số lần tham gia lên bảng, thực hành, không thu thập sản phẩm. | CLO1 | 50% | X | |
| | | | CLO2 | 50% | X | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | 01 bài thi tự luận, thời gian làm bài 60 phút. | CLO2 | 50% | X | |
| | | | CLO3 | 50% | X | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, xemina | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | **Chương 1. Biến cố ngẫu nhiên và xác suất**<br>1.1. Biến cố ngẫu nhiên<br>1.2. Các định nghĩa xác suất<br>1.3. Các quy tắc tính xác suất | 3 | 0 | 0 | 0 | 3 | Phân biệt được các loại biến cố ngẫu nhiên và tính toán được xác suất cơ bản bằng định nghĩa và quy tắc. | CLO1 CLO4 | Thuyết trình, vấn đáp, phân tích ví dụ | Đọc tài liệu; nghe giảng; ghi chép; thực hành nhóm để nhận diện biến cố và tính xác suất cơ bản; trình bày kết quả. | Điểm danh; vấn đáp; bài tập trên lớp. |
| 2 | 1.4. Xác suất có điều kiện<br>1.5. Công thức xác suất Bays và xác suất nhị thức | 1 | 2 | 0 | 0 | 3 | Vận dụng được công thức xác suất có điều kiện, công thức Bayes và xác suất nhị thức để giải quyết các bài toán thực tế. | CLO1 CLO4 | Thuyết trình, nêu vấn đề, phân tích ví dụ, hướng dẫn giải bài tập. | Đọc tài liệu; nghe giảng; làm việc theo cặp để thiết lập và giải quyết các bài toán có điều kiện; thực hành giải bài tập trên lớp. | Điểm danh; vấn đáp; bài tập trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, xemina | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 3 | **Chương 1. Biến cố ngẫu nhiên và xác suất** (tiếp) | 0 | 3 | 0 | 0 | 4 | Vận dụng thành thạo các định nghĩa và quy tắc tính xác suất để giải quyết các hệ thống bài tập tổng hợp. | CLO1 CLO4 | Nêu vấn đề, thuyết trình, phân tích bài toán mẫu, luyện tập nhóm. | Thực hành giải bài tập chương 1; trao đổi nhóm để củng cố kỹ năng tính xác suất; lên bảng trình bày lời giải. | Điểm danh, đánh giá qua thảo luận, bài tập trên lớp. |
| 4 | **Chương 1. Biến cố ngẫu nhiên và xác suất** (tiếp) | 0 | 3 | 0 | 0 | 4 | Giải quyết được các tình huống tính xác suất phức tạp, đảm bảo lập luận logic và tính toán chính xác. | CLO1 CLO4 | Nêu vấn đề, thuyết trình, phân tích bài toán mẫu, luyện tập nhóm. | Tiếp tục thực hành giải các bài toán xác suất nâng cao; nhận xét chéo kết quả bài làm giữa các nhóm. | Điểm danh, đánh giá qua thảo luận, bài tập trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, xemina | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 5 | **Chương 2: Biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên**<br>2.1. Biến ngẫu nhiên<br>2.2. Hàm phân phối<br>2.3. Phân phối rời rạc | 1 | 2 | 0 | 0 | 4 | Xác định được biến ngẫu nhiên, thiết lập được hàm phân phối và bảng phân phối xác suất cho dữ liệu rời rạc. | CLO1 CLO2 CLO4 | Thuyết trình, phân tích ví dụ, vấn đáp gợi mở, hướng dẫn luyện tập. | Đọc tài liệu; nghe giảng; thực hành lập bảng phân phối xác suất; trình bày kết quả tính toán trên lớp. | Điểm danh, vấn đáp, bài tập trên lớp. |
| 6 | 2.4. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên | 2 | 1 | 0 | 0 | 4 | Tính toán và giải thích được ý nghĩa của các số đặc trưng (kỳ vọng, phương sai, độ lệch chuẩn) của biến ngẫu nhiên | CLO2 CLO4 | Thuyết trình, vấn đáp, phân tích bài toán mẫu, luyện tập cá nhân. | Đọc tài liệu; nghe giảng; làm việc cá nhân/cặp đôi để tính kỳ vọng, phương sai; lên bảng giải bài tập. | Điểm danh, câu hỏi trên lớp, bài tập trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, xemina | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 7 | 2.4. Các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên (tiếp) | 0 | 3 | 0 | 0 | 4 | Vận dụng thành thạo các công thức tính số đặc trưng để phân tích sự phân tán và xu hướng tập trung của dữ liệu. | CLO2 CLO4 | Nêu vấn đề, thuyết trình, phân tích bài toán mẫu, luyện tập nhóm. | Luyện tập giải bài tập tính các số đặc trưng; sử dụng máy tính cầm tay để kiểm tra kết quả nhanh; nhận xét chéo. | Điểm danh, đánh giá qua thảo luận, bài tập trên lớp. |
| 8 | 2.5. Một số phân phối thông dụng (PP Nhị thức, PP Poisson, PP Chuẩn) | 2 | 1 | 0 | 0 | 3 | Nhận diện và áp dụng được các quy luật phân phối thông dụng (Nhị thức, Poisson, Chuẩn) trong các mô hình thực nghiệm. | CLO1 CLO2 CLO4 | Thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề, phân tích ví dụ. | Đọc tài liệu; phân tích đặc điểm của các phân phối cùng giảng viên; thực hành nhận diện quy luật phân phối. | Điểm danh, vấn đáp, bài tập trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, xemina | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 9 | **Chương 2: Biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên** (tiếp) | 0 | 3 | 0 | 0 | 4 | Thực hiện tính toán thành thạo xác suất dựa trên các quy luật phân phối thông dụng và bảng số liệu chuẩn. | CLO1 CLO2 CLO4 | Thuyết trình, hệ thống hóa kiến thức, hướng dẫn thảo luận, giải bài tập, ôn tập. | Thực hành tra bảng phân phối chuẩn; giải bài tập phân phối Nhị thức, Poisson áp dụng trong chuyên ngành; trao đổi cách giải. | Điểm danh, đánh giá qua thảo luận, bài tập trên lớp. |
| 10 | **Chương 2: Biến ngẫu nhiên và các số đặc trưng của biến ngẫu nhiên** (tiếp) | 0 | 3 | 0 | 0 | 4 | Giải quyết được các bài toán thực tiễn bằng cách mô hình hóa thông qua biến ngẫu nhiên và quy luật phân phối. | CLO1 CLO2 CLO4 | Thuyết trình, hệ thống hóa kiến thức, hướng dẫn thảo luận, giải bài tập, ôn tập. | Làm bài tập tổng hợp chương 2; rèn luyện kỹ năng phân tích đề bài và chọn đúng mô hình phân phối để giải quyết. | Điểm danh, đánh giá qua thảo luận, bài tập trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, xemina | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 11 | **Chương 3. Một số vấn đề về thống kê toán**<br>3.1. Mẫu ngẫu nhiên<br>3.2. Hàm phân phối mẫu<br>3.3. Các đặc trưng của mẫu | 3 | 0 | 0 | 0 | 3 | Phân biệt được tổng thể và mẫu, thiết lập được hàm phân phối mẫu và tính toán được các đặc trưng của mẫu. | CLO2 CLO4 | Thuyết trình, vấn đáp, phân tích ví dụ, hướng dẫn thảo luận | Đọc tài liệu về lý thuyết mẫu; nghe giảng; trao đổi nhóm về cách lập bảng tần số; tính toán đặc trưng mẫu từ số liệu thô; làm bài kiểm tra. | Điểm danh, đánh giá qua thảo luận, bài tập trên lớp; kiểm tra thường xuyên |
| 12 | 3.3. Các đặc trưng của mẫu (tiếp) | 0 | 3 | 0 | 0 | 4 | Vận dụng thành thạo các công cụ xử lý số liệu thô để xác định các đặc trưng mẫu phục vụ cho thống kê, phân tích dữ liệu | CLO2 CLO4 | Nêu vấn đề, vấn đáp gợi mở, phân tích ví dụ, luyện tập cá nhân /nhóm | Tự chuẩn bị số liệu mẫu; thực hành tính toán đặc trưng mẫu bằng máy tính cầm tay; lên bảng trình bày kết quả. | Điểm danh, câu hỏi trên lớp, bài tập trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, xemina | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 13 | 3.3. Ước lượng điểm<br>3.4. Ước lượng khoảng | 1 | 2 | 0 | 0 | 3 | Thực hiện được bài toán ước lượng điểm và xây dựng được khoảng tin cậy cho kỳ vọng, tỷ lệ và phương sai. | CLO2<br>CLO4 | Thuyết trình, phân tích ví dụ, vấn đáp, hướng dẫn giải bài tập. | Đọc tài liệu; theo dõi bài giải mẫu; thực hành giải bài toán ước lượng khoảng tin cậy; thường xuyên | Điểm danh, bài tập trên lớp |
| 14 | 3.6. Kiểm định giả thuyết thống kê<br>3.6.1. Khái niệm<br>3.6.2. Kiểm định giả thyết về kỳ vọng<br>3.6.3. Kiểm định giả thuyết về tỉ lệ và phương sai | 2 | 1 | 0 | 0 | 4 | Thiết lập được giả thuyết thống kê và thực hiện các bước kiểm định đối với kỳ vọng, tỷ lệ và phương sai từ dữ liệu mẫu. | CLO3<br>CLO4 | Thuyết trình, phân tích ví dụ, vấn đáp, hướng dẫn giải bài tập. | Đọc tài liệu; nghe giảng; làm việc theo cặp để thiết lập cặp giả thuyết H0, H1; thực hành kiểm định đối với các bài toán mẫu. | Điểm danh, vấn đáp, bài tập trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, xemina | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 15 | 3.6. Kiểm định gỉa thuyết thống kê (tiếp) | 0 | 3 | 0 | 0 | 4 | Vận dụng thành thạo quy trình kiểm định giả thuyết thống kê để đưa ra kết luận đánh giá số liệu khoa học chuyên ngành. | CLO3 CLO4 | Nêu vấn đề, thuyết trình, phân tích bài toán mẫu, luyện tập/thảo luận nhóm. | Thực hành giải các bài toán kiểm định giả thuyết tổng hợp; phân tích ý nghĩa của kết quả; ôn tập nội dung trọng tâm | Điểm danh, câu hỏi trên lớp, bài tập nhóm. |
| | **Tổng cộng** | **15** | **30** | **0** | **0** | **55** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Phạm Văn Kiều (2012), *Giáo trình xác suất và thống kê (Dùng cho sinh viên các ngành Sinh học, Nông – Lâm – Ngư nghiệp, Kinh tế và Quản lý kinh tế, Tâm lý – Giáo dục học)*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[2] Tô Văn Ban (2023), *Xác suất thống kê (Dành cho sinh viên các trường kĩ thuật và công nghệ)*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[3] Đinh Văn Gắng(2010), *Lí thuyết xác suất và thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

[4] Đặng Hùng Thắng (2024), *Bài tập Xác suất*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội..

[5] Đặng Hùng Thắng (2021), *Bài tập Thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| **Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO)** | **Nội dung CLO** | **Hình thức kiểm tra -đánh giá** | **Trọng số của CLO trong đề thi (%)** | **Điểm số tối đa** | **Cần đo lường mức đạt CLO** | **Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| CLO2 | Tính toán được các đặc trưng mẫu và thực hiện ước lượng khoảng tin cậy cho dữ liệu thực nghiệm. | Tự luận | 50% | 5,0 | x | |
| CLO3 | Áp dụng được các bài toán kiểm định giả thuyết thống kê để phân tích và đánh giá dữ liệu thực nghiệm. | Tự luận | 50% | 5,0 | x | |

| Câu | Nội dung đánh giá | CLO | Mức độ nhận thức | Điểm | Hình thức |
|---|---|---|---|---|---|
| Câu 1 | Lý thuyết mẫu và ước lượng tham số (ước lượng khoảng tin cậy cho kỳ vọng, tỷ lệ hoặc phương sai từ tập dữ liệu thực nghiệm). | CLO 2 | Vận dụng/Giải quyết vấn đề | 5,0 | Tự luận 60 phút |
| Câu 2 | Kiểm định giả thuyết thống kê (Bài toán kiểm định giả thuyết về kỳ vọng, tỷ lệ hoặc phương sai để đưa ra kết luận phân tích vấn đề chuyên ngành). | CLO 3 | Vận dụng/Lập luận toán học | 5,0 | |
| **Tổng** | | | | **10,0** | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KINH TẾ - KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.205.3

**1.2. Tên học phần:** Kinh tế vi mô

**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc

**1.4. Số tín chỉ:** 03 (2 tín chỉ lý thuyết + 1 tín chỉ thực hành)

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 giờ (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Thực hành, bài tập trên lớp: 30 giờ
- Thực tập: 0
- Tự học, tự nghiên cứu: 90 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Đỗ Hải Yến | Tiến sĩ | Kinh tế - Kinh doanh |
| 2 | Hoàng Anh Đào | Tiến sĩ | Kinh tế - Kinh doanh |
| 3 | Phạm Trung Nghĩa | Thạc sĩ | Kinh tế - Kinh doanh |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Kinh tế vi mô cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về cơ chế vận hành của nền kinh tế ở cấp độ các đơn vị kinh tế cá thể, bao gồm: tổng quan về kinh tế học và lý thuyết lựa chọn kinh tế; lý thuyết cung – cầu và cân bằng thị trường; độ co giãn của cung và cầu; lý thuyết hành vi người tiêu dùng (lợi ích và lựa chọn tối ưu); lý thuyết sản xuất, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp; các cấu trúc thị trường (cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh độc quyền, độc quyền tập đoàn); thị trường lao động và những thất bại của thị trường. Thông qua học phần, người học vận dụng được các quy luật kinh tế vi mô để phân tích và lý giải hành vi của người tiêu dùng, nhà sản xuất, thị trường các yếu tố sản xuất và các can thiệp của chính phủ, từ đó hình thành tư duy kinh tế có hệ thống, làm nền tảng để tiếp cận và xử lý các vấn đề trong lĩnh

vực kế toán, tài chính doanh nghiệp, góp phần đáp ứng chuẩn đầu ra PLO2 của chương trình đào tạo ngành Kế toán.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – CO)**

CO1: Trang bị cho người học kiến thức cơ bản, có hệ thống về các nguyên lý và quy luật kinh tế học vi mô, bao gồm lý thuyết cung – cầu, hành vi người tiêu dùng, lý thuyết sản xuất và chi phí, cấu trúc thị trường, thị trường lao động và những thất bại của thị trường; làm nền tảng kiến thức kinh tế vững chắc cho việc tiếp cận các môn học chuyên ngành Kế toán.

CO2: Hình thành khả năng vận dụng các kiến thức kinh tế học vi mô để phân tích, lý giải các hiện tượng kinh tế trong thực tiễn; thực hiện được các dạng bài tập tình huống về cung – cầu, độ co giãn, lợi ích, chi phí, thị trường và thất bại thị trường; phát triển tư duy phân tích, lập luận logic và kỹ năng làm việc hợp tác.

CO3: Góp phần hình thành thái độ học tập nghiêm túc, tự giác, trung thực trong kiểm tra đánh giá; ý thức kỷ luật và trách nhiệm trong học tập; khả năng tự học, tự nghiên cứu và chủ động trong tiếp cận vấn đề kinh tế.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Trình bày được những khái niệm cơ bản về kinh tế học, cơ chế thị trường, lý thuyết cung – cầu và trạng thái cân bằng thị trường. | x | | |
| **CLO2** | Vận dụng được lý thuyết về độ co giãn và lý thuyết lợi ích để phân tích hành vi lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng trong các tình huống cụ thể. | x | x | |
| **CLO3** | Vận dụng được lý thuyết sản xuất, chi phí và lợi nhuận để phân tích quyết định của doanh nghiệp trong điều kiện các cấu trúc thị trường khác nhau. | x | x | |

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO4** | Phân tích được cơ chế vận hành của thị trường lao động và nhận diện, giải thích các thất bại của thị trường cùng vai trò can thiệp của chính phủ. | x | x | |
| **CLO5** | Thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, tự giác, trung thực; có ý thức kỷ luật và trách nhiệm trong học tập và tự nghiên cứu. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Nội dung CLO (tóm tắt) | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO khác |
|---|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Trình bày khái niệm cơ bản, cung – cầu, cân bằng thị trường | | **I** | | |
| **CLO2** | Vận dụng độ co giãn, lý thuyết lợi ích phân tích hành vi tiêu dùng tối ưu | | **I** | | |
| **CLO3** | Vận dụng lý thuyết sản xuất, chi phí phân tích quyết định doanh nghiệp theo cấu trúc thị trường | | **I** | | |
| **CLO4** | Phân tích thị trường lao động và nhận diện thất bại thị trường | | **I** | | |
| **CLO5** | Thể hiện thái độ, ý thức kỷ luật, tự chủ trong học tập | | | | |
| **Học phần KTVM** | | | **I** | | |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra – đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Theo dõi, quan sát mức độ tham dự và thái độ học tập của người học trong suốt học phần | **CLO5** | 100% | X | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 02 bài kiểm tra: trong đó có 01 bài tiểu luận cá nhân; 01 bài tập tự luận, thực hiện sau khi học xong Chương 4; nội dung bao phủ Chương 1 đến Chương 4 | **CLO1**<br>**CLO2** | 50%<br>50% | X | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi trắc nghiệm (50 câu, 75 phút); đề thi bao phủ toàn bộ 8 chương của học phần | **CLO1**<br>**CLO2**<br>**CLO3**<br>**CLO4** | 25%<br>25%<br>25%<br>25% | X | |

## 7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

| Tuần | Chương, mục | LT | TH | Thực tế | Tự học | CĐR bài học/chương | CLO liên quan | PP giảng dạy | Hoạt động học của người học | KTĐG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chương 1: Tổng quan về kinh tế học<br>1.1. Giới thiệu tổng quan về kinh tế học<br>1.2. Nội dung và phương pháp nghiên cứu<br>1.3. Lý thuyết lựa chọn kinh tế | 2 | 2 | | 6 | Trình bày được các khái niệm cơ bản của kinh tế học; giải thích được nguyên lý khan hiếm và lý thuyết lựa chọn kinh tế | CLO1, CLO5 | Thuyết trình, vấn đáp, xây dựng khái niệm | Đọc trước GT chương 1; nghe giảng, thảo luận; làm bài tập tình huống; tự học ôn tập | |
| 2 | Chương 2: Lý thuyết cung cầu 2.1. Cầu<br>2.2. Cung | 2 | 2 | | 6 | Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến cung, cầu; vẽ và phân tích đường cung, đường cầu | CLO1, CLO5 | Thuyết trình, làm mẫu đồ thị, bài tập tình huống | Đọc GT chương 2 (mục 2.1-2.2); vẽ đường cung-cầu; tự học ôn tập | |
| 3 | Chương 2 (tiếp)<br>2.3. Cân bằng cung cầu<br>Bài tập chương 2 | 1 | 3 | | 6 | Xác định được điểm cân bằng thị trường; dự đoán sự thay đổi trạng thái cân bằng; giải được bài tập về cân bằng cung cầu | CLO1, CLO5 | Thuyết trình, bài tập thực hành, thảo luận nhóm | Đọc GT mục 2.3; làm bài tập cân bằng cung cầu; tự học tổng kết chương 2 | |

| Tuần | Chương, mục | LT | TH | Thực tế | Tự học | CĐR bài học/chương | CLO liên quan | PP giảng dạy | Hoạt động học của người học | KTĐG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Chương 3: Độ co giãn<br>3.1. Độ co giãn của cầu (theo giá, theo thu nhập, co giãn chéo) 3.2. Độ co giãn của cung theo giá Bài tập chương 3 | 2 | 2 | | 6 | Tính toán được các chỉ số co giãn; vận dụng phân tích tác động của chính sách giá và thuế lên thị trường | CLO1, CLO2, CLO5 | Thuyết trình, làm mẫu tính toán, bài tập nhóm | Đọc GT chương 3; tính toán bài tập co giãn; tự học ôn tập | |
| 5 | Chương 4: Lý thuyết lợi ích<br>4.1. Những vấn đề chung về lợi ích<br>4.2. Lý thuyết lợi ích (TU, MU) | 2 | 2 | | 6 | Phân biệt được lợi ích tổng và lợi ích cận biên; giải thích được quy luật lợi ích cận biên giảm dần | CLO2, CLO5 | Thuyết trình, vấn đáp, bài tập thực hành | Đọc GT chương 4 mục 4.1-4.2; làm bài tập TU/MU; tự học | |
| 6 | Chương 4 (tiếp)<br>4.3. Lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu<br>4.4. Phân tích Bàng quan – Ngân sách | 2 | 2 | | 6 | Vận dụng được điều kiện tối đa hóa lợi ích và phân tích đường bàng quan – ngân sách để xác định lựa chọn tiêu dùng tối ưu | CLO2, CLO5 | Thuyết trình, làm mẫu đồ thị, thảo luận nhóm | Đọc GT mục 4.3-4.4; vẽ đường bàng quan/ngân sách; làm bài tập tối ưu tiêu dùng; tự học | |
| 7 | Bài tập chương 4<br>Chương 5: Sản xuất – Chi phí – Lợi nhuận | 1 | 3 | | 6 | Giải được bài tập lựa chọn tiêu dùng tối ưu; mô | CLO2, CLO3, CLO5 | Thuyết trình, bài tập | Làm bài tập chương 4; đọc GT chương 5 mục 5.1; tự học ôn tập | |

| Tuần | Chương, mục | LT | TH | Thực tế | Tự học | CĐR bài học/chương | CLO liên quan | PP giảng dạy | Hoạt động học của người học | KTĐG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 5.1. Lý thuyết sản xuất | | | | | tả được hàm sản xuất và các chỉ số TP, AP, MP trong ngắn hạn và dài hạn | | thực hành, thảo luận | | |
| 8 | Chương 5 (tiếp)<br>5.2. Lý thuyết chi phí (FC, VC, TC, AFC, AVC, ATC, MC)<br>5.3. Lợi nhuận và quyết định sản xuất | 2 | 2 | | 6 | Phân tích được cấu trúc chi phí doanh nghiệp; tính toán các chỉ tiêu chi phí; xác định điểm tối đa hóa lợi nhuận | CLO3, CLO5 | Thuyết trình, làm mẫu số liệu, bài tập nhóm | Đọc GT mục 5.2-5.3; làm bài tập chi phí và lợi nhuận; tự học | |
| 9 | Bài tập chương 5<br>Chương 6: Cấu trúc thị trường 6.1. Các loại thị trường<br>6.2. Cạnh tranh hoàn hảo | 1 | 3 | | 6 | Giải được bài tập chi phí – lợi nhuận; nhận diện và phân biệt các loại cấu trúc thị trường; phân tích thị trường cạnh tranh hoàn hảo | CLO3, CLO5 | Thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm, bài tập | Làm bài tập chương 5; đọc GT chương 6 mục 6.1-6.2; tự học | |
| 10 | Kiểm tra thường xuyên (45 phút – nội dung chương 1–4) Chương 6 (tiếp)<br>6.3. Độc quyền hoàn toàn | 2 | 2 | | 6 | Phân tích được cơ chế định giá và sản lượng tối ưu trong thị trường độc | CLO1, CLO2, CLO3, CLO5 | Thuyết trình, vấn đáp, bài tập tình | Ôn tập chương 1–4 để kiểm tra; đọc GT mục 6.3-6.4; tự học | Kiểm tra thường xuyên (tự luận, 55 phút) |

| Tuần | Chương, mục | LT | TH | Thực tế | Tự học | CĐR bài học/chương | CLO liên quan | PP giảng dạy | Hoạt động học của người học | KTĐG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 6.4. Cạnh tranh độc quyền | | | | | quyền và cạnh tranh độc quyền | | huống | | |
| 11 | Chương 6 (tiếp)<br>6.5. Độc quyền tập đoàn (Oligopoly) Bài tập chương 6 | 1 | 3 | | 6 | Mô tả được đặc điểm và chiến lược cạnh tranh trong thị trường độc quyền tập đoàn; giải được bài tập về cấu trúc thị trường | CLO3, CLO5 | Thuyết trình, thảo luận nhóm, bài tập | Đọc GT mục 6.5; làm bài tập chương 6; tự học | |
| 12 | Chương 7: Thị trường lao động<br>7.1. Cầu lao động<br>7.2. Cung lao động | 2 | 2 | | 6 | Giải thích được các yếu tố quyết định cầu và cung lao động; vẽ và phân tích đường cung-cầu lao động | CLO4, CLO5 | Thuyết trình, làm mẫu đồ thị, vấn đáp | Đọc GT chương 7 mục 7.1-7.2; làm bài tập cung cầu lao động; tự học | |
| 13 | Chương 7 (tiếp)<br>7.3. Cân bằng trong thị trường lao động Bài tập chương 7 | 1 | 3 | | 7 | Phân tích được cân bằng thị trường lao động và ảnh hưởng của chính sách tiền lương tối thiểu đến việc làm | CLO4, CLO5 | Thuyết trình, bài tập tình huống, thảo luận nhóm | Đọc GT mục 7.3; làm bài tập chương 7; tự học | |

| Tuần | Chương, mục | LT | TH | Thực tế | Tự học | CĐR bài học/chương | CLO liên quan | PP giảng dạy | Hoạt động học của người học | KTĐG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 14 | Chương 8: Những thất bại của thị trường<br>8.1. Hoạt động của thị trường<br>8.2. Các thất bại của thị trường (ngoại tác, hàng hóa công, thông tin bất đối xứng) | 2 | 2 | | 7 | Nhận diện và giải thích được các dạng thất bại thị trường; phân tích được lý do và hình thức can thiệp của chính phủ để khắc phục | CLO4, CLO5 | Thuyết trình, nêu vấn đề, tình huống thực tế, thảo luận | Đọc GT chương 8; phân tích tình huống thực tế; tự học | |
| 15 | Bài tập chương 8 Ôn tập và hệ thống hóa toàn bộ học phần | 1 | 3 | | 7 | Hệ thống hóa được kiến thức toàn học phần; giải thành thạo các dạng bài tập tổng hợp; sẵn sàng cho thi kết thúc học phần | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 | Ôn tập tổng hợp, bài tập tình huống, vấn đáp | Ôn tập toàn bộ nội dung học phần; làm đề thi thử; tự học củng cố | |
| **Tổng** | | 30 | **30** | | **90** | | | | | |

## 8. Học liệu

### 8.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (2015), *Giáo trình Kinh tế học (Tập 1),* Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Hoàng Anh Đào, Phạm Thanh Trà, Trần Thảo Nguyên (2023), *Factors Affecting the Production and Business Efficiency in Manufacturing Enterprises: Case Study In Cement Manufacturing Enterprises In Tuyen Quang Province*, NXB Đại học Thái Nguyên.

[3] Hoàng Anh Đào, Phạm Thanh Trà (2021-2022), *"Evaluating the production and business efficiency of cement manufacturing enterprises in Tuyen Quang province"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào

[4] Nguyễn Văn Dần, Nguyễn Hồng Nhung (2014), *Giáo trình Kinh tế vi mô I*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

## 9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần

Hình thức thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm (50 câu, thời gian 75 phút, thang điểm 10). Cấu trúc đề thi phân bổ theo các CLO và mức nhận thức như sau:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra – đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **CLO 1** | Trình bày được các khái niệm cơ bản về kinh tế học, cung – cầu, cân bằng thị trường và độ co giãn | Trắc nghiệm | 25% | 2,5 | X | |
| **CLO 2** | Vận dụng được lý thuyết lợi ích, phân tích hành vi lựa chọn tối ưu của người tiêu dùng | Trắc nghiệm | 25% | 2,5 | X | |
| **CLO 3** | Vận dụng được lý thuyết sản xuất, chi phí; phân tích quyết định của doanh nghiệp theo cấu trúc thị trường | Trắc nghiệm | 25% | 2,5 | X | |

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra – đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **CLO 4** | Phân tích được thị trường lao động và nhận diện, giải thích các thất bại của thị trường | Trắc nghiệm | 25% | 2,5 | X | |

**Ghi chú về cấu trúc đề thi:**

- Tổng số câu: 50 câu trắc nghiệm, mỗi câu 0,2 điểm. Thời gian: 75 phút.
- Phân bổ mức nhận thức: 60% câu hỏi ở mức Nhớ – Hiểu (Bloom bậc 1-2); 40% câu hỏi ở mức Vận dụng – Phân tích (Bloom bậc 3-4), phù hợp với yêu cầu CLO ở mức I của PLO2.
- Mỗi CLO tương ứng khoảng 12–13 câu hỏi. Học phần không được chọn làm điểm đo PLO.

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KINH TẾ-KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học; Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.002.3

**1.2. Tên học phần:** Kinh tế vĩ mô

**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc

**1.4. Số tín chỉ:** 3

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Bài tập thực hành, seminar: 30
- Tự học: 90

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Hoàng Anh Đào | Tiến sĩ | BM Kinh tế - Kinh doanh |
| 2 | Nguyễn Thuý Hằng | Thạc sĩ | BM Kinh tế - Kinh doanh |
| 3 | Đỗ Thị Mỹ Huyền | Thạc sĩ | BM Kinh tế - Kinh doanh |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Kinh tế vĩ mô trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các vấn đề kinh tế vĩ mô trong bối cảnh toàn cầu hóa và kinh tế số, gồm: tổng cung – tổng cầu, GDP, lạm phát, thất nghiệp, thu nhập, chi tiêu, số nhân, chính sách tài khóa, tiền tệ và hệ thống ngân hàng. Nội dung học phần tập trung vào việc phân tích các hiện tượng kinh tế vĩ mô, đo lường thu nhập quốc dân, đánh giá chu kỳ kinh tế, khủng hoảng và vai trò của chính sách kinh tế vĩ mô trong ổn định nền kinh tế. Sau khi hoàn thành học phần, người học hình thành năng lực nhận diện, phân tích và vận dụng kiến thức kinh tế vĩ mô để lý giải các vấn đề thực tiễn trong nền kinh tế số.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO

CO 1: Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các vấn đề kinh tế vĩ mô như tổng cung – tổng cầu, GDP, lạm phát, thất nghiệp, thu nhập, chi tiêu, chính sách tài khóa, tiền tệ và vai trò của các chính sách kinh tế trong bối cảnh kinh tế số.

CO 2: Giúp người học hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá các hiện tượng kinh tế vĩ mô; vận dụng kiến thức để lý giải các vấn đề thực tiễn như tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp, khủng hoảng và điều hành chính sách kinh tế.

CO 3: Hình thành năng lực tự học, tư duy độc lập, chủ động cập nhật thông tin kinh tế, có ý thức trách nhiệm trong việc phân tích và nhìn nhận các vấn đề kinh tế vĩ mô một cách khách quan, khoa học.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Khái quát được các khái niệm, nguyên lý và giải thích được các kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô trong bối cảnh toàn cầu hóa và kinh tế số, bao gồm: tổng cung – tổng cầu, GDP, lạm phát, thất nghiệp, thu nhập, chi tiêu, số nhân, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và hệ thống ngân hàng. | x | | |
| CLO2 | Phân tích được các hiện tượng kinh tế vĩ mô cơ bản; nhận diện được chu kỳ kinh tế, khủng hoảng kinh tế và vai trò của chính sách kinh tế vĩ mô trong ổn định nền kinh tế; vận dụng kiến thức kinh tế vĩ mô để lý giải một số vấn đề thực tiễn trong nền kinh tế số. | x | | |
| CLO3 | Vận dụng được kiến thức kinh tế vĩ mô để tính toán, đo lường một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như GDP, tốc độ tăng trưởng, chỉ số giá, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp; đồng thời phân tích ở mức cơ bản một số tình huống thực tiễn liên quan đến tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và môi trường kinh doanh. | | x | |
| CLO4 | Hình thành thái độ học tập chủ động, tư duy khách quan, ý thức cập nhật thông tin kinh tế và trách nhiệm trong việc nhìn nhận, phân tích các vấn đề kinh tế vĩ mô phục vụ nhiệm vụ chuyên môn cơ bản trong lĩnh vực kế toán – tài chính. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* |
|---|---|
| | PLO 5 |
| **CLO 1** | I |
| **CLO 2** | I |
| **CLO 3** | I |
| **CLO 4** | I |
| **Học phần: Kinh tế vĩ mô** | I |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh, Ghi chú tham gia | CLO4 | 100% | x | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | Tự luận; Bài tập tiểu luận | CLO1<br>CLO2<br>CLO3 | 20%<br>50%<br>30% | x<br>x<br>x | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Tự luận | CLO1<br>CLO2<br>CLO3 | 60%<br>40% | x<br>x | PLO5 |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | **Chương 1**<br>**Kinh tế vĩ mô trong bối cảnh kinh tế số**<br>1.1. Kinh tế học trong bối cảnh chuyển đổi số của nền kinh tế toàn cầu hoá<br>1.2. Những quan điểm về kinh tế vĩ mô hiện đại (2010-2025) | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được vai trò, đối tượng nghiên cứu của kinh tế vĩ mô trong bối cảnh toàn cầu hóa, chuyển đổi số; nhận diện được các quan điểm kinh tế vĩ mô hiện đại; phân tích được mối quan hệ giữa tổng cung – tổng cầu và nguyên nhân cơ bản của suy thoái, chu kỳ kinh | CLO1, CLO2, CLO4 | Thuyết trình kết hợp nêu vấn đề; phân tích sơ đồ mô hình; thảo luận tình huống; gợi mở liên hệ thực tiễn Việt Nam. | Nghe giảng, ghi chép; đọc trước tài liệu; tham gia trả lời câu hỏi; thảo luận nhóm; tự học, tổng hợp ví dụ thực tiễn. | Câu hỏi tự luận ngắn trên lớp; bài tập phân tích tình huống về dịch chuyển AS–AD; đánh giá mức độ tham gia thảo luận; Bài tập về nhà. |
| 2 | 1.3. Nền kinh tế vĩ mô trong bối cảnh toàn cầu hoá, chuyển đổi số<br>1.4. Phân tích mối quan hệ của sự chuyển dịch Tổng cung – Tổng cầu (AS- AD) | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | | | | | |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 2 | 1.5. Nguồn gốc của suy thoái và chu kỳ kinh doanh trong mô hình Tổng cung – Tổng cầu | 2 | 2 | 0 | 0 | 8 | doanh. | | | | |
| 4 | **Chương 2**<br>**Hạch toán thu nhập quốc dân**<br>2.1. Vai trò của hạch toán thu nhập quốc dân<br>2.2. Các chỉ tiêu cơ bản của hoạch toán thu nhập quốc dân<br>2.3. Ba phương pháp tính GDP<br>2.4. So sánh GDP và phúc lợi kinh tế: Những giới hạn của GDP | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Trình bày được vai trò của hạch toán thu nhập quốc dân; phân biệt được các chỉ tiêu GDP, GNP/GNI, NNP, NI, PI, DI; vận dụng được ba phương pháp tính GDP; phân tích được giới hạn của GDP trong đo | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình minh họa bằng ví dụ; hướng dẫn bài tập; thảo luận về giới hạn của GDP trong kinh tế số. | Đọc tài liệu trước về hệ thống tài khoản quốc gia; làm bài tập tính các chỉ tiêu thu nhập quốc dân; thảo luận nhóm. | Bài tập tự luận tính GDP và các chỉ tiêu liên quan; câu hỏi tự luận phân tích hạn chế của GDP; bài tập về nhà; đánh giá sản |
| 5 | 2.5. Hạch toán thu nhập quốc dân trong | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | | | | | |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | bối cảnh toàn cầu hoá và chuyển đổi số<br>2.6. Hạn chế của GDP trong kỷ nguyên số<br>2.7. Kinh tế số và đo lường giá trị gia tăng<br>2.8. So sánh SNA truyền thống và SNA mở rộng | | | | | | lường phúc lợi kinh tế và giá trị gia tăng trong nền kinh tế số. | | | | phẩm thảo luận nhóm. |
| 6 | **Chương 3**<br>**Lạm phát, thất nghiệp trong nền kinh tế số**<br>3.1. Lạm phát: Khái niệm, đo lường và phân loại<br>3.2. Thất nghiệp và các dạng thất nghiệp<br>3.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Trình bày được khái niệm, cách đo lường và phân loại lạm phát, thất nghiệp; tính toán được một số chỉ tiêu cơ bản; phân tích được mối | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình kết hợp bài tập tính toán; phân tích đồ thị và tình huống thực tiễn; | Nghe giảng, ghi chép; làm bài tập tính toán; phân tích tình huống về lạm phát; | Bài kiểm tra tự luận/bài tập tính toán ngắn; câu hỏi; bài tập tình huống; đánh |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 7 | 3.4. Cú sốc toàn cầu và biến động giá cả, việc làm<br>3.5. Chính sách ổn định giá cả và việc làm<br>3.6. Liên hệ thực tiễn Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp; đánh giá được tác động của cú sốc toàn cầu đến giá cả, việc làm và chính sách ổn định kinh tế vĩ mô. | | thảo luận nhóm; nêu vấn đề về điều hành chính sách ổn định giá cả và việc làm. | thảo luận nhóm về chính sách kiểm soát lạm phát và tạo việc làm. | giá thảo luận nhóm; giao tiểu luận liên hệ thực tiễn Việt Nam. |
| 8 | **Chương 4**<br>**Thu nhập, chi tiêu và cơ chế số nhân trong nền kinh tế số**<br>4.1. Tổng chi tiêu | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được các thành phần của tổng chi tiêu; giải thích được cơ | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình kết hợp mô hình hóa; hướng | Đọc trước tài liệu về tổng chi tiêu; làm bài tập; | Bài tập tự luận tính toán; câu hỏi tự luận; |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 9 | 4.2. Cơ chế số nhân trong nền kinh tế | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | chế số nhân trong nền kinh tế; tính toán được sản lượng cân bằng và số nhân chi tiêu trong các tình huống đơn giản; phân tích được tác động của chính sách kích thích kinh tế đến thu nhập, sản lượng và việc làm. | | dẫn giải bài tập; phân tích tình huống; thảo luận nhóm. | thảo luận; tự học và chuẩn bị câu hỏi. | đánh giá bài tập cá nhân/nhóm; chuẩn bị nội dung tiểu luận. |
| 10 | 4.3. Chính sách kích thích kinh tế | 2 | 2 | 0 | 0 | 8 | | | | | |
| 11 | **Chương 5 Khủng hoảng kinh tế và chính sách tài khoá** 5.1. Chu kỳ kinh tế | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được đặc điểm của chu kỳ kinh tế, khủng hoảng | CLO1, CLO2, CLO4 | Thuyết trình nêu vấn đề; phân tích tình | Nghe giảng, ghi chép; nghiên | Câu hỏi tự luận phân tích chính |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | và khủng hoảng tài chính toàn cầu | | | | | | kinh tế và khủng hoảng tài chính; phân tích được vai trò của chính sách kinh tế vĩ mô trong xử lý khủng hoảng; đánh giá được tác động của chính sách tài khóa mở rộng, thu hẹp đến tăng trưởng, việc làm, lạm phát và ngân sách nhà nước. | | huống khủng hoảng kinh tế; thảo luận nhóm về chính sách tài khóa; hướng dẫn người học xây dựng lập luận tự luận về vai trò của Nhà nước trong ổn định kinh tế | cứu tình huống khủng hoảng kinh tế; thảo luận nhóm về tăng chi tiêu công, giảm thuế, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân; viết ý kiến phân tích chính | sách tài khóa; bài tập tình huống về xử lý khủng hoảng; đánh giá phần trình bày/thảo luận nhóm; giao bài tiểu luận. |
| 12 | 5.2. Chính sách kinh tế vĩ mô trong xử lý khủng hoảng | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | | | | | |
| 13 | 5.3. Chính sách tài khoá | 2 | 2 | 0 | 0 | 8 | | | | | |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | | | vĩ mô. | sách tài khóa. | |
| 14 | **Chương 6**<br>**Tiền tệ và chính sách tiền tệ trong nền kinh tế số**<br>6.1. Bản chất và chức năng của tiền tệ<br>6.2. Các dạng tiền tệ trong nền kinh tế số hiện đại | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Trình bày được bản chất, chức năng của tiền tệ và các dạng tiền tệ trong nền kinh tế số; giải thích được vai trò của hệ thống ngân hàng và quá trình tạo tiền; phân tích được chính sách tiền tệ, thị trường tiền tệ và cơ chế điều hành tín dụng; đánh giá được tác | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình kết hợp sơ đồ hóa quá trình tạo tiền; hướng dẫn bài tập tính số nhân tiền tệ ở mức cơ bản; phân tích tình huống về lãi suất, cung tiền, tín | Đọc tài liệu về tiền tệ, ngân hàng và chính sách tiền tệ; làm bài tập tính toán đơn giản về số nhân tiền tệ, cung tiền; thảo luận nhóm về tác động của thay | Bài tập tự luận/tính toán về tiền tệ và quá trình tạo tiền; câu hỏi tự luận phân tích chính sách tiền tệ; đánh giá thảo luận nhóm; bài tiểu |
| 15 | 6.3. Hệ thống ngân hàng và quá trình tạo tiền<br>6.4. Chính sách tiền tệ, thị trường tiền tệ và cơ chế "room" tín dụng | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | | | | | |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | động của chính sách tiền tệ đến lạm phát, tăng trưởng, việc làm và hoạt động tài chính – ngân hàng. | | dụng; thảo luận chính sách tiền tệ trong bối cảnh ngân hàng số, thanh toán số, tiền số. | đổi lãi suất, room tín dụng; chuẩn bị tiểu luận theo chủ đề được giao. | luận cá nhân/nhóm về chính sách tiền tệ trong nền kinh tế số. |
| | **Cộng** | **30** | **30** | | | **90** | | | | | |

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Nguyên Minh Tuấn và cộng sự (2026). Giáo trình kinh tế vĩ mô (trong bối cảnh toàn cầu hoá). NXB Kinh tế tài chính.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Văn Công (2012), *Giáo trình Kinh tế học vĩ mô*, Nxb giáo dục Việt Nam.

[3] Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (2015), *Giáo trình Kinh tế học – Tập II,* Nxb Đại học Kinh tế quốc dân.

## 9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO1 | Khái quát được các khái niệm, nguyên lý và giải thích được các kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô trong bối cảnh toàn cầu hóa và kinh tế số, bao gồm: tổng cung – tổng cầu, GDP, lạm phát, thất nghiệp, thu nhập, chi tiêu, số nhân, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và hệ thống ngân hàng. | Tự luận | 30 | 3.0 | x | **PLO5** |
| CLO2 | Phân tích được các hiện tượng kinh tế vĩ mô cơ bản; nhận diện được chu kỳ kinh tế, khủng hoảng kinh tế và vai trò của chính sách kinh tế vĩ mô trong ổn định nền kinh tế; vận dụng kiến thức kinh tế vĩ mô để lý giải một số vấn đề thực tiễn trong nền kinh tế số. | Tự luận | 40 | 4.0 | x | |

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| CLO3 | Vận dụng được kiến thức kinh tế vĩ mô để tính toán, đo lường một số chỉ tiêu kinh tế vĩ mô cơ bản như GDP, tốc độ tăng trưởng, chỉ số giá, tỷ lệ lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp; đồng thời phân tích ở mức cơ bản một số tình huống thực tiễn liên quan đến tăng trưởng, lạm phát, thất nghiệp, chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và môi trường kinh doanh. | Tự luận | 30 | 3.0 | x | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KINH TẾ-KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

## Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán

**1. Thông tin chung về học phần**

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.205.2

**1.2. Tên học phần:** Luật kinh tế

**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc

**1.4. Số tín chỉ:** 02 tín chỉ (1,4 tín chỉ lý thuyết + 0,6 tín chỉ thực hành)

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 21 giờ (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Bài tập thực hành, seminar: 18 giờ
- Thực hành ngoài trường, thực tế, thực địa: 0
- Thực tập: 0
- Tự học: 61 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Trần Hương Giang | Thạc sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |
| 2 | Đỗ Thị Mỹ Huyền | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán |
| 3 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán |

**2. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Luật kinh tế cung cấp cho người học những kiến thức pháp lý nền tảng về môi trường kinh doanh, bao gồm khuôn khổ pháp lý, đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh; quy chế pháp lý về thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp; chế độ pháp lý đặc thù của doanh nghiệp tư nhân và các loại hình công ty; pháp luật về hợp đồng kinh doanh - thương mại; pháp luật về giải quyết tranh chấp trong kinh doanh; và pháp luật về phá sản doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, người học hình thành kỹ năng tra cứu văn bản pháp luật, nhận diện và phân tích các vấn đề pháp lý phát sinh trong hoạt động kinh doanh nhằm hỗ trợ thực hiện công tác kế toán tại đơn vị, tổ chức. Đồng thời, học phần góp phần bồi dưỡng tinh thần chủ động, nghiêm túc, trách nhiệm trong học tập, ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp kế toán.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

**CO1:** Trang bị cho người học kiến thức pháp lý nền tảng về môi trường kinh doanh, doanh nghiệp, hợp đồng kinh doanh - thương mại, giải quyết tranh chấp và phá sản doanh nghiệp, làm cơ sở pháp lý cho việc tổ chức thực hiện công tác kế toán tại đơn vị, tổ chức.
**CO2:** Phát triển kỹ năng tra cứu văn bản pháp luật, làm việc nhóm, thảo luận và nhận diện các vấn đề pháp lý cơ bản phát sinh trong hoạt động kinh doanh, hỗ trợ việc thực hiện công tác kế toán đúng quy định pháp luật.
**CO3:** Hình thành tinh thần chủ động, nghiêm túc, trách nhiệm trong học tập; ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kế toán - tài chính.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày được khuôn khổ pháp lý điều chỉnh hoạt động kinh doanh, đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành | X | | |
| CLO2 | Mô tả được khái niệm, đặc điểm, phân loại doanh nghiệp cùng điều kiện, thủ tục thành lập, đăng ký thay đổi và các quyền, nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp hiện hành | X | | |
| CLO3 | Giải thích được đặc điểm pháp lý của các loại hình doanh nghiệp (doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh), quy định về giao kết và thực hiện hợp đồng trong kinh doanh - thương mại, và quy định về giải quyết tranh chấp, phá sản doanh nghiệp | X | | |
| CLO4 | Thực hiện được kỹ năng tra cứu văn bản pháp luật, làm việc nhóm và thảo luận để nhận diện các vấn đề pháp lý cơ bản phát sinh trong hoạt động kinh doanh, hỗ trợ thực hiện công tác kế toán đúng quy định | | X | |
| CLO5 | Thể hiện tinh thần chủ động, nghiêm túc, trách nhiệm trong học tập; ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kế toán - tài chính | | | X |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) | |
|---|---|---|
| | PLO3 | PLO8 |
| CLO1 | I | |
| CLO2 | I | |
| CLO3 | I | |
| CLO4 | I | |
| CLO5 | | I |
| **Học phần Luật kinh tế** | **I** | **I** |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức học tập, mức độ chuẩn bị bài, thái độ tham gia thảo luận và xây dựng bài trên lớp | CLO5 | 100% | X | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 01 bài kiểm tra trắc nghiệm kết hợp tự luận ngắn sau khi học xong Chương 1, chương 2 và chương 3 ;đánh giá năng lực ghi nhớ và nhận diện kiến thức pháp lý về môi trường kinh doanh và doanh nghiệp | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3 | 35%<br>35%<br>30% | X | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi trắc nghiệm; thời gian làm bài 60 phút; đề thi gồm 40 câu, bao | CLO1<br>CLO2<br>CLO3 | 30%<br>35%<br>35% | X<br>X<br>X | |

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | quát toàn bộ nội dung học phần, đánh giá khả năng ghi nhớ, hiểu, nhận diện và áp dụng kiến thức pháp luật kinh tế | | | | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | **Chương 1. Môi trường pháp lý cho hoạt động kinh doanh**<br>1.1. Khuôn khổ pháp lý cho hoạt động kinh doanh<br>1.2. Đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp | 2 | 1 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được khuôn khổ pháp lý cho hoạt động kinh doanh, đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội | CLO1 | Thuyết trình, giảng giải, nêu vấn đề, đàm thoại | Đọc đề cương học phần, học liệu [1] mục 1.1-1.2; chuẩn bị ví dụ thực tế về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp | Điểm danh |
| 2 | **Chương 1. Tiếp**<br>1.3. Quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh | 2 | 1 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được nội dung quản lý nhà nước đối | CLO1 CLO2 | Thuyết trình, giảng giải, | Đọc đề cương học phần, học liệu [1] mục | Kiểm tra kiến thức tiết trước; vấn đáp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | doanh<br>**Chương 2. Quy chế pháp lý chung về thành lập, tổ chức quản lý và hoạt động của doanh nghiệp**<br>2.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại doanh nghiệp | | | | | | với hoạt động kinh doanh; khái niệm, đặc điểm, phân loại doanh nghiệp; | | nêu vấn đề, đàm thoại | 1.3; trả lời ví dụ tiết học trước yêu cầu Đọc học liệu [1] mục 2.1 | |
| 3 | **Chương 2. Tiếp**<br>2.2. Điều kiện và thủ tục cơ bản để thành lập và hoạt động | 2 | 1 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được điều kiện, thủ tục thành lập và hoạt động ; nội dung | CLO2 | Thuyết trình, giảng giải, bài tập tình huống | Đọc học liệu [1] mục 2.2-2.3; sưu tầm ví dụ về hồ sơ, thủ tục thành lập | Bài tập trên lớp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | doanh nghiệp<br>2.3. Đăng ký những thay đổi của doanh nghiệp | | | | | | thay đổi đăng ký doanh nghiệp | | | doanh nghiệp | |
| 4 | **Chương 2. Tiếp**<br>2.4. Những quyền và nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp trong kinh doanh<br>**Chương 3. Chế độ pháp lý về doanh nghiệp tư nhân và công ty** | 2 | 1 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp;<br>Trình bày được khái niệm đặc điểm của DN tư nhân và cách tổ chức quản lý hoạt động | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, giảng giải; thảo luận nhóm | Đọc học liệu [1] mục 2.4; Đọc học liệu [1] mục 3.1; vẽ sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần | Đánh giá qua thảo luận nhóm |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 3.1. Doanh nghiệp tư nhân (khái niệm, đặc điểm, thành lập, tổ chức quản lý hoạt động, chuyển đổi, chuyển nhượng của doamh nghiệp tư nhân) | | | | | | của DN | | | | |
| 5 | **Chương 3. Tiếp** 3.2. Công ty theo pháp luật Việt Nam ( công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên, một thành viên, công | 2 | 1 | 0 | 0 | 4 | Phân biệt được công ty cổ phần, công ty TNHH một thành viên, hai thành viên và công | CLO3, CLO4 | Thuyết trình, giảng giải, sơ đồ hóa, thảo luận nhóm | Đọc học liệu [1] mục 3.2; vẽ sơ đồ cơ cấu tổ chức của công ty cổ phần | Vấn đáp, đánh giá qua thảo luận nhóm |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | ty hợp danh) | | | | | | ty hợp danh | | | | |
| 6 | ÔN TẬP và Kiểm tra thường xuyên (nội dung Chương 1,2,3) | 2 | 1 | 0 | 0 | 4 | vận dụng tổng hợp kiến thức Chương 1, 2 và chương 3; kiểm tra 1 tiết | CLO1, CLO2, CLO3 | | Ôn tập kiến thức chương 1,2,3; Làm bài kiểm tra 1 tiết | Kiểm tra thường xuyên (bài kiểm tra - trắc nghiệm kết hợp tự luận) |
| 7 | **Chương 4. Pháp luật hợp đồng kinh doanh, thương mại**<br>4.1. Khái quát pháp luật hợp | 2 | 1 | 0 | 0 | 4 | Khái quát được pháp luật hợp đồng và hợp đồng kinh doanh thương mại | CLO3, CLO4 | Thuyết trình, giảng giải, thảo luận nhóm | Đọc học liệu [1] mục 4.1-4.2; nắm vững được kiến thức về pháp luật hợp đồng | Vấn đáp, bài tập trên lớp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | đồng và hợp đồng kinh doanh thương mại<br>4.2. Chế độ pháp lý hợp đồng dân sự | | | | | | | | | | |
| 8 | **Chương 4. Tiếp**<br>4.2. Chế độ pháp lý hợp đồng dân sự (tiếp)<br>4.3. Những quy định riêng về hợp đồng trong hoạt động thương mại | 2 | 1 | 0 | 0 | 4 | Diễn đạt được chế độ pháp lý hợp đồng dân sự khái niệm, phân loại hợp đồng; | CLO3, CLO4 | Thuyết trình, giảng giải, thảo luận nhóm | Đọc học liệu [1] mục 4.2-4.3; nắm vững được kiến thức về những quy định riêng về hợp đồng trong hoạt động thương mại | Vấn đáp, bài tập trên lớp |
| 9 | **Chương 4. Tiếp** | 1 | 2 | 0 | 0 | 4 | Phân loại | CLO3, | Thuyết | Đọc học liệu | Bài tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 4.4. Hợp đồng mua bán hàng hóa<br>4.5. Hợp đồng dịch vụ | | | | | | được các loại hợp đồng; quy định chung của Bộ luật dân sự về giao kết, thực hiện hợp đồng | CLO4 | trình, giảng giải, thảo luận nhóm | [1] mục 4.4-4.5; sưu tầm mẫu hợp đồng mua bán hàng hóa và hợp đồng dịch vụ thực tế | trên lớp |
| 10 | **Chương 6. Pháp luật về phá sản**<br>6.1. Khái quát về phá sản và pháp luật về phá sản | 1 | 1 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được khái niệm về phá sản | CLO3, CLO4 | Giảng giải, thảo luận nhóm | Đọc học liệu [1] mục 6.1; thảo luận nhóm về các nội dung liên quan đến pháp luật phá sản | Bài tập trên lớp |
| 11 | **Chương 6. Tiếp** | 1 | 1 | 0 | 0 | 4 | Trình bày | CLO3, | Giảng | Đọc học liệu | Bài tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 6.1. Khái quát về phá sản và pháp luật về phá sản | | | | | | được khái niệm về phá sản | CLO4 | giải, thảo luận nhóm | [1] mục 6.1; thảo luận nhóm về các nội dung liên quan đến pháp luật phá sản | trên lớp |
| 12 | **Chương 6. Tiếp** 6.2. Những quy định chung của luật phá sản 2004 | 1 | 1 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được những quy định chung của luật phá sản 2004 | CLO3, CLO4 | Thuyết trình, thảo luận nhóm | Đọc học liệu [1] mục 6.2; thuyết trình những quy định chung của luật phá sản 2004 | Vấn đáp, Bài tập trên lớp |
| 13 | **Chương 6. Pháp luật về phá sản (tiếp)** 6.3. Thủ tục phá | 1 | 1 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được cách nộp đơn yêu cầu và mở | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, thảo luận | Đọc học liệu [1] mục 6.3; thảo luận nhóm xử lý | Đánh giá qua thảo luận nhóm |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | sản doanh nghiệp, hợp tác xã | | | | | | thủ tục phá sản, thủ thanh lý tài sản và phân chia tài sản | | nhóm, bài tập tình huống | tình huống về thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã | |
| 14 | Ôn tập, hệ thống hóa toàn bộ học phần; giải đáp thắc mắc, định hướng ôn tập thi kết thúc học phần | 0 | 2 | 0 | 0 | 4 | Hệ thống hóa được toàn bộ kiến thức đã học; thể hiện ý thức tự học, trách nhiệm chuẩn bị thi kết thúc học phần | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 | Hệ thống hóa, vấn đáp, hướng dẫn ôn tập | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương ôn tập cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | Đánh giá tổng hợp trên lớp |
| 15 | Ôn tập, hệ thống hóa toàn bộ học phần; giải đáp | 0 | 2 | 0 | 0 | 5 | Hệ thống hóa được toàn bộ kiến | CLO1, CLO2, CLO3, | Hệ thống hóa, vấn | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương | Đánh giá tổng hợp trên lớp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | thắc mắc, định hướng ôn tập thi kết thúc học phần (tiếp) | | | | | | thức đã học; thể hiện ý thức tự học, trách nhiệm chuẩn bị thi kết thúc học phần | CLO4, CLO5 | đáp, hướng dẫn ôn tập | ôn tập cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | |
| | Tổng cộng | 21 | 9 | 0 | 0 | 61 | | | | | |

**8. Học liệu**

## 8.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Nguyễn Hợp Toàn – Dương Nguyệt Nga (2015), Giáo trình Pháp luật kinh tế, Nxb Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

## 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Tô Thanh Mai – Đoàn Thị Hải Yến (2023), Giáo trình Pháp luật kinh tế, Nxb Tài chính, Hà Nội.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày được khuôn khổ pháp lý điều chỉnh hoạt động kinh doanh, đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội và nội dung quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp | Trắc nghiệm | 30% | 3,0 | X | |
| CLO2 | Mô tả được khái niệm, đặc điểm, phân loại doanh nghiệp cùng điều kiện, thủ tục thành lập, đăng ký thay đổi và các quyền, nghĩa vụ cơ bản của doanh nghiệp | Trắc nghiệm | 3,5% | 3,5 | X | |
| CLO3 | Giải thích được đặc điểm pháp lý của các loại hình doanh nghiệp, quy định về giao kết và thực hiện hợp đồng trong kinh doanh - thương mại, và quy định về giải quyết tranh chấp, phá sản doanh nghiệp | Trắc nghiệm | 3,5% | 3,5 | X | |
| **Tổng** | | | **100%** | **10,0** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.005.3

**1.2. Tên học phần:** Nguyên lý kế toán

**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc

**1.4. Số tín chỉ:** 03 (02 tín chỉ lý thuyết + 01 tín chỉ thực hành)

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Bài tập thực hành, seminar: 30
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 0
- Thực tập: 0
- Tự học: 90

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 2 | Trần Thị Diên | Tiến sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |
| 3 | Phạm Thanh Trà | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Nguyên lý kế toán cung cấp cho người học hệ thống kiến thức nền tảng về bản chất, vai trò, đối tượng, nguyên tắc kế toán, các yếu tố của báo cáo tài chính, hệ thống phương pháp kế toán và khung pháp lý kế toán Việt Nam; đồng thời rèn luyện kỹ năng ban đầu trong nhận diện nghiệp vụ kinh tế - tài chính, xử lý chứng từ, vận dụng tài khoản và ghi kép để định khoản, ghi sổ kế toán và lập báo cáo kế toán giản đơn. Nội dung học phần tập trung vào tổng quan về kế toán, các yếu tố cơ bản của báo cáo tài chính, các phương pháp kế toán, sổ kế toán và hình thức kế toán, hệ thống pháp lý kế toán, tổ chức công tác kế toán trong đơn vị. Thông qua học phần, người học từng bước hình thành năng lực áp dụng nguyên lý, chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam ở mức giới thiệu; thực hiện các nghiệp vụ kế toán cơ bản ở mức ban đầu; phát triển tư duy logic, ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm trong học tập, tạo nền tảng để tiếp tục học các học phần kế toán chuyên sâu trong chương trình đào tạo ngành Kế toán.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

CO1: Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về bản chất, vai trò, đối tượng, nguyên tắc kế toán, các yếu tố của báo cáo tài chính, hệ thống phương pháp kế toán, hệ thống pháp lý kế toán Việt Nam và tổ chức công tác kế toán trong đơn vị.

CO2: Hình thành khả năng áp dụng bước đầu các nguyên lý, chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam để nhận diện, xử lý chứng từ, định khoản, ghi sổ và lập báo cáo kế toán giản đơn phục vụ việc ghi nhận, cung cấp thông tin kinh tế - tài chính.

CO3: Góp phần hình thành thái độ học tập nghiêm túc, ý thức tự học, tinh thần trách nhiệm, tính trung thực, cẩn trọng và tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp trong thực hành kế toán.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày được bản chất, vai trò, đối tượng, nguyên tắc kế toán, các yếu tố của báo cáo tài chính và khung pháp lý kế toán Việt Nam làm cơ sở áp dụng trong công tác kế toán ở đơn vị, tổ chức. | X | | |
| CLO2 | Định khoản và ghi sổ kế toán giản đơn đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. | X | X | |
| CLO3 | Lập được báo cáo kế toán giản đơn trên cơ sở số liệu đã xử lý nhằm phục vụ việc ghi nhận và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính của đơn vị, tổ chức. | | X | |
| CLO4 | Thể hiện được ý thức học tập nghiêm túc, tinh thần tự học, trách nhiệm, trung thực, cẩn trọng và tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp trong học tập và thực hành kế toán. | | | X |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* | |
|---|---|---|
| | PLO 3 | PLO 4 |
| **CLO 1** | I | |
| **CLO 2** | I | I |
| **CLO 3** | | I |
| **CLO 4** | | |
| **Học phần Nguyên lý kế toán (**)** | I | I |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức học tập; mức độ chuẩn bị bài; mức độ tham gia thảo luận, thực hành trên lớp | CLO5 | 100% | | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 01 bài kiểm tra thường xuyên hình thức tự luận gồm lý thuyết và bài tập nhỏ | CLO1<br>CLO2<br>CLO3 | 30%<br>30%<br>40% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi tự luận; thời gian làm bài 90 phút; đề thi gồm câu hỏi lý thuyết và bài tập kế toán tổng hợp ở mức cơ bản.<br>Yêu cầu đánh giá:<br>- Trình bày lý thuyết hoặc giải thích lý thuyết<br>- Lập được báo cáo kế toán giản đơn<br>- Định khoản được các nghiệp vụ kinh tế cơ bản | CLO1<br>CLO2<br>CLO3 | 30%<br>30%<br>40% | x | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | Chương 1: Tổng quan về kế toán<br>1.1. Sự hình thành và phát triển của kế toán<br>1.2. Các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của khoa học kế toán<br>1.3. Đối tượng sử dụng thông tin kế toán<br>1.4. Vai trò của kế toán trong hệ thống quản lý kinh tế<br>1.5. Yêu cầu đối với thông tin kế toán | 3 | 3 | 0 | 0 | 6 | Trình bày được bản chất, vai trò của kế toán và yêu cầu học tập học phần | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, vấn đáp, nêu vấn đề | Đọc tài liệu; đọc trước Chương 1; thực hành trình bày quan điểm theo nhóm chủ đề | Điểm danh; câu hỏi thảo luận nhóm |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 2 | Chương 1 (tiếp)<br>1.2. Các khái niệm và nguyên tắc cơ bản của khoa học kế toán<br>1.3. Đối tượng sử dụng thông tin kế toán<br>1.4. Vai trò của kế toán trong hệ thống quản lý kinh tế<br>1.5. Yêu cầu đối với thông tin kế toán | 3 | 3 | 0 | 0 | 6 | Giải thích được các nguyên tắc kế toán cơ bản và yêu cầu đối với thông tin kế toán | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, thảo luận, bài tập tình huống | Đọc Chương 1; chuẩn bị ví dụ về nguyên tắc kế toán | Bài tập ngắn trên lớp |
| 3 | Chương 2: Các yếu tố cơ bản của Báo cáo tài chính<br>2.1. Báo cáo tài chính và mục đích cung cấp thông tin<br>2.2. Các yếu tố của | 3 | 3 | 0 | 0 | 6 | Nhận diện, phân loại được tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu | CLO1 | Thuyết trình, làm mẫu, thực hành bài tập | Đọc Chương 2; làm bài tập phân loại các | Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | báo cáo tài chính | | | | | | | | | yếu tố của báo cáo tài chính | |
| 4 | Chương 2 (tiếp)<br>2.3. Ảnh hưởng của các nghiệp vụ kinh tế - tài chính đến các yếu tố của báo cáo tài chính. | 3 | 3 | 0 | 0 | 6 | Xác định được ảnh hưởng của nghiệp vụ kinh tế đến phương trình kế toán | CLO3 | Làm mẫu, luyện tập, thảo luận nhóm | Thực hành phân tích nghiệp vụ; chuẩn bị bảng ảnh hưởng nghiệp vụ | Bài tập thực hành |
| 5 | Chương 2 (tiếp)<br>2.3. Ảnh hưởng của các nghiệp vụ kinh tế - tài chính đến các yếu tố của báo cáo tài chính. | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Lập được báo cáo kế toán giản đơn ở mức ban đầu từ dữ liệu cho trước | CLO3 | Thực hành bài tập, hướng dẫn tự học, | Làm bài tập lập báo cáo giản đơn; ôn | Bài tập trên lớp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | | | vấn đáp | tập Chương 1 và Chương 2 | |
| 6 | Chương 3: Các phương pháp kế toán<br>3.1. Hệ thống các phương pháp kế toán | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Mô tả được vai trò của chứng từ, kiểm kê và xử lý chứng từ đơn giản | CLO1, CLO2 CLO4 | Thuyết trình, minh họa chứng từ, thực hành tình huống | Đọc Chương 3; quan sát mẫu chứng từ; thực hành kiểm tra thông tin trên chứng từ | Bài tập chứng từ |
| 7 | Chương 3 (tiếp)<br>3.2. Vận dụng các phương pháp kế | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Áp dụng được nguyên tắc tính giá để xác định | CLO2 | Làm mẫu, bài tập | Làm bài tập tính giá | Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | toán để hạch toán các quá trình kinh doanh chủ yếu | | | | | | giá trị một số đối tượng kế toán cơ bản | | thực hành, thảo luận | vật tư, hàng hóa, tài sản | |
| 8 | Chương 3 (tiếp)<br>3.2. Vận dụng các phương pháp kế toán để hạch toán các quá trình kinh doanh chủ yếu | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Xác định được bên ghi Nợ, ghi Có của tài khoản trong nghiệp vụ cơ bản | CLO2 | Thuyết trình, làm mẫu, luyện tập | Lập sơ đồ chữ T; luyện xác định tài khoản liên quan | Câu hỏi nhanh; bài tập |
| 9 | Chương 3 (tiếp)<br>3.2. Vận dụng các phương pháp kế toán để hạch toán các quá trình kinh doanh chủ yếu | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Thực hiện được định khoản nghiệp vụ kinh tế cơ bản | CLO2 | Làm mẫu, thực hành bài tập, sửa lỗi trực tiếp | Làm bài tập định khoản cá nhân và theo nhóm | Bài tập định khoản |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 10 | Chương 3 (tiếp)<br>3.2. Vận dụng các phương pháp kế toán để hạch toán các quá trình kinh doanh chủ yếu | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Thực hiện được định khoản, ghi sổ giản đơn các nghiệp vụ mua hàng và thanh toán | CLO2, CLO4 | Kiểm tra viết; thực hành bài tập; phân tích tình huống | Ôn tập Chương 1, Chương 2 và phần đầu Chương 3; làm bài kiểm tra | Kiểm tra thường xuyên |
| 11 | Chương 3 (tiếp)<br>3.2. Vận dụng các phương pháp kế toán để hạch toán các quá trình kinh doanh chủ yếu | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Vận dụng được phương pháp kế toán để định khoản một số nghiệp vụ sản xuất cơ bản | CLO2, CLO3 | Thực hành bài tập, làm mẫu, thảo luận nhóm | Làm bài tập tập hợp chi phí; trao đổi cách xử lý số liệu | Bài tập thực hành |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 12 | Chương 3 (tiếp)<br>3.2. Vận dụng các phương pháp kế toán để hạch toán các quá trình kinh doanh chủ yếu | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Thực hiện được định khoản bán hàng, xác định kết quả và lập báo cáo giản đơn | CLO3, CLO4 | Bài tập tổng hợp, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học | Làm bài tập tổng hợp quá trình mua hàng, sản xuất, bán hàng | Bài tập tổng hợp |
| 13 | Chương 4: Sổ kế toán và hình thức kế toán<br>4.1. Sổ kế toán<br>4.2. Hình thức kế toán | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Phân biệt được các loại sổ kế toán và ghi sổ kế toán giản đơn | CLO1 | Thuyết trình, làm mẫu, thực hành ghi sổ | Đọc Chương 4; thực hành ghi sổ Cái, sổ chi tiết | Bài tập ghi sổ |
| 14 | Chương 5: Hệ | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Nhận diện được | CLO1, | Thuyết | Đọc | Câu hỏi |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | thống pháp lý kế toán<br>5.1. Sự cần thiết và cơ sở thiết lập hệ thống pháp lý kế toán<br>5.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hệ thống pháp lý kế toán quốc gia<br>5.3. Các thành tố của hệ thống pháp lý kế toán quốc gia<br>5.4. Hệ thống pháp lý kế toán Việt Nam | | | | | | vai trò của Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam | CLO4 | trình, tra cứu văn bản, thảo luận | Chương 5; tra cứu một số văn bản pháp lý kế toán cơ bản | vận dụng |
| 15 | Chương 6: Tổ chức công tác kế toán<br>6.1. Ý nghĩa và yêu cầu của tổ chức công tác kế | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Giải thích được nội dung tổ chức công tác kế toán; hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng học | CLO1, CLO4 | Hệ thống hóa, vấn đáp, bài tập | Đọc Chương 6; hoàn thiện đề | Đánh giá tổng hợp trên lớp; |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | toán<br>6.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán | | | | | | phần theo CLO | | tổng hợp, hướng dẫn ôn tập | cương ôn tập; làm bài tập tổng hợp | hướng dẫn ôn tập |
| | **Cộng** | **30** | **30** | | | **90** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Học viện Tài chính (2022), *Giáo trình Nguyên lý kế toán*, Nxb Tài chính, Hà Nội

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Phạm Ngọc Toàn, Võ Văn Nhị (2026), Nguyên lý kế toán (Tài bản lần thứ 11), Nxb Dân trí, Hà Nội

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra-đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO1 | Trình bày được bản chất, vai trò, đối tượng, nguyên tắc kế toán, các yếu tố của báo cáo tài chính và khung pháp lý kế toán Việt Nam làm cơ sở áp dụng trong công tác kế toán ở đơn vị, tổ chức. | Tự luận vận dụng cơ bản | 30% | 3,0 | X | |
| CLO2 | Định khoản và ghi sổ kế toán giản đơn đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. | Tự luận bài tập nhỏ | 30% | 3,0 | X | |
| CLO3 | Lập được báo cáo kế toán giản đơn trên cơ sở số liệu đã xử lý nhằm phục vụ việc ghi nhận và cung cấp thông tin kinh tế - tài chính của đơn vị, tổ chức. | Tự luận, bài tập tổng hợp | 40% | 4,0 | X | |
| **Tổng** | | | **100%** | **10,0** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KINH TẾ - KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học.  Chương trình đào tạo: Kế toán**

**1. Thông tin chung về học phần**

**1.1. Mã học phần: KT2.1.007.3**

**1.2. Tên học phần: Nguyên lý thống kê**

**1.3. Loại học phần: bắt buộc**

**1.4. Số tín chỉ: 03**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập thực hành, seminar: 30 tiết
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa:0
- Thực tập: 0
- Tự học: 90 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: (Không)
- Học phần học trước:

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Trung Nghĩa | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 2 | Trần Hương Giang | Thạc sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |
| 3 | Đỗ Hải Yến | Tiến sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |

**2. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Nguyên lý thống kê trang bị cho người học hệ thống lý luận về thống kê từ những khái niệm căn bản, các giai đoạn của quá trình nghiên cứu thống kê cho đến các phương pháp tổ chức thu thập, phân tổ, và phân tích số liệu. Qua quá trình học tập, người học hình thành năng lực tính toán, phân tích dữ liệu thông qua các các mức độ của hiện tượng kinh tế xã hội, phân tích dãy số thời gian, hệ thống chỉ số. Trên nền tảng đó, môn học rèn luyện cho người học một thái độ học tập khoa học, nghiêm túc, hình thành kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao ý thức trách nhiệm và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

- CO1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về thống kê từ những khái niệm căn bản, các giai đoạn của quá trình nghiên cứu thống kê cho đến các phương pháp tổ chức thu thập, phân tổ, và phân tích số liệu

CO2: Người học có các kỹ năng tính toán, phân tích dữ liệu thông qua các mức độ của hiện tượng kinh tế xã hội, dãy số thời gian, chỉ số

CO3: Thông qua học phần giúp người học xây dựng thái độ học tập khoa học, nghiêm túc, hình thành kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao ý thức trách nhiệm và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày, mô tả được những kiến thức cơ bản về thống kê từ những khái niệm căn bản, các giai đoạn của quá trình nghiên cứu thống kê cho đến các phương pháp tổ chức thu thập, phân tổ, và phân tích số liệu | x | | |
| CLO2 | Thực hiện phân tổ thống kê, tính toán được các mức độ của hiện tượng kinh tế xã hội, các tham số liên quan đến chọn mẫu | | x | |
| CLO 3 | Tính toán và phân tích được các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian, các chỉ số, hệ thống chỉ số trong các trường hợp cụ thể. | | x | |
| CLO4 | Hình thành thái độ học tập khoa học, nghiêm túc, hình thành kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao ý thức trách nhiệm và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | PLO 5 |
|---|---|
| **CLO 1** | I |
| **CLO 2** | I |
| **CLO 3** | I |
| **CLO 4** | |
| **Học phần Nguyên lý thống kê** | I |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Chuyên cần/Phát biểu | CLO4 | 100% | x | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | Câu hỏi/bài tập nhỏ | CLO1 | 50% | | |
| | | | CLO2 | 50% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Tự luận | CLO1 | 30% | x | |
| | | | CLO2 | 30% | x | |
| | | | CLO3 | 40% | x | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | **Chương 1. Tổng quan về Thống kê học (3LT, 2 TH)**<br>1.1. Sơ lược sự ra đời và phát triển của thống kê học<br>1.2. Đối tượng nghiên cứu của thống kê<br>1.3. Cơ sở lý luận và cơ sở phương pháp luận của thống kê học<br>1.4. Một số khái niệm thường dùng trong thống kê<br>1.5. Các loại thang đo | 3 | 1 | | | 6 | Trình bày được khái niệm, đối tượng nghiên cứu của thống kê, các khái niệm thường dùng trong thống kê, các loại thang đo | CLO1 | Thuyết giảng, thảo luận, vấn đáp | Đọc Chương 1, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |
| 2 | **Chương 1: (tiếp)**<br>**Chương 2: Các giai** | 3 | 1 | | | 6 | Trình bày được nội dung cơ bản của các giai đoạn | CLO1 | Thuyết trình, đàm | Đọc Chương 2, Tài | Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | **đoạn của quá trình nghiên cứu thống kê (3LT, 3TH )**<br>2.1. Điều tra thống kê<br>2.2. Tổng hợp thống kê<br>2.3. Phân tích và dự báo thống kê | | | | | | điều tra thống kê, tổng hợp thống kê, phân tích và dự báo thống kê. | | thoại, thực hành bài tập | liệu bắt buộc | |
| 3 | **Chương 2: (tiếp)**<br>**Chương 3: Phân tổ thống kê (4LT, 5TH )**<br>3.1. Những vấn đề chung của phương pháp phân tổ thống kê<br>3.2. Các bước tiến hành phân tổ thống kê<br>3.3. Trình bày kết quả phân tổ<br>3.4. Phân tổ liên hệ<br>3.5. Phân tổ lại<br>3.6. Ứng dụng phần mềm SPSS vào phân tổ thống kê | 1 | 3 | | | 6 | Trình bày được nội dung, các căn cứ phân tổ | CLO1, CLO2 | Thuyết trình, đàm thoại, thực hành bài tập | Đọc Chương 3, Tài liệu bắt buộc | Bài tập trên lớp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 4 | **Chương 3: (tiếp)** | 3 | 1 | | | 6 | Trình bày được nội dung các hình thức phân tổ<br>Thực hiện phân tổ thống kê trong các trường hợp | CLO1, CLO2 | Diễn giảng, bài tập nhóm nghiên cứu tình huống, thực hành bài tập | Đọc Chương 3, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |
| 5 | **Chương 3: (tiếp)** | 0 | 4 | | | 6 | Thực hiện phân tổ thống kê trong các trường hợp | CLO1, CLO2 | Thuyết giảng, thực hành bài tập | Đọc Chương 3, Tài liệu bắt buộc | Bài tập trên lớp |
| 6 | **Chương 4. Các mức độ của hiện tượng kinh tế - xã hội (6LT, 6TH)**<br>4.1. Số tuyệt đối trong thống kê<br>4.2. Số tương đối trong thống kê | 4 | | | | 6 | Trình bày được nội dung số tương đối, số tuyệt đối, cách tính các loại số tương đối và ý nghĩa | CLO1, CLO2 | Thuyết giảng, thực hành bài tập | Đọc Chương 4, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà, hỏi đáp |
| 7 | **Chương 4. (tiếp)**<br>4.3. Số bình quân | 2 | 2 | | | 6 | Trình bày được nội dung, ý nghĩa, | CLO1, CLO2 | Thuyết giảng, | Đọc Chương | Bài tập tại lớp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 4.4. Sử dụng phần mềm SPSS để tính số bình quân, trung vị, mốt, phương sai | | | | | | cách tính số bình quân | | đàm thoại, thảo luận nhóm | 4, Tài liệu bắt buộc | |
| 8 | **Chương 4. (tiếp)** | 1 | 3 | | | 6 | Tính toán được các loại số bình quân trong một số trường hợp | CLO1, CLO2 | Thuyết giảng, thực hành bài tập | Đọc Chương 4, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |
| 9 | **Chương 5. Điều tra chọn mẫu (4 LT, 4TH)**<br>5.1. Khái niệm, ưu nhược điểm và các loại điều tra chọn mẫu<br>5.2. Điều tra chọn mẫu ngẫu nhiên<br>5.3. Điều tra chọn mẫu phi ngẫu nhiên | 4 | 0 | | | 6 | Trình bày được nội dung các loại điều tra chọn mẫu, cách thức xác định mẫu và tính toán các tham số | CLO1, CLO2 | Thuyết giảng, đàm thoại, thực hành bài tập | Đọc Chương 5, Tài liệu bắt buộc | Bài tập tại lớp |
| 10 | **Chương 5. (tiếp)** | 0 | 4 | | | 6 | Tính toán, xác | CLO1, | Thuyết | Đọc | Bài tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | định kích thước mẫu và các tham số trong một số trường hợp | CLO2 | giảng, thực hành bài tập | Chương 5, Tài liệu bắt buộc | về nhà |
| 11 | **Chương 6. Dãy số biến động theo thời gian (5 LT, 4TH)**<br>6.1. Khái niệm, ý nghĩa của dãy số biến động<br>6.2. Các chỉ tiêu phân tích dãy số biến động<br>6.3. Các phương pháp biểu hiện xu hướng phát triển cơ bản của hiện tượng kinh tế xã hội | 4 | 0 | | | 6 | Trình bày được khái niệm, ý nghĩa của dãy số thời gian, nội dung các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, đàm thoại, bài tập | Đọc Chương 6, Tài liệu bắt buộc | Bài tập tại lớp |
| 12 | **Chương 6. (tiếp)** | 1 | 3 | | | 6 | Tính toán được các chỉ tiêu và phân tích dãy số thời gian | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, thực hành bài tập | Đọc Chương 6 Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |
| 13 | **Chương 7. Chỉ số**<br>**(5 LT, 6 TH )** | 3 | 1 | | | 6 | Trình bày được khái niệm và tác dụng của chỉ số, | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, đàm | Đọc Chương 7, Tài | Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 7.1. Khái niệm và tác dụng của chỉ số<br>7.2. Phương pháp tính chỉ số<br>7.3. Hệ thống chỉ số | | | | | | các phương pháp tính chỉ số | | thoại, thực hành bài tập, nghiên cứu tình huống | liệu bắt buộc | |
| 14 | **Chương 7. Chỉ số** (tiếp)<br>7.3. Hệ thống chỉ số | 2 | 2 | | | 6 | Trình bày được cơ sở lý luận về hệ thống chỉ số, tính toán và phân tích được một số loại hệ thống chỉ số cơ bản | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, đàm thoại, thực hành bài tập, nghiên cứu tình huống | Đọc Chương 7, Tài liệu bắt buộc | Bài tập nhóm về nhà |
| 15 | **Chương 7. Chỉ số** (tiếp) | | 4 | | | 6 | Tính toán và phân tích được một số hệ thống chỉ số cơ bản. | CLO1, CLO3 | Thực hành bài tập, nghiên cứu tình huống | Đọc Chương 7, Tài liệu bắt buộc | Bài tập trên lớp |
| | **Cộng** | **30** | **30** | | | **90** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] PGS.TS.Phạm Thị Kim Vân, TS. Chu Văn Tuấn (2013), *Giáo trình lý thuyết thống kê và phân tích dự báo*, NXB Tài Chính.

[2] TS. Chu Văn Tuấn, TS. Phạm Thị Kim Vân (2008), *Bài tập lý thuyết thống kê và phân tích dự báo*, NXB Tài Chính.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[3] ThS. Kim Thị Hạnh (2013), *Đề cương bài giảng nguyên lý thống kê*, NXB Lao Động Xã Hội.

[4] ThS.Kim Thị Hạnh (2013), *Câu hỏi trắc nghiệm và bài tập nguyên lý thống kê*, NXB Lao động-Xã hội.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra -đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO1 | Trình bày, mô tả được những kiến thức cơ bản về thống kê từ những khái niệm căn bản, các giai đoạn của quá trình nghiên cứu thống kê cho đến các phương pháp tổ chức thu thập, phân tổ, và phân tích số liệu | Tự luận, 3 câu | 30% | 3 | x | |
| CLO2 | Thực hiện phân tổ thống kê, tính toán được các mức độ của hiện tượng kinh tế xã hội, các tham số liên quan đến chọn mẫu | | 30% | 3 | x | |

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra -đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| CLO3 | Tính toán và phân tích được các chỉ tiêu phân tích dãy số thời gian, các chỉ số, hệ thống chỉ số trong các trường hợp cụ thể. | | 40% | 4 | x | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học.** **Chương trình đào tạo: Kế toán**

**1. Thông tin chung về học phần**

**1.1. Mã học phần: KT2.1.008.2**

**1.2. Tên học phần: Tài chính – Tiền tệ**

**1.3. Loại học phần: bắt buộc**

**1.4. Số tín chỉ: 02**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 21 tiết
- Bài tập thực hành, seminar: 18 tiết
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa:0
- Thực tập: 0
- Tự học: 61 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: (Không)
- Học phần học trước:

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Trung Nghĩa | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 2 | Trần Hương Giang | Thạc sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |
| 3 | Phạm Duy Hưng | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |

**2. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Tài chính – Tiền tệ trang bị cho người học hệ thống lý luận cơ bản về tài chính, tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát, chính sách tiền tệ và các khâu tài chính cơ bản như tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính ngân hàng. Người học có khả năng vận dụng kiến thức để tính toán một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như lãi suất, sản lượng, doanh thu hòa vốn, phân tích cơ chế tác động và kết quả của một số chính sách kinh tế vĩ mô. Đồng thời, thông qua quá trình học tập, người học hình thành thái độ chủ động, tích cực và ý thức tự chịu trách nhiệm trong học tập và công việc, thúc đẩy năng lực tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm thực tiễn để định hình năng lực nghề nghiệp trong tương lai.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

- CO1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát, chính sách tiền tệ và các khâu tài chính cơ bản như tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính ngân hàng.

- CO2: Người học có khả năng vận dụng kiến thức để tính toán một số chỉ tiêu tài chính cơ bản như lãi suất, sản lượng, doanh thu hòa vốn, phân tích cơ chế tác động và kết quả của một số chính sách kinh tế vĩ mô.

- CO3: Thông qua học phần giúp người học xây dựng thái độ học tập khoa học, nghiêm túc, hình thành kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao ý thức trách nhiệm và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát, chính sách tiền tệ và các khâu tài chính cơ bản như tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính ngân hàng. | x | | |
| CLO2 | Tính toán và phân tích được các chỉ tiêu và nội dung liên quan đến tiền tệ, lãi suất, cung cầu tiền tệ, lạm phát, chính sách tiền tệ | | x | |
| CLO 3 | Tính toán và phân tích được các chỉ tiêu và nội dung liên quan đến các khâu tài chính như tài chính công, tài chính quốc tế, tài chính doanh nghiệp | | x | |
| CLO4 | Hình thành thái độ học tập khoa học, nghiêm túc, hình thành kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao ý thức trách nhiệm và tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | PLO 2 |
|---|---|
| **CLO 1** | I |
| **CLO 2** | I |
| **CLO 3** | I |
| **CLO 4** | |
| **Học phần Tài chính Tiền tệ** | I |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Chuyên cần/Phát biểu | CLO4 | 100% | x | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | Câu hỏi/bài tập nhỏ | CLO1 | 50% | | |
| | | | CLO2 | 50% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Trắc nghiệm | CLO1 | 40% | x | |
| | | | CLO2 | 30% | x | |
| | | | CLO3 | 30% | x | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | **Chương 1. Tổng quan về Tài chính- Tiền tệ (3LT)**<br>1.1. Khái niệm và bản chất của tiền tệ<br>1.2. Sự phát triển các hình thái tồn tại của tiền tệ<br>1.3. Chức năng của tiền tệ<br>1.4. Các khối tiền<br>1.5. Khái niệm và chức năng của tài chính<br>1.6. Hệ thống tài chính | 3 | | | | 5 | Trình bày được các lý thuyết cơ bản về tài chính và tiền tệ | CLO1 | Thuyết giảng, thảo luận, vấn đáp | Đọc Chương 1, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |
| 2 | **Chương 2: Thị trường tài chính**<br>2.1. Khái niệm và chức năng của thị trường tài chính | 3 | | | | 5 | Trình bày được khái niệm, chức năng của thị trường tài chính, cấu trúc và công cụ của thị trường tài chính, các chủ | CLO1 | Thuyết trình, đàm thoại, thực hành bài tập | Đọc Chương 3, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 2.2. Cấu trúc của thị trường tài chính<br>2.3. Công cụ của thị trường tài chính<br>2.4. Chủ thể tham gia thị trường tài chính | | | | | | thể tham gia thị trường. | | | | |
| 3 | **Chương 3: Các định chế tài chính (3LT, 2TH )**<br>3.1. Vai trò của các định chế tài chính<br>3.2. Các ngân hàng trung gian<br>3.3. Các định chế tài chính phi ngân hàng | 3 | 0 | | | 5 | Trình bày được vai trò của các định chế tài chính trung gian | CLO1, CLO2 | Thuyết trình, đàm thoại, thực hành bài tập | Đọc Chương 4, Tài liệu bắt buộc | Bài tập trên lớp |
| 4 | **Chương 4. Tiền tệ, lạm phát và chính sách tiền tệ**<br>**(3 LT, 3 TH)**<br>4.1. Cung – cầu tiền tệ | 1 | 2 | | | 5 | Tính toán được các loại lãi suất cơ bản, mức cung tiền, tỷ lệ lạm phát | CLO1, CLO2 | Diễn giảng, bài tập nhóm nghiên cứu tình huống, thực hành bài tập | Đọc Chương 6,7,8, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 5 | **Chương 4: Tiền tệ, lạm phát và chính sách tiền tệ (tiếp)**<br>4.2. Lạm phát | 2 | 1 | | | 5 | phân tích được tác động và cơ chế của chính sách tiền tệ | CLO1, CLO2 | Thuyết giảng, thực hành bài tập | Đọc Chương 6,7,8, Tài liệu bắt buộc | Bài tập trên lớp |
| 6 | **Chương 4: Tiền tệ, lạm phát và chính sách tiền tệ (tiếp)**<br>4.3. Ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ | | | | | | phân tích được tác động và cơ chế của chính sách tiền tệ | CLO1, CLO2 | Thuyết giảng, thực hành bài tập | Đọc Chương 6,7,8, Tài liệu bắt buộc | Bài tập trên lớp |
| 7 | **Chương 5. Tài chính công**<br>5.1. Tổng quan về tài chính công<br>5.2. Khái niệm và bản chất của NSNN<br>5.3. Vai trò của NSNN | 1 | 2 | | | 4 | Trình bày được nội dung về khái niệm, bản chất của NSNN, nội dung thu, chi Ngân sách | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, thực hành bài tập | Đọc Chương 9, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà, hỏi đáp |
| 8 | **Chương 5. Tài chính công (tiếp)**<br>5.4. Thu NSNN | 3 | 0 | | | 5 | Giải thích được cơ chế tác động và kết quả của chính sách tài khóa | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, đàm thoại, thảo | Đọc Chương 9, Tài liệu bắt buộc | Bài tập tại lớp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | | | luận nhóm | | |
| 9 | **Chương 5. Tài chính công (tiếp)**<br>5.5. Chi NSNN | | 3 | | | 4 | Phân tích tác động của chính sách tài khóa trong các trường hợp cụ thể. | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, thực hành bài tập | Đọc Chương 9, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |
| 10 | **Chương 5: Tài chính công (tiếp)**<br>5.6. Nợ công<br>5.7. Chính sách tài khóa | | | | | | Phân tích tác động của chính sách tài khóa trong các trường hợp cụ thể. | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, thực hành bài tập | Đọc Chương 9, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |
| 11 | **Chương 5: Tài chính công (tiếp)**<br>5.7. Chính sách tài khóa | | | | | | Phân tích tác động của chính sách tài khóa trong các trường hợp cụ thể. | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, thực hành bài tập | Đọc Chương 9, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |
| 12 | **Chương 6. Tài chính doanh nghiệp (3 LT, 5 TH)**<br>6.1. Tổng quan về tài chính doanh nghiệp | 2 | 1 | | | 5 | Xác định được các loại chi phí, doanh thu trong doanh nghiệp | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, đàm thoại, thực hành bài tập | Đọc Chương 10, Tài liệu bắt buộc | Bài tập tại lớp |
| 13 | **Chương 6. Tài chính doanh nghiệp (tiếp)** | 1 | 2 | | | 5 | Tính toán, các chỉ tiêu liên quan đến | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, | Đọc Chương | Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 6.2. Chi phí và giá thành sản phẩm | | | | | | tài chính doanh nghiệp | | thực hành bài tập | 10, Tài liệu bắt buộc | |
| | **Chương 6. Tài chính doanh nghiệp (tiếp)**<br>6.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | | 3 | | | 4 | Tính toán điểm hòa vốn, mức độ tác động của đòn bẩy trong doanh nghiệp | CLO1, CLO3 | Thảo luận, thực hành bài tập | Đọc Chương 10, Tài liệu bắt buộc | Bài tập trên lớp. |
| 14 | **Chương 7. Tài chính quốc tế**<br>7.1. Những vấn đề cơ bản về tỷ giá<br>7.2. Cán cân thanh toán quốc tế | 2 | 1 | | | 5 | Trình bày được các vấn đề cơ bản về tỷ giá và cán cân thanh toán quốc tế. | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, đàm thoại, bài tập | Đọc Chương 11, Tài liệu bắt buộc | Bài tập tại lớp |
| 15 | **Chương 7. Tài chính quốc tế (tiếp)**<br>7.3. Các nhân tố tác động lên tỷ giá | | 3 | | | 4 | Phân tích được các nhân tố tác động lên tỷ giá | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, thực hành bài tập | Đọc Chương 11 Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |
| | **Cộng** | **21** | **18** | | | **61** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Văn Tiến (2024), Giáo trình Tài chính -Tiền tệ, NXB tài chính, Hà Nội

[2] Phạm Ngọc Dũng, Đinh Xuân Hạng (2020), *Giáo trình Tài chính - tiền tệ*, NXB Tài chính, Hà Nội.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[3] Nguyễn Hữu Tài (2011), *Giáo trình Lý thuyết Tài chính - tiền tệ*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

[2] Nguyễn Đăng Dờn (2014), *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

[3] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các văn bản pháp luật hiện hành về hoạt động ngân hàng.

[4] Nguyễn Thị Kim Ngân (2023), Giải pháp phát triển thị trường ngân hàng số tại các chi nhánh ngân hàng Sacombank trên địa bàn thành phố Hà Nội, NXB Tài chính.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra -đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO1 | Trình bày các kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, cung cầu tiền tệ, lạm phát, chính sách tiền tệ và các khâu tài chính cơ bản như tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính ngân hàng. | Trắc nghiệm | 40% | 4 | x | |
| CLO2 | Tính toán và phân tích được các chỉ tiêu và nội dung liên quan đến tiền tệ, lãi suất, cung cầu tiền tệ, lạm phát, chính sách tiền tệ | | 30% | 3 | x | |
| CLO3 | Tính toán và phân tích được các chỉ tiêu và nội dung liên quan đến các khâu tài chính như tài chính công, tài chính quốc tế, tài chính doanh nghiệp | | 30% | 3 | x | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KINH TẾ-KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học; Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin về học phần

**1.1. Mã học phần: KT2.1.201.3**

**1.2. Tên học phần:** Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm

**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc

**1.4. Số tín chỉ:** 3

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30
- Bài tập thực hành, seminar: 30
- Tự học: 90

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Hoàng Anh Đào | Tiến sĩ | BM Kinh tế - Kinh doanh |
| 2 | Trần Thị Diên | Tiến sĩ | BM Kinh tế - Kinh doanh |
| 3 | Phạm Duy Hưng | Tiến sĩ | BM Kinh tế - Kinh doanh |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về tổ chức, quản lý và phối hợp trong hoạt động nhóm. Người học được rèn luyện kỹ năng giao tiếp, phân công nhiệm vụ, điều hành nhóm, giải quyết xung đột, đánh giá hiệu quả làm việc nhóm và phát huy vai trò cá nhân trong tập thể. Nội dung chính của học phần bao gồm: khái quát về nhóm và làm việc nhóm; quy trình thành lập, tổ chức, quản lý và đánh giá hoạt động nhóm; kỹ năng giao tiếp, phối hợp, ra quyết định, giải quyết vấn đề và xử lý tình huống trong nhóm; các kỹ năng cần thiết của người quản lý nhóm. Sau khi hoàn thành học phần, người học hình thành năng lực làm việc nhóm hiệu quả, năng lực quản lý và điều hành nhóm, năng lực phối hợp trong môi trường tập thể; đồng thời phát triển tinh thần trách nhiệm, chủ động, hợp tác và thích ứng trong học tập, công việc và đời sống.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO

CO1: Khái quát được các kiến thức cơ bản về kỹ năng quản lý và làm việc nhóm.

CO 2: Triển khai được các hoạt động của nhóm như: thành lập nhóm, điều hành hoạt động nhóm, tổ chức triển khai và thúc đẩy sự phát triển nhóm, đánh giá được kết quả làm việc nhóm.

CO 3: Có thái độ, động cơ học tập đúng đắn; nhận thức và thực hiện nghiêm túc các chuẩn mực nghề nghiệp và trách nhiệm của công dân trong hoạt động nghề nghiệp và kinh doanh.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Khái quát được những kiến thức cơ bản về kỹ năng quản lý và làm việc nhóm. | x | | |
| CLO2 | Thực hành các kỹ năng quản lý và làm việc nhóm: thành lập nhóm, điều hành hoạt động và tổ chức triển khai các hoạt động trong nhóm, thúc đẩy sự phát triển của các thành viên trong nhóm, đánh giá hoạt động của nhóm. | | x | |
| CLO3 | Có tinh thần tự học, tự nghiên cứu để vận dụng kiến thức, kỹ năng hợp tác trong nghề nghiệp và cuộc sống. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) |
|---|---|
| | **PLO 6** |
| **CLO 1** | M |
| **CLO 2** | M, A |
| **CLO 3** | R |
| **Học phần: Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm** | M, A |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh, Ghi chú tham gia | CLO3 | 100% | x | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | Thực hành | CLO1<br>CLO2 | 30%<br>70% | x<br>x | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Vấn đáp/Thực hành | CLO1<br>CLO2 | 30%<br>70% | x<br>x | PLO6 |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 (5 giờ/ tuần) | **Chương 1: Nhập môn kỹ năng quản lý và làm việc nhóm**<br>1.1. Khái niệm, phân loại và các giai đoạn hình thành và phát triển nhóm<br>1.2. Các nguyên tắc quản lý và làm việc nhóm<br>1.3. Đối tượng, nhiệm vụ và nội dung nghiên cứu môn học | 3 | 2 | | | 15 | Tóm tắt được các khái niệm, nguyên tắc, đối tượng, nhiệm vụ, nội dung của học phần. | CLO1 CLO3 | Thuyết trình, tổ chức học tập theo nhóm; đưa vấn đề, bài tập | Nghe giảng; tham gia thảo luận; làm bài tập | Vấn đáp trên lớp, bài tập nhóm, Bài tập về nhà |
| 1-2 (5 giờ/ tuần) | **Chương 2. Hoạt động nhóm**<br>2.1. Thành lập nhóm<br>2.2. Điều hành hoạt động nhóm<br>2.3. Tổ chức triển khai các hoạt động trong nhóm | 7 | 3 | | | 20 | Khái quát được các vấn đề cơ bản của hoạt động nhóm. | CLO1 CLO2 CLO3 | Thuyết trình, tổ chức học tập theo nhóm; đưa vấn đề, bài | Nghe giảng; tham gia thảo luận; làm bài tập | Vấn đáp trên lớp, bài tập nhóm, Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 2.4. Thúc đẩy sự phát triển của các thành viên<br>2.5. Đánh giá kết quả làm việc nhóm | | | | | | | | tập | | |
| 3-4 (5 giờ/ tuần) | **Chương 3: Kỹ năng giao tiếp và phối hợp trong làm việc nhóm**<br>3.1. Kỹ năng giao tiếp trong nhóm<br>3.2. Tổ chức họp nhóm<br>3.3. Phối hợp trong nhóm và một số khuynh hướng cần khắc phục trong phối hợp làm việc nhóm | 7 | 3 | | | 15 | Vận dụng được các kỹ năng giao tiếp và phối hợp trong làm việc nhóm. | CLO1<br>CLO2<br>CLO3 | Thuyết trình, tổ chức học tập theo nhóm; đưa vấn đề, bài tập | Nghe giảng; tham gia thảo luận; làm bài tập | Vấn đáp trên lớp, bài tập nhóm, Bài tập về nhà |
| 5-6-7 (5 giờ/ tuần | **Chương 4: Các kỹ năng trong quản lý nhóm**<br>4.1 Kỹ năng giải quyết các xung đột | 8 | 7 | | | 20 | Vận dụng các kỹ năng quản lý nhóm. | CLO1<br>CLO2<br>CLO3 | Thuyết trình, tổ chức học tập theo | Nghe giảng; tham gia thảo luận; | Vấn đáp trên lớp, bài tập nhóm, |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | trong nhóm<br>4.2 Các kỹ năng tổ chức thảo luận nhóm<br>4.3 Kỹ năng phân công công việc của nhóm<br>4.4 Kỹ năng điều hành nhóm và làm việc hiệu quả | | | | | | | | nhóm; đưa vấn đề, bài tập | làm bài tập | Bài tập về nhà |
| 8-9-10-11-12-13 (4 giờ/ tuần) | **Chương 5<br>Thực hành: Xây dựng nhóm và vận dụng các kỹ năng quản lý và làm việc nhóm** | 5 | 15 | | | 35 | Vận dụng được các kỹ năng để thành lập nhóm và triển khai các hoạt động nhóm. | CLO2<br>CLO3 | Đưa tình huống và bài tập thực hành | Thực hành | Bài tập trên lớp, bài tập nhóm, Bài tập về nhà, Thực hành |

## 8. Tài liệu học tập

### 8.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Quyền Đình Hà (2021), *Giáo trình Kỹ năng quản lý và làm việc nhóm*, NXB Học viện nông nghiệp, Hà Nội;

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Tạ QuangTuấn (2019), *Giáo trình Kỹ năng làm việc nhóm*, NXB lao động, Hà Nội.

[3] Nguyễn Thị Kim Ngân, Đỗ Hải Yến (2024), *Nguồn nhân lực trong các công ty lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang: Thực trạng và giải pháp*, NXB Tài chính, ISBN 978-604-79-4258-9

[4] Nguyễn Thị Kim Ngân, Lê Ngọc Đoan Trang (2022-2023), *"Nghiên cứu thực trạng nguồn nhân lực trong các công ty lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào

## 9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO1 | Khái quát được những kiến thức cơ bản về kỹ năng quản lý và làm việc nhóm. | Vấn đáp | 30 | 3.0 | x | PLO6 |
| CLO2 | Thực hành các kỹ năng quản lý và làm việc nhóm: thành lập nhóm, điều hành hoạt động và tổ chức triển khai các hoạt động trong nhóm, thúc đẩy sự phát triển của các thành viên trong nhóm, đánh giá hoạt động của nhóm. | Thực hành | 70 | 7.0 | x | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KINH TẾ-KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.011.2

**1.2. Tên học phần:** Quản trị học

**1.3. Loại học phần:** Tự chọn

**1.4. Số tín chỉ:** 02 tín chỉ

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 15 giờ
- Bài tập thực hành, seminar: 30 giờ
- Thực hành ngoài trường, thực tế, thực địa: 0
- Thực tập: 0
- Tự học: 55 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Trần Hương Giang | Thạc sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |
| 2 | Hoàng Thị Hạnh | Thạc sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |
| 3 | Hoàng Anh Đào | Tiến sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Quản trị học cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị tổ chức, bao gồm khái niệm, bản chất, chức năng quản trị, vai trò, kỹ năng của nhà quản trị và sự tác động của môi trường đến hoạt động quản trị. Học phần trang bị kiến thức về hoạch định, ra quyết định quản trị, thiết kế cơ cấu tổ chức, lãnh đạo, phong cách lãnh đạo, động viên nhân viên và kiểm soát, trong đó chú trọng nội dung kiểm soát hiệu suất tài chính gắn với hoạt động kế toán - tài chính trong doanh nghiệp. Thông qua hệ thống bài giảng kết hợp thảo luận, phân tích tình huống thực tế, người học hình thành kỹ năng làm việc nhóm, nhận diện các vấn đề quản trị cơ bản trong tổ chức, đồng thời rèn luyện tinh thần chủ động, nghiêm túc, trách nhiệm trong học tập và ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp, làm nền tảng cho việc thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cơ bản trong lĩnh vực kế toán - tài chính tại đơn vị, tổ chức.

### 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)

**CO1:** Trang bị cho người học kiến thức nền tảng về quản trị tổ chức, gồm các chức năng hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát và mối liên hệ giữa quản trị với hoạt động kế toán - tài chính trong doanh nghiệp.

**CO2:** Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận, nhận diện và phân tích các tình huống quản trị cơ bản trong thực tiễn hoạt động của tổ chức.

**CO3:** Hình thành tinh thần chủ động, nghiêm túc, trách nhiệm trong học tập; ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và khả năng tự học để phát triển năng lực bản thân trong lĩnh vực kế toán - tài chính.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Trình bày được khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò, kỹ năng của nhà quản trị và các yếu tố môi trường tác động đến hoạt động quản trị trong tổ chức. | X | | |
| **CLO2** | Nêu được khái niệm, vai trò, các loại hoạch định, tiến trình ra quyết định quản trị và đặc điểm các mô hình cơ cấu tổ chức phổ biến trong doanh nghiệp. | X | | |
| **CLO3** | Giải thích được khái niệm lãnh đạo, các phong cách lãnh đạo và quy trình kiểm soát gắn với hoạt động kế toán - tài chính trong tổ chức. | X | | |
| **CLO4** | Thực hiện được kỹ năng làm việc nhóm, thảo luận để nhận diện các tình huống quản trị cơ bản liên quan đến hoạt động kế toán - tài chính trong doanh nghiệp. | | X | |
| **CLO5** | Thể hiện được tinh thần chủ động, nghiêm túc, trách nhiệm trong học tập; ý thức tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và khả năng tự học để phát triển năng lực bản thân trong hoạt động nghề nghiệp kế toán - tài chính. | | | X |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) |
|---|---|
| | PLO5 |
| CLO 1 | I |
| CLO 2 | I |
| CLO 3 | I |
| CLO 4 | I |
| CLO 5 | |
| Học phần Quản trị học | I |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở các thành phần đánh giá như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức học tập, thái độ tham gia thảo luận, xây dựng bài trên lớp | CLO5 | 100% | X | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 01 bài kiểm tra (trắc nghiệm kết hợp tự luận ngắn) sau khi học xong Chương 1,2,3, kết hợp đánh giá bài tập, thảo luận nhóm trong quá trình học | CLO1<br>CLO2<br>CLO4 | 40%<br>30%<br>30% | X | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi trắc nghiệm; thời gian làm bài 60 phút gồm 40 câu; đề thi đánh giá khả năng ghi nhớ, hiểu và nhận diện kiến thức quản trị học | CLO1<br>CLO2<br>CLO3 | 30%<br>35%<br>35% | X | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | **Chương 1. Tổng quan về quản trị**<br>1.1. Khái niệm và bản chất quản trị<br>1.2. Tổ chức<br>1.3. Khái niệm nhà quản trị, nhà quản lý, nhà lãnh đạo và nhân viên thừa hành | 1 | 2 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được khái niệm quản trị, hiệu quả, hiệu suất quản trị; phân biệt được nhà quản trị, nhà quản lý, nhà lãnh đạo và nhân viên thừa hành | CLO1 | Thuyết trình, giảng giải, nêu vấn đề, đàm thoại | Đọc trước học liệu [1] mục 1.1-1.3; chuẩn bị ví dụ thực tế về nhà quản trị tại doanh nghiệp | Điểm danh; vấn đáp |
| 2 | **Chương 1. Tiếp**<br>1.4. Các chức năng quản trị<br>1.5. Các cấp bậc quản trị trong một tổ chức<br>1.6. Kỹ năng của nhà quản trị<br>1.7. Các năng lực quản trị | 1 | 2 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được các chức năng, cấp bậc, kỹ năng, vai trò của nhà quản trị; | CLO1 | Thuyết trình, giảng giải, nêu vấn đề | Đọc học liệu [1] mục 1.4-1.7 Trình bày được các chức năng, cấp bậc, kỹ năng, vai trò của nhà quản trị | Bài tập trên lớp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 3 | **Chương 1. Tiếp**<br>1.8. Vai trò của nhà quản trị (ba nhóm với mười vai trò)<br>1.9. Một số đặc điểm của quản trị<br>1.10. Đạo đức và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị | 1 | 2 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được đạo đức và trách nhiệm xã hội của nhà quản trị | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, thảo luận nhóm, liên hệ thực tiễn | Đọc học liệu [1] mục 1.8-1.10; thảo luận nhóm về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp | Đánh giá qua thảo luận nhóm |
| 4 | **Chương 2. Hoạch định và thiết lập mục tiêu**<br>2.1. Khái niệm, tác dụng, phí tổn và hạn chế của hoạch định<br>2.2. Các loại hoạch định | 1 | 2 | 0 | 0 | 3 | Trình bày được khái niệm, tác dụng, hạn chế của hoạch định; phân biệt được các loại hoạch định trong tổ chức | CLO2 | Thuyết trình, giảng giải, bài tập | Đọc học liệu [1] mục 2.1-2.2; phân biệt ví dụ về hoạch định chiến lược, chiến thuật, tác nghiệp | Bài tập trên lớp |
| 5 | **Chương 2. Tiếp**<br>2.3. Mục tiêu và cách thức thiết lập mục tiêu | 1 | 2 | 0 | 0 | 3 | Trình bày được khái niệm, phân loại, yêu cầu của mục | CLO2, CLO4 | Thuyết trình, bài tập, thảo luận | Đọc học liệu [1] mục 2.3-2.4; thực hành thiết lập mục tiêu theo nguyên tắc | Bài tập trên lớp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 2.4. Các thành phần hoạch định, phương pháp và công cụ hoạch định | | | | | | tiêu và cách thức thiết lập mục tiêu; nêu được các phương pháp, công cụ hoạch định cơ bản | | | SMART cho một tình huống cụ thể | |
| 6 | **Chương 3. Lập và ra quyết định quản trị**<br>4.1. Những vấn đề cơ bản của quyết định quản trị<br>4.2. Mục tiêu và cơ sở ra quyết định<br>4.3. Nội dung và hình thức các quyết định<br>4.4. Tiến trình ra quyết định | 1 | 2 | 0 | 0 | 3 | Trình bày được khái niệm, vai trò, chức năng của các quyết định, mục tiêu,cơ sở ra quyết định;nội dung và tiến trình ra quyết định | CLO2, CLO4 | Thuyết trình, diễn giải, thảo luận | Đọc học liệu [1] mục 4.1-4.4 , thảo luận về mục tiêu và tiến trình ra quyết định | Vấn đáp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 7 | **Chương 3. Tiếp**<br>4.5. Kỹ thuật ra quyết định<br>4.6. Tổ chức thực hiện và kiểm soát quyết định<br>4.7.Nâng cao hiệu quả ra quyết định | 1 | 2 | 0 | 0 | 3 | Khái quát được tiến trình, kỹ thuật, tổ chức thực hiện và kiểm soát quyết định quản trị | CLO2, CLO4 | Diễn giải, nêu vấn đề, thảo luận nhóm | Đọc học liệu [1] mục 4.5-4.7; liên hệ thực tiễn lập và ra quyết định quản trị tại 1 DN cụ thể | Vấn đáp, đánh giá qua thảo luận nhóm |
| 8 | Ôn tập và kiểm tra thường xuyên 1 tiết | 1 | 2 | 0 | 0 | 3 | Khái quát được kiến thức của Chương 1,2,3 | CLO1, CL02 | Thuyết trình, vấn đáp, kiểm tra viết | Ôn tập nội dung Chương 1,2,3 chuẩn bị kiểm tra | Kiểm tra thường xuyên (bài kiểm tra trắc nghiệm kết hợp tự luận ngắn) |
| 9 | **Chương 4. Quản trị nguồn nhân lực trong doanh nghiệp**<br>5.1. Khái niệm, vai trò quản trị nguồn nhân lực<br>5.2. Các chức năng | 1 | 2 | 0 | 0 | 3 | Trình bày được khái niệm, vai trò, chức năng và hoạt động của quản trị nguồn nhân lực | CLO2 | Thuyết trình, giảng giải | Đọc học liệu [1] mục 5.1-5.3; lấy ví thực tế | Bài tập trên lớp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | quản trị nguồn nhân lực<br>5.3. Hoạt động của bộ phận quản trị nguồn nhân lực | | | | | | | | | | |
| 10 | **Chương 4. Tiếp**<br>5.4. Các mô hình và cơ cấu của bộ phận quản trị nguồn nhân lực<br>5.5. Các hoạt động quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức | 1 | 2 | 0 | 0 | 3 | Phân tích được các mô hình và cơ cấu của bộ phận quản trị | CLO2, CLO4 | Thuyết trình, thảo luận nhóm, liên hệ thực tiễn | Đọc học liệu [1] mục 5.4;5.5; thảo luận nhóm về các mô hình và cơ cấu của bộ phận quản trị | Đánh giá qua thảo luận nhóm |
| 11 | **Chương 5. Lãnh đạo và phong cách lãnh đạo**<br>6.1. Khái quát một số nội dung cơ bản liên quan đến hành vi tổ chức | 1 | 2 | 0 | 0 | 3 | Khái quát được một số nội dung cơ bản liên quan đến hành vi tổ chức | CLO3, CLO4 | Thuyết trình, diễn giải, thảo luận nhóm | Đọc học liệu [1] mục 6.1; vẽ sơ đồ cơ cấu tổ chức của một doanh nghiệp thực tế | Vấn đáp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 12 | **Chương 5. Tiếp**<br>6.2. Khái niệm và các vấn đề cơ bản của lãnh đạo<br>6.3. Phong cách lãnh đạo | 1 | 2 | 0 | 0 | 3 | Phân biệt được lãnh đạo và quản lý; nêu được các lý thuyết lãnh đạo cơ bản; Trình bày được kỹ năng cần thiết của nhà lãnh đạo trong tương tác với nhân viên | CLO3, CLO4 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận, phân tích tình huống | Đọc học liệu [1] mục 6.2 và 6.3; chuẩn bị ví dụ phân biệt lãnh đạo và quản lý trong thực tiễn, thảo luận nhóm nhận diện phong cách lãnh đạo qua tình huống thực tế | Đánh giá qua thảo luận nhóm |
| 13 | **Chương 6. Kiểm soát**<br>7.1. Khái niệm và các vấn đề liên quan đến kiểm soát<br>7.2. Các loại kiểm soát (kiểm soát ngăn ngừa, kiểm soát đồng thơi, kiểm soát phản hồi)<br>7.3. Quy trình kiểm | 3 | 6 | 0 | 0 | 12 | Trình bày được khái niệm, vai trò, các loại kiểm soát; nhận diện được nội dung kiểm soát hiệu suất tài chính gắn với hoạt động kế toán - tài chính trong doanh | CLO3, CLO4 | Thuyết trình, giảng giải, liên hệ thực tiễn kế toán - tài chính | Đọc học liệu [1] mục 7.1 và 7.2; liên hệ nội dung dự toán chi phí, ngân sách với kiến thức kế toán đã học | Vấn đáp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | soát<br>7.4. Thay đổi trong triết lý kiểm soát<br>7.5. Hệ thống kiểm soát cho thời kỳ thay đổi nhanh chóng | | | | | | nghiệp.<br>Nhận diện được nội dung kiểm soát hiệu suất tài chính gắn với hoạt động kế toán - tài chính trong doanh nghiệp | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Trần Dục Thức, Nguyễn Văn Thụy, Trương Đình Thái, Hồ Thiện Thông Minh (2021), Giáo trình Quản trị học, Nxb Tài chính.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Đoàn Thị Thu Hà (2011), Giáo trình Quản trị học, Nxb Tài chính, Hà Nội.

[3] Nguyễn Thị Kim Ngân, Đỗ Hải Yến (2024), *Nguồn nhân lực trong các công ty lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang: Thực trạng và giải pháp*, NXB Tài chính, ISBN 978-604-79-4258-9

[4] Nguyễn Thị Kim Ngân, Lê Ngọc Đoan Trang (2022-2023), *"Nghiên cứu thực trạng nguồn nhân lực trong các công ty lâm nghiệp tỉnh Tuyên Quang"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| **CLO1** | Trình bày được khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò, kỹ năng của nhà quản trị và các yếu tố môi trường tác động đến hoạt động quản trị trong tổ chức. | Trắc nghiệm | 30% | 3,0 | X | |
| **CLO2** | Nêu được khái niệm, vai trò, các loại hoạch định, tiến trình ra quyết định quản trị và đặc điểm các mô hình cơ cấu tổ chức phổ biến trong doanh nghiệp. | Trắc nghiệm | 35% | 3,5 | X | |
| **CLO3** | Giải thích được khái niệm lãnh đạo, các phong cách lãnh đạo, lý thuyết động viên nhân viên cơ bản và quy trình kiểm soát gắn với hoạt động kế toán - tài chính trong tổ chức. | Trắc nghiệm | 35% | 3,5 | X | |
| **Tổng** | | | **100%** | **10,0** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KINH TẾ - KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.020.2

**1.2. Tên học phần:** Kinh tế quốc tế

**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc

**1.4. Số tín chỉ:** 02 (1 tín chỉ lý thuyết + 1 tín chỉ thực hành)

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 15 giờ (bao gồm 01 giờ kiểm tra thường xuyên trên lớp)
- Thực hành, bài tập trên lớp: 30 giờ
- Thực tập: Không
- Tự học, tự nghiên cứu: 55 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| STT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Đỗ Hải Yến | Tiến sĩ | Kinh tế – Kinh doanh |
| 2 | Hoàng Anh Đào | Tiến sĩ | Kinh tế – Kinh doanh |
| 3 | Đỗ Thị Mỹ Huyền | Thạc sĩ | Kinh tế – Kinh doanh |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Kinh tế quốc tế cung cấp cho người học hệ thống kiến thức chuyên sâu về các quan hệ kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập, bao gồm: tổng quan về kinh tế quốc tế và các học thuyết kinh tế nền tảng (Adam Smith, Ricardo, Heckscher-Ohlin...); những vấn đề cơ bản về kinh tế thế giới và xu thế phát triển hiện nay; thương mại quốc tế – nguyên tắc đa phương, chính sách và biện pháp thực hiện; đầu tư quốc tế và môi trường đầu tư toàn cầu; liên kết kinh tế quốc tế, các tổ chức kinh tế quốc tế tiêu biểu (WTO, ASEAN, APEC...) và hội nhập kinh tế quốc tế. Thông qua học phần, người học ứng dụng được kiến thức chuyên ngành kinh tế để tổ chức thực hiện công việc chuyên môn, sử dụng kỹ năng chuyên môn để đề xuất giải pháp phát triển kinh tế – xã

hội và thể hiện đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – CO)**

**CO1:** Trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về các quan hệ kinh tế quốc tế từ tổng quan kinh tế quốc tế, kinh tế thế giới, thương mại và đầu tư quốc tế đến liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế để ứng dụng vào tổ chức thực hiện các công việc chuyên môn kinh tế theo vị trí việc làm trong môi trường hội nhập.

**CO2:** Hình thành khả năng vận dụng các kiến thức kinh tế quốc tế để phân tích chính sách thương mại và đầu tư quốc tế, đánh giá thực trạng hội nhập kinh tế và đề xuất giải pháp phát triển kinh tế – xã hội trong bối cảnh toàn cầu hóa; phát triển tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm trong môi trường quốc tế.

**CO3:** Góp phần hình thành đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và ý thức công dân toàn cầu; năng lực tự học, đổi mới sáng tạo và thích ứng với sự thay đổi trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Trình bày và giải thích được các học thuyết kinh tế quốc tế nền tảng, đặc điểm kinh tế thế giới và xu thế phát triển để ứng dụng nhận diện cơ hội và thách thức trong tổ chức thực hiện công việc chuyên môn kinh tế theo vị trí việc làm. | ✓ | | |
| **CLO2** | Phân tích được nội dung và chính sách thương mại quốc tế (nguyên tắc đa phương WTO, thuế quan, phi thuế quan, trợ cấp, hạn ngạch) để vận dụng đánh giá tác động của chính sách thương mại đến nền kinh tế và hoạt động kinh doanh quốc tế. | ✓ | ✓ | |

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO3** | Phân tích được môi trường đầu tư quốc tế và đánh giá được các hình thức đầu tư quốc tế, xu hướng dòng vốn FDI toàn cầu để đề xuất giải pháp cải thiện môi trường đầu tư và thu hút đầu tư quốc tế phù hợp với điều kiện địa phương. | ✓ | ✓ | |
| **CLO4** | Đánh giá được mức độ và hiệu quả liên kết kinh tế quốc tế, quá trình hội nhập của Việt Nam vào các tổ chức kinh tế quốc tế (WTO, ASEAN, APEC, các FTA) để đề xuất các giải pháp tận dụng cơ hội và ứng phó thách thức trong hội nhập kinh tế quốc tế. | ✓ | ✓ | |
| **CLO5** | Thể hiện được đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và ý thức công dân toàn cầu để chủ động học tập, đổi mới sáng tạo và thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh tế quốc tế và chuyển đổi số. | | | ✓ |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Nội dung CLO (tóm tắt) | PLO5 |
|---|---|---|
| **CLO1** | Trình bày học thuyết KTQT và đặc điểm KTTG để ứng dụng nhận diện cơ hội trong công việc chuyên môn kinh tế | I |
| **CLO2** | Phân tích chính sách thương mại quốc tế để đánh giá tác động đến nền kinh tế và hoạt động kinh doanh | I |
| **CLO3** | Phân tích và đánh giá môi trường đầu tư quốc tế để đề xuất giải pháp thu hút đầu tư phù hợp địa phương | I |

| CLO | Nội dung CLO (tóm tắt) | PLO5 |
|---|---|---|
| **CLO4** | Đánh giá liên kết kinh tế và hội nhập KTQT của Việt Nam để đề xuất giải pháp tận dụng cơ hội hội nhập | I |
| **CLO5** | Thể hiện đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội và tự học, sáng tạo trong bối cảnh hội nhập | I |
| **Học phần KTQT** | | I |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra – đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Theo dõi, quan sát mức độ tham dự và thái độ học tập, ý thức kỷ luật của người học trong suốt học phần | **CLO5** | 100% | X | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 01 bài kiểm tra tiểu luận cá nhân, thực hiện sau khi học xong Chương 3; nội dung bao phủ Chương 1 đến Chương 3 | CLO1<br>CLO2 | 50%<br>50% | X | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi trắc nghiệm (50 câu, 75 phút); đề thi bao phủ toàn bộ 5 chương của học | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | 25%<br>25%<br>25%<br>25% | X | |

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra – đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | phần; phân bổ: 60% nhớ – hiểu, 20% vận dụng – phân tích, 20% đánh giá – sáng tạo | | | | |

## 7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

| Tuần | Chương, mục | LT | TH | Thực tế | Tự học | CĐR bài học/chương | CLO liên quan | PP giảng dạy | Hoạt động học của người học | KTĐG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chương 1: Tổng quan về môn học kinh tế quốc tế<br>1.1. Sự hình thành và phát triển các quan hệ kinh tế quốc tế<br>1.2. Các học thuyết kinh tế có liên quan (Adam Smith, Ricardo, Heckscher-Ohlin) | 2 | 2 | | 4 | Trình bày được lịch sử hình thành các quan hệ kinh tế quốc tế và giải thích được nội dung các học thuyết kinh tế quốc tế nền tảng, để làm cơ sở phân tích các chính sách kinh tế đối ngoại | CLO1, CLO5 | Thuyết trình, xây dựng khái niệm, vấn đáp | Đọc trước GT chương 1 mục 1.1-1.2; nghe giảng, thảo luận; làm bài tập tình huống; tự học ôn tập | |
| 2 | Chương 1 (tiếp)<br>1.3. Sự cần thiết nghiên cứu môn học và đối tượng, nội dung nghiên cứu<br>Bài tập chương 1 | 2 | 2 | | 4 | Giải thích được tính tất yếu và đối tượng nghiên cứu của kinh tế quốc tế; giải được bài tập liên quan đến các học thuyết, để vận dụng nhận diện cơ hội trong môi trường kinh tế toàn cầu | CLO1, CLO5 | Thuyết trình, giải quyết vấn đề, bài tập thực hành | Đọc GT mục 1.3; làm bài tập chương 1; tự học ôn tập | |
| 3 | Chương 2: Những vấn đề cơ bản về kinh tế thế giới<br>2.1. Kinh tế thế giới và các chủ | 1 | 3 | | 4 | Trình bày được khái niệm kinh tế thế giới, các chủ thể | CLO1, CLO5 | Thuyết trình, tổ chức học | Đọc GT chương 2 mục 2.1; vẽ sơ đồ chủ thể kinh tế | |

| Tuần | Chương, mục | LT | TH | Thực tế | Tự học | CĐR bài học/chương | CLO liên quan | PP giảng dạy | Hoạt động học của người học | KTĐG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | thể trong nền kinh tế thế giới | | | | | tham gia và hệ thống phân loại nền kinh tế, để nhận diện vị trí của Việt Nam trong cấu trúc kinh tế toàn cầu | | theo nhóm, giải quyết vấn đề | thế giới; tự học | |
| 4 | Chương 2: (tiếp)<br>2.2. Phân loại các nền kinh tế | 1 | 3 | | 4 | Trình bày được khái niệm kinh tế thế giới, các chủ thể tham gia và hệ thống phân loại nền kinh tế, để nhận diện vị trí của Việt Nam trong cấu trúc kinh tế toàn cầu | CLO1, CLO5 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, giải quyết vấn đề | Đọc GT chương 2 mục 2.2; vẽ sơ đồ chủ thể kinh tế thế giới; tự học | |
| 5 | Chương 2 (tiếp)<br>2.3. Xu thế phát triển chủ yếu của kinh tế thế giới<br>Bài tập chương 2 | 1 | 3 | | 4 | Phân tích được các xu thế chủ yếu của kinh tế thế giới (toàn cầu hóa, số hóa, xanh hóa); giải được bài tập về phân loại nền kinh tế, để ứng dụng nhận diện cơ hội và thách thức nghề nghiệp | CLO1, CLO5 | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm | Đọc GT mục 2.3; làm bài tập chương 2; nghiên cứu xu thế KT thế giới 2024-2030; tự học | |

| Tuần | Chương, mục | LT | TH | Thực tế | Tự học | CĐR bài học/chương | CLO liên quan | PP giảng dạy | Hoạt động học của người học | KTĐG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Chương 3: Thương mại quốc tế<br>3.1. Các vấn đề cơ bản trong thương mại quốc tế<br>3.2. Các nguyên tắc cơ bản trong hệ thống thương mại đa phương (WTO) | 1 | 3 | | 4 | Giải thích được các khái niệm cơ bản về thương mại quốc tế và phân tích được các nguyên tắc đa phương của WTO (MFN, NT, minh bạch hóa) để vận dụng đánh giá chính sách thương mại | CLO2, CLO5 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, NC tình huống | Đọc GT chương 3 mục 3.1-3.2; nghiên cứu các hiệp định WTO; tự học | |
| 7 | Chương 3 (tiếp)<br>3.3. Chính sách thương mại quốc tế (Mục tiêu, công cụ: thuế quan, phi thuế quan; mô hình tự do hóa và bảo hộ) | 1 | 2 | | 4 | Phân tích được nội dung và mục tiêu của chính sách thương mại quốc tế; so sánh được chính sách tự do hóa và bảo hộ thương mại, để đánh giá tác động của chính sách đến nền kinh tế | CLO2, CLO5 | Thuyết trình, phân tích chính sách, thảo luận nhóm | Đọc GT mục 3.3; phân tích chính sách thương mại Việt Nam; tự học | |
| 8 | Chương 3 (tiếp)<br>3.4. Những biện pháp thực hiện chính sách thương mại quốc tế (Thuế nhập khẩu, quota, trợ cấp | 1 | 2 | | 4 | Phân tích được cơ chế tác động của các biện pháp thực thi chính sách | CLO2, CLO5 | Thuyết trình, phân tích đồ thị, | Đọc GT mục 3.4; phân tích tình huống tranh chấp thương mại | |

| Tuần | Chương, mục | LT | TH | Thực tế | Tự học | CĐR bài học/chương | CLO liên quan | PP giảng dạy | Hoạt động học của người học | KTĐG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | xuất khẩu, rào cản kỹ thuật, phá giá) | | | | | thương mại đến sản xuất, tiêu dùng và phúc lợi quốc gia, để đánh giá lợi ích và chi phí của từng biện pháp trong thực tiễn | | bài tập tình huống | WTO; tự học | |
| 9 | Bài tập tổng hợp chương 3 (Phân tích tác động chính sách thương mại đến nền kinh tế Việt Nam trong bối cảnh gia nhập WTO và ký kết các FTA thế hệ mới) | 1 | 2 | | 4 | Vận dụng được kiến thức về chính sách thương mại để phân tích toàn diện tác động của việc ký kết các FTA đến xuất nhập khẩu, sản xuất và việc làm của Việt Nam, nhằm đề xuất giải pháp tận dụng FTA | CLO2, CLO4, CLO5 | Nghiên cứu tình huống, làm việc nhóm, thuyết trình | Làm bài tập tổng hợp chương 3; nghiên cứu số liệu XNK Việt Nam; thuyết trình nhóm; tự học | |
| 10 | Chương 4: Đầu tư quốc tế<br>4.1. Những vấn đề cơ bản về đầu tư quốc tế (Khái niệm, phân loại FDI/FPI, lý thuyết OLI, xu hướng dòng vốn toàn cầu) | 1 | 2 | | 4 | Giải thích được các hình thức và lý thuyết đầu tư quốc tế (lý thuyết OLI, Dunning); phân tích được xu hướng dịch chuyển dòng vốn FDI toàn cầu, để | CLO3, CLO5 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, NC tình huống | Đọc GT chương 4 mục 4.1; nghiên cứu báo cáo WIR (UNCTAD); tự học | |

| Tuần | Chương, mục | LT | TH | Thực tế | Tự học | CĐR bài học/chương | CLO liên quan | PP giảng dạy | Hoạt động học của người học | KTĐG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | nhận diện cơ hội và định hướng thu hút đầu tư quốc tế | | | | |
| 11 | Kiểm tra thường xuyên (bài tập tiểu luận)<br>Chương 4 (tiếp)<br>4.2. Môi trường đầu tư quốc tế (Các nhân tố chính trị, kinh tế, pháp lý, văn hóa-xã hội, công nghệ) | 1 | 2 | | 5 | Phân tích được các nhân tố cấu thành môi trường đầu tư quốc tế; đánh giá được điểm mạnh, điểm yếu của môi trường đầu tư Việt Nam để đề xuất giải pháp cải thiện thu hút FDI có chất lượng | CLO2, CLO3, CLO5 | Thuyết trình, phân tích tình huống, vấn đáp | Ôn tập chương 1–3 để kiểm tra; đọc GT mục 4.2; tự học | Kiểm tra thường xuyên (trắc nghiệm, 45 phút) |
| 12 | Bài tập chương 4 (Phân tích môi trường đầu tư và chiến lược thu hút FDI tại tỉnh Tuyên Quang) | 1 | 2 | | 5 | Vận dụng được khung phân tích môi trường đầu tư quốc tế (PESTLE) để đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp cải thiện môi trường đầu tư địa phương nhằm thu hút FDI chất lượng cao | CLO3, CLO4, CLO5 | Nghiên cứu tình huống, thảo luận nhóm, thuyết trình | Làm bài tập phân tích môi trường đầu tư Tuyên Quang; thu thập số liệu FDI; tự học | |

| Tuần | Chương, mục | LT | TH | Thực tế | Tự học | CĐR bài học/chương | CLO liên quan | PP giảng dạy | Hoạt động học của người học | KTĐG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 13 | Chương 5: Liên kết kinh tế quốc tế và hội nhập kinh tế quốc tế<br>5.1. Liên kết kinh tế quốc tế (Khái niệm, hình thức, xu hướng và tác động của liên kết kinh tế)<br>5.2. Một số tổ chức kinh tế quốc tế tiêu biểu (WTO, ASEAN, APEC, G20, Ngân hàng Thế giới, IMF) | 1 | 2 | | 5 | Trình bày được khái niệm và phân loại các hình thức liên kết kinh tế quốc tế (FTA, CU, CM, EU), phân tích được tác động của chúng đến quan hệ thương mại và đầu tư giữa các quốc gia thành viên, đồng thời phân tích được cơ cấu, chức năng, vai trò của các tổ chức kinh tế quốc tế tiêu biểu để đánh giá được đóng góp và hạn chế của các tổ chức này trong quản trị kinh tế toàn cầu. | CLO4, CLO5 | Thuyết trình, tổ chức học theo nhóm, giải quyết vấn đề | Đọc giáo trình chương 5 mục 5.1, vẽ sơ đồ các hình thức liên kết kinh tế; đọc giáo trình mục 5.2, nghiên cứu website của WTO, ASEAN và làm bài tập so sánh các tổ chức; đọc giáo trình mục 5.3, làm bài tập chương 5 và nghiên cứu số liệu hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.<br>Ôn tập toàn bộ theo CLO | |
| **Tổng** | | **15** | **30** | | **55** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Tiến Thuận, Vũ Duy Vĩnh (2021), *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (2008), *Giáo trình Kinh tế quốc tế*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

[3] Phạm Duy Hưng, Trần Thị Diên, Hoàng Thị Hạnh (2025-2026), *"Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến kim ngạch xuất khẩu trái cây của Việt Nam"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

Hình thức thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm (50 câu, thời gian 75 phút, thang điểm 10). Cấu trúc đề thi phân bổ theo các CLO và mức nhận thức như sau:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra – đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Trình bày học thuyết KTQT nền tảng và đặc điểm kinh tế thế giới để ứng dụng nhận diện cơ hội trong công việc chuyên môn kinh tế | Trắc nghiệm | 25% | 2,5 | X | |
| **CLO2** | Phân tích chính sách và biện pháp thương mại quốc tế để đánh giá tác động đến nền kinh tế và hoạt động kinh doanh | Trắc nghiệm | 25% | 2,5 | X | |
| **CLO3** | Phân tích và đánh giá môi trường đầu tư quốc tế để đề xuất giải pháp thu hút đầu tư phù hợp địa phương | Trắc nghiệm | 25% | 2,5 | X | |
| **CLO4** | Đánh giá liên kết và hội nhập KTQT của Việt Nam để đề xuất giải pháp tận dụng cơ hội và ứng phó thách thức | Trắc nghiệm | 25% | 2,5 | X | |

**Ghi chú về cấu trúc đề thi:**

- Tổng số câu: 50 câu trắc nghiệm (mỗi câu 0,2 điểm), thời gian 75 phút.
- Phân bổ mức nhận thức: 60% Nhớ – Hiểu (30 câu); 20% Vận dụng – Phân tích (10 câu); 20% Đánh giá – Sáng tạo (10 câu),
- Phân bổ theo chương: Chương 1-2 (30%); Chương 3 (30%); Chương 4 (20%); Chương 5 (20%).

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KINH TẾ - KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học.** **Chương trình đào tạo: Ngành Kế Toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần: KT2.1.003.3**

**1.2. Tên học phần: Marketing căn bản**

**1.3. Loại học phần: Tự chọn**

**1.4. Số tín chỉ: 03 (02 tín chỉ lý thuyết + 01 tín chỉ thực hành)**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Bài tập thực hành, seminar: 0
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 45
- Thực tập: 0
- Tự học: 75 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: (Không)
- Học phần học trước: (Không)

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Hoàng Thị Hạnh | Thạc sĩ | Bộ môn Kinh tế - Quản trị kinh doanh |
| 2 | Nguyễn Thuý Hằng | Thạc sĩ | Bộ môn Kinh tế - Quản trị kinh doanh |
| 3 | Đỗ Hải Yến | Tiến sĩ | Bộ môn Kinh tế - Quản trị kinh doanh |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Marketing căn bản cung cấp cho sinh viên ngành Kế toán những kiến thức nền tảng về hệ thống các nguyên lý marketing và cách thức vận hành của chúng trong môi trường kinh doanh hiện đại. Người học được nghiên cứu các vấn đề về môi trường marketing, hành vi khách hàng, phân đoạn và định vị thị trường, đồng thời đi sâu vào việc triển khai các chiến lược marketing hỗn hợp gồm sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến thương mại. Thông qua quá trình thảo luận và giải quyết các bài tập tình huống, sinh viên hình thành năng lực phân tích thị trường, kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và giao tiếp hiệu quả trong môi trường chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, học phần bồi dưỡng thái độ học tập nghiêm túc, ý thức tôn trọng các chuẩn

mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm của người làm kinh doanh đối với cộng đồng

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

- CO1: Trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về các nguyên lý marketing, môi trường marketing, hành vi khách hàng, chiến lược thị trường mục tiêu và định vị, chiến lược marketing hỗn hợp gồm sản phẩm, giá cả, phân phối và xúc tiến thương mại; từ đó hiểu được cách thức vận hành của marketing trong thực tiễn kinh doanh của doanh nghiệp.

- CO2: Hình thành cho người học năng lực phân tích môi trường và thị trường, kỹ năng vận dụng các công cụ marketing hỗn hợp vào tình huống kinh doanh cụ thể; phát triển kỹ năng làm việc nhóm, thuyết trình và giao tiếp hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp đa dạng.

- CO3: Xây dựng thái độ học tập nghiêm túc, ý thức hợp tác và trách nhiệm trong làm việc nhóm, tinh thần tôn trọng các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm của người làm kinh doanh đối với cộng đồng xã hội.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày và giải thích được các khái niệm, nguyên lý cơ bản của marketing, môi trường marketing, hành vi khách hàng và quy trình lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị thị trường. | X | | |
| CLO2 | Mô tả và giải thích được nội dung các chiến lược marketing hỗn hợp (sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến thương mại) và quy trình xây dựng kế hoạch marketing của doanh nghiệp. | X | | |
| CLO3 | Vận dụng được kiến thức marketing để phân tích tình huống kinh doanh thực tế, nhận diện vấn đề và đề xuất giải pháp marketing phù hợp; thực hiện được tính toán giá sản phẩm theo phương pháp lãi cộng vào giá thành và tỷ suất lợi nhuận mục tiêu. | | X | |
| CLO4 | Thể hiện thái độ học tập tích cực, nghiêm túc; ý thức trách nhiệm và tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm; tôn trọng chuẩn | | | X |

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| | mực đạo đức kinh doanh và trách nhiệm của người làm marketing đối với khách hàng và cộng đồng. | | | |
| CLO5 | Thực hiện được khảo sát, thu thập và xử lý dữ liệu thị trường thực tế tại doanh nghiệp; viết được báo cáo thu hoạch và thuyết trình kết quả khảo sát hoạt động marketing thực địa. | | X | |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* |
|---|---|
| | **PLO 6** |
| CLO1 | I |
| CLO2 | I |
| CLO3 | I |
| CLO4 | |
| CLO5 | R |
| **Học phần Marketing căn bản (**)** | **I** |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức tham gia học tập; mức độ tích cực tham gia thảo luận nhóm và xây dựng bài | CLO4 | 100% | X | |

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 20% | 01 bài kiểm tra tiểu luận cá nhân, thực hiện sau khi học xong Chương 1 đến Chương 5 | CLO1<br>CLO2 | 50%<br>50% | X | |
| A3. Báo cáo thực tế/thực địa | 20% | Báo cáo thu hoạch cá nhân/nhóm sau đợt thực tế tại doanh nghiệp (ứng với 45 giờ thực hành ngoài trường); có phiếu nhận xét, đánh giá của đơn vị/cán bộ hướng dẫn thực tế; thuyết trình kết quả khảo sát, phân tích hoạt động marketing thực tế trước lớp. Đánh giá theo Rubric tại mục 6.1. | CLO3<br>CLO4<br>CLO5 | 30%<br>20%<br>50% | X | |
| A4. Đánh giá cuối kỳ | 50% | Thi kết thúc học phần bằng hình thức trắc nghiệm khách quan (50 câu); thời gian làm bài 75 phút; đề thi bao quát toàn bộ nội dung học phần | CLO1<br>CLO2<br>CLO3 | 30%<br>30%<br>40% | X | |

### 6.1. Rubric đánh giá cấu phần A3 (Báo cáo thực tế/thực địa)

| Tiêu chí đánh giá | Trọng số (%) | Mức Tốt (8,5 – 10 điểm) | Mức Đạt (5 – 8,4 điểm) | Mức Chưa đạt (dưới 5 điểm) |
|---|---|---|---|---|
| Nội dung báo cáo thu hoạch (mô tả quy trình marketing thực tế, phân tích tình huống tại đơn vị) | 40% | Mô tả chính xác, đầy đủ; phân tích sâu sắc có số liệu minh chứng; đề xuất giải pháp khả thi, có tính sáng tạo | Mô tả đúng, tương đối đầy đủ; phân tích cơ bản; đề xuất phù hợp | Mô tả sơ sài, thiếu số liệu; phân tích hời hợt hoặc sao chép nội dung |
| Kỹ năng khảo sát, thu thập và xử lý dữ liệu thị trường | 20% | Sử dụng thành thạo công cụ khảo sát; dữ liệu thu thập đầy đủ; xử lý khoa học, logic | Thu thập dữ liệu cơ bản đầy đủ; xử lý đúng nhưng chưa sâu | Dữ liệu thiếu, xử lý sai hoặc không có minh chứng thu thập |
| Thuyết trình kết quả khảo sát trước lớp | 20% | Trình bày rõ ràng, logic, tự tin; trả lời tốt câu hỏi phản biện | Trình bày đúng nội dung, còn hạn chế về kỹ năng diễn đạt | Trình bày lúng túng, không nắm rõ nội dung |
| Nhận xét, đánh giá của đơn vị/cán bộ hướng dẫn thực tế (theo phiếu đánh giá) | 10% | Được đơn vị đánh giá tích cực, chủ động, chấp hành tốt quy định | Được đơn vị đánh giá đạt yêu cầu | Bị đơn vị nhắc nhở về thái độ, ý thức tham gia |
| Thái độ, tác phong tham gia hoạt động thực tế | 10% | Tham gia đầy đủ, nghiêm túc, chủ động ghi chép, đặt câu hỏi | Tham gia đầy đủ, thực hiện đúng yêu cầu | Vắng mặt hoặc thiếu nghiêm túc trong quá trình tham gia |

## 7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường, seminar | Thực tế ngoài trường | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | **Giới thiệu học phần.**<br>Chương 1: Bản chất của marketing<br>1.1. Bản chất của marketing<br>1.2. Quản trị marketing | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Trình bày được bản chất, vai trò và chức năng của marketing; giải thích được quy trình quản trị marketing trong doanh nghiệp | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm | Đọc Chương 1 TLBB; thảo luận về vai trò của marketing trong thực tiễn kinh doanh; điểm danh | Điểm danh; câu hỏi nhanh |
| 2 | Chương 2: Môi trường marketing<br>2.1. Tổng quan về hệ thống hoạt động marketing và môi trường | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Trình bày được hệ thống hoạt động marketing; phân tích | CLO1, CLO3, CLO4 | Thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận nhóm, nghiên cứu | Đọc Chương 2 TLBB mục 2.1-2.2; bài tập nhóm phân tích môi trường vi mô của một doanh nghiệp | Đánh giá qua thảo luận nhóm |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường, seminar | Thực tế ngoài trường | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | marketing<br>2.2. Tác động của môi trường vi mô tới hoạt động marketing | | | | | | được tác động của các yếu tố môi trường vi mô đến hoạt động marketing của doanh nghiệp | | tình huống | | |
| 3 | Chương 2 (tiếp)<br>2.3. Tác động của môi trường vĩ mô tới hoạt động marketing<br>Bài tập chương 2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Phân tích được tác động của các yếu tố môi trường vĩ mô đến hoạt động marketing; nhận diện được cơ hội | CLO1, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống | Đọc GT mục 2.3; bài tập nhóm phân tích môi trường marketing của một doanh nghiệp; thuyết trình kết quả nhóm | Bài tập nhóm |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường, seminar | Thực tế ngoài trường | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | và thách thức từ môi trường kinh doanh | | | | |
| 4 | Chương 3: Hành vi khách hàng<br>3.1. Thị trường người tiêu dùng và hành vi mua của người tiêu dùng<br>3.2. Thị trường các tổ chức và hành vi mua là tổ chức | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua của người tiêu dùng và tổ chức; nhận dạng được nhu cầu khách hàng để đề xuất ứng xử marketing phù hợp | CLO1, CLO3 | Thuyết trình, vấn đáp, nghiên cứu tình huống | Đọc Chương 3 TLBB; bài tập nhóm phân tích hành vi mua của một nhóm khách hàng cụ thể; thảo luận lớp | Câu hỏi vấn đáp; thảo luận tình huống |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường, seminar | Thực tế ngoài trường | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 5 | Chương 4: Lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường<br>4.1. Đo lường và dự báo cầu thị trường<br>4.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Mô tả được phương pháp đo lường, dự báo cầu thị trường và quy trình lựa chọn thị trường mục tiêu | CLO1, CLO3 | Thuyết trình, thảo luận nhóm, sơ đồ tư duy | Đọc Chương 4 TLBB mục 4.1-4.2; bài tập nhóm ước lượng quy mô thị trường mục tiêu cho một sản phẩm | Bài tập cá nhân |
| 6 | Chương 4 (tiếp)<br>4.3. Định vị thị trường<br>Bài tập chương 4 | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Mô tả được quy trình định vị thương hiệu/sản phẩm; vận dụng vào phân tích trường hợp thực tế | CLO1, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống | Đọc GT mục 4.3; bài tập nhóm lập bản đồ định vị cho một sản phẩm; thuyết trình trước lớp | Đánh giá qua bài tập chương 4 |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường, seminar | Thực tế ngoài trường | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 7 | Chương 5: Chiến lược, kế hoạch, tổ chức và kiểm tra marketing<br>5.1. Lập chiến lược và kế hoạch marketing của công ty<br>5.2. Hệ thống tổ chức marketing<br>5.3. Kiểm tra marketing<br>*Kiểm tra thường xuyên (01 tiết – cuối buổi, nội dung Chương 1–5)* | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Trình bày được các bước lập chiến lược và kế hoạch marketing; mô tả được hệ thống tổ chức và quy trình kiểm tra hoạt động marketing trong doanh nghiệp | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích tình huống, kiểm tra viết | Đọc Chương 5 TLBB; thực hành nhóm phác thảo kế hoạch marketing đơn giản; làm bài kiểm tra thường xuyên A2. | Nộp bài kiểm tra thường xuyên (tiểu luận cá nhân, nội dung Chương 1-5) |
| 8 | Chương 6: Các quyết định về sản phẩm | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Giải thích được các quyết định | CLO2, CLO3 | Thuyết trình, thảo luận | Đọc Chương 6 TLBB mục 6.1-6.3; bài tập nhóm phân | Đánh giá qua thảo |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường, seminar | Thực tế ngoài trường | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 6.1. Sản phẩm theo quan điểm marketing<br>6.2. Các quyết định về nhãn hiệu sản phẩm<br>6.3. Quyết định về bao gói và dịch vụ sản phẩm | | | | | | về sản phẩm, nhãn hiệu, bao gói và dịch vụ sản phẩm theo quan điểm marketing | | nhóm, phân tích tình huống | tích chính sách nhãn hiệu, bao gói của một sản phẩm | luận nhóm |
| 9 | Chương 6 (tiếp)<br>6.4. Quyết định về danh mục và chủng loại sản phẩm<br>6.5. Thiết kế và marketing sản phẩm mới<br>6.6. Chu kỳ sống của sản phẩm | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Phân tích được chu kỳ sống sản phẩm và chiến lược marketing tương ứng từng giai đoạn; giải thích được quy trình | CLO2, CLO3 | Thuyết trình, thảo luận nhóm, phân tích tình huống | Đọc GT mục 6.4-6.6; bài tập nhóm phân tích chu kỳ sống của một sản phẩm cụ thể | Bài tập nhóm |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường, seminar | Thực tế ngoài trường | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | phát triển sản phẩm mới | | | | |
| 10 | Chương 7: Các quyết định về giá cả<br>7.1. Những vấn đề chung về giá<br>7.2. Các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến quyết định về giá | 3 | 0 | 0 | 0 | 5 | Trình bày được các vấn đề chung về giá; phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định về giá của doanh nghiệp | CLO2, CLO3 | Thuyết giảng, thảo luận nhóm, giải bài tập | Đọc Chương 7 TLBB mục 7.1-7.2; bài tập nhóm nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến giá của một sản phẩm | Câu hỏi vận dụng |
| 11 | Chương 7 (tiếp)<br>7.3. Xác định mức giá cơ bản (phương pháp lãi | 3 | 0 | 0 | 0 | 5 | Thực hiện được tính toán mức giá | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết giảng, thực hành | Đọc GT mục 7.3-7.4; thực hành tính giá sản phẩm theo | Bài tập tính giá |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường, seminar | Thực tế ngoài trường | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | cộng vào giá thành; phương pháp tỷ suất lợi nhuận mục tiêu)<br>7.4. Các chiến lược giá | | | | | | cơ bản theo phương pháp lãi cộng vào giá thành và tỷ suất lợi nhuận mục tiêu; lựa chọn được chiến lược giá phù hợp với từng tình huống | | tính toán, thảo luận nhóm, giải bài tập | bài tập số liệu; bài tập nhóm thiết kế chiến lược giá cho một sản phẩm cụ thể | |
| 12 | Chương 8: Các quyết định về phân phối<br>8.1. Bản chất và tầm quan trọng của kênh phân | 3 | 0 | 0 | 0 | 5 | Mô tả được cấu trúc kênh phân phối và nguyên tắc lựa chọn, | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận | Đọc Chương 8 TLBB; bài tập nhóm thiết kế kênh phân phối cho một sản phẩm/doanh nghiệp; thuyết trình | Đánh giá qua bài tập nhóm |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường, seminar | Thực tế ngoài trường | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | phối<br>8.2. Cấu trúc kênh phân phối<br>8.3. Lựa chọn và quản lý kênh phân phối<br>8.4. Quyết định phân phối hàng hóa vật chất<br>8.5. Marketing của doanh nghiệp bán buôn và bán lẻ | | | | | | quản lý kênh; phân tích được các quyết định phân phối hàng hóa vật chất phù hợp với từng loại doanh nghiệp | | nhóm | phương án trước lớp | |
| 13 | Chương 9: Chiến lược xúc tiến hỗn hợp<br>9.1. Khái niệm và bản chất xúc tiến hỗn hợp – truyền thông marketing<br>9.2. Quản trị | 3 | 0 | 0 | 0 | 5 | Trình bày được bản chất và các công cụ của xúc tiến hỗn hợp; hệ thống hóa và | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống, hệ | Đọc Chương 9 TLBB; bài tập nhóm thiết kế chiến dịch truyền thông marketing; ôn tập theo CLO, làm bài tập tình huống tổng | Đánh giá tổng hợp qua bài tập tình huống; |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường, seminar | Thực tế ngoài trường | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | truyền thông và các bước tiến hành hoạt động truyền thông<br>9.3. Xác lập hỗn hợp xúc tiến và ngân sách<br>9.4. Quảng cáo;<br>9.5. Xúc tiến bán;<br>9.6. Tuyên truyền<br>9.7. Bán hàng cá nhân; 9.8. Marketing trực tiếp<br>Hệ thống hóa và ôn tập học phần | | | | | | vận dụng được toàn bộ kiến thức học phần vào phân tích tình huống marketing tổng hợp; nắm vững trọng tâm chuẩn bị thi kết thúc học phần | | thống hóa, hướng dẫn ôn thi | hợp; chuẩn bị đề cương ôn thi trắc nghiệm | hướng dẫn ôn thi |
| 14- 15 | Đi thực tế tại doanh nghiệp (5 buổi)<br>Khảo sát, phân tích hoạt động | 0 | 0 | 45 | 0 | 5 | Vận dụng được kiến thức về môi trường marketing, | CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 | Tổ chức tham quan, khảo sát thực tế tại doanh | Chuẩn bị đề cương câu hỏi, phiếu khảo sát trước buổi thực tế; tham gia đầy đủ,<br>Viết và nộp báo cáo | Nhận xét, đánh giá của đơn |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường, seminar | Thực tế ngoài trường | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | marketing thực tế và báo cáo thu hoạch | | | | | | hành vi khách hàng, chiến lược marketing hỗn hợp (sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến) đã học để nhận diện, phân tích quy trình marketing thực tế tại doanh nghiệp; thực hiện được khảo sát, thu thập và xử lý dữ liệu thị | | nghiệp/siêu thị/trung tâm thương mại có hoạt động marketing điển hình; kết hợp thuyết trình của cán bộ chuyên môn, quan sát quy trình thực tế, phỏng vấn khách hàng, thực hành tính | thu hoạch cá nhân/nhóm sau chuyến đi. | vị/cán bộ hướng dẫn thực tế; chấm báo cáo thu hoạch |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường, seminar | Thực tế ngoài trường | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | trường; thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, chủ động quan sát, ghi chép và hoàn thành báo cáo thu hoạch. | | giá và thảo luận nhóm | | |
| **Cộng** | | **30** | **0** | **45** | **0** | **75** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Trần Minh Đạo (2013), Giáo trình marketing căn bản, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội;

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Trương Đình Chiến (2018), Giáo trình quản trị Marketing, NXB Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội.

[3] Trần Thị Diên, Trần Thảo Nguyên (2023-2024), *"Giải pháp phát triển sản xuất và tiêu thụ sản phẩm OCOP thuộc nhóm ngành thực phẩm tỉnh Tuyên Quang"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào.

[4]Đỗ Hải Yến, Trần Việt Sơn, Lê Quang Minh (2025-2026), *"Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng tới mức độ hài lòng của khách hàng khi sử dụng dịch vụ viễn thông di động tại tỉnh Tuyên Quang"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào (liên quan yếu — có thể bỏ)

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| **Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO)** | **Nội dung CLO** | **Hình thức kiểm tra - đánh giá** | **Trọng số của CLO trong đề thi (%)** | **Điểm số tối đa** | **Cần đo lường mức đạt CLO** | **Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| CLO1 | Trình bày và giải thích được các khái niệm, nguyên lý cơ bản của marketing, môi trường marketing, hành vi khách hàng và quy trình lựa chọn thị trường mục tiêu, định vị thị trường. | Trắc nghiệm | 30% (15 câu) | 3,0 | X | |
| CLO2 | Mô tả và giải thích được nội dung các chiến lược marketing hỗn hợp (sản phẩm, giá, phân phối, xúc tiến thương mại) và | Trắc nghiệm | 30% (15 câu) | 3,0 | X | |

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | quy trình xây dựng kế hoạch marketing của doanh nghiệp. | | | | | |
| CLO3 | Vận dụng được kiến thức marketing để phân tích tình huống kinh doanh thực tế và thực hiện được tính toán giá sản phẩm theo phương pháp lãi cộng vào giá thành và tỷ suất lợi nhuận mục tiêu. | Trắc nghiệm | 40% (20 câu) | 4,0 | X | |
| **Tổng** | | | **100%** | **10,0** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần: KT2.1.012.3**

**1.2. Tên học phần: Kế toán tài chính 1**

**1.3. Loại học phần: Bắt buộc**

**1.4. Số tín chỉ: 03**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thực tế: 45 giờ
- Tự học: 75 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Học phần học trước: (Không)

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Trần Thị Diên | Tiến sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |
| 2 | Phạm Trung Nghĩa | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 3 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Kế toán tài chính 1 cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về kế toán tài chính trong doanh nghiệp, bao gồm: tổng quan về kế toán tài chính; kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và tạm ứng; kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa. Người học được vận dụng các nguyên tắc, quy định và phương pháp kế toán để xử lý chứng từ, tính toán, định khoản và ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; đồng thời vận dụng kiến thức vào thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp. Qua học phần, người học hình thành khả năng tự học, làm việc độc lập và phối hợp trong công việc; rèn luyện tính cẩn thận, trung thực, khách quan, ý thức trách nhiệm và tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)

- CO1: Trang bị cho người học kiến thức về các nguyên tắc, quy định và phương pháp kế toán đối với vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và tạm ứng; nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa trong doanh nghiệp.
- CO2: Vận dụng kiến thức kế toán để xử lý chứng từ, tính toán, định khoản, ghi sổ và giải quyết các nghiệp vụ kinh tế phát sinh thuộc các phần hành kế toán của học phần; vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp.

- CO3: Hình thành ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận, trung thực, khách quan và tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; có tinh thần tự học, làm việc độc lập và phối hợp trong công việc.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày và giải thích được các nguyên tắc, quy định, phương pháp và nội dung kế toán các phần hành thuộc học phần. | x | | |
| CLO2 | Vận dụng được hệ thống chứng từ và tài khoản để xử lý, định khoản các nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp. | x | x | |
| CLO3 | Tính toán, định khoản và ghi sổ được các nghiệp vụ kế toán tổng hợp thuộc nội dung học phần. | | x | |
| CLO4 | Thể hiện tính cẩn thận, trung thực, trách nhiệm; có khả năng tự học và tuân thủ các quy định, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* | |
|---|---|---|
| | PLO 3 | PLO 4 |
| **CLO 1** | I | I |
| **CLO 2** | R | I |
| **CLO 3** | R | R |
| **CLO 4** | R | R |
| **Học phần Kế toán tài chính 1** | **R** | **R** |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Chuyên cần, tham gia thảo luận và hoạt động học tập. | CLO4 | 100% | | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | Bài kiểm tra thường xuyên; Bài tập thực hành; Báo cáo thực tế | CLO1 | 30% | | |
| | | | CLO2 | 30% | | |
| | | | CLO3 | 40% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi tự luận | CLO1 | 30% | CLO1 | |
| | | | CLO2 | 30% | CLO2 | |
| | | | CLO3 | 40% | CLO3 | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Nội dung giảng dạy | LT | Thực tế (giờ) | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | CLO | Phương pháp giảng dạy | Hoạt động học của người học | Kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **Chương 1. Tổng quan về kế toán tài chính trong doanh nghiệp**<br>1.1. Hệ thống pháp lý về kế toán doanh nghiệp.<br>1.2. Vai trò, nhiệm vụ của kế toán tài chính.<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 1** | 3 | 0 | 7 | Trình bày được hệ thống pháp lý, vai trò và nhiệm vụ của kế toán tài chính trong doanh nghiệp. | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, phân tích ví dụ | Đọc tài liệu, thảo luận, trả lời câu hỏi | Chuyên cần, hỏi đáp |
| **2** | **Chương 1 (tiếp theo)**<br>1.3. Các nguyên tắc kế toán cơ bản.<br>1.4. Các yếu tố của báo cáo tài chính.<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 1 (tiếp)** | 3 | 0 | 7 | Giải thích được các nguyên tắc kế toán cơ bản và các yếu tố của báo cáo tài chính. | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, phân tích ví dụ | Nghiên cứu tài liệu, thảo luận, trả lời câu hỏi | Hỏi đáp, bài tập |
| **3** | **Chương 1 (tiếp theo)**<br>1.5. Tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp.<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 1 (tiếp)** | 3 | 0 | 7 | Trình bày và giải thích được nội dung tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp. | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, nêu vấn đề, phân tích ví dụ | Nghiên cứu tài liệu, thảo luận, làm bài tập | Hỏi đáp, bài tập |

| Tuần | Nội dung giảng dạy | LT | Thực tế (giờ) | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | CLO | Phương pháp giảng dạy | Hoạt động học của người học | Kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **4** | **Chương 1 (tiếp theo)**<br>1.5. (tiếp)<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 1 (tiếp)** | 1 | 0 | 7 | Giải thích được nội dung tổ chức công tác kế toán; vận dụng chứng từ, tài khoản để xử lý các nghiệp vụ vốn bằng tiền. | CLO1, CLO2, CLO4 | Thuyết trình, giảng giải, phân tích ví dụ | Nghiên cứu tài liệu, xác định chứng từ, tài khoản và định khoản | Hỏi đáp, đánh giá bài tập<br>Đánh giá bài tập |
| | **Chương 2. Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và tạm ứng**<br>2.1. Nội dung và yêu cầu kế toán.<br>2.2. Kế toán vốn bằng tiền.<br>* Câu hỏi, bài tập Chương 2. | 2 | | | | | | | |
| **5** | **Chương 2 (tiếp theo)**<br>2.2. (tiếp)<br>2.3. Kế toán chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 2 (tiếp)** | 3 | 0 | 7 | Vận dụng được chứng từ, tài khoản để xử lý, định khoản các nghiệp vụ vốn bằng tiền và đầu tư ngắn hạn. | CLO2, CLO3 | Giảng giải, phân tích ví dụ, bài tập | Xác định chứng từ, tài khoản; thực hành định khoản và ghi sổ | Đánh giá bài tập |
| **6** | **Chương 2 (tiếp theo)**<br>2.4. Kế toán các khoản phải thu.<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 2 (tiếp)** | 3 | 0 | 7 | Vận dụng được chứng từ, tài khoản để xử lý, định khoản và ghi sổ các nghiệp vụ về các khoản phải thu. | CLO2, CLO3 | Giảng giải, phân tích tình huống, bài tập | Xác định chứng từ, tài khoản, định khoản và ghi sổ | Đánh giá bài tập |

| Tuần | Nội dung giảng dạy | LT | Thực tế (giờ) | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | CLO | Phương pháp giảng dạy | Hoạt động học của người học | Kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **7** | **Chương 2 (tiếp theo)**<br>2.5. Kế toán tạm ứng.<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 2 (tiếp)** | 2 | 0 | 7 | Vận dụng được chứng từ, tài khoản để xử lý các nghiệp vụ tạm ứng và nguyên liệu, vật liệu. | CLO1, CLO2, CLO4 | Thuyết trình, phân tích ví dụ, bài tập | Xác định chứng từ, tài khoản và thực hành định khoản | **Kiểm tra thường xuyên 1** |
| | **Chương 3. Kế toán hàng tồn kho**<br>3.1. Nội dung và yêu cầu kế toán.<br>3.2. Kế toán nguyên liệu, vật liệu.<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 3** | 1 | | | | | | | |
| **8** | **Chương 3. (tiếp theo)**<br>3.2. (tiếp)<br>3.3. Kế toán công cụ, dụng cụ.<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 3 (tiếp)** | 3 | 0 | 7 | Tính toán, định khoản và ghi sổ được các nghiệp vụ về nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ. | CLO2, CLO3 | Thuyết trình, nêu vấn đề, bài tập | Tính toán, xác định chứng từ, định khoản và ghi sổ | Đánh giá bài tập |
| **9** | **Chương 3 (tiếp theo)**<br>3.4. Kế toán sản phẩm.<br>3.5. Kế toán hàng hóa.<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 3 (tiếp)** | 3 | 0 | 7 | Vận dụng được chứng từ, tài khoản để xử lý, định khoản và ghi sổ các nghiệp vụ về sản phẩm, hàng hóa. | CLO2, CLO3 | Phân tích ví dụ, bài tập thực hành | Xác định chứng từ, tính toán, định khoản và ghi sổ | Đánh giá bài tập |
| **10** | **Chương 3. (tiếp theo)**<br>4.4. Kiểm kê và xử lý | 3 | 0 | 7 | Tính toán, định khoản và ghi sổ được | CLO2, CLO3 | Bài tập thực hành, | Tính toán, định khoản, | **Kiểm tra thường** |

| Tuần | Nội dung giảng dạy | LT | Thực tế (giờ) | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | CLO | Phương pháp giảng dạy | Hoạt động học của người học | Kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | chênh lệch hàng tồn kho<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 3 (tiếp)** | | | | các nghiệp vụ về kiểm kê và xử lý chênh lệch hàng tồn kho. | | bài tập tổng hợp | ghi sổ và giải bài tập tổng hợp | **xuyên 3** |
| **11-15** | **Thực tế doanh nghiệp:**<br>Vận dụng lý thuyết và thực hành các nghiệp vụ liên quan đến nội dung kế toán thuộc học phần Kế toán tài chính 1. Viết báo cáo thu hoạch. | 0 | 45 | 5 | Vận dụng kiến thức, kỹ năng để nhận diện chứng từ, tài khoản và xử lý nghiệp vụ kế toán trong thực tế; thể hiện trách nhiệm, tính cẩn thận và tuân thủ nghề nghiệp | **CLO2, CLO3, CLO4** | Hướng dẫn thực tế tại doanh nghiệp | Quan sát, thu thập thông tin, vận dụng kiến thức và hoàn thiện báo cáo | Đánh giá báo cáo thực tế |
| | **Cộng** | **30** | **45** | **75** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Bộ Tài chính (2025), Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Hà Nội.

[2] Trương Thị Thủy, Ngô Thị Thu Hồng (2019), Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[3] Trần Thị Diên, Nguyễn Thị Bắc (2019). Kế toán tài chính 1. Sách tham khảo. NXB Đại học Thái Nguyên. ISBN: 978-604-915-838-4.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Trình bày, giải thích các khái niệm, nguyên tắc, quy định, phương pháp và nội dung kế toán thuộc học phần. | Câu hỏi tự luận lý thuyết. | 30% | 3,0 | CLO1 | |
| **CLO2** | Vận dụng kiến thức để xác định chứng từ, nội dung và kết cấu tài khoản, lựa chọn tài khoản và định khoản các nghiệp vụ kế toán. | Câu hỏi tự luận kết hợp lý thuyết và vận dụng. | 30% | 3,0 | CLO2 | |
| **CLO3** | Tính toán, xác định chứng từ, định khoản và ghi sổ các nghiệp vụ kế toán tổng hợp thuộc nội dung học phần. | Tự luận: bài tập tổng hợp | 40% | 4,0 | CLO3 | |
| **Tổng cộng** | | | **100%** | **10,0** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo:** Đại học. **Chương trình đào tạo:** Kế toán

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.014.4

**1.2. Tên học phần:** Kế toán tài chính 2

**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc

**1.4. Số tín chỉ:** 03

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 giờ (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Bài tập thực hành, semina: 0 giờ
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 45
- Thực tập: 0
- Tự học: 75 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Học phần học trước: Kế toán tài chính 1

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Đỗ Thị Mỹ Huyền | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 3 | Trần Thị Diên | Tiến sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Kế toán tài chính 2 trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng về kế toán tài sản cố định và đầu tư dài hạn; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp. Người học vận dụng các nguyên tắc, phương pháp kế toán để xác định chứng từ, sử dụng tài khoản, tính toán, định khoản và ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; đồng thời vận dụng kiến thức vào thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp. Qua học phần, người học rèn luyện tính chủ động, cẩn trọng, trách nhiệm và tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

- **CO1:** Trang bị kiến thức về nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản cố định, đầu tư dài hạn, tiền lương, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm.

- **CO2:** Hình thành kỹ năng xác định chứng từ, sử dụng tài khoản, tính toán, định khoản và ghi sổ các nghiệp vụ kế toán thuộc học phần.

- **CO3:** Rèn luyện tính chủ động, cẩn trọng, trách nhiệm và tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày và giải thích được các nguyên tắc, quy định, phương pháp và nội dung kế toán các phần hành thuộc học phần. | x | | |
| CLO2 | Vận dụng được hệ thống chứng từ và tài khoản để xử lý, định khoản các nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp. | x | x | |
| CLO3 | Tính toán, định khoản và ghi sổ được các nghiệp vụ kế toán tổng hợp thuộc nội dung học phần. | | x | |
| CLO4 | Thể hiện tính cẩn thận, trung thực, trách nhiệm; có khả năng tự học và tuân thủ các quy định, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) |
|---|---|
| | **PLO2** |
| **CLO1** | M,A |
| **CLO2** | M,A |
| **CLO3** | M,A |
| **CLO4** | R |
| **Học phần Kế toán tài chính 2** | **M,A** |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Chuyên cần, tham gia thảo luận và hoạt động học tập. | CLO4 | 100% | | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | Bài kiểm tra thường xuyên; Bài tập thực hành; Báo cáo thực tế | CLO1 | 30% | | |
| | | | CLO2 | 30% | | |
| | | | CLO3 | 40% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi tự luận | CLO1 | 30% | CLO1 | **PLO2** |
| | | | CLO2 | 30% | CLO2 | |
| | | | CLO3 | 40% | CLO3 | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | **Chương 4. Kế toán tài sản cố định và đầu tư dài hạn**<br>4.1. Nội dung và yêu cầu kế toán.<br>4.2. Kế toán tài sản cố định.<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 4.** | 3 | 0 | 7 | | | Trình bày được nguyên tắc ghi nhận, đánh giá TSCĐ; vận dụng chứng từ, tài khoản để xử lý các nghiệp vụ TSCĐ. | **CLO 1, CLO 4** | Thuyết trình, phân tích tình huống, hướng dẫn bài tập | Đọc tài liệu, thảo luận, xác định chứng từ, tài khoản và định khoản | Hỏi đáp, đánh giá bài tập |
| 2 | **Chương 4 (tiếp theo)**<br>4.3. Kế toán hao mòn tài sản cố định.<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 4 (tiếp)** | 3 | 0 | 7 | | | Tính toán, định khoản và ghi sổ được các nghiệp vụ về hao mòn, khấu hao TSCĐ. | **CLO 2, CLO 3** | Giảng giải, phân tích ví dụ, bài tập | Tính khấu hao, định khoản và ghi sổ | Đánh giá bài tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 3 | **Chương 4 (tiếp theo)**<br>4.4. Kế toán các khoản đầu tư.<br>4.4. Kế toán tài sản dài hạn khác<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 4 (tiếp)** | 3 | 0 | 7 | | | Vận dụng chứng từ, tài khoản để tính toán, định khoản và ghi sổ các nghiệp vụ về các khoản đầu tư và tài sản dài hạn khác. | **CLO 2, CLO 3** | Thuyết trình, phân tích ví dụ, bài tập tình huống | Nghiên cứu tài liệu, thực hành định khoản và ghi sổ | Đánh giá bài tập |
| 4 | **Chương 4 (tiếp theo)**<br>4.5. Kế toán dự phòng tổn thất tài sản.<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 4 (tiếp)** | 1 | | | | 7 | Vận dụng được phương pháp kế toán dự phòng tổn thất tài sản; | **CLO 2, CLO 3** | Thuyết trình, vấn đáp, phân tích ví dụ | Đọc tài liệu, thảo luận, làm bài tập | **Kiểm tra thường xuyên 1** |
| | **Chương 5. Kế toán tiền lương** | 2 | | | | | Trình bày được ý nghĩa và nhiệm | **CLO 1,** | Thuyết trình, | Đọc tài liệu, tính | Vấn đáp, |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | **và các khoản trích theo tiền lương**<br>5.1. Nhiệm vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương<br>5.1.1. Ý nghĩa việc quản lý lao động, tiền lương và các khoản trích theo lương<br>5.1.2. Nhiệm vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương<br>* Câu hỏi, bài tập Chương 5 | | | | | | vụ kế toán tiền lương, các khoản trích theo lương. | **CLO 4** | vấn đáp, nêu vấn đề, hướng dẫn bài tập | lương và các khoản trích theo lương | đánh giá bài tập |
| 5 | **Chương 5. (tiếp theo)**<br>**5.2. Hình thức tiền lương, quỹ tiền** | 3 | 0 | 0 | 0 | 7 | Vận dụng được các hình thức trả lương và quy định về các khoản trích | **CLO 1, CLO 4** | Thuyết trình, phân tích ví | Xác định chứng từ, tài khoản; | Đánh giá bài tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | **lương và các khoản trích theo lương**<br>**5.2.1. Các hình thức trả lương**<br>**5.2.2. Quỹ tiền lương**<br>**5.2.3. Các khoản trích nộp theo lương**<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 5 (tiếp theo)** | | | | | | theo lương để tính tiền lương và các khoản trích theo lương. | | dụ, hướng dẫn bài tập | tính toán, phân bổ và định khoản | |
| 6 | **Chương 5 (tiếp theo)**<br>**5.2. (tiếp)**<br>**5.3. Kế toán tổng hợp tiền lương và các khoản trích theo lương**<br>**5.3.1. Các chứng từ hạch toán lao động, tính lương và trợ cấp bảo hiểm xã** | 3 | 0 | 0 | 0 | 7 | Xác định được chứng từ, tài khoản; tính toán, phân bổ và định khoản các nghiệp vụ tiền lương và các khoản trích theo lương. | **CLO 2, CLO 3** | Thuyết trình, hệ thống hóa, bài tập tình huống | Làm bài tập tổng hợp về kế toán tiền lương. | Đánh giá bài tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | **hội.**<br>**5.3.2. Tài khoản kế toán sử dụng.**<br>**5.3.3. Tổng hợp, phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương.**<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 5 (tiếp theo)** | | | | | | | | | | |
| 7 | **Chương 5 (tiếp theo)**<br>**5.3. (tiếp)**<br>**5.3.4. Trình tự kế toán các nghiệp vụ liên quan đến tiền lương, các khoản trích theo lương.**<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 5** | 2 | | | | 7 | Định khoản, ghi sổ được các nghiệp vụ tiền lương.<br>Phân loại được CPSX, giá thành; xác định được đối tượng và vận dụng phương pháp tập hợp | **CLO 1, CLO 4** | Thuyết trình, vấn đáp, phân tích ví dụ | Đọc tài liệu, phân loại và làm bài tập tập hợp CPSX | Vấn đáp, đánh giá bài tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | **(tiếp theo)** | | | | | | CPSX. | | | | |
| | **Chương 6. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm**<br>6.1. Nhiệm vụ của kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 6.** | 1 | | | | | | | | | |
| 8 | **Chương 6. (tiếp theo)**<br>6.2. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm<br>6.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất, giá | 3 | 0 | 0 | 0 | 7 | Tập hợp được CPSX, tính toán và xác định giá thành sản phẩm theo phương pháp phù hợp. | **CLO 2, CLO 3** | Hướng dẫn bài tập, bài tập tình huống | Tập hợp chi phí, tính giá thành và đối chiếu kết quả | Đánh giá bài tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | thành sản phẩm<br>6.3.1. Đối tượng kế toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành<br>6.3.2. Phương pháp tập hợp chi phí sản xuất<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 6 (tiếp theo)** | | | | | | | | | | |
| 9 | **Chương 6. (tiếp theo)**<br>6.3. (tiếp)<br>6.3.3. Phương pháp kế toán chi phí sản xuất<br>6.3.4. Phương pháp tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm<br>*** Câu hỏi, bài tập** | 3 | 0 | 0 | 0 | 7 | Tính toán, định khoản và ghi sổ được các nghiệp vụ tổng hợp về CPSX và giá thành sản phẩm. | **CLO 2, CLO 3** | Hướng dẫn bài tập, bài tập tổng hợp, thảo luận | Giải bài tập tổng hợp, định khoản, ghi sổ và đối chiếu kết quả | Đánh giá bài tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | **Chương 6 (tiếp theo)** | | | | | | | | | | |
| 10 | **Chương 6. (tiếp theo)**<br>6.4. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 6 (tiếp theo)** | 3 | 0 | 0 | 0 | 7 | Vận dụng được phương pháp kế toán tổng hợp chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố để giải quyết bài tập tổng hợp về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. | CLO2, CLO3 | Thuyết trình, hướng dẫn bài tập, bài tập tình huống, thảo luận nhóm | Đọc tài liệu; làm bài tập; thảo luận, đối chiếu kết quả. | **Kiểm tra thường xuyên 3** |
| **11- 15** | **Thực tế doanh nghiệp:**<br>Vận dụng lý thuyết và thực hành các nghiệp vụ liên quan đến nội dung kế toán | 0 | 0 | 45 | 0 | 5 | Vận dụng kiến thức, kỹ năng để nhận diện chứng từ, tài khoản và xử lý nghiệp vụ kế toán trong thực tế; thể hiện trách | **CLO 2, CLO 3, CLO 4** | Hướng dẫn thực tế tại doanh nghiệp | Quan sát, thu thập thông tin, vận dụng kiến thức và hoàn thiện báo | Đánh giá báo cáo thực tế |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | thuộc học phần Kế toán tài chính 1. Viết báo cáo thu hoạch. | | | | | | nhiệm, tính cẩn thận và tuân thủ nghề nghiệp | | | cáo | |
| | **Cộng** | **0** | **30** | **45** | **0** | **75** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Trương Thị Thủy, Ngô Thị Thu Hồng (2019), *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính, Hà Nội.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Bộ Tài chính (2025), *Hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính)*, NXB Kinh tế - Tài chính, Hà Nội.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Trình bày, giải thích các khái niệm, nguyên tắc, quy định, phương pháp và nội dung kế toán đối với tài sản cố định, đầu tư dài hạn, tiền lương, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp. | Câu hỏi tự luận lý thuyết. | 30% | 3,0 | CLO1 | **PLO2** |
| **CLO2** | Vận dụng kiến thức để xác định chứng từ, nội dung và kết cấu tài khoản, lựa chọn tài khoản và định khoản các nghiệp vụ kế toán. | Câu hỏi tự luận kết hợp lý thuyết và vận dụng. | 30% | 3,0 | CLO2 | |
| **CLO3** | Tính toán, xác định chứng từ, định khoản và ghi sổ các nghiệp vụ kế toán tổng hợp về tài sản cố định, tiền lương, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm. | Tự luận: bài tập tổng hợp | 40% | 4,0 | CLO3 | |
| **Tổng cộng** | | | **100%** | **10,0** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học.** **Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần: KT2.1.026.3**

**1.2. Tên học phần: Kế toán tài chính 3**

**1.3. Loại học phần: Bắt buộc**

**1.4. Số tín chỉ: 03**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập thực hành/thảo luận: 30 tiết
- Tự học: 90 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Học phần học trước: Kế toán tài chính 2

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Trần Thị Diên | Tiến sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |
| 2 | Phạm Thanh Trà | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 3 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Kế toán tài chính 3 trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng về kế toán nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu; kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh; lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp. Người học vận dụng các nguyên tắc, quy định và phương pháp kế toán để xác định chứng từ, sử dụng tài khoản, tính toán, định khoản, ghi sổ, tổng hợp số liệu và lập báo cáo tài chính; đồng thời rèn luyện tính cẩn trọng, trung thực, trách nhiệm và tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)

- CO1: Trang bị kiến thức về nguyên tắc và phương pháp kế toán nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, bán hàng, xác định kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính.

- CO2: Hình thành kỹ năng xác định chứng từ, sử dụng tài khoản, tính toán, định khoản, ghi sổ, tổng hợp số liệu và lập báo cáo tài chính.

- CO3: Rèn luyện tính cẩn trọng, trung thực, trách nhiệm và tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày và vận dụng được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán đối với nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, bán hàng, xác định kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính. | x | | |
| CLO2 | Tính toán, định khoản và ghi sổ được các nghiệp vụ kế toán về nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, bán hàng và xác định kết quả kinh doanh. | | x | |
| CLO3 | Tổng hợp số liệu, xác định kết quả kinh doanh và lập được báo cáo tài chính của doanh nghiệp. | | x | |
| CLO4 | Thể hiện tính cẩn trọng, trung thực, trách nhiệm và tuân thủ pháp luật, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của**

**CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* | |
|---|---|---|
| | **PLO 3** | **PLO4** |
| **CLO 1** | M, A | |
| **CLO 2** | M,A | R |
| **CLO 3** | M,A | R |
| **CLO 4** | M | |
| **Học phần Kế toán tài chính 3** | **M,A** | **R** |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Chuyên cần, tham gia thảo luận và hoạt động học tập. | CLO4 | 100% | | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | Bài kiểm tra thường xuyên; Bài tập thực hành định khoản, ghi sổ và lập BCTC | CLO1 | 30% | | |
| | | | CLO2 | 30% | | |
| | | | CLO3 | 40% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi tự luận | CLO1 | 30% | CLO1 | **PLO3** |
| | | | CLO2 | 30% | CLO2 | |
| | | | CLO3 | 40% | CLO3 | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | LT | BT/ TH | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | Liên quan CLO | Phương pháp giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **Chương 7. Kế toán nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu**<br>7.1. Nội dung và yêu cầu kế toán<br>7.2. Kế toán các khoản nợ phải trả<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 7** | **4** | **4** | **12** | Vận dụng được nguyên tắc, phương pháp kế toán; xác định chứng từ, tài khoản và định khoản các nghiệp vụ về nợ phải trả. | **CLO 1, CLO 4** | LT: Thuyết trình, đàm thoại, phân tích quy định. BT/TH: Hướng dẫn định khoản, ghi sổ, xử lý tình huống. | Đọc tài liệu; xác định chứng từ, tài khoản; định khoản, ghi sổ và giải bài tập. | Chuyên cần; hỏi đáp; đánh giá bài tập thực hành. |
| **2** | **Chương 7. (tiếp theo)**<br>**7.2. (tiếp )**<br>7.3. Kế toán nguồn vốn chủ sở hữu.<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 7 (tiếp)** | **4** | **4** | **12** | Vận dụng được nguyên tắc và phương pháp kế toán để định khoản, ghi sổ các nghiệp vụ về nợ phải trả và VCSH. | **CLO 2, CLO 3** | LT: Giảng giải, phân tích ví dụ. BT/TH: Hướng dẫn bài tập và ghi sổ kế toán. | Nghiên cứu tài liệu; thực hành định khoản, ghi sổ; thảo luận kết quả. | Đánh giá bài tập cá nhân và nhóm. |
| **3** | **Chương 7. (tiếp theo)**<br>7.3. **(tiếp )** | **2** | **2** | **5** | Định khoản, ghi sổ được các nghiệp vụ về VCSH; giải | **CLO 1, CLO** | LT: Thuyết trình, phân tích ví dụ. BT/TH: Hướng dẫn định khoản, ghi sổ | Đọc tài liệu; thực hành định khoản, ghi sổ; giải | **Kiểm tra thường xuyên 1**; đánh giá bài |

| Tuần | Chương, mục | LT | BT/ TH | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | Liên quan CLO | Phương pháp giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | *** Câu hỏi, bài tập Chương 7 (tiếp)** | | | | thích và vận dụng được nguyên tắc, phương pháp kế toán bán hàng. | **4** | và bài tập tình huống. | bài tập. | tập. |
| | **Chương 8. Kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh**<br>8.1. Nội dung và yêu cầu kế toán<br>8.2. Kế toán bán hàng<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 8** | **2** | **2** | **5** | | | | | |
| **4** | **Chương 8 (tiếp theo)**<br>8.2. (tiếp)<br>8.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lí doanh nghiệp.<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 8 (tiếp)** | **4** | **4** | **12** | Vận dụng được phương pháp kế toán để tính toán, định khoản và ghi sổ các nghiệp vụ bán hàng, chi phí bán hàng và chi phí QLDN. | **CLO 2, CLO 3** | LT: Thuyết trình, phân tích quy định và ví dụ. BT/TH: Bài tập tình huống, định khoản và ghi sổ. | Nghiên cứu tài liệu; tính toán, định khoản, ghi sổ và giải bài tập. | Quan sát; hỏi đáp; đánh giá bài tập. |
| **5** | **Chương 8 (tiếp theo)**<br>8.4. Kế toán chi phí và doanh thu hoạt động tài chính<br>8.5. Kế toán các khoản | **4** | **4** | **12** | Tính toán, định khoản và ghi sổ được các nghiệp vụ về doanh thu, chi phí; xác định | **CLO 2, CLO 3** | LT: Giảng giải, hệ thống hóa. BT/TH: Bài tập tổng hợp, xử lý tình huống. | Tính toán, định khoản, ghi sổ và giải bài tập tổng hợp xác định | **Kiểm tra thường xuyên 2**; đánh giá bài tập tổng hợp. |

| Tuần | Chương, mục | LT | BT/ TH | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | Liên quan CLO | Phương pháp giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | chi phí khác, thu nhập khác, chi phí thuế TNDN<br>8.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân phối lãi<br>*** Câu hỏi, bài tập Chương 8 (tiếp)** | | | | và phân phối kết quả kinh doanh. | | | KQKD. | |
| **6** | **Chương 9. Báo cáo tài chính**<br>9.1. Khái niệm, yêu cầu.<br>9.2. Hệ thống Báo cáo tài chính.<br>9.3. Báo cáo tình hình tài chính. | **4** | **4** | **12** | Giải thích được yêu cầu, hệ thống BCTC; tổng hợp số liệu và lập được Báo cáo tình hình tài chính. | **CLO 1, CLO 4** | LT: Thuyết trình, phân tích biểu mẫu. BT/TH: Hướng dẫn tổng hợp số liệu và lập báo cáo. | Phân loại, tổng hợp số liệu; lập báo cáo và đối chiếu kết quả. | Đánh giá bài tập thực hành. |
| **7** | **Chương 11 (tiếp)**<br>9.4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.<br>9.5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. | **3** | **3** | **10** | Tổng hợp số liệu và lập được Báo cáo KQHĐKD và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo quy định. | **CLO 2, CLO 3** | LT: Giảng giải phương pháp lập BCTC. BT/TH: Hướng dẫn lập báo cáo từ bộ số liệu. | Tổng hợp số liệu; thực hành lập và kiểm tra các chỉ tiêu trên BCTC. | Đánh giá kết quả thực hành. |

| Tuần | Chương, mục | LT | BT/ TH | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | Liên quan CLO | Phương pháp giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **8** | **Chương 11 (tiếp)**<br>9.6. Thuyết minh Báo cáo tài chính.<br>Bài tập tổng hợp lập Báo cáo tài chính.<br>Ôn tập học phần. | **3** | **3** | **10** | Tổng hợp số liệu và lập hoàn chỉnh bộ Báo cáo tài chính; vận dụng tổng hợp kiến thức học phần. | CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4 | **LT:** Hệ thống hóa kiến thức; giải đáp các nội dung trọng tâm.**BT/TH:** Hướng dẫn xử lý bộ số liệu tổng hợp và hoàn thiện Báo cáo tài chính. | Hoàn thiện bài tập tổng hợp; tự đánh giá mức độ đạt CLO; chuẩn bị thi kết thúc học phần. | Đánh giá quá trình; hướng dẫn ôn thi kết thúc học phần. |
| | **Cộng** | **30** | **30** | **90** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Bộ Tài chính (2025), Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Hà Nội.

[2] Trương Thị Thủy, Ngô Thị Thu Hồng (2019), Giáo trình Kế toán tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[3] Trần Thị Diên (2020). *Kế toán tài chính 3.* Tài liệu tham khảo. Trường Đại học Tân Trào.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| **Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO)** | **Nội dung CLO** | **Hình thức kiểm tra - đánh giá** | **Trọng số của CLO trong đề thi (%)** | **Điểm số tối đa** | **Cần đo lường mức đạt CLO** | **Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| CLO2 | Câu 1. Phân tích nguyên tắc kế toán, xử lý tình huống và vận dụng quy định của Thông tư 99/2025/TT-BTC đối với các nghiệp vụ kế toán tài chính | Tự luận | 40% | 4.0 | CLO2 | PLO3 |
| CLO3 | Câu 2. Bài tập tổng hợp: định khoản, ghi sổ kế toán, tổng hợp số liệu và lập Báo cáo tình hình tài chính, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu liên quan theo yêu cầu đề bài. | Tự luận | 60% | 6.0 | CLO3 | |
| **Tổng cộng** | | | **100** | **10,0** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học.** **Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần: KT2.1.016.2**

**1.2. Tên học phần: Lý thuyết kiểm toán**

**1.3. Loại học phần: Bắt buộc**

**1.4. Số tín chỉ: 02**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập thực hành/thảo luận: 30 tiết
- Tự học: 55 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Học phần học trước:

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Trần Thị Diên | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 2 | Đỗ Thị Mỹ Huyền | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 3 | Nguyễn Thúy Hằng | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Điều kiện tiên quyết: Nguyên lý kế toán

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về kiểm toán, bao gồm bản chất, chức năng, đối tượng, các loại hình kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán, quy trình và phương pháp kiểm toán. Nội dung học phần tập trung vào tổ chức hoạt động kiểm toán, hệ thống bằng chứng kiểm toán, hồ sơ kiểm toán và báo cáo kiểm toán trong bối cảnh thực tiễn. Qua học phần, người học hình thành năng lực vận dụng các nguyên lý và quy trình kiểm toán để phân tích, đánh giá thông tin kế toán – tài chính, nhận diện rủi ro và hỗ trợ thực hiện các công việc kiểm toán cơ bản; đồng thời rèn luyện tính độc lập, khách quan, trung thực và tuân thủ chuẩn mực, đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)

**CO1:** Trang bị cho người học kiến thức nền tảng về bản chất, chức năng, vai trò của kiểm toán; các loại hình kiểm toán; chuẩn mực kiểm toán; gian lận và sai sót; trọng yếu, rủi ro, bằng chứng kiểm toán và hệ thống kiểm soát nội bộ.

**CO2:** Hình thành kỹ năng vận dụng các phương pháp và kỹ thuật kiểm toán để thu thập bằng chứng kiểm toán, đánh giá rủi ro, đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và phân tích các tình huống kiểm toán cơ bản.

**CO3:** Rèn luyện ý thức tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, tác phong làm việc trung thực, khách quan, cẩn trọng và tinh thần trách nhiệm trong hoạt động kiểm toán.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Giải thích được bản chất, chức năng, vai trò của kiểm toán; phân biệt các loại hình kiểm toán; trình bày được các khái niệm cơ bản, chuẩn mực kiểm toán, đạo đức nghề nghiệp, hệ thống kiểm soát nội bộ, trọng yếu, rủi ro và bằng chứng kiểm toán. | x | | |
| CLO2 | Vận dụng các phương pháp và kỹ thuật kiểm toán để đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ, xác định trọng yếu, đánh giá rủi ro, lựa chọn và thu thập bằng chứng kiểm toán, phân tích các tình huống kiểm toán cơ bản. | | x | |
| CLO3 | Phân tích các tình huống kiểm toán; đề xuất thủ tục kiểm toán phù hợp, đánh giá bằng chứng kiểm toán và đưa ra nhận xét đối với các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán. | | x | |
| CLO4 | Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kiểm toán và đạo đức nghề nghiệp; làm việc trung thực, khách quan, cẩn trọng và có tinh thần trách nhiệm trong học tập cũng như giải quyết các tình huống nghề nghiệp. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* | | |
|---|---|---|---|
| | | **PLO 2** | |
| **CLO 1** | | R | |
| **CLO 2** | | MA | |
| **CLO 3** | | MA | |
| **CLO 4** | | R | |
| **Học phần Lý thuyết kiểm toán** | | **M,A** | |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ đánh giá | Liên quan CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Đánh giá quá trình | 10 | Điểm danh, chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, ý thức học tập và chấp hành quy định lớp học | CLO4 | 100% | x | |
| A2. Đánh giá thường xuyên | 30 | Bài kiểm tra trắc nghiệm ngắn, bài tập tình huống, thảo luận nhóm, thuyết trình | CLO1 | 30% | | |
| | | | CLO2 | 35% | | |
| | | | CLO3 | 35% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60 | Thi trắc nghiệm khách quan; đề thi được rút ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi, bao phủ toàn bộ nội dung học phần theo ma trận đề thi | CLO1 | 30% | x | PLO2 |
| | | | CLO2 | 35% | x | |
| | | | CLO3 | 35% | x | |
| **Tổng cộng** | **100** | | | **100**% | | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Nội dung giảng dạy | LT | BT/TH | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | Liên quan CLO | Phương pháp giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | **Chương 1. Những vấn đề chung của kiểm toán**<br>1.1. Khái niệm và vai trò của kiểm toán.<br>1.2. Quá trình phát triển và sự cần thiết khách quan của hoạt động kiểm toán. | 1 | 2 | 4 | Giải thích được bản chất, vai trò và sự cần thiết của kiểm toán. | CLO1, CLO4 | Thuyết trình; đàm thoại; gợi mở | Đọc giáo trình; nghiên cứu tài liệu; thảo luận tình huống. | Điểm chuyên cần, hỏi đáp |
| 2 | **Chương 1 (tiếp)**<br>1.3. Chức năng của kiểm toán.<br>1.4. Đối tượng, khách thể kiểm toán.<br>1.5. Phân loại kiểm toán.<br>1.6. Quy trình kiểm toán.<br>1.7. Chuẩn mực kiểm toán. | 1 | 2 | 4 | Phân tích được các loại hình, quy trình và chuẩn mực kiểm toán. | CLO1 | Thuyết trình; phân tích sơ đồ | Thảo luận nhóm; lập sơ đồ quy trình kiểm toán. | Đánh giá thảo luận |

| Tuần | Nội dung giảng dạy | LT | BT/TH | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | Liên quan CLO | Phương pháp giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 3 | **Chương 2. Các tổ chức kiểm toán**<br>2.1. Kiểm toán độc lập.<br>2.2. Kiểm toán nhà nước.<br>2.3. Kiểm toán nội bộ.<br>2.4. Phân biệt kiểm toán với kiểm tra, thanh tra. | 1 | 2 | 4 | Phân biệt các loại hình tổ chức kiểm toán và chức năng của từng loại. | CLO1 | Thuyết trình; so sánh; tình huống | Lập bảng so sánh; trao đổi nhóm. | Bài tập nhóm |
| 4 | **Chương 3. Tiêu chuẩn nghề nghiệp và đạo đức kiểm toán**<br>3.1. Tiêu chuẩn nghề nghiệp.<br>3.2. Nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp.<br>3.3. Quyền và nghĩa vụ của kiểm toán viên. | 1 | 2 | 4 | Phân tích yêu cầu nghề nghiệp và đạo đức của kiểm toán viên. | CLO1, CLO4 | Thuyết trình; tình huống | Phân tích các tình huống vi phạm đạo đức nghề nghiệp. | Kiểm tra miệng |
| 5 | **Chương 3 (tiếp)**<br>3.4. Trách nhiệm nghề nghiệp. | 1 | 2 | 4 | Phân biệt gian lận và sai sót; xác định trách nhiệm của kiểm toán | CLO2, CLO4 | Thuyết trình; phân tích tình huống | Giải quyết tình huống nghề nghiệp. | **Kiểm tra thường xuyên 1** |

| Tuần | Nội dung giảng dạy | LT | BT/TH | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | Liên quan CLO | Phương pháp giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 3.5. Các hành vi bị cấm và xử lý vi phạm.<br>**Chương 4. Gian lận và sai sót – Trọng yếu và rủi ro**<br>4.1. Gian lận và sai sót. | | | | viên. | | | | |
| 6 | **Chương 4 (tiếp)**<br>4.2. Trọng yếu.<br>4.3. Rủi ro kiểm toán. | 1 | 2 | 4 | Vận dụng khái niệm trọng yếu và đánh giá rủi ro kiểm toán. | CLO2 | Giảng giải; bài tập | Giải bài tập xác định trọng yếu và rủi ro. | Đánh giá bài tập |
| 7 | **Chương 5. Cơ sở dẫn liệu và bằng chứng kiểm toán**<br>5.1. Cơ sở dẫn liệu.<br>5.2. Bằng chứng kiểm toán.<br>**Chương 6. Hệ thống kiểm soát nội bộ**<br>6.1. Khái quát hệ thống kiểm soát nội bộ. | **2** | **2** | 4 | Lựa chọn bằng chứng kiểm toán; giải thích vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ. | CLO2, CLO3 | Thuyết trình; hướng dẫn phân tích hồ sơ | Thực hành lựa chọn bằng chứng; phân tích hồ sơ. | Quan sát |

| Tuần | Nội dung giảng dạy | LT | BT/TH | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | Liên quan CLO | Phương pháp giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | **Chương 6 (tiếp)**<br>6.2. Mục tiêu kiểm soát nội bộ.<br>6.3. Cơ cấu hệ thống kiểm soát nội bộ.<br>6.4. Đánh giá rủi ro kiểm soát. | 1 | 2 | 4 | Đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp. | CLO2, CLO3 | Phân tích tình huống; bài tập | Thiết kế bảng câu hỏi KSNB. | **Kiểm tra thường xuyên 2** |
| 9 | **Chương 7. Phương pháp và kỹ thuật kiểm toán**<br>7.1. Phương pháp kiểm toán.<br>7.2. Kỹ thuật kiểm toán. | 1 | 2 | 4 | Vận dụng phương pháp và kỹ thuật kiểm toán trong các tình huống cụ thể. | CLO2, CLO3 | Thuyết trình; thực hành | Giải quyết tình huống kiểm toán. | Đánh giá bài tập |
| 10 | **Chương 7 (tiếp)**<br>7.3. Kiểm toán trong môi trường tin học.<br>**Chương 8. Báo cáo kiểm toán** | 1 | 2 | 4 | Phân tích ảnh hưởng của CNTT và nhận diện các loại báo cáo kiểm toán. | CLO2, CLO3 | Phân tích báo cáo; tình huống | Đọc và nhận xét báo cáo kiểm toán thực tế. | Đánh giá trên lớp |

| Tuần | Nội dung giảng dạy | LT | BT/TH | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | Liên quan CLO | Phương pháp giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 8.1. Báo cáo kiểm toán và ý nghĩa. | | | | | | | | |
| 11 | **Chương 8 (tiếp)**<br>8.2. Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính.<br>**Chương 9. Tổ chức và quản lý kiểm toán**<br>9.1. Chuẩn bị kiểm toán. | 1 | 2 | 4 | Lựa chọn loại ý kiến kiểm toán và lập kế hoạch kiểm toán. | CLO2, CLO3 | Thuyết trình; minh họa | Lập kế hoạch kiểm toán đơn giản. | Quan sát |
| 12 | **Chương 9 (tiếp)**<br>9.2. Tổ chức quá trình kiểm toán.<br>9.3. Giấy tờ làm việc và hồ sơ kiểm toán. | 1 | 4 | 5 | Tổ chức hồ sơ kiểm toán và quy trình thực hiện cuộc kiểm toán. | CLO2, CLO3 | Thực hành; phân tích hồ sơ | Phân tích hồ sơ kiểm toán mẫu. | Đánh giá bài tập |
| 13 | **Chương 9 (tiếp)**<br>9.4. Quản lý hoạt động kiểm toán.Ôn tập học phần. | 2 | 4 | 6 | Hệ thống hóa kiến thức, vận dụng giải quyết tình huống tổng hợp. | CLO1, CLO2, CLO3 | Hệ thống hóa; giải đáp; luyện tập | Luyện tập với ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm. | Hướng dẫn ôn thi |
| | **Cộng** | **15** | **30** | **55** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Phạm Duy Hưng, Trần Thị Diên (2025). Giáo trình Lý thuyết kiểm toán. Trường Đại học Tân Trào. NXB Giáo dục. Hà Nội.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Viết Lợi và Đậu Ngọc Châu (2013), *Giáo trình Lý thuyết kiểm toán*, NXB Tài chính.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

Đề thi kết thúc học phần được xây dựng theo hình thức trắc nghiệm khách quan, các câu hỏi được lựa chọn ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi chuẩn hóa theo ma trận đề thi. Nội dung đề thi bao quát toàn bộ kiến thức của học phần, bảo đảm đánh giá các chuẩn đầu ra CLO1, CLO2, CLO3 ở các mức độ nhận thức từ nhận biết, thông hiểu đến vận dụng. Kết quả bài thi được sử dụng để đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra học phần và đo lường PLO2 của chương trình đào tạo.

| **Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO)** | **Yêu cầu đối với đề thi** | **Hình thức kiểm tra - đánh giá** | **Trọng số của CLO trong đề thi (%)** | **Điểm số tối đa** | **Cần đo lường mức đạt CLO** | **Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| CLO1 | Các câu hỏi đánh giá khả năng trình bày, giải thích bản chất, chức năng, vai trò của kiểm toán; các loại hình kiểm toán; chuẩn mực kiểm toán; tổ chức kiểm toán; đạo đức nghề nghiệp. | Trắc nghiệm | 30 | 3,0 | x | PLO2 |
| CLO2 | Các câu hỏi đánh giá khả năng vận dụng kiến thức về gian lận, sai sót, trọng yếu, rủi ro, cơ sở dẫn liệu, bằng chứng kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ và phương pháp kiểm toán để giải quyết các tình huống kiểm | Trắc nghiệm | 35 | 3,5 | x | |

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Yêu cầu đối với đề thi | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | toán cơ bản. | | | | | |
| CLO3 | Các câu hỏi đánh giá khả năng phân tích tình huống, lựa chọn kỹ thuật kiểm toán, nhận diện báo cáo kiểm toán, quy trình kiểm toán và tổ chức hoạt động kiểm toán. | Trắc nghiệm | 35 | 3,5 | x | |
| | **Tổng cộng** | | **100** | **10,0** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
**KHOA KINH TẾ & QTKD**
**BỘ MÔN KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
**Trình độ đào tạo: Đại học Chương trình đào tạo: Kế toán**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
**Trình độ đào tạo: Đại học Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần
**1.1. Mã học phần:** KT2.1.172.3
**1.2. Tên học phần:** Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán
**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc
**1.4. Số tín chỉ:** 03 tín chỉ
**1.5. Phân bổ thời gian:**
- Lý thuyết: 30 giờ
- Bài tập thực hành, seminar: 30 giờ
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 0
- Thực tập: 0
- Tự học: 90 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Trần Thị Thúy Lan | Thạc sĩ | Ngoại ngữ |
| 2 | Lương Mạnh Hà | Thạc sĩ | Ngoại ngữ |
| 3 | Nguyễn Thị Thuỳ Dung | Thạc sĩ | Ngoại ngữ |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần
Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán cung cấp cho người học hệ thống từ vựng, thuật ngữ và cấu trúc tiếng Anh thường dùng trong lĩnh vực kế toán - tài chính, bao gồm các nội dung về nghề nghiệp kế toán, công cụ văn phòng và điện tử, quy trình ghi sổ kế toán, chuẩn mực kế toán quốc tế, báo cáo tài chính (báo cáo kết quả kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ), chi phí, thuế, khấu hao, kiểm soát nội bộ, kế toán dồn tích và đạo đức nghề nghiệp kế toán. Thông qua các hoạt động đọc hiểu, luyện từ vựng, viết và thực hành giao tiếp, người học phát triển kỹ năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, viết văn bản kế toán - tài chính đơn giản bằng tiếng Anh, trình bày, thảo luận và làm việc nhóm để xử lý các tình huống nghề nghiệp bằng tiếng Anh, đồng thời hình thành thái độ học tập chủ động, tinh thần hợp tác, trách nhiệm cá nhân và tác phong chuyên nghiệp khi sử dụng tiếng Anh trong môi trường kế toán - tài chính đa dạng.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Objective - viết tắt là CO)
**- CO1:** Trang bị cho người học hệ thống từ vựng, thuật ngữ và cấu trúc tiếng Anh chuyên ngành kế toán - tài chính, bao gồm các nội dung về nghề nghiệp kế toán, quy trình kế toán, chuẩn mực kế toán quốc tế, báo cáo tài chính, chi phí, thuế và khấu hao.
**- CO2:** Phát triển kỹ năng đọc hiểu tài liệu chuyên ngành, viết văn bản kế toán - tài chính, giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm bằng tiếng Anh để xử lý các tình huống nghề nghiệp kế toán.

**- CO3:** Hình thành thái độ học tập chủ động, tinh thần hợp tác, trách nhiệm cá nhân và tác phong chuyên nghiệp khi sử dụng tiếng Anh trong môi trường nghề nghiệp kế toán - tài chính đa dạng.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome - viết tắt là CLO)**

*Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:*

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Vận dụng được vốn từ vựng, thuật ngữ và cấu trúc tiếng Anh chuyên ngành để đọc hiểu, phân tích các chuẩn mực kế toán quốc tế (GAAP, IASB) và nội dung báo cáo tài chính (báo cáo kết quả kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ). | X | | |
| **CLO2** | Diễn giải được các nội dung về chi phí, thuế, khấu hao, kiểm soát nội bộ và các khoản mục tài chính khác trong hoạt động kế toán doanh nghiệp bằng tiếng Anh chuyên ngành. | X | | |
| **CLO3** | Soạn thảo được các văn bản, báo cáo kế toán - tài chính đơn giản bằng tiếng Anh (mô tả số liệu, xu hướng biến động, giải trình báo cáo tài chính) đáp ứng yêu cầu công việc kế toán. | X | | |
| **CLO4** | Thực hiện được kỹ năng giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm hiệu quả bằng tiếng Anh để trao đổi, xử lý các tình huống nghề nghiệp kế toán - tài chính trong môi trường làm việc đa dạng. | | X | |
| **CLO5** | Thể hiện được thái độ học tập chủ động, tinh thần hợp tác, trách nhiệm cá nhân và tác phong chuyên nghiệp khi sử dụng tiếng Anh trong hoạt động kế toán - tài chính. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) | |
|---|---|---|
| | PLO2 | PLO6 |
| **CLO1** | R | |
| **CLO2** | R | |
| **CLO3** | R | |
| **CLO4** | R | |
| **CLO5** | | R |
| **Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán** | **R** | **R** |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức, thái độ học tập, mức độ chuẩn bị bài và tham gia hoạt động trên lớp | CLO5 | 100% | X | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 01 đầu điểm, gồm: 1 bài kiểm tra viết (trắc nghiệm kết hợp tự luận ngắn) về từ vựng, đọc hiểu sau khi hoàn thành Book 1 (khoảng tuần 8) | CLO1 | 50% | X | |
| | | | CLO2 | 50% | X | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi viết kết thúc học phần, kết hợp trắc nghiệm và tự luận; thời gian làm bài 75 phút | CLO1 | 30% | X | |
| | | | CLO2 | 35% | X | |
| | | | CLO3 | 35% | X | |

## 7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **1** | **Book 1**<br>Unit 1: Jobs in Accounting;<br>Unit 2: Numbers (Get Ready, Reading, Vocabulary, Writing) | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Sử dụng được từ vựng về nghề nghiệp kế toán và hệ thống số liệu (số đếm, số thứ tự, đơn vị tiền tệ) bằng tiếng Anh | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, hỏi đáp, luyện tập từ vựng theo cặp/nhóm | Đọc trước Unit 1-2; tra cứu từ vựng mới; thực hành hội thoại về nghề nghiệp kế toán | Điểm danh; hỏi đáp nhanh trên lớp |
| **2** | **Book 1**<br>Unit 3: Office Materials;<br>Unit 4: Electronic Tools | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Sử dụng được từ vựng về vật dụng văn phòng và công cụ điện tử trong môi trường kế toán | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, trực quan hóa, thực hành hội thoại theo nhóm | Đọc Unit 3-4; làm bài tập từ vựng; luyện viết câu mô tả công cụ văn phòng | Điểm danh; bài tập từ vựng ngắn |
| **3** | **Book 1**<br>Unit 5: Bookkeeping Cycle;<br>Unit 6: GAAP and IASB | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Vận dụng được từ vựng, cấu trúc tiếng Anh để mô tả quy trình ghi sổ kế toán và trình bày khái quát về chuẩn mực kế toán quốc tế (GAAP, IASB) | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, phân tích văn bản đọc hiểu, thảo luận nhóm | Đọc Reading Unit 5-6; tóm tắt quy trình bookkeeping cycle; thảo luận vai trò GAAP/IASB | Thảo luận nhóm; vấn đáp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **4** | **Book 1**<br>Unit 7: Income Statements;<br>Unit 8: Balance Sheets | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Vận dụng được kiến thức tiếng Anh chuyên ngành để đọc hiểu, phân tích báo cáo kết quả kinh doanh và bảng cân đối kế toán | CLO2 | Phân tích tình huống, làm việc nhóm với mẫu báo cáo tài chính | Đọc Reading Unit 7-8; phân tích mẫu Income Statement, Balance Sheet; làm bài tập Vocabulary | Bài tập nhóm; vấn đáp |
| **5** | **Book 1**<br>Unit 9: Cash Flow Statements;<br>Unit 10: Describing Change | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Vận dụng được từ vựng, cấu trúc miêu tả xu hướng biến động để đọc hiểu báo cáo lưu chuyển tiền tệ và trình bày sự thay đổi số liệu tài chính | CLO2 | Thuyết trình, thực hành viết mô tả số liệu, biểu đồ | Đọc Reading Unit 9-10; luyện viết đoạn mô tả xu hướng tăng giảm số liệu tài chính | Chấm bài viết ngắn (writing) trên lớp |
| **6** | **Book 1**<br>Unit 11: Gleaning Information from Financial Statements;<br>Unit 12: | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Vận dụng được kỹ năng đọc hiểu để khai thác thông tin từ báo cáo tài chính; trình bày được tình huống thấu chi | CLO2, CLO3, CLO4 | Phân tích tình huống, thảo luận nhóm, hỏi đáp | Đọc Reading Unit 11-12; thảo luận khai thác số liệu báo cáo tài chính mẫu; làm bài tập Vocabulary, | Thảo luận nhóm; bài tập tình huống |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | Overdrafts | | | | | | (overdraft) trong hoạt động kế toán - tài chính doanh nghiệp | | | Writing | |
| **7** | **Book 1**<br>Unit 13: Costs; Unit 14: Taxes; Unit 15: Depreciation | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Vận dụng được kiến thức tiếng Anh chuyên ngành để trình bày, diễn giải nội dung về chi phí, thuế và khấu hao tài sản trong doanh nghiệp | CLO2, CLO4 | Thuyết trình, phân tích tình huống, thảo luận nhóm | Đọc Reading Unit 13-15; tổng hợp từ vựng chi phí - thuế - khấu hao; chuẩn bị ôn tập Book 1 | Bài tập vận dụng; chuẩn bị ôn tập |
| **8** | Ôn tập, hệ thống hóa Book 1; Kiểm tra thường xuyên (bài viết); Thuyết trình nhóm giữa học phần | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Hệ thống hóa được kiến thức, từ vựng Book 1; giao tiếp, thuyết trình và làm việc nhóm hiệu quả bằng tiếng Anh để trình bày một chủ đề nghề nghiệp kế toán | CLO1, CLO2, CLO5 | Hệ thống hóa kiến thức, kiểm tra viết, thuyết trình nhóm | Ôn tập Unit 1-15; chuẩn bị bài kiểm tra; chuẩn bị và luyện tập thuyết trình nhóm | Kiểm tra thường xuyên (bài viết); đánh giá thuyết trình nhóm |
| **9** | **Book 2**<br>Unit 1: The Back Office; Unit 2: Guiding | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Sử dụng được từ vựng về bộ phận hậu cần kế toán (back office) và | CLO1, CLO2 | Thuyết trình, hỏi đáp, thảo luận nhóm | Đọc Reading Unit 1-2 (Book 2); tóm tắt nguyên tắc kế | Vấn đáp; bài tập từ vựng |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | Principles of Accounting | | | | | | vận dụng được các nguyên tắc kế toán cơ bản để lý giải hoạt động kế toán doanh nghiệp | | | toán bằng tiếng Anh | |
| **10** | **Book 2**<br>Unit 3: Controllers;<br>Unit 4: Cash and Liquidity | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Trình bày được vai trò của kiểm soát viên tài chính (controller) và vận dụng từ vựng để phân tích khả năng thanh khoản, quản lý tiền mặt doanh nghiệp | CLO2, CLO3 | Phân tích tình huống, thảo luận nhóm | Đọc Reading Unit 3-4; thảo luận vai trò controller; làm bài tập Vocabulary | Thảo luận nhóm; bài tập vận dụng |
| **11** | **Book 2**<br>Unit 5: Intangible Assets;<br>Unit 6: Presenting a P&L Statement | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Vận dụng được từ vựng để trình bày về tài sản vô hình và thuyết trình nội dung báo cáo lãi - lỗ (P&L Statement) | CLO2, CLO4, CLO5 | Thuyết trình, thực hành thuyết trình mẫu báo cáo P&L | Đọc Reading Unit 5-6; chuẩn bị và thực hành thuyết trình ngắn về báo cáo P&L | Đánh giá qua thuyết trình ngắn |
| **12** | **Book 2**<br>Unit 7: Internal Controls Against Mistakes and Theft; Unit 8: | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Trình bày được các biện pháp kiểm soát nội bộ và vận dụng được nguyên tắc kế toán dồn tích để | CLO2, CLO3 | Thuyết trình, phân tích tình huống, thảo luận nhóm | Đọc Reading Unit 7-8; phân tích tình huống kiểm soát nội bộ; làm bài tập Writing | Bài tập tình huống; vấn đáp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | Accrual Basis Accounting | | | | | | lý giải các khoản mục phi tiền mặt | | | | |
| **13** | **Book 2**<br>Unit 9: Unpaid Expenses;<br>Unit 10: Leverage - Good or Bad? | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Vận dụng được từ vựng để trình bày về chi phí chưa thanh toán và phân tích ưu, nhược điểm của đòn bẩy tài chính (leverage) trong doanh nghiệp | CLO3, CLO4 | Thảo luận nhóm, tranh biện ngắn (debate) | Đọc Reading Unit 9-10; chuẩn bị lập luận tranh biện về leverage; làm bài tập Vocabulary | Đánh giá qua thảo luận, tranh biện nhóm |
| **14** | **Book 2**<br>Unit 11: Variable Expenses;<br>Unit 12: End-of-Period Procedures | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Trình bày được khái niệm chi phí biến đổi và vận dụng được quy trình khóa sổ cuối kỳ kế toán bằng tiếng Anh | CLO2, CLO3 | Thuyết trình, sơ đồ hóa quy trình | Đọc Reading Unit 11-12; lập sơ đồ quy trình khóa sổ cuối kỳ; làm bài tập Writing | Bài tập sơ đồ hóa; vấn đáp |
| **15** | **Book 2**<br>Unit 13: Accounting Software;<br>Unit 14: Reporting Extraordinary Gains and Losses; | 2 | 2 | 0 | 0 | 5 | Trình bày được vai trò của phần mềm kế toán, cách ghi nhận các khoản lãi - lỗ bất thường và vận dụng kỹ năng thuyết trình, phản biện để thảo luận | CLO2, CLO3, CLO5 | Thuyết trình, thảo luận nhóm, tranh biện | Đọc Reading Unit 13-15; chuẩn bị ý kiến thảo luận chủ đề đạo đức nghề nghiệp kế toán | Thảo luận nhóm; đánh giá qua quan sát |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | Unit 15: Is Profit Ethical? | | | | | | vấn đề đạo đức lợi nhuận trong kế toán | | | | |
| **16** | Ôn tập, hệ thống hóa toàn bộ nội dung Book 1 và Book 2; Thực hành dự án thuyết trình nhóm cuối học phần | 0 | 0 | 0 | 0 | 8 | Hệ thống hóa được toàn bộ từ vựng, kiến thức chuyên ngành; vận dụng, tổng hợp kiến thức để thực hiện dự án thuyết trình nhóm theo chủ đề kế toán - tài chính tự chọn | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 | Hướng dẫn tổng hợp, học theo dự án (project-based learning) | Tự tổ chức làm việc nhóm, hoàn thiện sản phẩm dự án thuyết trình; hệ thống hóa kiến thức bằng sơ đồ tư duy | Đánh giá qua sản phẩm/dự án nhóm (minh chứng bổ sung) |
| **17** | Tổng ôn tập toàn học phần; hướng dẫn cấu trúc đề thi (trắc nghiệm kết hợp tự luận); giải đáp thắc mắc | 0 | 0 | 0 | 0 | 7 | Hệ thống hóa toàn bộ kiến thức, kỹ năng đã học; thể hiện được thái độ học tập chủ động, nghiêm túc trong ôn tập chuẩn bị thi kết thúc học phần | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 | Hệ thống hóa kiến thức, giải đáp thắc mắc, hướng dẫn ôn tập | Tự ôn tập theo đề cương; tổng hợp câu hỏi thắc mắc; luyện đề thi mẫu | Không (kỳ thi kết thúc học phần tổ chức theo lịch thi chung của Nhà trường, ngoài thời lượng học phần) |
| **Tổng** | | **30** | **30** | 0 | 0 | **90** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1]John Taylor(2021), Career Paths *Accounting*, Express Publishing.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[1] Evan Frendo and Sean Mahoney (2007), *English for Accounting*, Express series, Oxford University Press.

[2] Sara Helm (2011), *Accounting and Finance Market Leader*, Longman, Pearson Education Limited.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| **CLO1** | Vận dụng được vốn từ vựng, thuật ngữ và cấu trúc tiếng Anh chuyên ngành để đọc hiểu, phân tích các chuẩn mực kế toán quốc tế (GAAP, IASB) và nội dung báo cáo tài chính (báo cáo kết quả kinh doanh, bảng cân đối kế toán, báo cáo lưu chuyển tiền tệ). | Trắc nghiệm kết hợp tự luận | 30% | 3,0 | X | |
| **CLO2** | Diễn giải được các nội dung về chi phí, thuế, khấu hao, kiểm soát nội bộ và các khoản mục tài chính khác trong hoạt động kế toán doanh nghiệp bằng tiếng Anh chuyên ngành. | Trắc nghiệm kết hợp tự luận | 35% | 3,5 | X | |
| **CLO3** | Soạn thảo được các văn bản, báo cáo kế toán - tài chính đơn giản bằng tiếng Anh (mô tả số liệu, xu | Trắc nghiệm kết hợp tự luận | 35% | 3,5 | X | |

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | hướng biến động, giải trình báo cáo tài chính) đáp ứng yêu cầu công việc kế toán. | | | | | |
| **Tổng** | | | **100%** | **10,0** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học.** **Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần: KT2.1.022.3**

**1.2. Tên học phần: Thuế nhà nước**

**1.3. Loại học phần: bắt buộc**

**1.4. Số tín chỉ: 03**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập thực hành, seminar: 30 tiết
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa:0
- Thực tập: 0
- Tự học: 90 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: (Không)
- Học phần học trước:

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Trung Nghĩa | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 3 | Nguyễn Thúy Hằng | Thạc sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Thuế nhà nước trang bị cho người học hệ thống lý thuyết cơ bản về thuế, quản lý thuế và các sắc thuế hiện hành tại Việt Nam như thuế Giá trị gia tăng, Tiêu thụ đặc biệt, Xuất nhập khẩu, Thu nhập doanh nghiệp, Thu nhập cá nhân cùng các loại thuế, phí khác trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Thông qua học phần, người học có khả năng vận dụng kiến thức để lựa chọn phương pháp tính toán, tính toán nghĩa vụ thuế của các đối tượng nộp thuế trong các trường hợp cụ thể. Học phần cũng góp phần hình thành ý thức trách nhiệm, thái độ chấp hành luật thuế nghiêm túc và tinh thần tự học, tích lũy kinh nghiệm để phát triển kỹ năng nghề nghiệp

## 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)

- CO1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về Thuế, các sắc thuế hiện hành tại Việt Nam, quy định nhà nước về quản lý thuế, vấn đề thuế trong môi trường hội nhập kinh tế

CO2: Người học có các kỹ năng tính toán được nghĩa vụ thuế đối với các sắc thuế cơ bản trong hệ thống thuế Việt Nam hiện nay

CO3: Thông qua học phần giúp người học hình thành ý thức trách nhiệm, thái độ chấp hành luật thuế nghiêm túc và tinh thần tự học, tích lũy kinh nghiệm để phát triển kỹ năng nghề nghiệp

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày, mô tả được những kiến thức cơ bản về thuế, các quy định liên quan đến các sắc thuế cơ bản trong hệ thống thuế hiện nay | x | | |
| CLO2 | Trình bày được các quy định cơ bản về hoạt động quản lý thuế, đặc điểm của thuế trong môi trường hội nhập quốc tế. | x | | |
| CLO 3 | Tính toán được nghĩa vụ thuế đối với các sắc thuế cơ bản trong các trường hợp cụ thể. | | x | |
| CLO4 | Hình thành ý thức trách nhiệm, thái độ chấp hành luật thuế nghiêm túc và tinh thần tự học, tích lũy kinh nghiệm để phát triển kỹ năng nghề nghiệp | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* | |
|---|---|---|
| | PLO 2 | PLO 5 |
| **CLO 1** | I | I |
| **CLO 2** | I | I |
| **CLO 3** | R | R |
| **CLO 4** | | |
| **Học phần Thuế nhà nước** | R | R |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Chuyên cần/Phát biểu | CLO4 | 100% | x | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | Câu hỏi/bài tập nhỏ | CLO1 | 50% | | |
| | | | CLO3 | 50% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Tự luận | CLO1 | 30% | x | |
| | | | CLO2 | 30% | x | |
| | | | CLO3 | 40% | x | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | **Chương 1. Tổng quan về Thuế (3LT, 2 TH)**<br>1.1. Sự ra đời và phát triển của thuế<br>1.2. Khái niệm, đặc điểm của thuế<br>1.3. Vai trò của thuế<br>1.4. Hệ thống thuế và phân loại thuế<br>1.5. Các yếu tố cơ bản cấu thành một sắc thuế | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Trình bày được khái niệm, đặc điểm của thuế, vai trò của hệ thống thuế, các yếu tố cơ bản của một sắc thuế. | CLO1 | Thuyết giảng, thảo luận, vấn đáp | Đọc Chương 1, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |
| 2 | **Chương 2: Thuế giá trị gia tăng (4LT, 4TH )**<br>2.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế giá trị gia tăng<br>2.2. Nội dung cơ bản của thuế giá trị gia tăng hiện hành ở Việt Nam | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được khái niệm, đặc điểm thuế giá trị gia tăng, quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng | CLO1, CLO3 | Diễn giảng, bài tập nhóm nghiên cứu tình huống, thực hành bài tập | Đọc Chương 2, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 3 | **Chương 2: Thuế giá trị gia tăng (tiếp)**<br>**Chương 3: Thuế tiêu thụ đặc biệt (3LT, 4TH )**<br>3.1. Khái niệm, đặc điểm | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Tính toán được mức thuế GTGT phải nộp trong các trường hợp, trình bày được khái niệm, đặc điểm của thuế tiêu thụ đặc biệt | CLO1, CLO3 | Thuyết trình, đàm thoại, thực hành bài tập | Đọc Chương 2,3, Tài liệu bắt buộc | Bài tập trên lớp |
| 4 | **Chương 3: Thuế tiêu thụ đặc biệt**<br>3.2. Nội dung cơ bản của thuế TTĐB hiện hành ở Việt Nam | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được những quy định về thuế tiêu thụ đặc biệt hiện hành | CLO1, CLO3 | Diễn giảng, bài tập nhóm nghiên cứu tình huống, thực hành bài tập | Đọc Chương 3, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |
| 5 | **Chương 4. Thuế xuất, nhập khẩu (3LT, 2TH)**<br>4.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế Xuất khẩu, nhập khẩu<br>4.2. Nội dung cơ bản | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được khái niệm, đặc điểm thuế xuất nhập khẩu, các quy định về thuế xuất nhập khẩu | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, thực hành bài tập | Đọc Chương 4, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà, hỏi đáp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | của Luật thuế Xuất khẩu, thuế nhập khẩu hiện hành ở Việt Nam | | | | | | | | | | |
| 6 | **Chương 5. Thuế thu nhập doanh nghiệp (4 LT, 4TH)**<br>5.1. Khái niệm và đặc điểm của thuế thu nhập doanh nghiệp<br>5.2. Nội dung cơ bản của thuế thu nhập doanh nghiệp | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được khái niệm, đặc điểm thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp. | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, đàm thoại, thảo luận nhóm | Đọc Chương 5, Tài liệu bắt buộc | Bài tập tại lớp |
| 7 | **Chương 6. Thuế thu nhập cá nhân (3LT,4TH)**<br>6.1.Khái niệm, đặc điểm của thuế Thu nhập cá nhân<br>6.2. Nội dung cơ bản của thuế Thu nhập cá nhân hiện hành ở Việt Nam | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được khái niệm, đặc điểm thuế thu nhập cá nhân, quy định về thuế thu nhập cá nhân | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, đàm thoại, thực hành bài tập | Đọc Chương 6, Tài liệu bắt buộc | Bài tập tại lớp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 8 | **Chương 6. (tiếp)** | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Tính toán được nghĩa vụ thuế thu nhập cá nhân trong các trường hợp | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, đàm thoại, bài tập | Đọc Chương 6, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |
| 9 | **Chương 7. Các sắc thuế khác**<br>7.1. Thuế bảo vệ môi trư<br>7.2. Thuế tài nguyên<br>7.3. Thuế sử dụng đất nô nghiệp<br>7.4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được nội dung của một số sắc thuế khác như thuế bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, đàm thoại, bài tập | Đọc Chương 7, Tài liệu bắt buộc | Bài tập tại lớp |
| 10 | **Chương 7. Các sắc thuế khác (tiếp)**<br>7.3. Thuế sử dụng đất nô nghiệp<br>7.4. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 3 | 3 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được nội dung của một số sắc thuế khác như thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, đàm thoại, bài tập | Đọc Chương 7, Tài liệu bắt buộc | Bài tập tại lớp |
| 11 | **Chương 8. Quản lý** | 3 | 3 | 0 | 0 | 7 | Tính toán mức nộp thuế bảo | CLO2, CLO3 | Thuyết giảng, | Đọc | Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | **thuế**<br>8.1.Tổng quan về quản lý thuế | | | | | | vệ môi trường, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp trong một số trường hợp | | đàm thoại, thực hành bài tập, nghiên cứu tình huống | Chương 7, 8; Tài liệu bắt buộc | |
| 12 | **Chương 8. Quản lý thuế**<br>8.2. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của người nộp thuế theo luật quản lý thuế hiện hành ở Việt Nam<br>**Chương 9. Thuế trong hội nhập kinh tế quốc tế**<br>9.1. Thuế trong các hình thức liên kết kinh tế quốc tế | 3 | 3 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được nội dung cơ bản về quản lý thuế theo quy định. chỉ ra được quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế | CLO2, CLO3 | Thuyết giảng, đàm thoại, bài tập | Đọc Chương 8,9, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |
| 13 | **Chương 9. Thuế trong hội nhập kinh** | 3 | 3 | 0 | 0 | 7 | Trình bày quy định về thuế | CLO2, CLO3 | Thuyết giảng, | Đọc Chương | Bài tập nhóm về |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | **tế quốc tế (tiếp)**<br>9.2. Những nguyên tắc hội nhập quốc tế chi phối đến chính sách thuế của quốc gia<br>9.3. Cam kết về thuế của Việt Nam trong các hiệp định ký kết<br>9.4. Đánh thuế trùng giữa các quốc gia | | | | | | trong các hình thức liên kết quốc tế. | | đàm thoại, thực hành bài tập, nghiên cứu tình huống | 8, Tài liệu bắt buộc | nhà |
| | **Cộng** | **30** | **30** | **0** | **0** | **90** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Thị Thanh Hoài (2019), *Giáo trình thuế,* NXB Tài chính.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Thị Liên; Nguyễn Văn Hiệu (2014), *Giáo trình thuế,* NXB Tài chính.

[3] Lê Xuân Trường; Vương Thị Thu Hiền (2013), Câu hỏi và bài tập môn thuế, NXB Tài chính.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO1 | Trình bày, mô tả được những kiến thức cơ bản về thuế, các quy định liên quan đến các sắc thuế cơ bản trong hệ thống thuế hiện nay | Tự luận, 3 câu | 30% | 3 | x | |
| CLO2 | Trình bày được các quy định cơ bản về hoạt động quản lý thuế, đặc điểm của thuế trong môi trường hội nhập quốc tế. | | 30% | 3 | x | |
| CLO3 | Tính toán được nghĩa vụ thuế đối với các sắc thuế cơ bản trong các trường hợp cụ thể. | | 40% | 4 | x | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học.  Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

### 1.1. Mã học phần: KT2.1.018.3

### 1.2. Tên học phần: Tài chính doanh nghiệp

### 1.3. Loại học phần: bắt buộc

### 1.4. Số tín chỉ: 03

### 1.5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 30 tiết
- Bài tập thực hành, seminar: 30 tiết
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa:0
- Thực tập: 0
- Tự học: 90 giờ

### 1.6. Điều kiện tham gia học phần

- Học phần tiên quyết: (Không)
- Học phần học trước: Tài chính -Tiền tệ (KT2.1.008.3)

### 1.7. Thông tin về giảng viên

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Trung Nghĩa | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 2 | Nguyễn Thúy Hằng | Thạc sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |
| 3 | Trần Thị Diên | Tiến sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần tài chính doanh nghiệp trang bị cho người học hệ thống kiến thức nền tảng về bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp; quá trình huy động, tạo lập và sử dụng các nguồn tài chính trong doanh nghiệp. Thông qua học phần, người học có khả năng xác định và tính toán được các loại chi phí, doanh thu, lợi nhuận, đòn bẩy kinh doanh, điểm hòa vốn trong doanh nghiệp, tính toán và phân tính hiệu quả đầu tư dài hạn, các chỉ tiêu tài chính cơ bản trong doanh nghiệp. Học phần cũng bồi dưỡng thái độ học tập tích cực, tự học tự nghiên cứu, nâng cao ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)

- CO1: Cung cấp các kiến thức cơ bản về nội dung, vai trò tài chính doanh nghiệp; Vốn kinh doanh; Nguồn tài trợ; Chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm; Tiêu thụ sản phẩm, doanh thu, thu nhập; Thuế và lợi nhuận; Đòn bẩy tài chính, đầu tư dài hạn; Kế hoạch, báo cáo và phân tích tài chính doanh nghiệp.

- CO2: Người học có các kỹ năng tính toán, phân tích và đánh giá tình hình tài chính doanh nghiệp như chi phí, giá thành, doanh thu, thu nhập, điểm hòa vốn, thuế và lợi nhuận của doanh nghiệp; Phân tích các hệ số tài chính đặc trưng của doanh nghiệp dựa trên báo cáo tài chính.

- CO3: Thông qua học phần, Người học rèn luyện kĩ năng tự học, tự nghiên cứu, nâng cao ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày, mô tả được những kiến thức cơ bản về quá trình huy động, tạo lập và sử dụng nguồn vốn trong doanh nghiệp | x | | |
| CLO2 | Vận dụng được các kiến thức cơ bản của tài chính doanh nghiệp trong tính toán các chỉ tiêu liên quan đến chi phí, doanh thu, lợi nhuận trong doanh nghiệp. | x | x | |
| CLO 3 | Phân tích hiệu quả đầu tư dài hạn của doanh nghiệp, xác định mức độ tác động của các đòn bẩy, tính toán và phân tích các chỉ tiêu chủ yếu trên báo cáo tài chính. | | x | |
| CLO4 | Hình thành thái độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp cho người học, có kĩ năng tự học, tự nghiên cứu đáp ứng yêu cầu công việc. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* | |
|---|---|---|
| | **PLO 2** | **PLO 5** |
| **CLO 1** | I | I |
| **CLO 2** | R | R |
| **CLO 3** | R | R |
| **CLO 4** | | |
| **Học phần Tài chính doanh nghiệp** | R | R |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Chuyên cần/Phát biểu | CLO4 | 100% | x | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | Câu hỏi/bài tập nhỏ | CLO1 | 50% | | |
| | | | CLO2 | 50% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Trắc nghiệm | CLO1 | 40% | x | |
| | | | CLO2 | 30% | x | |
| | | | CLO3 | 30% | x | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | **Chương 1. Tổng quan về tài chính doanh nghiệp**<br>1.1. Bản chất của tài chính doanh nghiệp<br>1.2. Chức năng và vai trò của tài chính doanh nghiệp<br>1.3. Tổ chức tài chính doanh nghiệp<br>1.4. Quản trị tài chính doanh nghiệp | 2 | 2 | 0 | 0 | 6 | Trình bày được bản chất, chức năng, vai trò của tài chính doanh nghiệp, mô tả được tổ chức tài chính doanh nghiệp | CLO1 | Thuyết giảng, thảo luận, vấn đáp | Đọc Chương 1, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |
| 2 | **Chương 2: Vốn kinh doanh của doanh nghiệp**<br>2.1. Tổng quan về vốn kinh doanh<br>2.2. Vốn lưu động<br>2.3. Vốn cố định<br>2.4. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Phân biệt vốn lưu động và vốn cố định, xác định được các phương pháp khấu hao tài sản cố định | CLO1, CLO2 | Đàm thoại, thực hành bài tập | Đọc Chương 2, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 3 | **Chương 2: Vốn kinh doanh của doanh nghiệp**<br>**Chương 3. Nguồn tài trợ của doanh nghiệp**<br>3.1. Các khoản vay, nợ phải trả | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Tính toán được mức khấu hao tài sản cố định theo các phương pháp, trình bày được các phương pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn cố định và lưu động.<br>Xác định được khác khoản mục vay, nợ phải trả trong doanh nghiệp | CLO1, CLO2 | Thuyết trình, đàm thoại, thực hành bài tập | Đọc Chương 2, Tài liệu bắt buộc | Bài tập trên lớp |
| 4 | **Chương 3. Nguồn tài trợ của doanh nghiệp (tiếp)**<br>3.1. Các khoản vay, nợ phải trả<br>3.2. Nguồn vốn chủ sở hữu | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được quy trình, ưu nhược điểm của phát hành cổ phiếu và trái phiếu đối với doanh nghiệp | CLO1, CLO2 | Diễn giảng, bài tập nhóm nghiên cứu tình huống, | Đọc Chương 3, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 3.3. Phát hành trái phiếu<br>3.4. Phát hành cổ phiếu | | | | | | | | thực hành bài tập | | |
| 5 | **Chương 4. Chi phí sản xuất kinh doanh, giá thành sản phẩm của doanh nghiệp**<br>4.1. Chi phí sản xuất kinh doanh<br>4.2. Giá thành sản phẩm<br>4.3. Lập kế hoạch chi phí, giá thành | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Phân biệt được các loại hình chi phí của doanh nghiệp, trình bày được cách tính giá thành sản phẩm của doanh nghiệp | CLO1, CLO2 | Thuyết giảng, thực hành bài tập | Đọc Chương 4, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà, hỏi đáp |
| 6 | **Chương 5. Tiêu thụ sản phẩm, doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp**<br>5.1. Tiêu thụ sản phẩm<br>5.2. Doanh thu, thu nhập | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Xác định được các loại doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp, cách thức doanh nghiệp định giá bán hàng hóa; tính toán được điểm hòa vốn của doanh | CLO1, CLO2 | Thuyết giảng, đàm thoại, thảo luận nhóm | Đọc Chương 5, Tài liệu bắt buộc | Bài tập tại lớp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | nghiệp trong cá ví dụ cụ thể. | | | | |
| 7 | **Chương 5. Tiêu thụ sản phẩm, doanh thu, thu nhập của doanh nghiệp (tiếp)**<br>5.3. Xác định điểm hòa vốn<br>5.4. Ứng xử giá cả | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được các cách thức định giá cơ bản của doanh nghiệp. | CLO1, CLO2 | Đàm thoại, thực hành bài tập | Đọc Chương 5, Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |
| 8 | **Chương 6. Thuế và lợi nhuận của doanh nghiệp**<br>6.1. Các loại thuế chủ yếu của doanh nghiệp | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Xác định được các loại thuế chủ yếu của doanh nghiệp | CLO1, CLO2 | Thuyết giảng, đàm thoại, thực hành bài tập | Đọc Chương 6, Tài liệu bắt buộc | Bài tập tại lớp |
| 9 | **Chương 6. Thuế và lợi nhuận của doanh nghiệp (tiếp)**<br>6.2. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Tính toán được nghĩa vụ thuế của các loại thuế chủ yếu của doanh nghiệp; trình bày được cách xác định và | CLO1, CLO2 | Thuyết giảng, đàm thoại, thực hành bài tập | Đọc Chương 6, Tài liệu bắt buộc | Bài tập tại lớp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | phân phối lợi nhuận trong doanh nghiệp | | | | |
| 10 | **Chương 7. Đòn bẩy tài chính, đầu tư dài hạn của doanh nghiệp**<br>7.1. Hệ thống đòn bẩy tài chính<br>7.2. Đầu tư dài hạn của doanh nghiệp | 3 | 3 | 0 | 0 | 7 | Phân biệt được hai loại đòn bẩy chủ yếu trong doanh nghiệp, tính toán được mức độ tác động của hệ thống đòn bẩy trong doanh nghiệp. | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, đàm thoại, bài tập | Đọc Chương 7, Tài liệu bắt buộc | Bài tập tại lớp |
| 11 | **Chương 7. Đòn bẩy tài chính, đầu tư dài hạn của doanh nghiệp (tiếp)** | 3 | 3 | 0 | 0 | 7 | Tính toán được các chỉ tiêu làm cơ sở cho việc ra quyết định đầu tư dài hạn trong doanh nghệp | CLO1, CLO3 | Đàm thoại, thực hành bài tập | Đọc Chương 7 Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |
| 12 | **Chương 8. Kế hoạch, báo cáo và phân tích tài chính doanh** | 3 | 3 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được các loại báo cáo tài chính | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, đàm | Đọc Chương 8, Tài | Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | **nghiệp**<br>8.1. Kế hoạch tài chính doanh nghiệp<br>8.2. Báo cáo tài chính doanh nghiệp | | | | | | cơ bản của doanh nghiệp và cách lập các báo cáo này. | | thoại, thực hành bài tập, nghiên cứu tình huống | liệu bắt buộc | |
| 13 | **Chương 8. Kế hoạch, báo cáo và phân tích tài chính doanh nghiệp (tiếp)**<br>8.3. Phân tích tài chính doanh nghiệp | 3 | 3 | 0 | 0 | 7 | Tính toán và phân tích được các chỉ tiêu chủ yếu trên báo cáo tài chính. | CLO1, CLO3 | Thuyết giảng, đàm thoại, thực hành bài tập, nghiên cứu tình huống | Đọc Chương 8, Tài liệu bắt buộc | Bài tập nhóm về nhà |
| | **Cộng** | **30** | **30** | **0** | **0** | **90** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn (2016), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB ĐHKTQD, Hà Nội

[2] TS. Trần Thị Diên (2023),*Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài Chính, HN

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[3] Bùi Văn Vần, Vũ Văn Ninh (2013), Giáo trình tài chính doanh nghiệp, NXB Tài chính, Hà Nội.

[4] Bùi Văn Vần (2009), *Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.

[3] Hoàng Anh Đào, Phạm Thanh Trà, Trần Thảo Nguyên (2023), *Factors Affecting the Production and Business Efficiency in Manufacturing Enterprises: Case Study In Cement Manufacturing Enterprises In Tuyen Quang Province*, NXB Đại học Thái Nguyên.

[4] Hoàng Anh Đào, Phạm Thanh Trà (2021-2022), *"Evaluating the production and business efficiency of cement manufacturing enterprises in Tuyen Quang province"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO1 | Trình bày, mô tả được những kiến thức cơ bản về quá trình huy động, tạo lập và sử dụng nguồn vốn trong doanh nghiệp | Trắc nghiệm | 40% | 4 | x | |
| CLO2 | Vận dụng được các kiến thức cơ bản của tài chính doanh nghiệp trong tính toán các chỉ tiêu liên quan đến chi phí, doanh thu, lợi nhuận trong doanh nghiệp. | | 30% | 3 | x | |
| CLO3 | Phân tích hiệu quả đầu tư dài hạn của doanh nghiệp, xác định mức độ tác động của các đòn bẩy, tính toán và phân tích các chỉ tiêu chủ yếu trên báo cáo tài chính. | | 30% | 3 | x | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TQUAIRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học.** **Chương trình đào tạo: Kế toán**

**1. Thông tin chung về học phần**

**1.1. Mã học phần: KT2.1.206.3**

**1.2. Tên học phần: Luật và chuẩn mực kế toán**

**1.3. Loại học phần: Tự chọn**

**1.4. Số tín chỉ: 03**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết
- Thực tế: 45 giờ
- Tự học: 75 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: (Không)
- Học phần học trước: (Không)

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Duy Hưng | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 2 | Trần Thị Diên | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 3 | Đỗ Thị Mỹ Huyền | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |

**2. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về hệ thống pháp luật kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến tổ chức công tác kế toán. Nội dung học phần tập trung vào Luật Kế toán, hệ thống văn bản hướng dẫn, chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS), đạo đức nghề nghiệp và vận dụng pháp luật, chuẩn mực trong thực tiễn kế toán. Qua học phần, người học hình thành năng lực tra cứu, phân tích và áp dụng đúng các quy định pháp luật, chuẩn mực kế toán trong xử lý nghiệp vụ, đồng thời rèn luyện ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm trong hành nghề kế toán.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

- **CO1:** Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về pháp luật kế toán Việt Nam, hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) và các quy định pháp lý liên quan đến hoạt động kế toán.

- **CO2:** Hình thành năng lực vận dụng pháp luật và chuẩn mực kế toán để xử lý các tình huống thực tiễn trong công tác kế toán, lập và trình bày báo cáo tài chính.

- **CO3:** Rèn luyện ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và đạo đức nghề nghiệp; chủ động cập nhật các quy định pháp lý trong hoạt động kế toán.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Khái quát và phân tích được hệ thống pháp luật kế toán Việt Nam, Luật kế toán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và IFRS. | x | | |
| CLO2 | Vận dụng đúng các chuẩn mực và quy định pháp luật để xử lý chứng từ, sổ sách và lập báo cáo tài chính trong các tình huống thực tế. | | x | |
| CLO3 | Giải quyết và phân tích hiệu quả các tình huống sai phạm hoặc tranh chấp thực tế liên quan đến hoạt động kế toán tại đơn vị. | | x | |
| CLO4 | Tuân thủ tuyệt đối pháp luật, thể hiện tính trung thực, khách quan và ý thức trách nhiệm cá nhân đối với tính minh bạch của thông tin tài chính. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* | |
|---|---|---|
| | PLO 3 | PLO 8 |
| **CLO 1** | R | R |
| **CLO 2** | R | R |
| **CLO 3** | R | R |
| **CLO 4** | R | R |
| **Học phần Luật và Chuẩn mực kế toán** | **R** | **R** |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **A1. Chuyên cần** | 10 | Chuyên cần, chuẩn bị bài, tham gia thảo luận, ý thức học tập | CLO4 | 100% | x | |
| **A2. Kiểm tra thường xuyên** | 30 | Bài tập cá nhân/nhóm, thảo luận và xử lý tình huống, chấm báo cáo thực tế. | CLO1 | 30% | | |
| | | | CLO2 | 30% | | |
| | | | CLO3 | 40% | | |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | 60 | Thi trắc nghiệm khách quan; đề thi được rút ngẫu nhiên từ ngân hàng câu hỏi, bao phủ toàn bộ nội dung học phần theo ma trận đề thi | CLO1 | 30% | x | |
| | | | CLO2 | 30% | x | |
| | | | CLO3 | 40% | x | |
| **Tổng cộng** | **100** | | | **100** | | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Nội dung giảng dạy | LT | Thực tế (giờ) | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | CLO | Phương pháp giảng dạy | Hoạt động học của người học | Kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **Chương 1. Khái quát về kế toán và pháp luật kế toán Việt Nam**<br>1.1. Khái niệm, bản chất và vai trò của kế toán.<br>1.2. Lịch sử hình thành và phát triển pháp luật kế toán ở Việt Nam. | 2 | 0 | 5 | Trình bày được vai trò của kế toán và sự hình thành pháp luật kế toán. | CLO 1 | Thuyết trình, đàm thoại | Đọc giáo trình, nghiên cứu Luật Kế toán, thảo luận | Chuyên cần |
| **2** | **Chương 1 (tiếp)**<br>1.3. Sự cần thiết tuân thủ pháp luật và chuẩn mực.<br>1.4. Nguyên tắc cơ bản của pháp luật kế toán.<br>1.5. Hệ thống văn bản pháp luật kế toán hiện hành. | 2 | 0 | 5 | Phân tích được hệ thống pháp luật kế toán hiện hành. | CLO 1 | Thuyết trình, phân tích | Tra cứu văn bản pháp luật | Hỏi đáp |
| **3** | **Chương 2. Luật điều chỉnh nội dung công tác kế toán**<br>2.1. Quy định về chứng từ kế toán.<br>2.2. Quy định về tài khoản và sổ kế toán. | 3 | 0 | 5 | Vận dụng quy định về chứng từ, tài khoản và sổ kế toán. | CLO 2 | Giảng giải, ví dụ | Phân tích tình huống | Quan sát |

| Tuần | Nội dung giảng dạy | LT | Thực tế (giờ) | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | CLO | Phương pháp giảng dạy | Hoạt động học của người học | Kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **4** | **Chương 2 (tiếp)**<br>2.3. Quy định về báo cáo tài chính.<br>2.4. Quy định về kiểm kê tài sản, bảo quản và lưu trữ tài liệu kế toán. | 2 | 0 | 5 | Áp dụng quy định pháp luật trong lập báo cáo tài chính và lưu trữ tài liệu kế toán. | CLO 2 | Phân tích tình huống | Thảo luận nhóm | **Kiểm tra thường xuyên 1** |
| **5** | **Chương 3. Luật về tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán**<br>3.1. Nguyên tắc tổ chức bộ máy kế toán.<br>3.2. Quy định về người làm kế toán. | 2 | 0 | 5 | Giải thích quy định về tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán. | CLO 1, CLO 2 | Thuyết trình | Thảo luận | Quan sát |
| **6** | **Chương 3 (tiếp)**<br>3.3. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán.<br>3.4. Chia, tách, sáp nhập, giải thể đơn vị kế toán.<br>3.5. Dịch vụ kế toán và quản lý hành nghề. | 3 | 0 | 5 | Vận dụng quy định về tổ chức và hành nghề kế toán. | CLO 2 | Phân tích tình huống | Giải quyết tình huống | Đánh giá bài tập |

| Tuần | Nội dung giảng dạy | LT | Thực tế (giờ) | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | CLO | Phương pháp giảng dạy | Hoạt động học của người học | Kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **7** | **Chương 4. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS)**<br>4.1. Khái niệm, vai trò và mục tiêu.<br>4.2. Phân loại VAS.<br>4.3. Một số chuẩn mực kế toán cơ bản. | 2 | 0 | 5 | Giải thích được hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam. | CLO 1 | Thuyết trình | Đọc và phân tích chuẩn mực | Quan sát |
| **8** | **Chương 4 (tiếp)**<br>4.4. Ứng dụng VAS trong doanh nghiệp.<br>Câu hỏi, bài tập Chương 4. | 2 | 0 | 5 | Vận dụng VAS trong các tình huống thực tế. | CLO 2, CLO 3 | Dạy học tình huống | Giải quyết tình huống | **Kiểm tra thường xuyên 2** |
| **9** | **Chương 5. Chuẩn mực kế toán quốc tế và so sánh với VAS**<br>5.1. Giới thiệu IFRS.<br>5.2. So sánh VAS và IFRS. | 2 | 0 | 5 | Phân tích điểm giống và khác giữa VAS và IFRS. | CLO 2, CLO 3 | Thuyết trình | Lập bảng so sánh | Đánh giá nhóm |
| **10** | **Chương 5 (tiếp)**<br>5.3. Hội nhập quốc tế.<br>5.4. Kinh nghiệm áp dụng IFRS. | 3 | 0 | 5 | Đánh giá xu hướng áp dụng IFRS tại Việt Nam. | CLO 2, CLO 3 | Seminar | Trình bày kết quả nghiên cứu | Đánh giá thuyết trình |

| Tuần | Nội dung giảng dạy | LT | Thực tế (giờ) | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | CLO | Phương pháp giảng dạy | Hoạt động học của người học | Kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 5.5. Xu hướng hoàn thiện pháp luật và chuẩn mực kế toán Việt Nam. | | | | | | | | |
| **11** | **Chương 6. Vận dụng luật và chuẩn mực kế toán**<br>6.1. Nguyên tắc tuân thủ.<br>6.2. Vận dụng trong công tác kế toán. | 2 | 0 | 5 | Vận dụng pháp luật và chuẩn mực vào nghiệp vụ kế toán. | CLO 2, CLO 3 | Dạy học tình huống | Phân tích tình huống | Quan sát |
| **12** | **Chương 6 (tiếp)**<br>6.3. Phân tích tình huống vi phạm pháp luật kế toán.Câu hỏi, bài tập Chương 6. | 2 | 0 | 5 | Phân tích và đề xuất phương án xử lý vi phạm. | CLO 3 | Thảo luận | Phản biện tình huống | Đánh giá bài tập |
| **13** | **Chương 7. Quản lý nhà nước và xử lý vi phạm trong lĩnh vực kế toán**<br>7.1. Quản lý nhà nước về kế toán.<br>7.2. Thanh tra, kiểm tra, kiểm toán.<br>7.3. Xử lý vi phạm trong lĩnh vực kế toán.Ôn tập và hướng dẫn thực tế. | 3 | 0 | 7 | Hệ thống hóa kiến thức và chuẩn bị cho hoạt động thực tế. | CLO 1, CLO 2, CLO 3, CLO 4 | Hệ thống hóa, hướng dẫn | Chuẩn bị đề cương khảo sát và nhật ký thực tế | Hướng dẫn trước thực tế |

| Tuần | Nội dung giảng dạy | LT | Thực tế (giờ) | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | CLO | Phương pháp giảng dạy | Hoạt động học của người học | Kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **14** | **Sinh viên đi thực tế nghề nghiệp trong tuần 14 hoặc tuần 15**<br>- **Phần 1**: Khảo sát việc tổ chức thực hiện **Luật Kế toán**, hệ thống văn bản hướng dẫn, quy trình lập và quản lý chứng từ, sổ kế toán; tìm hiểu việc áp dụng **VAS** tại doanh nghiệp hoặc đơn vị kế toán.<br>- **Phần 2**: Tìm hiểu việc áp dụng **IFRS**, xử lý các tình huống pháp lý trong công tác kế toán, đạo đức nghề nghiệp; hoàn thiện và trình bày báo cáo thực tế. | 0 | 45 | 8 | Liên hệ kiến thức pháp luật và chuẩn mực với thực tiễn nghề nghiệp.<br>Phân tích, đánh giá việc vận dụng pháp luật và chuẩn mực kế toán trong thực tiễn. | CLO 2, CLO 3, CLO 4 | Thảo luận; Hướng dẫn tại đơn vị | Quan sát, phỏng vấn, ghi nhật ký thực tế; Hoàn thiện báo cáo thực tế và trình bày kết quả | Nhật ký thực tế; Chấm báo cáo thực tế |
| | **Cộng** | **30** | **45** | **75** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Quốc hội XIII (2015), *Luật Kế toán số 88*, NXB Tài chính.

[2] Bộ Tài chính (2015), *26 chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Lao động - Xã hội.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[3] Bộ Tài chính (2025), Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Hà Nội.

[3] Phạm Duy Hưng, Trần Thị Diên, Nguyễn Thị Kim Ngân, Trần Thảo Nguyên (2016), *Giáo trình Luật và chuẩn mực kế toán* (tài liệu lưu hành nội bộ)

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

Đề thi kết thúc học phần được thiết kế theo hình thức trắc nghiệm khách quan, sử dụng ngân hàng câu hỏi chuẩn hóa và được lựa chọn ngẫu nhiên theo ma trận đề thi. Nội dung đề thi bao quát toàn bộ các chương của học phần, bảo đảm đánh giá các chuẩn đầu ra CLO1, CLO2 và CLO3 ở các mức độ nhận thức từ nhận biết, thông hiểu đến vận dụng. Học phần chỉ đóng góp vào việc hình thành chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, không sử dụng kết quả đánh giá để đo lường PLO.

| **Chuẩn đầu ra học phần (CLO)** | **Yêu cầu đối với đề thi** | **Hình thức đánh giá** | **Tỷ trọng trong đề thi (%)** | **Điểm tối đa** | **Cần đo lường mức độ đạt CLO** | **Đo lường mức độ đạt PLO** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Đánh giá khả năng giải thích, phân tích các quy định của pháp luật kế toán, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS), chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRS) và các quy định pháp lý liên quan. | Trắc nghiệm khách quan | 30% | 3,0 | x | |
| CLO2 | Đánh giá khả năng vận dụng các quy định của pháp luật và chuẩn mực kế toán để xử lý các tình huống trong công tác kế toán và lập, trình bày báo cáo tài chính. | Trắc nghiệm khách quan | 30% | 3,0 | x | |
| CLO3 | Đánh giá khả năng phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án xử | Trắc nghiệm khách | 40% | 4,0 | x | |

| Chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Yêu cầu đối với đề thi | Hình thức đánh giá | Tỷ trọng trong đề thi (%) | Điểm tối đa | Cần đo lường mức độ đạt CLO | Đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | lý các tình huống liên quan đến việc áp dụng pháp luật và chuẩn mực kế toán trong thực tiễn. | quan | | | | |
| | **Tổng cộng** | | **100** | **10,0** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KINH TẾ - KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.032.3

**1.2. Tên học phần:** Thanh toán quốc tế

**1.3. Loại học phần:** Tự chọn

**1.4. Số tín chỉ:** 03 (2 tín chỉ lý thuyết + 1 tín chỉ thực tế)

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 giờ (bao gồm kiểm tra thường xuyên trên lớp)
- Thực hành, bài tập trên lớp:
- Thực tập: 0
- Thực tế: 45
- Tự học, tự nghiên cứu: 75 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Đỗ Hải Yến | Tiến sĩ | Kinh tế - Kinh doanh |
| 2 | Hoàng Anh Đào | Tiến sĩ | Kinh tế - Kinh doanh |
| 3 | Trần Hương Giang | Thạc sĩ | Kinh tế - Kinh doanh |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Thanh toán quốc tế cung cấp cho người học nền tảng kiến thức về cơ chế và nghiệp vụ thanh toán trong hoạt động ngoại thương, bao gồm: tổng quan về thanh toán quốc tế và điều kiện thanh toán; hợp đồng ngoại thương và các điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms); chứng từ thương mại trong thanh toán quốc tế; các phương tiện thanh toán quốc tế (hối phiếu, kỳ phiếu, séc); các phương thức thanh toán quốc tế phổ biến (chuyển tiền, ghi sổ, nhờ thu, tín dụng chứng từ); và tài trợ thương mại quốc tế. Thông qua học phần, người học vận dụng được các quy tắc, chuẩn mực và thông lệ quốc tế trong xử lý các tình huống thanh toán ngoại thương thực tiễn, phát triển kỹ năng soạn thảo và diễn giải điều khoản thanh toán trong hợp đồng thương mại quốc tế.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – CO)

**CO1:** Trang bị cho người học kiến thức cơ bản, có hệ thống về thanh toán quốc tế trong ngoại thương, bao gồm hợp đồng ngoại thương, điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms), chứng từ thương mại, các phương tiện và phương thức thanh toán quốc tế, và tài trợ thương mại quốc tế; từ đó tạo nền tảng cho việc vận dụng vào công tác kế toán đơn vị có yếu tố nước ngoài.

**CO2:** Hình thành khả năng vận dụng các nguyên tắc, quy trình nghiệp vụ và thông lệ quốc tế để phân tích, xử lý các tình huống thanh toán trong hoạt động ngoại thương; thực hiện được việc soạn thảo và diễn giải các điều khoản thanh toán trong hợp đồng thương mại quốc tế; phát triển kỹ năng thảo luận nhóm, đọc hiểu tài liệu tiếng Anh chuyên ngành.

**CO3:** Góp phần hình thành thái độ học tập tích cực, tự giác, trung thực trong kiểm tra đánh giá; ý thức kỷ luật và trách nhiệm trong học tập và thực hiện đúng các quy định trong thanh toán quốc tế; khả năng tự học, tự nghiên cứu và cập nhật thay đổi trong môi trường thanh toán quốc tế.

## 4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO 1** | Phân tích được các khái niệm và điều kiện cơ bản trong thanh toán quốc tế, nội dung và kết cấu hợp đồng ngoại thương, cũng như các quy tắc Incoterms để đánh giá vai trò của chúng trong phân chia chi phí và rủi ro giữa các bên. | x | | |
| **CLO 2** | Phân biệt và giải thích được các loại chứng từ thương mại trong thanh toán quốc tế (chứng từ vận tải, bảo hiểm, hàng hóa) và các phương tiện thanh toán quốc tế chủ yếu (hối phiếu đòi nợ, kỳ phiếu, séc) để phục vụ hoạt động thanh toán quốc tế. | x | x | |
| **CLO 3** | Vận dụng được kiến thức về các phương thức thanh toán quốc tế (chuyển tiền, ghi sổ, nhờ thu, tín dụng chứng từ) và tài trợ thương mại quốc tế để phân tích quy trình nghiệp vụ và xử lý tình huống thực tế. | x | x | |

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO 4** | Vận dụng được các điều kiện Incoterms để soạn thảo và diễn giải các điều khoản thanh toán phù hợp với từng phương thức thanh toán trong hợp đồng thương mại quốc tế. | x | x | |
| **CLO 5** | Thể hiện được thái độ học tập nghiêm túc, trung thực và trách nhiệm nghề nghiệp để chủ động tự học và tự nghiên cứu trong lĩnh vực thanh toán quốc tế. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Nội dung CLO (tóm tắt) | PLO 4 | PLO khác |
|---|---|---|---|
| **CLO1** | Trình bày khái niệm, điều kiện thanh toán; hợp đồng ngoại thương; Incoterms | R | |
| **CLO2** | Giải thích chứng từ thương mại và phương tiện thanh toán quốc tế | M,A | |
| **CLO3** | Vận dụng các phương thức thanh toán và tài trợ thương mại quốc tế | M,A | |
| **CLO4** | Vận dụng Incoterms; soạn thảo, diễn giải điều khoản thanh toán trong hợp đồng | M,A | |
| **CLO5** | Thể hiện thái độ, ý thức kỷ luật, tự chủ trong học tập | M | |
| **Học phần Thanh toán quốc tế** | | M,A | |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra – đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Theo dõi, quan sát mức độ tham dự và thái độ học tập của người học trong suốt học phần | CLO 5 | 100% | X | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 01 bài kiểm tra tiểu luận cá nhân, thực hiện sau khi học xong Chương 6; nội dung bao phủ Chương 1 đến Chương 6 | CLO 1<br>CLO 2<br>CLO 3 | 35%<br>35%<br>30% | X | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi trắc nghiệm (50 câu, 75 phút); đề thi bao phủ toàn bộ 9 chương của học phần | CLO 1<br>CLO 2<br>CLO 3<br>CLO 4 | 25%<br>25%<br>25%<br>25% | X | PLO4 |

## 7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

| Tuần | Chương, mục | LT | TH | Thực tế | Tự học | CĐR bài học/chương | CLO liên quan | PP giảng dạy | Hoạt động học của người học | KTĐG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chương 1: Tổng quan về thanh toán quốc tế 1.1. Khái niệm và đặc điểm thanh toán quốc tế 1.2. Vai trò của thanh toán quốc tế 1.3. Hệ thống văn bản pháp lý điều chỉnh 1.4. Điều kiện thanh toán quốc tế 1.5. Các bên liên quan đến thanh toán quốc tế | 3 | | | 5 | Trình bày được khái niệm, đặc điểm, vai trò và điều kiện thanh toán quốc tế; xác định được các bên tham gia | **CLO1, CLO5** | Thuyết trình, vấn đáp, xây dựng khái niệm | Đọc trước GT chương 1; nghe giảng, thảo luận; làm bài tập tình huống; tự học ôn tập | |
| 2 | Chương 2: Hợp đồng ngoại thương 2.1. Khái niệm và đặc điểm 2.2. Kết cấu nội dung của hợp đồng ngoại thương 2.3. Mẫu hợp đồng ngoại thương | 3 | | | 5 | Mô tả được các điều khoản cơ bản trong hợp đồng ngoại thương; đọc hiểu được mẫu hợp đồng ngoại thương chuẩn | **CLO1, CLO4, CLO5** | Thuyết trình, đóng vai, nghiên cứu tình huống | Đọc GT chương 2; phân tích mẫu hợp đồng; tự học ôn tập | |
| 3 | Chương 2 (tiếp) – Bài tập hợp đồng ngoại thương Chương 3: Điều kiện thương mại quốc tế 3.1. Những vấn đề cơ bản về Incoterms 3.2. Incoterms 2010 | 3 | | | 5 | Soạn thảo và diễn giải được điều khoản thanh toán trong hợp đồng; phân biệt được các nhóm Incoterms và phạm vi áp dụng | **CLO1, CLO4, CLO5** | Thuyết trình, bài tập thực hành, thảo luận nhóm | Làm bài tập hợp đồng; đọc GT chương 3 mục 3.1-3.2; tự học | |
| 4 | Chương 3 (tiếp) 3.3. 11 quy tắc thương mại của Incoterms 2010 Bài tập chương 3 | 3 | | | 5 | Vận dụng được 11 quy tắc Incoterms để phân chia trách nhiệm, rủi ro và chi phí trong từng tình huống ngoại thương cụ thể | **CLO1, CLO4, CLO5** | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống, bài tập nhóm | Đọc GT mục 3.3; làm bài tập Incoterms; tự học ôn tập | |

| Tuần | Chương, mục | LT | TH | Thực tế | Tự học | CĐR bài học/chương | CLO liên quan | PP giảng dạy | Hoạt động học của người học | KTĐG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 5 | Chương 4: Chứng từ thương mại trong thanh toán quốc tế 4.1. Chứng từ vận tải 4.2. Chứng từ bảo hiểm hàng hóa 4.3. Các chứng từ về hàng hóa | 2 | | | 5 | Nhận diện và giải thích được chức năng, nội dung của từng loại chứng từ trong bộ chứng từ xuất nhập khẩu | **CLO2, CLO5** | Thuyết trình, làm mẫu, thảo luận nhóm | Đọc GT chương 4; phân tích mẫu chứng từ; tự học | |
| 6 | Bài tập chương 4 Chương 5: Phương tiện thanh toán quốc tế 5.1. Hối phiếu đòi nợ 5.2. Hối phiếu nhận nợ (kỳ phiếu) 5.3. Séc | 2 | | | 5 | Giải thích được nội dung pháp lý và quy trình lưu thông của hối phiếu, kỳ phiếu và séc trong thanh toán quốc tế | **CLO2, CLO5** | Thuyết trình, làm mẫu phiếu, thảo luận nhóm | Làm bài tập chứng từ; đọc GT chương 5; tự học | |
| 7 | Bài tập chương 5 Chương 6: Phương thức thanh toán không có tập quán quốc tế điều chỉnh 6.1. Phương thức chuyển tiền 6.2. Phương thức ghi sổ | 2 | | | 5 | Mô tả được quy trình và phân tích được ưu, nhược điểm của phương thức chuyển tiền và ghi sổ trong thanh toán xuất nhập khẩu | **CLO2, CLO3, CLO5** | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thảo luận | Làm bài tập chương 5; đọc GT chương 6 mục 6.1-6.2; tự học | |
| 8 | Chương 6 (tiếp) 6.3. Phương thức ứng trước 6.4. Phương thức thư ủy thác mua (A/P) 6.5. Phương thức nhận hàng trả tiền ngay (COD) | 2 | | | 5 | Phân tích được các phương thức thanh toán ứng trước, thư ủy thác mua và COD; so sánh mức độ rủi ro cho các bên | **CLO3, CLO5** | Thuyết trình, phân tích tình huống, vấn đáp | Đọc GT mục 6.3-6.5; làm bài tập so sánh phương thức; tự học | |
| 9 | Bài tập tổng hợp chương 6 Chương 7: Phương thức nhờ thu 7.1. Khái niệm và văn bản pháp lý nhờ thu | 2 | | | 5 | Giải được bài tập về phương thức thanh toán chương | **CLO3, CLO5** | Thuyết trình, bài tập tình | Làm bài tập chương 6; đọc GT chương 7 mục 7.1-7.2; tự học | |

| Tuần | Chương, mục | LT | TH | Thực tế | Tự học | CĐR bài học/chương | CLO liên quan | PP giảng dạy | Hoạt động học của người học | KTĐG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 7.2. Các bên tham gia và mối quan hệ | | | | | 6; xác định được các bên và mối quan hệ pháp lý trong giao dịch nhờ thu | | huống, thảo luận nhóm | | |
| 10 | Kiểm tra thường xuyên (bài tập tiểu luận cá nhân – nội dung chương 1–6) Chương 7 (tiếp) 7.3. Các loại nhờ thu và quy trình nghiệp vụ 7.4. Quy trình nhờ thu của ngân hàng thương mại | 2 | | | 5 | Phân tích được quy trình nhờ thu kèm chứng từ và nhờ thu trơn; đánh giá được rủi ro và điều kiện áp dụng từng loại nhờ thu | **CLO1, CLO2, CLO3, CLO5** | Thuyết trình, phân tích tình huống, vấn đáp | Ôn tập chương 1–6 để kiểm tra; đọc GT mục 7.3-7.4; tự học | Kiểm tra thường xuyên, bài tập tiểu luận cá nhân. |
| 11 | Bài tập chương 7 Chương 8: Phương thức tín dụng chứng từ 8.1. Khái niệm và giải thích thuật ngữ 8.2. Đặc điểm và phân loại L/C | 2 | | | 5 | Giải được bài tập nhờ thu; trình bày được bản chất, đặc điểm và các loại thư tín dụng (L/C) phổ biến trong ngoại thương | **CLO2, CLO3, CLO5** | Thuyết trình, bài tập thực hành, thảo luận | Làm bài tập chương 7; đọc GT chương 8 mục 8.1-8.2; tự học | |
| 12 | Chương 8 (tiếp) 8.3. Văn bản pháp lý điều chỉnh giao dịch L/C 8.4. Quy trình nghiệp vụ L/C 8.5. Những nội dung chủ yếu của L/C | 2 | | | 5 | Phân tích được quy trình mở, tu chỉnh, kiểm tra và thanh toán L/C; đọc hiểu và xử lý được các nội dung chủ yếu của một L/C cụ thể | **CLO3, CLO4, CLO5** | Thuyết trình, làm mẫu L/C, thảo luận nhóm | Đọc GT mục 8.3-8.5; phân tích L/C mẫu; tự học | |
| 13 | Bài tập chương 8. Ôn tập và hệ thống hóa toàn bộ học phần | 2 | | | 5 | Hệ thống hóa được toàn bộ kiến thức học phần; giải thành thạo các | **CLO1, CLO2, CLO3, CLO4,** | Ôn tập tổng hợp, bài tập tình huống, vấn | Ôn tập toàn bộ nội dung học phần; tự học củng cố | |

| Tuần | Chương, mục | LT | TH | Thực tế | Tự học | CĐR bài học/chương | CLO liên quan | PP giảng dạy | Hoạt động học của người học | KTĐG |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | dạng bài tập tổng hợp; sẵn sàng cho thi kết thúc học phần | **CLO5** | đáp | | |
| 14 | Đi thực tế doanh nghiệp (5 buổi) | | | 45 | 5 | vận dụng được kiến thức về chứng từ, phương thức thanh toán quốc tế và điều kiện Incoterms đã học để nhận diện, phân tích quy trình nghiệp vụ thực tế tại doanh nghiệp; đồng thời thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, chủ động quan sát, ghi chép và hoàn thành báo cáo thu hoạch. | **CLO2, CLO3, CLO4, CLO5** | Tổ chức tham quan, khảo sát thực tế tại doanh nghiệp/ngân hàng có hoạt động thanh toán quốc tế; kết hợp thuyết trình của cán bộ chuyên môn, quan sát quy trình thực tế và thảo luận nhóm | Chuẩn bị đề cương câu hỏi trước buổi thực tế, tham gia đầy đủ, ghi chép và viết báo cáo thu hoạch sau chuyến đi | |
| **Tổng** | | **30** | | **45** | **75** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Văn Tiến, Nguyễn Thị Hồng Hải (2016), *Giáo trình Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Văn Tiến (2014), *Bài tập và bài giải thanh toán quốc tế*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

[3] Đoàn Thị Hồng Vân, Kim Ngọc Đạt (2021), *Giáo trình Quản trị xuất nhập khẩu*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, Hà Nội.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

Hình thức thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm (50 câu, thời gian 75 phút, thang điểm 10). Cấu trúc đề thi phân bổ theo các CLO và mức nhận thức như sau:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra – đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Trình bày được các khái niệm, điều kiện thanh toán; hợp đồng ngoại thương và Incoterms | Trắc nghiệm | 25% | 2,5 | X | PLO4 |
| **CLO2** | Giải thích được chứng từ thương mại và các phương tiện thanh toán quốc tế chủ yếu | Trắc nghiệm | 25% | 2,5 | X | PLO4 |
| **CLO3** | Vận dụng được các phương thức thanh toán và tài trợ thương mại quốc tế xử lý tình huống thực tế | Trắc nghiệm | 25% | 2,5 | X | PLO4 |
| **CLO4** | Vận dụng Incoterms; soạn thảo và diễn giải điều khoản thanh toán trong hợp đồng thương mại quốc tế | Trắc nghiệm | 25% | 2,5 | X | PLO4 |

**Ghi chú về cấu trúc đề thi:**

- Tổng số câu: 50 câu trắc nghiệm, mỗi câu 0,2 điểm. Thời gian: 75 phút.
- Phân bổ mức nhận thức: 60% câu hỏi ở mức Nhớ – Hiểu (Bloom bậc 1-2); 40% câu hỏi ở mức Vận dụng – Phân tích (Bloom bậc 3-4).

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KINH TẾ - KINH DOANH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
## Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán

### 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần: KT2.1.138.3**

**1.2. Tên học phần: Giao tiếp trong kinh doanh**

**1.3. Loại học phần: Tự chọn**

**1.4. Số tín chỉ: 03 (02 tín chỉ lý thuyết + 01 tín chỉ thực hành)**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 tiết (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Bài tập thực hành, seminar: 0
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 45
- Thực tập: Không
- Tự học: 75 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Hoàng Thị Hạnh | Thạc sĩ | Bộ môn Kinh tế - Quản trị kinh doanh |
| 2 | Trần Thị Diên | Tiến sĩ | Bộ môn Kinh tế - Quản trị kinh doanh |
| 3 | Hoàng Anh Đào | Tiến sĩ | Bộ môn Kinh tế - Quản trị kinh doanh |

### 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Giao tiếp trong kinh doanh cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về bản chất, vai trò, chức năng và các hình thức giao tiếp trong môi trường kinh doanh; các nhân tố tác động đến quá trình giao tiếp và

đặc điểm giao tiếp trong sự khác biệt văn hóa, giới tính và đa dạng nguồn nhân lực; nguyên tắc và kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa; các hình thức giao tiếp bằng văn bản bao gồm soạn thảo văn bản, viết email và tin nhắn, thư kinh doanh, báo cáo kinh doanh; cùng với kỹ năng thuyết trình chuyên nghiệp trong kinh doanh. Thông qua các hoạt động lý thuyết và thực hành, người học từng bước hình thành khả năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm, thuyết trình và hợp tác trong môi trường nghề nghiệp đa dạng; đồng thời phát triển thái độ tích cực, tinh thần trách nhiệm và ý thức liên tục hoàn thiện kỹ năng giao tiếp nghề nghiệp phù hợp với yêu cầu của ngành kế toán và môi trường kinh doanh hiện đại.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

**CO1:** Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về bản chất, vai trò, chức năng, các hình thức và môi trường giao tiếp trong kinh doanh; nguyên tắc giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa; các kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, email, thư từ, báo cáo và thuyết trình trong hoạt động kinh doanh.

**CO2:** Hình thành cho người học các kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường nghề nghiệp đa dạng: kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng soạn thảo các văn bản kinh doanh và kỹ năng hợp tác chuyên nghiệp trong môi trường kinh doanh đa văn hóa, phục vụ cho hoạt động nghề nghiệp kế toán.

**CO3:** Phát triển thái độ tích cực, tinh thần cầu tiến và ý thức tự hoàn thiện kỹ năng giao tiếp; hình thành phẩm chất nghề nghiệp chuẩn mực, tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong môi trường làm việc đa dạng, phù hợp với yêu cầu của nghề nghiệp kế toán trong bối cảnh hội nhập.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Nhận diện được bản chất, vai trò, chức năng, các kênh và hình thức giao tiếp trong kinh doanh; giải thích được quá trình giao tiếp và các nhân tố tác động đến giao tiếp trong môi trường kinh doanh đa dạng. | x | | |
| CLO2 | Vận dụng được các nguyên tắc và kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa; thực hành được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác trong môi trường nghề nghiệp đa dạng. | | x | x |
| CLO3 | Thực hành được các kỹ năng giao tiếp bằng văn bản trong kinh doanh: soạn thảo văn bản, viết email và tin nhắn chuyên nghiệp, viết thư kinh doanh và dự thảo báo cáo kinh doanh. | | x | |
| CLO4 | Thực hiện được kỹ năng thuyết trình chuyên nghiệp trong kinh doanh: chuẩn bị nội dung, thiết kế bài trình chiếu, xây dựng mối quan hệ với người nghe và trình bày bài thuyết trình hiệu quả. | | x | x |
| CLO5 | Thể hiện được thái độ tích cực, tinh thần hợp tác và trách nhiệm trong học tập; ý thức tự hoàn thiện kỹ năng giao tiếp và phẩm chất nghề nghiệp chuẩn mực phù hợp với môi trường kinh doanh đa dạng. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) |
|---|---|
| | PLO6 |
| CLO1 | I |
| CLO2 | M |
| CLO3 | M |
| CLO4 | M |
| CLO5 | |
| **Học phần Giao tiếp trong kinh doanh** | I |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức tham gia học tập; mức độ chuẩn bị bài; mức độ tham gia thảo luận, xây dựng bài và các hoạt động nhóm | CLO5 | 100% | | |

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 20% | 01 bài kiểm tra Soạn thảo một văn bản kinh doanh ngắn (thông báo/email nội bộ) theo đúng cấu trúc và quy trình đã học (Chương 4), phục vụ một mục đích cụ thể do đề bài đưa ra. | CLO2<br>CLO3 | 100% | | |
| A3. Đánh giá kỹ năng thực hành thuyết trình | 20% | Thuyết trình cá nhân/nhóm trước lớp có rubric đánh giá (chuẩn bị nội dung, thiết kế bài trình chiếu, kỹ thuật trình bày, tương tác với người nghe); gắn với hoạt động thực hành | CLO4 | 100% | x | |

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | | thuyết trình trên lớp và tuần thực hành, thực tế tại doanh nghiệp (45 giờ) | | | | |
| A4. Thi cuối kỳ | 50% | Thi trắc nghiệm; 50 câu; thời gian làm bài 75 phút; đề thi bao quát các nội dung kiến thức và kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh của toàn bộ học phần | CLO1<br>CLO2<br>CLO3 | 40%<br>30%<br>30% | x | |

## 7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương /chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong trường, seminar | Thực tế ngoài trường | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | Giới thiệu học phần.<br>Chương 1: Bản chất và các hình thức giao tiếp kinh doanh<br>1.1. Bản chất, vai trò và chức năng của giao tiếp trong kinh doanh<br>1.2. Các kênh và | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Nhận diện được bản chất, vai trò, chức năng và các kênh giao tiếp trong kinh doanh; phân tích được đạo đức trong giao tiếp và xác định đối tượng, phạm vi nghiên cứu | CLO1, CLO5 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm, nêu vấn đề, đóng vai | Đọc Chương 1 TLBB; thảo luận về vai trò của giao tiếp trong thực tiễn kinh doanh; phân tích tình huống giao tiếp | Điểm danh; câu hỏi nhanh |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương /chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | hình thức giao tiếp kinh doanh<br>1.3. Đạo đức trong giao tiếp kinh doanh; đối tượng, phạm vi nghiên cứu môn học | | | | | | môn học | | | thực tế; điểm danh | |
| 2 | Chương 2: Môi trường giao tiếp kinh doanh<br>2.1. Tổng quan về môi trường giao tiếp kinh doanh<br>2.2. Quá trình giao tiếp trong kinh doanh<br>2.3. Các nhân tố tác động đến | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Giải thích được môi trường làm việc, quá trình và các nhân tố tác động đến giao tiếp kinh doanh; phân tích được các tình huống môi trường giao tiếp | CLO1, CLO5 | Thuyết trình, phân tích tình huống, thảo luận nhóm | Đọc GT mục 2.1-2.3; bài tập nhóm phân tích môi trường giao tiếp của một doanh nghiệp | Đánh giá qua thảo luận nhóm |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương /chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | giao tiếp kinh doanh | | | | | | | | | | |
| 3 | Chương 2 (tiếp)<br>2.4. Sự khác biệt văn hóa trong giao tiếp<br>2.5. Sự khác biệt giới tính trong giao tiếp<br>2.6. Đa dạng nguồn nhân lực và giao tiếp kinh doanh | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Nhận diện được sự khác biệt văn hóa, giới tính và đa dạng nguồn lao động trong giao tiếp; phân tích được các tình huống môi trường giao tiếp đa dạng | CLO1, CLO2, CLO5 | Nêu vấn đề, đóng vai, nghiên cứu tình huống, làm việc nhóm | Đọc GT mục 2.4-2.6; bài tập nhóm xử lý tình huống giao tiếp đa văn hóa trong doanh nghiệp | Bài tập nhóm |
| 4 | Chương 3: Giao tiếp trong môi trường đa văn hóa<br>3.1. Khái niệm và đặc điểm văn | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Phân tích được các đặc điểm, giá trị văn hóa và các mô hình văn hóa tiêu biểu; nhận diện ảnh hưởng của | CLO1, CLO2 | Thuyết trình, thảo luận nhóm, nghiên cứu tình huống | Đọc Chương 3 TLBB mục 3.1-3.3; bài tập nhóm nhận diện các | Câu hỏi vấn đáp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương /chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | hóa<br>3.2. Giá trị văn hóa trong kinh doanh<br>3.3. Các mô hình văn hóa tiêu biểu | | | | | | văn hóa đến giao tiếp kinh doanh | | | mô hình văn hóa | |
| 5 | Chương 3 (tiếp)<br>3.4. Nguyên tắc giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa<br>3.5. Rào cản trong giao tiếp đa văn hóa<br>3.6. Kỹ năng khắc phục rào cản giao tiếp văn hóa | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Vận dụng được nguyên tắc giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa; nhận diện và khắc phục các yếu tố cản trở giao tiếp văn hóa | CLO1, CLO2, CLO5 | Đóng vai, phân tích tình huống, làm việc nhóm | Đọc GT mục 3.4-3.6; bài tập nhóm xử lý tình huống giao tiếp đa văn hóa | Đánh giá qua tình huống đóng vai |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương /chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 6 | Chương 4: Giao tiếp bằng văn bản trong kinh doanh<br>4.1. Khái niệm và vai trò của văn bản kinh doanh<br>4.2. Yêu cầu đối với văn bản kinh doanh<br>4.3. Quy trình soạn thảo văn bản kinh doanh | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Nắm được yêu cầu và quy trình soạn thảo văn bản kinh doanh | CLO1, CLO3 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành, làm việc nhóm | Đọc Chương 4 TLBB mục 4.1-4.3; bài tập nhóm soạn thảo văn bản kinh doanh | Điểm danh; câu hỏi nhanh |
| 7 | Chương 4 (tiếp)<br>4.4. Cấu trúc văn bản kinh doanh<br>4.5. Biên tập và hoàn thiện văn bản | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Thực hiện được đầy đủ quy trình viết văn bản từ chuẩn bị, lập dàn ý, viết bản | CLO3, CLO5 | Hướng dẫn thực hành, nêu vấn đề, đánh giá sản phẩm, kiểm tra viết | Đọc GT mục 4.4-4.6; thực hành biên tập và hoàn thiện | Kiểm tra thường xuyên tự luận (50 phút) |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương /chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 4.6. Các lỗi thường gặp khi soạn thảo văn bản<br>Kiểm tra thường xuyên (01 tiết – cuối buổi, nội dung Chương 1–4) | | | | | | thảo đến biên tập hoàn chỉnh | | | văn bản; làm bài kiểm tra thường xuyên A2 (nội dung Chương 4) | |
| 8 | Chương 5: Giao tiếp qua Email và tin nhắn trong kinh doanh<br>5.1. Cấu trúc và định dạng email kinh doanh<br>5.2. Quy trình viết email chuyên nghiệp<br>5.3. Nguyên tắc | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Nắm được cấu trúc, quy trình và định dạng email kinh doanh; vận dụng được nguyên tắc sử dụng email an toàn, thông minh; viết được email và tin nhắn tiêu | CLO1, CLO2, CLO3 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành, phân tích mẫu, nghiên cứu tình huống | Đọc Chương 5 TLBB; thực hành viết email chuyên nghiệp và xử lý các tình huống email trong kinh doanh | Đánh giá qua sản phẩm thực hành viết email |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương /chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | sử dụng email an toàn, thông minh<br>5.4. Giao tiếp qua tin nhắn trong kinh doanh | | | | | | biểu trong các tình huống kinh doanh khác nhau | | | | |
| 9 | Chương 6: Giao tiếp qua thư từ trong kinh doanh<br>6.1. Chức năng và cấu trúc thư kinh doanh<br>6.2. Phương pháp viết thư kinh doanh<br>6.3. Thư yêu cầu và thư khiếu nại | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Nắm được chức năng, cấu trúc và phương pháp viết thư kinh doanh; thực hành viết thư yêu cầu và thư khiếu nại trực tiếp | CLO1, CLO3 | Thuyết trình, phân tích mẫu, hướng dẫn thực hành | Đọc Chương 6 TLBB mục 6.1-6.3; thực hành viết thư yêu cầu và thư khiếu nại | Đánh giá qua bài tập thực hành viết thư |
| 10 | Chương 6 (tiếp)<br>6.4. Thư trả lời trực tiếp | 3 | 0 | 0 | 0 | 5 | Thực hành được kỹ năng viết thư trả lời | CLO2, CLO3, CLO5 | Hướng dẫn thực hành, làm việc | Đọc GT mục 6.4-6.5; thực | Bài tập nhóm |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương /chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 6.5. Thư giao dịch với đối tác quốc tế | | | | | | trực tiếp và thư giao dịch với đối tác quốc tế trong lĩnh vực kế toán, tài chính | | nhóm, phân tích tình huống quốc tế | hành viết thư trả lời và thư đối tác quốc tế | |
| 11 | Chương 7: Giao tiếp bằng báo cáo trong kinh doanh<br>7.1. Khái niệm và phân loại báo cáo kinh doanh<br>7.2. Cấu trúc báo cáo kinh doanh<br>7.3. Quy trình dự thảo báo cáo kinh doanh | 3 | 0 | 0 | 0 | 5 | Hiểu được các loại báo cáo kinh doanh; thực hành dự thảo và trình bày đề án báo cáo kinh doanh chính thức | CLO1, CLO3, CLO5 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành, nghiên cứu tình huống | Đọc Chương 7 TLBB; thực hành dự thảo báo cáo kinh doanh | Đánh giá qua sản phẩm báo cáo |
| 12 | Chương 8: Thuyết trình | 3 | 0 | 0 | 0 | 5 | Nắm được bản chất, quy trình | CLO1, CLO4, | Thuyết trình, hướng dẫn | Đọc Chương 8 | Đánh giá qua thiết kế |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương /chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | trong kinh doanh<br>8.1. Bản chất của thuyết trình trong kinh doanh<br>8.2. Quy trình chuẩn bị bài thuyết trình<br>8.3. Thiết kế bài trình chiếu<br>8.4. Xây dựng mối quan hệ với người nghe | | | | | | chuẩn bị và kỹ thuật xây dựng mối quan hệ với người nghe; thực hành thiết kế cấu trúc và lập dàn ý bài thuyết trình | CLO5 | thực hành, làm việc nhóm | TLBB mục 8.1-8.4; thực hành chuẩn bị và thiết kế bài thuyết trình | bài thuyết trình |
| 13 | Chương 8 (tiếp)<br>8.5. Kỹ thuật trình bày bài thuyết trình hiệu quả<br>8.6. Thực hành thuyết trình trước nhóm | 3 | 0 | 0 | 0 | 5 | Thực hiện được bài thuyết trình hoàn chỉnh bằng PowerPoint trong môi trường mô | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 | Thực hành thuyết trình, phản hồi đồng đẳng, hệ thống hóa, hướng dẫn ôn thi | Đọc GT mục 8.5-8.6; thực hành thuyết trình trước nhóm; ôn tập theo | Đánh giá qua phần thuyết trình trước nhóm; câu hỏi ôn tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương /chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Hệ thống hóa và ôn tập học phần | | | | | | phỏng; hệ thống hóa toàn bộ kiến thức, kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh; nắm vững trọng tâm chuẩn bị thi kết thúc học phần | | | CLO, chuẩn bị đề cương ôn thi trắc nghiệm | |
| 14- 15 | Tuần thực hành, thực tế tại doanh nghiệp (thực hiện 1 trong 2 tuần)<br>Khảo sát, phân tích hoạt động giao tiếp thực tế và báo cáo thu hoạch | 0 | 0 | 45 | 0 | 5 | Vận dụng được kiến thức và kỹ năng giao tiếp kinh doanh (giao tiếp đa văn hóa, văn bản, email, thư từ, báo cáo, thuyết trình) đã học để nhận diện, phân tích hoạt động giao | CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 | Tổ chức tham quan, khảo sát thực tế tại doanh nghiệp có hoạt động giao tiếp, dịch vụ khách hàng điển hình; kết hợp thuyết trình của cán bộ chuyên môn, | Chuẩn bị đề cương câu hỏi, phiếu khảo sát trước buổi thực tế; tham gia đầy đủ, Viết và nộp báo cáo thu hoạch cá | Nhận xét, đánh giá của đơn vị/cán bộ hướng dẫn thực tế; chấm báo cáo thu hoạch |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương /chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | tiếp thực tế tại doanh nghiệp; thực hiện được khảo sát, quan sát quy trình giao tiếp nội bộ và với khách hàng; đồng thời thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, chủ động quan sát, ghi chép và hoàn thành báo cáo thu hoạch. | | quan sát quy trình thực tế, phỏng vấn nhân viên/khách hàng, thực hành soạn thảo văn bản/email/báo cáo và thảo luận nhóm | nhân/nhóm sau chuyến đi. | |
| **Cộng** | | **30** | **0** | **45** | **0** | **75** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Hoàng Văn Hoa, Trần Thị Vân Hoa (2012), *Giáo trình giao tiếp trong kinh doanh*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Hà Nam Khánh Giao, Phạm Thị Trúc Ly, Nguyễn Thị Quỳnh Giang (2010), *Giáo trình giao tiếp kinh doanh*, NXB Lao Động Xã Hội, Hà Nội.

[3] Các văn bản quy phạm pháp luật về giao tiếp hành chính và văn bản kinh doanh hiện hành của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| CLO 1 | Nhận diện được bản chất, vai trò, chức năng, các kênh và hình thức giao tiếp trong kinh doanh; giải thích được quá trình giao tiếp và các nhân tố tác động trong môi trường kinh doanh đa dạng. | Trắc nghiệm | 40% | 4 | x | |
| CLO 2 | Vận dụng được các nguyên tắc và kỹ năng giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa; thực hành được kỹ năng làm việc nhóm và hợp tác trong môi trường nghề nghiệp đa dạng. | Trắc nghiệm | 30% | 3 | x | |
| CLO 3 | Thực hành được các kỹ năng giao tiếp bằng văn bản trong kinh doanh: soạn thảo văn bản, viết email và tin | Trắc nghiệm | 30% | 3 | x | |

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | nhắn chuyên nghiệp, viết thư kinh doanh và dự thảo báo cáo kinh doanh. | | | | | |
| **Tổng** | | | 100% | **10** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học.** **Chương trình đào tạo: Kế toán**

**1. Thông tin chung về học phần**

**1.1. Mã học phần: KT2.1.015.2**

**1.2. Tên học phần: Tài chính công**

**1.3. Loại học phần: Tự chọn**

**1.4. Số tín chỉ: 02**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 15 tiết
- Bài tập thực hành, seminar: 30 tiết
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa:
- Thực tập:
- Tự học: 55 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: (Không)
- Học phần học trước: (Không)

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thúy Hằng | Thạc sỹ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |
| 2 | Phạm Trung Nghĩa | Thạc sỹ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 3 | Đỗ Thị Mỹ Huyền | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |

**2. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về khu vực công và tài chính công, bao gồm bản chất, chức năng, vai trò và các xu hướng cải cách của tài chính công trong nền kinh tế thị trường; hệ thống thuế và tác động kinh tế của thuế; chi tiêu công và quản lý chi tiêu công theo khuôn khổ trung hạn; ngân sách nhà nước và hệ thống ngân sách các cấp; quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước; nợ công và bền vững nợ công. Qua đó, người học hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức tài chính công để phân tích và xử lý các vấn đề trong lĩnh vực kế toán – tài chính tại các đơn vị, tổ chức thuộc khu vực công, đồng thời rèn luyện ý thức tuân thủ pháp luật, tinh thần trách nhiệm và thái độ trung thực trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

- CO1: Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về tài chính công, bao gồm khu vực công, thuế, chi tiêu công, ngân sách nhà nước, quỹ ngoài ngân sách và nợ công, làm nền tảng để tiếp cận và xử lý các vấn đề trong lĩnh vực kế toán.

- CO2: Hình thành và phát triển năng lực vận dụng kiến thức tài chính công để phân tích các vấn đề liên quan đến thu – chi ngân sách, quản lý chi tiêu công, và xử lý các tình huống thực tiễn trong lĩnh vực kế toán – tài chính công.

- CO3: Góp phần hình thành thái độ nghiêm túc, trung thực, có ý thức tuân thủ quy định pháp luật về tài chính công và tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại đơn vị, tổ chức.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày và giải thích được những kiến thức cơ bản về tài chính công, khu vực công, thuế, chi tiêu công, ngân sách nhà nước, quỹ ngoài ngân sách và nợ công | x | | |
| CLO2 | Vận dụng được kiến thức cơ bản về tài chính công để phân tích và xử lý các vấn đề trong lĩnh vực kế toán – tài chính tại các đơn vị, tổ chức thuộc khu vực công | | x | |
| CLO3 | Vận dụng được kiến thức về ngân sách nhà nước, chi tiêu công và nợ công để phân tích, giải quyết các vấn đề kế toán – tài chính tại đơn vị, tổ chức thuộc khu vực công | | x | |
| CLO4 | Thể hiện thái độ nghiêm túc, trung thực và có trách nhiệm trong học tập, thực hiện nhiệm vụ liên quan đến tài chính công và kế toán khu vực công | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* | |
|---|---|---|
| | PLO 2 | PLO 5 |
| CLO 1 | R | |
| CLO 2 | R | |
| CLO 3 | | R |
| **Học phần Tài chính công (**)** | R | R |

## 6. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; Đánh giá ý thức học tập, mức độ chuẩn bị bài, mức độ tham gia thảo luận, xây dựng bài | CLO4 | 100% | | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30 % | Bài tập lớn | CLO 1 | 50% | | |
| | | | CLO 2 | 50% | CLO2 | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60 % | Trắc nghiệm | CLO 1 | 30% | CLO1 | |
| | | | CLO 2 | 40% | CLO2 | PLO2 |
| | | | CLO 3 | 30% | CLO3 | PLO5 |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | **Chương 1:** Tài chính công với khu vực công<br>1. Những vấn đề chung về khu vực công<br>1.1. Khu vực công<br>1.2. Chính phủ và cơ sở cho sự can thiệp của Chính phủ<br>2. Tài chính công<br>2.1. Quan điểm về tài chính công<br>2.2. Nội dung và phạm vi hoạt động của tài chính công<br>2.3. Chức năng của tài chính công<br>2.4. Xu hướng cải cách tài chính công<br>3. Tài chính công với hiệu quả và công bằng xã hội<br>3.1. Hiệu quả xã hội<br>3.2. Công bằng xã hội<br>3.3. Mối quan hệ giữa hiệu quả và công bằng xã hội | 3 | 3 | 0 | 0 | 4 | Giải thích được các thất bại của thị trường và sự cần thiết của tài chính công; nhận diện vai trò, chức năng của tài chính công trong nền kinh tế. | CLO1, CLO2 | Thuyết giảng, nêu vấn đề, vấn đáp. | Đọc Chương 1 Giáo trình (GT); chuẩn bị ý kiến thảo luận về vai trò của Chính phủ. | Điểm danh; câu hỏi nhanh trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 2 | Chương 2: Thuế và tác động kinh tế của thuế<br>1. Những vấn đề chung về thuế<br>1.1. Khái niệm, đặc điểm của thuế<br>1.2. Cơ sở thuế và thuế suất<br>1.3. Phân loại thuế<br>1.4. Chức năng của thuế.<br>1.5. Các nguyên tắc đánh thuế<br>2. Hệ thống thuế<br>2.1. Quan niệm về hệ thống thuế<br>2.2. Tính chất của một hệ thống thuế tối ưu<br>2.3. Tổ chức quản lý thu thuế<br>2.4. Vấn đề trốn tránh thuế và tuân thủ thuế trong hệ thống thuế.<br>2.5. Cải cách hệ thống thuế<br>2.6. Hệ thống thuế và cải cách thuế tại Việt Nam<br>Chương 2: Thuế và tác động kinh tế của thuế (tiếp) | 2 | 4 | 0 | 0 | 4 | Phân tích được cơ cấu hệ thống thuế Việt Nam; đánh giá được tác động của các sắc thuế đến hành vi sản xuất, tiêu dùng của các thực thể. | CLO1, CLO2 | Diễn giảng, phân tích tình huống, thảo luận nhóm. | Đọc Chương 2 GT; tra cứu Luật Thuế hiện hành; làm bài tập nhóm về tác động của thuế. | Đánh giá qua thảo luận nhóm. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 3. Tác động kinh tế của thuế<br>3.1. Thuế trong vòng chu chuyển vốn của nền kinh tế<br>3.2. Tác động kinh tế của thuế<br>3.3. Hiệu quả kinh tế của thuế<br>3.3.1. Tính phi hiệu quả khi chính phủ đánh thuế | | | | | | | | | | |
| 3 | Chương 3: Chi tiêu công<br>1. Những Vấn Đề Chung Về Chi Tiêu Công...<br>1.1. Khái niệm chi tiêu công<br>1.2. Phân loại chi tiêu công.<br>1.3. Nhân tố tăng trưởng chi tiêu công<br>1.4. Vai trò chi tiêu công đối với tăng trưởng kinh tế<br>1.5. Xu hướng chi tiêu công<br>2. Quản lý chi tiêu công<br>2.1. Mục tiêu quản lý chi tiêu công<br>2.2. Các phương thức quản lý chi tiêu công<br>2.3. Nội dung quản lý chi tiêu công. | 2 | 4 | 0 | 0 | 4 | Phân loại và đánh giá được hiệu quả của các khoản chi công; nhận diện các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng chi tiêu công. | CLO3 | Làm mẫu, nêu vấn đề, thảo luận thực tế. | Đọc Chương 3 GT; phân tích ví dụ thực tế về một dự án đầu tư công tại địa phương. | Bài tập thực hành về đánh giá chi tiêu. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 3. Chi tiêu công theo khuôn khổ chi tiêu trung hạn<br>3.1. Mục tiêu và đặc trưng của khuôn khổ chi tiêu trung hạn<br>3.3. Điều kiện để thực hiện thành công MTBF<br>4. Đánh giá chi tiêu công | | | | | | | | | | |
| 4 | Chương 4: Ngân Sách Nhà Nước (NSNN)<br>1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của ngân sách nhà nước.<br>1.1. Khái Niệm Ngân Sách Nhà Nước.<br>1.2. Đặc Điểm Của Ngân Sách Nhà Nước<br>1.3. Vai Trò Của Ngân Sách Nhà Nước.<br>2. Nội dung thu - chi ngân sách nhà nước.<br>2.1. Thu Ngân Sách Nhà Nước.<br>2.2. Chi Ngân Sách Nhà Nước..<br>2.3. Các Nhân Tố Ảnh | 2 | 4 | 0 | 0 | 4 | Vận dụng được quy trình quản lý chu trình ngân sách; phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu - chi và cân đối ngân sách nhà nước. | CLO1, CLO2, CLO3 | Thuyết giảng, thực hành tình huống, thảo luận. | Đọc Chương 4 GT; nghiên cứu Luật Ngân sách nhà nước; tìm hiểu số liệu dự toán NSNN năm hiện tại. | Kiểm tra thường xuyên (A2). |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | Hưởng Đến Thu - Chi Ngân Sách Nhà Nước<br>2.4. Cấu Trúc Thu - Chi Ngân Sách Nhà Nước Tại Việt Nam | | | | | | | | | | |
| 5 | Chương 4: Ngân Sách Nhà Nước (tiếp)<br>3. Hệ thông ngân sách nhà nước<br>3.1. Mô Hình Hệ Thống Ngân Sách Nhà Nước.<br>3.2. Phân Cấp Ngân Sách Nhà Nước.<br>3.3. Phân Cấp Ngân Sách Nhà Nước Tại Việt Nam<br>4. Cân đổi ngân sách và giải pháp bù đắp Bội chi ngân sách<br>4.1. Cân Đối Ngân Sách Nhà Nước | 2 | 4 | 0 | 0 | 4 | Vận dụng được quy trình quản lý chu trình ngân sách; phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến thu - chi và cân đối ngân sách nhà nước. | CLO1, CLO2, CLO3 | Thuyết giảng, thực hành tình huống, thảo luận. | Đọc Chương 4 GT; nghiên cứu Luật Ngân sách nhà nước; tìm hiểu số liệu dự toán NSNN năm hiện tại. | Kiểm tra thường xuyên (A2). |
| 6 | Chương 5: Quỹ ngoài NSNN<br>1. Sự cân thiết của các quỳ ngoài ngân sách nhà nước | 2 | 4 | 0 | 0 | 4 | Giải thích được vai trò và cơ chế vận | CLO1, CLO2, CLO3 | Vấn đáp, thảo luận, | Đọc Chương 5 GT; tìm hiểu | Đánh giá mức độ tham gia thảo |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 2. Khát quát về quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước<br>2.1. Khái niệm<br>2.2. Đặc điêm.<br>2.3. Phân loại<br>3. Quản lý quỹ tải chính ngoài ngân sách nhà nước<br>4. Quỹ tài chính ngoài ngân sách nhà nước tại việt nam<br>4.1. Quỹ dự trữ quốc gia<br>4.2. Quý bảo vệ môi trường<br>4.3. Quỹ bảo hiểm xã hội. | | | | | | hành của các quỹ tài chính ngoài ngân sách (BHXH, Dự trữ quốc gia, Quỹ bảo vệ môi trường...). | | hướng dẫn tự học. | thực tế về cơ chế thu - chi của Quỹ Bảo hiểm xã hội. | luận. |
| 7 | Chương 6: Nợ công<br>1. Những vấn đề chung về nợ công<br>1.1. Quan niệm về nợ công.<br>1.2. Phân loại nợ công<br>1.3. Nhân tố ảnh hưởng đến nợ công<br>1.4. Tác động của nợ công. | 2 | 3 | 0 | 0 | 4 | Tính toán và phân tích được các chỉ số an toàn nợ công; nhận diện các vấn đề về tính bền vững của nợ công tại Việt Nam. | CLO1, CLO2, CLO3 | Diễn giảng, thực hành bài tập vận dụng. | Đọc Chương 6 GT; xem báo cáo nợ công gần nhất của Bộ Tài chính. | Bài tập vận dụng tính toán chỉ số nợ. |
| 8 | Chương 6: Nợ công<br>2. Bên vững nợ công<br>2.1. Khái niệm và chi tiêu | 2 | 3 | 0 | 0 | 4 | Tính toán và phân tích được | CLO1, CLO2, CLO3 | Diễn giảng, thực | Đọc Chương 6 GT; | Bài tập vận dụng |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | đánh giá bền vững nợ công.<br>2.2. Mối quan hệ chính sách tài khóa, chính sách tiền tệ và quản lý nợ công<br>2.3. Nợ công với ổn định tài chính | | | | | | các chỉ số an toàn nợ công; nhận diện các vấn đề về tính bền vững của nợ công tại Việt Nam. | | hành bài tập vận dụng. | xem báo cáo nợ công gần nhất của Bộ Tài chính. | tính toán chỉ số nợ. |
| 9 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | | | | | |
| 10 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | | | | | |
| 11 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | | | | | |
| 12 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | | | | | |
| 13 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 6 | | | | | |
| | **Cộng** | **15** | **30** | **0** | **0** | **55** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Học viện Ngân hàng (2025), Giáo trình Tài chính công, Nxb Công An nhân dân

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] PGS.TS.Nguyễn Văn Hiệu, TS.Trần Thị Vân Anh, 2020,Giáo trình Tài Chính Công, NXB Đại Học Quốc Gia Hà Nội.

[3] GS.TS.Nguyễn Thị Cành, 2011, Tài chính công,NXB Đại học Quốc gia TP.HCM

[4] Phạm Duy Hưng, Trần Thị Diên (2024-2025), *"Quản lý thu, chi tài chính tại Trường Đại học Tân Trào tỉnh Tuyên Quang"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra -đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO1 | Trình bày và giải thích được các khái niệm, đặc điểm, chức năng, vai trò của tài chính công, khu vực công, thuế, chi tiêu công, ngân sách nhà nước, quỹ ngoài ngân sách và nợ công | Trắc nghiệm | 30% | 3.0 | Phân tích thu - chi và cân đối ngân sách nhà nước | PLO2 |
| CLO2 | Vận dụng được kiến thức cơ bản về tài chính công để phân tích và xử lý các vấn đề trong lĩnh vực kế toán – tài chính tại các đơn vị, tổ chức thuộc khu vực công | Trắc nghiệm | 40% | 4.0 | Giải quyết vấn đề nợ công và quỹ ngoài ngân sách | PLO2 |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| CLO3 | Vận dụng được kiến thức về ngân sách nhà nước, chi tiêu công và nợ công để phân tích, giải quyết các vấn đề kế toán – tài chính tại đơn vị, tổ chức thuộc khu vực công | Trắc nghiệm | 30% | 3.0 | Đánh giá hiệu quả chi tiêu công tại đơn vị thực tế | PLO5 |
| Tổng | | 100% | 10.0 | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: kế toán

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.021.2

**1.2. Tên học phần:** Thị trường chứng khoán

**1.3. Loại học phần:** Tự chọn

**1.4. Số tín chỉ:** 02 tín chỉ

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 15 giờ
- Bài tập thực hành, seminar: 30 giờ
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 0
- Thực tập: 0
- Tự học: 55 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Tài chính tiền tệ

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Trung Nghĩa | Thạc sĩ | Kế toán – Tài chính |
| 2 | Trần Hương Giang | Thạc sĩ | Kinh tế - Kinh doanh |
| 3 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sĩ | Kế toán – Tài chính |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Thị trường chứng khoán cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng mang tính hệ thống về bản chất, chức năng, cơ cấu tổ chức thị trường; các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán và cơ chế vận hành của thị trường sơ cấp, sở giao dịch, và thị trường OTC. Thông qua học phần, người học có kĩ năng xác định giá bán chứng khoán thông qua các hình thức đấu giá, đấu thầu, xác định mức giá đóng cửa, mở cửa trên thị trường, bước đầu áp dụng được các phương pháp phân tích cơ bản và phân tích kỹ thuật để lựa chọn danh mục đầu tư. Quá trình học tập phát triển tư duy phản biện, năng lực làm việc độc lập cho người học, rèn luyện

ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, tích lũy kinh nghiệm nhằm đáp ứng yêu cầu công việc sau khi ra trường.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

**CO1:** Trang bị cho người học kiến thức nền tảng và hệ thống bản chất, chức năng, cơ cấu tổ chức của thị trường chứng khoán, các loại chứng khoán. Mô tả được cơ chế vận hành của các thị trường sơ cấp, thị trường thứ cấp, đặc điểm hoạt động của công ty chứng khoán; phân biệt được hai phương pháp phân tích cơ bản và phân tích kĩ thuật.

**CO2:** Phát triển cho người học kỹ năng xác định được mức giá trong các hoạt động đấu thầu, đấu giá chứng khoán, xác định mức giá mở cửa, giá đóng cửa trên sở giao dịch, phân tích và ước định giá cổ phiếu, trái phiếu trong một số trường hợp đơn giản.

**CO3:** Hình thành ở người học thái độ học tập tích cực, tư duy phản biện trong khoa học; tích lũy kiến thức và kinh nghiệm cho công việc sau này.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày được các nội dung liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán, cơ chế vận hành của thị trường chứng khoán sơ cấp và thứ cấp | X | | |
| CLO2 | Nhận định được hai phương pháp phân tích cơ bản và phân tích kĩ thuật, các lĩnh vực hoạt động của công ty chứng khoán | X | X | |
| CLO3 | Xác định giá bán chứng khoán thông qua các hình thức đấu giá, đấu thầu chứng khoán, xác định mức giá đóng cửa, mở cửa trên sở giao dịch, ước định được giá cổ phiếu, trái phiếu trong một số trường hợp đơn giản | | X | |
| CLO4 | Hình thành được thái độ học tập tích cực, tư duy khoa học, chủ động tích lũy kiến thức và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu công việc sau này. | | | X |

## 5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)

| CLO | PLO2 | PLO5 |
|---|---|---|
| CLO1 | I | I |
| CLO2 | R | R |
| CLO3 | R | R |
| CLO4 | | |
| **Học phần Thị trường chứng khoán** | **R** | **R** |

## 6. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức học tập, thái độ tham gia hoạt động nhóm và thảo luận trên lớp | CLO4 | 100% | x | | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | Câu hỏi/bài tập nhỏ | CLO1<br>CLO2 | 50%<br>50% | | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Tự luận | CLO1<br>CLO2<br>CLO3 | 30%<br>30%<br>40% | x | | |

## 7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | **Chương 1: Tổng quan về thị trường chứng khoán (4LT)**<br>1.1. Bản chất và chức năng của thị trường chứng khoán<br>1.2. Cơ cấu của thị trường chứng khoán<br>1.3. Hàng hóa của thị trường chứng khoán<br>1.4. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán | 3 | 3 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được bản chất, chức năng cơ cấu của thị trường chứng khoán, các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán<br>So sánh ưu, nhược điểm của các loại chứng khoán đối với chủ thể phát hành | CLO1 | Thuyết trình, xây dựng khái niệm, vấn đáp | Đọc Chương 1; Tài liệu bắt buộc | Hỏi đáp |
| 2 | **Chương 2: Thị trường chứng khoán sơ cấp (2LT, 6TH )**<br>2.1. Khái niệm, đặc điểm, chức năng thị trường sơ cấp<br>2.2. Phân loại phương thức phát hành chứng khoán | 2 | 4 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được đặc điểm, chức năng thị trường sơ cấp, mô tả được các phương thức và nghiệp vụ phát hành | CLO 1, CLO 3 | Thuyết trình, phân tích tình huống, thảo luận nhóm, | Đọc Chương 2; Tài liệu bắt buộc học; | Đánh giá qua thảo luận nhóm |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 2.3. Các phương thức phát hành chứng khoán<br>2.4. Nghiệp vụ phát hành chứng khoán | | | | | | chứng khoán; Tính toán được mức giá phát hành đối với hoạt động đấu thầu lãi suất | | thực hành bài tập | | |
| 3 | **Chương 3: Sở giao dịch chứng khoán (3LT, 6TH)**<br>3.1. Khái quát về sở giao dịch chứng khoán<br>3.2. Thành viên của sở giao dịch chứng khoán<br>3.3. Niêm yết chứng khoán<br>3.4. Hệ thống giao dịch chứng khoán tại sở giao dịch chứng khoán | 2 | 4 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được khái quát về sở giao dịch, các thành viên của sở, Niêm yết chứng khoán trên sở; Xác định được mức giá mở cửa, giá đóng cửa trên sở giao dịch | CLO 1, CLO 3 | Thuyết trình, nêu vấn đề, phân tích tình huống, thực hành bài tập | Đọc Chương 3; Tài liệu bắt buộc | Bài tập trên lớp |
| 4 | **Chương 4: Thị trường OTC**<br>4.1. Những vấn đề chung về thị trường chứng khoán phi tập trung<br>4.2. Tổ chức và hoạt động | 2 | 4 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được những nội dung về thị trường OTC, hình thức tổ chức và hoạt động của thị | CLO 1, CLO 3 | Thuyết trình, thực hành nhóm, giải | Đọc Chương 4; Tài liệu bắt buộc | Câu hỏi vận dụng |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | trên thị trường chứng khoán phi tập trung<br>4.3. Thị trường chứng khoán phi tập trung ở một số nước trên thế giới | | | | | | trường OTC;<br>Tìm hiểu thị trường OTC ở một số quốc gia trên thế giới | | quyết vấn đề | | |
| 5 | **Chương 5: Phân tích chứng khoán**<br>5.1. Phân tích cơ bản<br>5.2. Phân tích kỹ thuật | 2 | 4 | 0 | 0 | 4 | Mô tả được nội dung phương pháp phân tích kĩ thuật và phân tích cơ bản | CLO 2, CLO 3 | Thuyết trình, thực hành tính toán, bài tập nhóm | Đọc Chương 5; Tài liệu bắt buộc | Bài tập trên lớp, hỏi đáp |
| 6 | **Chương 5: Phân tích chứng khoán (tiếp)**<br>5.3. Định giá chứng khoán | 2 | 4 | 0 | 0 | 4 | Ước định giá một số loại chứng khoán trong trường hợp cụ thể | CLO 2, CLO 3 | Thuyết trình, thực hành tính toán, bài tập nhóm | Đọc Chương 5; Tài liệu bắt buộc | |
| 7 | **Chương 6: Công ty chứng khoán**<br>6.1. Khái niệm và đặc điểm của công ty chứng khoán<br>6.2. Vai trò và nguyên tắc | 2 | 3 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được khái niệm, đặc điểm, vai trò, nguyên tắc hoạt động, có cấu tổ | CLO 2, CLO 3 | Thuyết trình, phân tích tình huống, | Đọc Chương 6; Tài liệu bắt buộc | Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | hoạt động của công ty chứng khoán<br>6.3. Cơ cấu tổ chức của công ty chứng khoán<br>6.4. Hoạt động của công ty chứng khoán | | | | | | chức và các lĩnh vực hoạt động của công ty chứng khoán. | | thực hành nhóm | | |
| 8 | **Chương 6: Công ty chứng khoán (tiếp)** | 2 | 3 | 0 | 0 | 4 | Tìm hiểu hoạt động và hiệu quả của một số công ty chứng khoán tại Việt Nam | CLO 2, CLO 3 | Thực hành tính toán, bài tập nhóm | Đọc Chương 6; Tài liệu bắt buộc | |
| 9 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | | | | | |
| 10 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | | | | | |
| 11 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | | | | | |
| 12 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | | | | | |
| 13 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 6 | | | | | |
| Tổng | | **15** | **30** | **0** | **0** | **55** | | | | | |

## 8. Học liệu

### 8.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Nguyễn Thanh Phương (2020), *Giáo trình thị trường chứng khoán,* NXB Lao động-xã hội, Hà Nội.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Hoàng Nga (2015), *Thị trường chứng khoán*, NXB Tài chính, Hà Nội.

[3] Phạm Trung Nghĩa (2024-2025), *"Thực trạng hiệu quả hoạt động thị trường chứng khoán Việt Nam giai đoạn 2022 - 2024"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào.

## 9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày được các nội dung liên quan đến chứng khoán và thị trường chứng khoán, cơ chế vận hành của thị trường chứng khoán sơ cấp và thứ cấp | Thi Tự luận: 3 câu | 30% | 3,0 | x | |
| CLO2 | Nhận định được hai phương pháp phân tích cơ bản và phân tích kĩ thuật, các lĩnh vực hoạt động của công ty chứng khoán | | 30% | 3,0 | x | |
| CLO3 | Xác định giá bán chứng khoán thông qua các hình thức đấu giá, đấu thầu chứng khoán, xác định mức giá đóng cửa, mở cửa trên sở giao dịch, ước định được giá cổ phiếu, trái phiếu trong một số trường hợp đơn giản. | | 40% | 4,0 | x | |
| **Tổng** | | | **100%** | **10,0** | | |

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo:** Đại học. **Chương trình đào tạo:** Kế toán

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.024.3

**1.2. Tên học phần:** Kế toán hành chính sự nghiệp

**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc

**1.4. Số tín chỉ:** 03

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 giờ (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Bài tập thực hành, semina: 30 giờ
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 0
- Thực tập: 0
- Tự học: 90 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán (KT2.1.005.3)

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 2 | Trần Thị Diên | Tiến sĩ | Bộ môn Kinh tế – Kinh doanh |
| 3 | Nguyễn Thúy Hằng | Thạc sĩ | Bộ môn Kinh tế – Kinh doanh |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Kế toán hành chính sự nghiệp trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng vận dụng chế độ kế toán hiện hành để ghi nhận, phản ánh và xử lý các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong các đơn vị hành chính sự nghiệp. Học phần giúp người học thực hiện kế toán đối với các đối tượng kế toán chủ yếu, tổng hợp và cung cấp thông tin kế toán phục vụ công tác quản lý, điều hành và sử dụng nguồn lực công. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực thực hiện các nghiệp vụ kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp theo đúng quy định của pháp luật, đồng thời nâng cao ý thức tuân thủ chuẩn mực, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và tác phong làm việc cẩn trọng.

**3. Mục tiêu học phần**

**CO1:** Giúp người học nắm vững và áp dụng đúng quy định về đặc điểm hoạt động của đơn vị hành chính sự nghiệp, hệ thống văn bản pháp luật và phương pháp kế toán các nguồn kinh phí, doanh thu, chi phí, tài sản, các khoản thanh toán, kết quả hoạt động và báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp.

**CO2:** Phát triển kỹ năng tổ chức công tác kế toán, lập chứng từ, ghi sổ, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

**CO3:** Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực kế toán và đạo đức nghề nghiệp; rèn luyện tính chủ động, trách nhiệm, cẩn trọng trong tổ chức thực hiện công tác kế toán.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Áp dụng được các quy định về đặc điểm hoạt động của đơn vị hành chính sự nghiệp, hệ thống văn bản pháp luật và chế độ chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, báo cáo kế toán, bộ máy kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. | X | | |
| **CLO2** | Định khoản và ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong đơn vị hành chính sự nghiệp. | X | X | |
| **CLO3** | Thực hiện được việc khóa sổ kế toán, xác định kết quả hoạt động và xử lý các nghiệp vụ kế toán cuối kỳ theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. | | X | |
| **CLO4** | Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành; thể hiện tính chủ động, trách nhiệm và cẩn trọng trong tổ chức thực hiện công tác kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp. | | | X |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) |
|---|---|
| | **PLO3** |
| **CLO1** | M,A |
| **CLO2** | M,A |
| **CLO3** | M,A |
| **CLO4** | |
| **Học phần Kế toán hành chính sự nghiệp** | **M,A** |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức học tập, mức độ chuẩn bị bài, tính chủ động, trách nhiệm và sự cẩn trọng trong tham gia các hoạt động học tập | CLO4 | 100% | | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 01 bài kiểm tra thường xuyên hình thức tự luận gồm lý thuyết và bài tập nhỏ | CLO1<br>CLO2 | 40%<br>60% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi tự luận; thời gian làm bài 90 phút; đề thi Đề thi gồm các câu hỏi lý thuyết và bài tập đánh giá khả năng phân tích, vận dụng kiến thức để xử lý các nghiệp vụ kế toán theo nội dung học phần. | CLO1<br>CLO2<br>CLO3 | 30%<br>30%<br>40% | X | X |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **1** | Chương 1: Tổng quan về kế toán hành chính sự nghiệp<br>1.1. Khái quát về đơn vị hành chính sự nghiệp | 3 | 0 | 0 | 0 | 5 | Trình bày được khái niệm, đặc điểm, phân loại đơn vị hành chính sự nghiệp và cơ chế quản lý tài chính áp dụng. | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, tổ chức thảo luận chủ đề | Đọc tài liệu [1], [2] (mục 1.1); tìm hiểu thực tế phân loại đơn vị hành chính sự nghiệp | vấn đáp |
| **2** | Chương 1 (tiếp)<br>1.2. Hệ thống văn bản pháp luật điều chỉnh kế toán HCSN<br>1.3. Tổ chức công tác kế toán | 3 | 0 | 0 | 0 | 5 | Áp dụng được hệ thống văn bản pháp luật để xây dựng chế độ chứng từ, tài khoản, sổ sách và bộ máy kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp. | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, thảo luận nhóm, hệ thống hóa | Đọc tài liệu [1] (1.2 - 1.3), [2]; tìm hiểu tổ chức bộ máy kế toán thực tế | Vấn đáp; kiểm tra bài tập. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **3** | Chương 2: Kế toán các nguồn kinh phí và các quỹ<br>2.1. Kế toán nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp<br>2.2. Kế toán nguồn phí được khấu trừ, để lại<br>2.3. Kế toán nguồn thu từ hoạt động nghiệp vụ<br>2.5. Kế toán các quỹ | 3 | 0 | 0 | 0 | 5 | Áp dụng được phương pháp kế toán nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp, nguồn phí được khấu trừ để lại và nguồn thu từ hoạt động nghiệp vụ; | CLO1<br>CLO2 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành, bài tập tình huống | Đọc tài liệu [1], [2] (2.1 - 2.3); làm bài tập định khoản nguồn kinh phí. | Đánh giá bài tập thực hành trên lớp. |
| **4** | Chương 2: Kế toán các nguồn kinh phí và các quỹ (tiếp)<br>2.5. Kế toán các quỹ | 3 | 0 | 0 | 0 | 5 | Áp dụng được phương pháp kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái, thặng dư (thâm hụt) lũy kế và các quỹ trong đơn vị hành chính sự nghiệp. | CLO1<br>CLO2 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành, bài tập tình huống | Đọc tài liệu [1], [2] (2.1 - 2.3); làm bài tập định khoản nguồn kinh phí. | Đánh giá bài tập thực hành trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **5** | Chương 3: Kế toán doanh thu và thu nhập khác<br>3.1. Khái quát về doanh thu trong đơn vị HCSN<br>3.2. Kế toán doanh thu từ kinh phí NSNN cấp<br>3.3. Kế toán doanh thu từ nhà tài trợ nước ngoài<br>3.4. Kế toán doanh thu phí được khấu trừ để lại<br>3.5. Kế toán doanh thu tài chính<br>3.6. Kế toán doanh thu từ hoạt động nghiệp vụ<br>3.7. Kế toán doanh thu từ hoạt động SXKD, dịch vụ<br>3.8. Kế toán thu nhập khác | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Áp dụng được phương pháp kế toán doanh thu từ kinh phí ngân sách nhà nước cấp, nhà tài trợ nước ngoài và phí được khấu trừ để lại; doanh thu tài chính, doanh thu hoạt động nghiệp vụ, doanh thu sản xuất kinh doanh dịch vụ và thu nhập khác. | CLO1<br>CLO2 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành | Đọc tài liệu [1] (3.1 - 3.4); làm bài tập định khoản doanh thu. | Vấn đáp; Đánh giá bài tập. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **6** | Chương 4: Kế toán chi phí<br>4.1. Khái quát chung về chi phí trong đơn vị HCSN<br>4.2. Kế toán chi phí hoạt động không giao tự chủ<br>4.3. Kế toán chi phí hoạt động giao tự chủ<br>4.4. Kế toán chi phí tài chính<br>4.5. Kế toán giá vốn hàng bán<br>4.6. Kế toán chi phí bán hàng<br>4.7. Kế toán chi phí quản lý hoạt động SXKD dịch vụ<br>4.8. Kế toán chi phí khác | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Áp dụng được phương pháp kế toán chi phí hoạt động không giao tự chủ, giao tự chủ và chi phí tài chính trong đơn vị hành chính sự nghiệp; kế toán giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ và chi phí khác. | CLO1 CLO2, CLO3 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành | Đọc tài liệu [1] (4.1 - 4.4); làm bài tập định khoản chi phí hoạt động. | Vấn đáp; Đánh giá bài tập. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **7** | Chương 5: Kế toán tài sản<br>5.1. Kế toán vốn bằng tiền<br>5.2. Kế toán vật tư, sản phẩm, hàng hóa | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng kế toán nguồn kinh phí, doanh thu, chi phí (Chương 1 - 4); áp dụng được phương pháp kế toán vốn bằng tiền trong đơn vị hành chính sự nghiệp; kế toán vật tư, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, sản phẩm và hàng hóa. | CLO1 CLO2, CLO4 | Ôn tập, kiểm tra, thuyết trình, hướng dẫn thực hành | Ôn tập theo CLO1, CLO2 chuẩn bị kiểm tra thường xuyên; đọc tài liệu [1] (5.1); làm bài tập kế toán tiền mặt, tiền gửi. | Kiểm tra thường xuyên |
| **8** | Chương 5 (tiếp)<br>5.3. Kế toán tài sản cố định<br>5.4. Kế toán đầu tư tài chính<br>Kết luận, ôn tập | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Áp dụng được phương pháp kế toán tăng, giảm, hao mòn, khấu hao tài sản cố định và kế toán | CLO2 | Hướng dẫn thực hành, bài tập tình | Đọc tài liệu [1] (5.3 - 5.4); làm bài tập tổng | Đánh giá bài tập thực hành trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | Chương 5 | | | | | | đầu tư tài chính. | | huống, hệ thống hóa | hợp | |
| **9** | Chương 6: Kế toán các khoản thanh toán<br>6.1. Khái quát các khoản thanh toán trong đơn vị HCSN<br>6.2. Kế toán các khoản phải thu | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Áp dụng được phương pháp kế toán các khoản phải thu trong đơn vị hành chính sự nghiệp. | CLO1<br>CLO2 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành | Đọc tài liệu [1] (6.1 - 6.2); làm bài tập định khoản các khoản phải thu. | Vấn đáp; Đánh giá bài tập. |
| **10** | Chương 6 (tiếp)<br>6.3. Kế toán các khoản phải trả | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Áp dụng được phương pháp kế toán phải trả người bán, các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động và | CLO2 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành, bài tập | Đọc tài liệu [1] (6.3.1 - 6.3.4); làm bài tập định khoản | Đánh giá bài tập thực hành trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | các khoản phải nộp theo lương; kế toán phải trả nội bộ, phải trả khác và nhận đặt cọc, ký quỹ, ký cược. | | tình huống | các khoản phải trả. | |
| **11** | Chương 7: Kế toán xác định kết quả hoạt động<br>7.1. Khái quát về xác định kết quả hoạt động<br>7.2. Nội dung kế toán xác định kết quả hoạt động | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Áp dụng được phương pháp kế toán xác định kết quả hoạt động trong đơn vị hành chính sự nghiệp. | CLO1 CLO3 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành, bài tập tình huống | Đọc tài liệu [1] (7.1 - 7.2); làm bài tập xác định kết quả hoạt động. | Vấn đáp; Đánh giá bài tập. |
| **12** | Chương 7 (tiếp)<br>7.2. Nội dung kế toán xác định kết quả hoạt động (tiếp) | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Áp dụng được phương pháp kế toán xác định kết quả hoạt động trong đơn vị hành chính sự nghiệp. | CLO1 CLO3 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành, | Đọc tài liệu [1] (7.1 - 7.2); làm bài tập xác | Vấn đáp; Đánh giá bài tập. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | | | bài tập tình huống | định kết quả hoạt động. | |
| **13** | Chương 8: Báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán<br>8.1. Báo cáo tài chính<br>8.2. Báo cáo quyết toán | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Áp dụng được kiến thức để phân tích nội dung và phương pháp lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán của đơn vị hành chính sự nghiệp. | CLO1, CLO4 | Hướng dẫn thực hành, hệ thống hóa, vấn đáp | Đọc tài liệu [1], [2]; đọc hiểu báo cáo quyết toán; ôn thi cuối kỳ. | Đánh giá tổng hợp trên lớp; điểm danh chuyên cần. |
| **14** | Thực tế tại đơn vị HCSN<br>(05 ngày) | 0 | 0 | 45 | 0 | 10 | Vận dụng kiến thức đã học để quan sát, phân tích và đánh giá công tác kế toán tại đơn vị HCSN; hình thành kỹ năng | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Học tập trải nghiệm, tham quan thực | Thu thập tài liệu, quan sát quy trình, hoạt động, | Đánh giá báo cáo thực tế |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | nghề nghiệp và kết nối giữa lý thuyết với thực tiễn. | | tế, trao đổi với kế toán viên, kế toán trưởng | phỏng vấn, hoàn thành báo cáo thực tế | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Phạm Văn Liên, Ngô Thanh Hoàng (2019), *Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp,* NXB Tài chính, Hà Nội.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Bộ Tài chính (2024), *Chế độ Kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính*, NXB Tài chính, Hà Nội.

[3] Nguyễn Thị Kim Ngân (2026), Giáo trình lưu hành nội bộ: Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **CLO 1** | Áp dụng được các quy định về đặc điểm hoạt động của đơn vị hành chính sự nghiệp, hệ thống văn bản pháp luật và chế độ chứng từ, tài khoản, sổ kế toán, báo cáo kế toán, bộ máy kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp. | Tự luận (Câu 1 - Lý thuyết) | 30% | 3,0 | X | PLO3 |
| **CLO 2** | Định khoản và ghi sổ kế toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong đơn vị hành chính sự nghiệp. | Tự luận (Câu 2 - Bài tập nhỏ) | 30% | 3,0 | X | PLO3 |
| **CLO 3** | Thực hiện được việc khóa sổ kế toán, xác định kết quả hoạt động và xử lý các nghiệp vụ kế toán cuối kỳ theo chế độ kế toán hành chính sự nghiệp. | Tự luận (Câu 2 - Bài tập tổng hợp) | 40% | 4,0 | X | PLO3 |
| **Tổng** | | | **100%** | **10,0** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.040.3

**1.2. Tên học phần:** Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa

**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc

**1.4. Số tín chỉ**: 3

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Bài tập thực hành, seminar: 30
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 0
- Thực tập: 0
- Tự học: 90

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Thanh Trà | Thạc sỹ | Bộ môn Kế toán Tài chính |
| 2 | Đỗ Thị Mỹ Huyền | Thạc sỹ | Bộ môn Kế toán Tài chính |
| 3 | Nguyễn Thúy Hằng | Thạc sỹ | Bộ môn Kinh tế Kinh doanh |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa cung cấp cho người học những kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về kế toán tài chính tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu một số phần hành trong doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của chế độ kế toán áp dụng cho loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa: Kế toán nguyên liệu, vật liệu, CCDC; Kế toán TSCĐ; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm... Thông qua học phần sinh viên có thể vận dụng luật, chuẩn mực kế toán, chế độ, chính sách kế toán, tài chính thực hiện công tác kế toán trong các DN có quy mô nhỏ và vừa. Đồng thời hình thành kỹ năng làm việc độc lập và làm việc trong các nhóm hiệu quả để giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa. Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để thực hiện công tác kế toán tài chính trong các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

CO1: Trang bị cho người học kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về kế toán tài chính tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa

CO2: Hình thành khả năng tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa.

CO3: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến kế toán trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Vận dụng được những quy định chung về kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa | x | | |
| CLO2 | Vận dụng được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán để thực hiện được nhiệm vụ các phần hành kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa | x | | |
| CLO3 | Thực hiện được định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, xác đinh được các chứng từ, sổ sách kế toán có liên quan đến các phần hành kế toán và lập được các báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. | | x | |
| CLO4 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu và chấp hành nghiêm các quy tắc, chuẩn mực và chế độ tài chính - kế toán hiện hành | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* |
|---|---|
| | PLO 3 |
| CLO 1 | M,A |
| CLO 2 | M,A |
| CLO 3 | M,A |
| CLO 4 | M |
| Học phần Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa | M,A |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức học tập; mức độ chuẩn bị bài; mức độ tham gia làm việc nhóm | CLO 4 | 100% | x | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 02 bài kiểm tra: trong đó có 01 bài tập nhóm; 01 bài kiểm tra tự luận | CLO 1 | 20% | | |
| | | | CLO 2 | 20% | | |
| | | | CLO 3 | 60% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi trắc nghiệm (50 câu, 75 phút) | CLO 1 | 20% | x | PLO3 |
| | | | CLO 2 | 20% | x | PLO3 |
| | | | CLO3 | 60% | x | PLO3 |

## 7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | Giới thiệu đề cương chi tiết của học phần<br>Chương 1: Khái quát về kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa<br>1.1. Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa<br>1.2. Vận dụng chế độ kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa | 3 | 3 | | | 9 | - Khái quát được khái niệm, bản chất và nội dung của việc tổ chức công tác kế toán đối với loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa.<br>- Phân biệt được tiêu chí đánh giá các loại hình doanh nghiệp thuộc doanh nghiệp nhỏ và vừa. | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức học tập theo nhóm, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu | - Tìm hiểu đề cương chi tiết học phần trước khi đến lớp<br>- Đọc chương 1, mục 1.1 – 1.2<br>- Tham gia trao đổi về đặc điểm doanh nghiệp nhỏ và vừa, các tiêu chí đánh giá các loại hình doanh nghiệp nhỏ và vừa<br>- Tham gia thảo luận nhóm về vận dụng tổ chức hệ thống tài khoản kế toán<br>- Làm các bài tập liên quan đến chương 1 | Kiểm tra bài tập trên lớp, tham gia hoạt động nhóm, Bài tập nhóm, Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | Chương 2: Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ<br>2.1.Những vấn đề chung về kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ trong doanh nghiệp nhỏ và vừa<br>2.2.Phân loại và tính giá nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ<br>2.3.Kế toán chi tiết nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ | 2 | | | | 4 | - Giải thích được những vấn đề chung về kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ<br><br>- Vẽ được sơ đồ kế toán chi tiết nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình,đàm thoại, tổ chức học tập theo nhóm, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 2, mục 2.1 – 2.3<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Tham gia trao đổi về kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ<br>- Làm các bài tập liên quan đến chương 2 | Kiểm tra bài tập trên lớp, Bài tập nhóm, Bài tập về nhà |
| 2 | Chương 2: Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ (tiếp)<br>2.4.Kế toán tổng hợp nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ | 2 | 4 | | | 9 | - Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán đối với kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ<br><br>- Định khoản được các nghiệp vụ kinh | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình,đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 2 mục 2.4<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Tham gia trao đổi về kế toán nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ<br>- Làm các bài | Kiểm tra bài tập trên lớp, Bài tập nhóm, Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | tế phát sinh, xác đinh được các chứng từ, sổ sách kế toán có liên quan đến kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ | | | tập liên quan đến chương 2 | |
| | Chương 3: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương<br>3.1.Những vấn đề chung về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương<br>3.2.Phân loại lao động, tiền lương và các hình thức trả lương<br>3.3.Hạch toán chi tiết tiền lương và các khoản trích theo lương<br>3.4.Kế toán tổng hợp tiền lương | 2 | | | | 4 | - Giải thích được những vấn đề liên quan đến kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương<br>- Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán đối với kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình,đàm thoại, tổ chức học tập theo nhóm, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 3, mục 3.1 – 3.4<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Tham gia trao đổi về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương<br>- Làm các bài tập liên quan đến chương 3 | Kiểm tra bài tập trên lớp, Bài tập nhóm, Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 3 | Chương 3: Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương (tiếp)<br>3.4.Kế toán tổng hợp tiền lương (tiếp)<br>3.5.Kế toán các khoản trích theo lương | 2 | 4 | | | 9 | - Định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, xác đinh được các chứng từ, sổ sách kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình,đàm thoại,nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 3, mục 3.4 – 3.5<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Tham gia trao đổi về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương<br>- Làm các bài tập liên quan đến chương 3 | Kiểm tra bài tập trên lớp, Bài tập nhóm, Bài tập về nhà |
| | Chương 4: Kế toán tài sản cố định<br>4.1.Khái quát về kế toán TSCĐ trong doanh nghiệp nhỏ và vừa<br>4.2.Phân loại và đánh giá TSCĐ<br>4.3.Chứng từ kế toán sử dụng<br>4.4.Kế toán chi tiết TSCĐ<br>4.5.Kế toán tổng hợp TSCĐ | 2 | | | | 4 | - Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán đối với kế toán TSCĐ<br>- Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán TSCĐ | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình,đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 4, mục 4.1 – 4.5<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Tham gia trao đổi về kế toán tài sản cố định<br>- Làm các bài tập liên quan đến chương 4 | Kiểm tra bài tập trên lớp, Bài tập nhóm, Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 4 | Chương 4: Kế toán tài sản cố định (tiếp)<br>4.5.Kế toán tổng hợp TSCĐ (tiếp)<br>4.6.Kế toán khấu hao TSCĐ | 2 | 4 | | | 9 | - Định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, xác đinh được các chứng từ, sổ sách kế toán liên quan đến kế toán TSCĐ và khấu hao TSCĐ | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình,đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 4, mục 4.5 – 4.6<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Tham gia trao đổi về kế toán tài sản cố định<br>- Làm các bài tập liên quan đến chương 4 | Kiểm tra bài tập trên lớp, Bài tập nhóm, Bài tập về nhà |
| | Chương 5: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm<br>5.1.Những vấn đề chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp nhỏ và vừa<br>5.2.Đối tượng kế toán tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng kế toán tính giá thành sản phẩm<br>5.3.Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm | 2 | | | | 4 | - Giải thích được những nội dung cơ bản liên quan đến kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp nhỏ và vừa<br>- Đánh giá được giá trị sản phẩm dở dang | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình,đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 5, mục 5.1 – 5.3<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Tham gia trao đổi những vấn đề chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. | Kiểm tra bài tập trên lớp, Bài tập nhóm, Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | | | | - Tính toán và xác định giá trị sản phẩm dở dang<br>- Làm các bài tập liên quan đến chương 5 | |
| 5 | Chương 5: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm (tiếp)<br>5.3.Phương pháp kế toán tập hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm (tiếp)<br>5.4.Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm | 3 | 5 | | | 10 | - Tính toán được giá thành sản phẩm<br>- Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm<br>- Định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, xác đinh được các chứng từ, sổ sách kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình,đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 5, mục 5.3 – 5.4<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Tham gia trao đổi về kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm<br>- Làm các bài tập liên quan đến chương 5 | Kiểm tra bài tập trên lớp, Bài tập nhóm, Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 6 | Chương 6: Kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa và xác định kết quả hoạt động kinh doanh<br>6.1.Khái quát về kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa<br>6.2.Kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa | 4 | 4 | | | 10 | - Khái quát được kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp nhỏ và vừa<br>- Định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, xác đinh được các chứng từ, sổ sách kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình,đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 6, mục 6.1 – 6.2<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Tham gia trao đổi về kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa<br>- Làm các bài tập liên quan đến chương 6 | Kiểm tra bài tập trên lớp, Bài tập nhóm, Bài tập về nhà |
| 7 | Chương 6: Kế toán tiêu thụ thành phẩm, hàng hóa và xác định kết quả hoạt động kinh doanh (tiếp)<br>6.3.Kế toán xác định kết quả kinh doanh | 2 | 2 | | | 5 | - Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán đối với kế toán xác định kết quả kinh doanh<br>- Định khoản | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình,đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 6, mục 6.3<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Tham gia trao đổi về kế toán chi phí sản xuất và | Kiểm tra bài tập trên lớp, Bài tập nhóm, Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, xác đinh được các chứng từ, sổ sách liên quan đến kế toán xác định kết quả kinh doanh | | | tính giá thành sản phẩm<br>- Làm các bài tập liên quan đến chương 6 | |
| | Chương 7: Báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa<br>7.1.Khái quát về báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa<br>7.2. Báo cáo tình hình tài chính | 2 | 2 | | | 6 | - Khái quát về báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa<br>- Vận dụng lý thuyết để giải thích kết cấu, nội dung và phương pháp tiến hành lập Báo cáo tình hình tài chính<br>- Lập được Báo cáo tình hình tài chính | CLO3, CLO4 | Thuyết trình,đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 7, mục 7.1 – 7.2<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Tham gia trao đổi về Báo cáo tình hình tài chính<br>- Làm các bài tập liên quan đến chương 7 | Kiểm tra bài tập trên lớp, Bài tập nhóm, Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 8 | Chương 7: Báo cáo tài chính của doanh nghiệp nhỏ và vừa (tiếp)<br>7.3.Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh<br>7.4.Báo cáo lưu chuyển tiền tệ<br>7.5.Bản thuyết minh báo cáo tài chính | 2 | 2 | | | 7 | - Vận dụng lý thuyết để giải thích kết cấu, nội dung và phương pháp tiến hành lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính<br>- Lập được Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính | CLO3, CLO4 | Thuyết trình,đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 7, mục 7.3–7.5<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Làm các bài tập liên quan đến chương 7 | Kiểm tra bài tập trên lớp, Bài tập nhóm, Bài tập về nhà |
| | **Cộng** | **30** | **30** | | | **90** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Trương Thị Thủy, Nguyễn Thị Tuân, Vũ Quỳnh Nam (2019), Giáo trình kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, NXB Khoa học tự nhiên và công nghệ.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Võ Văn Nhị (2016), Hướng dẫn thực hành chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, NXB Kinh tế, TP.Hồ Chí Minh.

[3] Hoàng Anh Đào, Phạm Thanh Trà (2025), *Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm, bài tập và bài giải kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa*, NXB Giáo dục

[4] Phạm Thanh Trà, Hoàng Anh Đào (2022-2023), *"Situation of the organization of accounting work in small-and-medium sized enterprises in Tuyen Quang province"*

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO 1 | Vận dụng được những quy định chung về kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa | Trắc nghiệm | 20% | 2 | x | PLO3 |
| CLO 2 | Vận dụng được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán để thực hiện được nhiệm vụ các phần hành kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa | Trắc nghiệm | 20% | 2 | x | PLO3 |
| CLO3 | Thực hiện được định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, xác đinh được | Trắc nghiệm | 60% | 6 | x | PLO3 |

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | các chứng từ, sổ sách kế toán có liên quan đến các phần hành kế toán và lập được các báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. | | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.013.3

**1.2. Tên học phần:** Kế toán quản trị

**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc

**1.4. Số tín chỉ:** 03

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 giờ (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Bài tập thực hành, seminar: 60
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 0
- Thực tập: 0
- Tự học: 60 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Nguyên lý kế toán (KT2.1.005.3)

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Đỗ Thị Mỹ Huyền | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán - Tài chính |
| 2 | Nguyễn Thúy Hằng | Thạc sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |
| 3 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán - Tài chính |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Kế toán quản trị trang bị cho người học nền tảng kiến thức về bản chất, đối tượng, phương pháp của kế toán quản trị và sự khác biệt giữa kế toán quản trị với kế toán tài chính, cùng phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, xác định giá thành sản phẩm và lập báo cáo chi phí, giá thành. Người học được trang bị kỹ năng phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận, định giá bán sản phẩm, dịch vụ, xây dựng hệ thống dự toán sản xuất kinh doanh phục vụ hoạch định, kiểm soát, và vận dụng thông tin thích hợp để ra quyết định kinh doanh ngắn hạn. Học phần kết hợp giảng dạy lý thuyết trên lớp với một đợt đi thực tế tại doanh nghiệp để người học trực tiếp quan sát, tham gia công tác kế toán quản trị trong thực tiễn. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực đánh giá, xây dựng và đề xuất các công cụ, giải pháp kế toán quản trị phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, đồng thời rèn luyện đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm xã hội, khả năng tự học, đổi mới sáng tạo và thích ứng với sự thay đổi trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập kinh tế quốc tế.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Objective - viết tắt là CO)

**CO1:** Trang bị cho người học kiến thức về bản chất, đối tượng, phương pháp kế toán quản trị; kế toán chi phí và giá thành sản phẩm; mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; hệ thống dự toán sản xuất kinh doanh và kế toán quản trị phục vụ ra quyết định ngắn hạn.

**CO2:** Phát triển năng lực tập hợp chi phí, tính giá thành, xây dựng hệ thống dự toán, phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận và đề xuất quyết định kinh doanh ngắn hạn phù hợp với tình huống thực tế của doanh nghiệp.

**CO3:** Góp phần hình thành đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm xã hội, ý thức chủ động tự học, cập nhật tri thức mới, đổi mới sáng tạo và thích ứng với sự thay đổi trong hoạt động kế toán quản trị.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome - viết tắt là CLO)**

*Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:*

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Đánh giá được bản chất, đối tượng, phương pháp của kế toán quản trị và phân biệt được kế toán quản trị với kế toán tài chính. | X | | |
| **CLO2** | Vận dụng và xây dựng được phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, lập báo cáo chi phí, giá thành phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. | X | X | |
| **CLO3** | Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận và đề xuất được quyết định kinh doanh ngắn hạn phù hợp trên cơ sở thông tin thích hợp. | | X | |
| **CLO4** | Thể hiện được đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm xã hội, khả năng tự học, đổi mới sáng tạo và thích ứng với sự thay đổi trong thực hiện công tác kế toán quản trị. | | | X |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* |
|---|---|
| | **PLO8** |
| CLO1 | M |
| CLO2 | M,A |
| CLO3 | M,A |
| CLO4 | M,A |
| **Học phần Kế toán quản trị** | **M, A** |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức học tập, mức độ chuẩn bị bài, tính chủ động và trách nhiệm trong tham gia các hoạt động học tập, thực tế | CLO4 | 100% | | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | Bài kiểm tra thường xuyên hình thức tự luận | CLO1<br>CLO2 | 40%<br>60% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi tự luận; thời gian làm bài 90 phút; đề thi gồm câu hỏi lý thuyết và bài tập tình huống, có giải quyết tình huống thực tiễn | CLO1<br>CLO2<br>CLO3 | 30%<br>30%<br>40% | X | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | Chương 1: Quá trình hình thành và phát triển của kế toán quản trị doanh nghiệp<br>1.1. Sự hình thành và các giai đoạn phát triển của kế toán quản trị<br>1.2. Khái niệm, nhiệm vụ của kế toán quản trị<br>1.3. Kế toán quản trị và kế toán tài chính | 3 | 3 | 0 | 0 | 6 | Trình bày được sự hình thành, khái niệm, nhiệm vụ của kế toán quản trị và phân biệt được kế toán quản trị với kế toán tài chính. | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, vấn đáp | Đọc tài liệu [1] (1.1 - 1.3); nghe giảng, ghi chép, thảo luận. | Điểm danh; vấn đáp đầu giờ. |
| 2 | Chương 1 (tiếp)<br>1.4. Vai trò của kế toán quản trị với chức năng quản trị doanh nghiệp<br>1.5. Nội dung của kế toán quản trị doanh nghiệp<br>Chương 2: Đối tượng và phương pháp của kế toán quản trị doanh nghiệp<br>2.1. Đối tượng của kế toán quản trị doanh nghiệp | 3 | 3 | 0 | 0 | 7 | Xác định được vai trò, nội dung của kế toán quản trị và đối tượng của kế toán quản trị doanh nghiệp. | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, thảo luận nhóm | Đọc tài liệu [1] (1.4 - 1.5, 2.1); thảo luận nhóm. | Vấn đáp; kiểm tra bài tập. |
| 3 | Chương 2 (tiếp)<br>2.2. Phương pháp của kế toán quản trị | 3 | 3 | 0 | 0 | 7 | Nhận diện và vận dụng được các phương pháp của kế toán quản trị vào thực tiễn doanh nghiệp. | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, hướng dẫn bài tập | Đọc tài liệu [1] (2.2); làm bài tập. | Chấm bài tập trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra | Liên | PP | Hoạt | Hoạt |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Chương 3: Kế toán quản trị chi phí và giá thành sản phẩm<br>3.1. Đối tượng và phương pháp tập hợp chi phí sản xuất | 3 | 3 | 0 | 0 | 7 | Vận dụng được phương pháp xác định đối tượng và tập hợp chi phí sản xuất trong doanh nghiệp. | CLO2 | Thuyết trình, hướng dẫn bài tập | Đọc tài liệu [1] (3.1); làm bài tập. | Vấn đáp; chấm bài tập. |
| 5 | Chương 3 (tiếp)<br>3.2. Các phương pháp cơ bản xác định giá thành sản phẩm | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Vận dụng được các phương pháp cơ bản để tính giá thành sản phẩm phù hợp với đặc điểm sản xuất của doanh nghiệp. | CLO2 | Thuyết trình, hướng dẫn bài tập, nghiên cứu tình huống | Đọc tài liệu [1] (3.2); làm bài tập tính giá thành theo các phương pháp. | Chấm bài tập thực hành trên lớp. |
| 6 | Chương 3 (tiếp)<br>3.3. Báo cáo chi phí và giá thành sản phẩm | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Xây dựng được báo cáo chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm phục vụ quản trị doanh nghiệp. | CLO2 | Hướng dẫn thực hành, thảo luận nhóm | Đọc tài liệu [1] (3.3); lập báo cáo chi phí, giá thành theo số liệu tình huống. | Đánh giá bài tập trên lớp. |
| 7 | Chương 4: Định giá bán sản phẩm, dịch vụ và kế toán quản trị kết quả hoạt động kinh doanh<br>4.1. Định giá bán sản phẩm dịch vụ<br>4.2. Kế toán quản trị kết quả hoạt động kinh doanh | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Vận dụng được phương pháp định giá bán sản phẩm, dịch vụ và kế toán quản trị kết quả hoạt động kinh doanh; hệ thống hóa kiến thức Chương 1-3. | CLO1, CLO2 | Ôn tập, kiểm tra, thuyết trình, hướng dẫn bài tập | Ôn tập chuẩn bị kiểm tra thường xuyên; đọc tài liệu [1] (4.1 - 4.2); làm | Kiểm tra thường xuyên (tự luận). |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra | Liên | PP | Hoạt | Hoạt |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | Ôn tập Chương 1-3. KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN (tự luận) | | | | | | | | | bài tập. | |
| 8 | Chương 4 (tiếp)<br>4.3. Các khái niệm cơ bản trong mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Phân tích được mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận; xác định được giá bán và kết quả kinh doanh dạng lãi trên biến phí. | CLO3 | Thuyết trình, đàm thoại, hướng dẫn bài tập | Đọc tài liệu [1] (4.3); làm bài tập cá nhân và nhóm. | Chấm bài tập trên lớp. |
| 9 | Chương 5: Hệ thống dự toán sản xuất kinh doanh<br>5.1. Tổng quan về hệ thống dự toán sản xuất kinh doanh<br>5.2. Phương pháp xây dựng hệ thống dự toán sản xuất kinh doanh | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Xây dựng được hệ thống dự toán sản xuất kinh doanh cho doanh nghiệp. | CLO3 | Diễn giảng, hướng dẫn thực hành lập dự toán, nghiên cứu tình huống | Đọc tài liệu [1] (5.1 - 5.2); lập dự toán theo tình huống. | Đánh giá bài tập thực hành. |
| 10 | Chương 5 (tiếp)<br>5.3. Ứng dụng dự toán sản xuất kinh doanh trong kiểm soát quản lý | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Ứng dụng được dự toán linh hoạt phục vụ kiểm soát và ra quyết định trong doanh nghiệp. | CLO3 | Hướng dẫn thực hành, nghiên cứu tình huống | Đọc tài liệu [1] (5.3); giải bài tập ứng dụng dự toán trong kiểm soát. | Chấm bài tập trên lớp. |
| 11 | Chương 6: Kế toán quản trị trong việc ra quyết định ngắn hạn<br>6.1. Thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Nhận diện được thông tin thích hợp phục vụ ra quyết định ngắn hạn | CLO3 | Đàm thoại, hướng dẫn bài | Đọc tài liệu [1] (6.1); giải bài tập | Vấn đáp; chấm bài tập. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra | Liên | PP | Hoạt | Hoạt |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | trong doanh nghiệp. | | tập | tình huống. | |
| 12 | Chương 6 (tiếp)<br>6.2. Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận cho việc ra quyết định ngắn hạn | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Vận dụng phân tích chi phí - khối lượng - lợi nhuận để hỗ trợ ra quyết định ngắn hạn. | CLO3 | Hướng dẫn bài tập, giải quyết tình huống | Đọc tài liệu [1] (6.2); giải bài tập tình huống. | Đánh giá bài tập trên lớp. |
| 13 | Chương 6 (tiếp)<br>6.3. Ứng dụng phân tích thông tin thích hợp cho việc ra quyết định ngắn hạn | 2 | 2 | 0 | 0 | 7 | Vận dụng và đề xuất được quyết định kinh doanh ngắn hạn trên cơ sở thông tin thích hợp; hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng toàn học phần. | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Đàm thoại, hướng dẫn bài tập, hệ thống hóa, thảo luận | Đọc tài liệu [1] (6.3); giải bài tập tổng hợp giải quyết tình huống thực tiễn | Đánh giá tổng hợp trên lớp; điểm danh chuyên cần. |
| | Cộng | 30 | 30 | 0 | 0 | 60 | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Vũ Việt và Mai Ngọc Anh (2020), *Giáo trình Kế toán quản trị doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Ngọc Quang (2024), Giáo trình kế toán quản trị, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

[3] Nguyễn Thị Kim Ngân (2021-2022), *"Tổ chức kế toán quản trị trong các doanh nghiệp lâm nghiệp trực thuộc tỉnh Tuyên Quang trong quá trình chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào.

[4] Phạm Thanh Trà, Hoàng Anh Đào, Đinh Thị Lan (2025-2026), *"The Application of management accounting in manufacturing enterprises in Tuyen Quang province"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Đánh giá được bản chất, đối tượng, phương pháp của kế toán quản trị và phân biệt được kế toán quản trị với kế toán tài chính. | Tự luận | 30% | 3,0 | X | |
| CLO2 | Vận dụng và xây dựng được phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành sản phẩm, lập báo cáo chi phí, giá thành phù hợp với đặc điểm sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. | Tự luận | 30% | 3,0 | X | |
| CLO3 | Phân tích mối quan hệ chi phí - khối lượng - lợi nhuận và đề xuất được quyết định kinh doanh ngắn hạn phù hợp trên cơ sở thông tin thích hợp. | Tự luận | 40% | 4,0 | X | |
| **Tổng** | | | **100%** | **10,0** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo:** Đại học. **Chương trình đào tạo:** Kế toán

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.161.3

**1.2. Tên học phần:** Phân tích báo cáo tài chính

**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc

**1.4. Số tín chỉ:** 03

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 30 giờ (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Bài tập thực hành, semina: 0 giờ
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 45
- Thực tập: 0
- Tự học: 75 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 2 | Phạm Duy Hưng | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 3 | Đỗ Thị Mỹ Huyền | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Phân tích báo cáo tài chính trang bị cho người học hệ thống kiến thức và kỹ năng phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp, bao gồm mục tiêu, công cụ, kỹ thuật và quy trình phân tích; phân tích các thông tin trên báo cáo tài chính để đánh giá tình hình tài chính, cấu trúc tài chính, khả năng thanh toán, hiệu quả hoạt động kinh doanh, khả năng sinh lời và dòng tiền. Nội dung học phần gồm 6 chương, kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết và thực hành, giúp người học vận dụng các công cụ và kỹ thuật phân tích để đánh giá toàn diện tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở dữ liệu báo cáo tài chính. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực thu thập, xử lý số liệu, tính toán các chỉ tiêu tài chính, đưa ra nhận xét và kiến nghị cải thiện tình

hình tài chính, hiệu quả kinh doanh; đồng thời rèn luyện kỹ năng trình bày, giải thích và bảo vệ kết quả phân tích, cùng ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực nghề nghiệp, đạo đức và tinh thần trách nhiệm trong học tập và công việc.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

**CO1:** Giúp người học nắm vững mục đích, công cụ, kỹ thuật và quy trình phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp

**CO2:** Phát triển kỹ năng phân tích thông tin trên báo cáo tài chính để đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động hoặc dòng tiền của doanh nghiệp, đề xuất nhận xét, kiến nghị phù hợp; vận dụng được phương pháp, chỉ tiêu phân tích để giải thích, đánh giá kết quả phân tích trong các tình huống thực tiễn.

**CO3:** Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp; rèn luyện tính chủ động, trách nhiệm trong quá trình thực hiện, trình bày và bảo vệ kết quả phân tích báo cáo tài chính.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Trình bày được tổng quan về báo cáo tài chính, mục đích, công cụ, kỹ thuật và tổ chức phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp. | X | | |
| **CLO2** | Phân tích được các chỉ tiêu chủ yếu của báo cáo tài chính của doanh nghiệp | X | X | |
| **CLO3** | Đánh giá được tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời đề xuất được các giải pháp phù hợp trên cơ sở kết quả phân tích báo cáo tài chính. | | X | |
| **CLO4** | Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp; thể hiện tính chủ động, trách nhiệm trong học tập và thực hiện công việc phân tích báo cáo tài chính. | | | X |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) |
|---|---|
| | **PLO8** |
| **CLO1** | R |
| **CLO2** | M,A |
| **CLO3** | M,A |
| **CLO4** | M,A |
| **Học phần Phân tích báo cáo tài chính** | **M,A** |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức học tập, mức độ chuẩn bị bài, tính chủ động và trách nhiệm trong tham gia các hoạt động học tập | CLO5 | 100% | | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | Bài kiểm tra thường xuyên hình thức tự luận lý thuyết và bài tập | CLO1<br>CLO2 | 40%<br>60% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Tiểu luận và trình bày tại seminar môn học: Sinh viên hoặc nhóm (02–03 sinh viên) trình bày nộp báo cáo tiểu luận và trình bày kết quả trong 10–15 phút, trả lời phản biện 5–10 phút | CLO1<br>CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | 20%<br>30%<br>30%<br>20% | X | X |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **1** | Chương 1: Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính<br>1.1. Báo cáo tài chính và mục đích phân tích báo cáo tài chính | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp và mục đích phân tích báo cáo tài chính. | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, tổ chức thảo luận nhóm theo chủ đề | Đọc tài liệu [1] (1.1); tìm hiểu hệ thống báo cáo tài chính của một doanh nghiệp cụ thể. | Điểm danh; vấn đáp đầu giờ. |
| **2** | Chương 1 (tiếp)<br>1.2. Công cụ và kỹ thuật phân tích báo cáo tài chính | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được các công cụ và kỹ thuật phân tích báo cáo tài chính (so sánh, chi tiết hóa, loại trừ, liên hệ cân đối, phân tích nhân tố...). | CLO1 | Thuyết trình, thảo luận nhóm | Đọc tài liệu [1] (1.2); lấy ví dụ minh họa từng công cụ, kỹ thuật phân tích. | Vấn đáp; kiểm tra bài tập. |
| **3** | Chương 1 (tiếp)<br>1.3. Tổ chức phân tích báo | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | Trình bày được quy trình tổ chức phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp; phân tích | CLO1, CLO2, CLO4 | Thuyết trình, thảo luận nhóm, | Đọc tài liệu [1] (1.3); [1],[2] (2.1); lập sơ đồ quy trình tổ chức phân tích; làm | Chấm bài tập; câu hỏi ôn tập. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | cáo tài chính<br>Chương 2: Phân tích tình hình tài chính<br>2.1. Đánh giá khái quát tình hình tài chính | | | | | | được khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp thông qua hệ thống chỉ tiêu trên báo cáo tài chính. | | hệ thống hóa, hướng dẫn thực hành | bài tập đánh giá khái quát tình hình tài chính. | |
| **4** | Chương 2 (tiếp)<br>2.2. Phân tích cấu trúc tài chính (phần 1) | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | Phân tích được cấu trúc tài sản, cấu trúc nguồn vốn và mối quan hệ giữa tài sản với nguồn vốn của doanh nghiệp. | CLO2, CLO3 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành, bài tập tình huống | Đọc tài liệu [1] (2.2); làm bài tập phân tích cấu trúc tài chính. | Chấm bài tập thực hành trên lớp. |
| **5** | Chương 2 (tiếp)<br>2.2. Phân tích cấu trúc tài chính (phần 2) | 2 | 0 | 0 | 0 | 4 | Phân tích được sự biến động cấu trúc tài chính qua các kỳ và đưa ra nhận xét, đánh giá. | CLO2, CLO3 | Hướng dẫn thực hành, bài tập tình huống | Đọc tài liệu [1] (2.2); làm bài tập tổng hợp. | Chấm bài tập thực hành; câu hỏi ôn tập. |
| **6** | Chương 3: Phân tích khả năng | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Phân tích được tình hình thanh toán (các khoản phải | CLO1, CLO2, CLO3, | Thuyết trình, hướng | Đọc tài liệu [1] (3.1 - 3.2); làm bài tập phân tích | Vấn đáp; chấm bài tập. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | thanh toán<br>3.1. Phân tích tình hình thanh toán<br>3.2. Phân tích khả năng thanh toán | | | | | | thu, phải trả) và khả năng thanh toán của doanh nghiệp thông qua hệ thống các hệ số khả năng thanh toán. | CLO4 | dẫn thực hành | tình hình và khả năng thanh toán. | |
| **7** | Chương 4: Phân tích tình hình kinh doanh<br>4.1. Kết quả kinh doanh và ý nghĩa phân tích<br><br>Ôn tập Chương 1-3. KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN (tự luận) | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng phân tích tổng quan, tình hình tài chính và khả năng thanh toán (Chương 1-3); trình bày được kết quả kinh doanh và ý nghĩa của việc phân tích kết quả kinh doanh. | CLO1, CLO2, CLO4 | Ôn tập, kiểm tra, thuyết trình, hướng dẫn thực hành | Ôn tập chuẩn bị kiểm tra thường xuyên; đọc tài liệu [1] (4.1); tìm hiểu báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp minh họa. | Kiểm tra thường xuyên (tự luận). |
| **8** | Chương 4 (tiếp) | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Phân tích được tình hình thực hiện | CLO2, CLO3 | Thuyết trình, | Đọc tài liệu [1] (4.2); làm bài tập | Vấn đáp; chấm bài |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 4.2. Phân tích doanh thu thuần | | | | | | doanh thu thuần và các nhân tố ảnh hưởng đến doanh thu thuần của doanh nghiệp. | | hướng dẫn thực hành | phân tích doanh thu thuần. | tập. |
| **9** | Chương 4 (tiếp)<br>4.3. Phân tích tổng thu nhập<br>4.4. Phân tích lợi nhuận<br>Kết luận, ôn tập Chương 4 | 2 | 0 | 0 | 0 | 5 | Phân tích được tổng thu nhập, cơ cấu thu nhập và tình hình thực hiện lợi nhuận cùng các nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp. | CLO2, CLO3 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành, bài tập tình huống | Đọc tài liệu [1] (4.3 - 4.4); làm bài tập phân tích tổng thu nhập, lợi nhuận; ôn tập. | Chấm bài tập thực hành trên lớp. |
| **10** | Chương 5: Phân tích khả năng sinh lời<br>5.1. Đo lường khả năng sinh lời | 3 | 0 | 0 | 0 | 5 | Trình bày được hệ thống chỉ tiêu đo lường khả năng sinh lời của doanh nghiệp (ROS, ROA, ROE...). | CLO1, CLO2, CLO4 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành | Đọc tài liệu [1] (5.1); tính toán các chỉ tiêu đo lường khả năng sinh lời trên số liệu minh họa. | Vấn đáp; chấm bài tập. |
| **11** | Chương 5 (tiếp)<br>5.2. Phân tích khả năng sinh | 3 | 0 | 0 | 0 | 5 | Phân tích được khả năng sinh lời và các nhân tố ảnh hưởng đến khả năng sinh | CLO2, CLO3 | Hướng dẫn thực hành, bài tập | Đọc tài liệu [1] (5.2); làm bài tập phân tích khả năng sinh lời | Chấm bài tập thực hành trên |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | lời | | | | | | lời của doanh nghiệp theo mô hình Dupont. | | tình huống, hệ thống hóa | theo mô hình Dupont; ôn tập Chương 5. | lớp. |
| **12** | Chương 6: Phân tích dòng tiền<br>6.1. Báo cáo dòng tiền<br>6.2. Phân tích dòng tiền (phần 1) | 3 | 0 | 0 | 0 | 5 | Trình bày được khái quát, kết cấu và phương pháp lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ; phân tích được dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính của doanh nghiệp. | CLO1, CLO2 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành | Đọc tài liệu [1] (6.1 - 6.2); nghiên cứu báo cáo lưu chuyển tiền tệ; làm bài tập phân tích dòng tiền theo từng hoạt động. | Vấn đáp; chấm bài tập. |
| **13** | Chương 6 (tiếp)<br>6.2. Phân tích dòng tiền (phần 2)<br>Hệ thống hóa, ôn tập toàn học phần; hướng dẫn nội dung thực tế và đăng | 3 | 0 | 0 | 0 | 5 | Phân tích được chất lượng dòng tiền và khả năng tạo tiền của doanh nghiệp; hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng toàn học phần. | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Hướng dẫn thực hành, hệ thống hóa, thảo luận | Đọc tài liệu [1] (6.2); làm bài tập phân tích dòng tiền; đăng ký chủ đề tiểu luận, chuẩn bị đề cương khảo sát cho đợt đi thực tế. | Đánh giá tổng hợp trên lớp |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | ký chủ đề tiểu luận | | | | | | | | | | |
| **14** | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (Tuần này có lịch thực tế của học phần khác) | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | Tự nghiên cứu, hệ thống hóa được kiến thức toàn học phần và xây dựng được đề cương khảo sát chuẩn bị cho đợt thực tế. | CLO4 | Tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn của giảng viên | Đọc lại tài liệu; hệ thống hóa kiến thức; xây dựng đề cương khảo sát thực tế. | Không đánh giá chính thức (GV hướng dẫn trực tuyến khi cần). |
| **15** | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (Tuần này có lịch thực tế của học phần khác) | 0 | 0 | 0 | 0 | 5 | Tự nghiên cứu, hệ thống hóa được kiến thức toàn học phần và xây dựng được đề cương khảo sát chuẩn | CLO4 | Tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn của | Đọc lại tài liệu; hệ thống hóa kiến thức; xây dựng đề cương khảo sát thực tế. | Không đánh giá chính thức (GV hướng |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | bị cho đợt thực tế. | | giảng viên | | dẫn trực tuyến khi cần). |
| **16** | Đi thực tế tại doanh nghiệp (05 buổi) | 0 | 0 | 45 | 0 | 5 | Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học để thu thập số liệu báo cáo tài chính thực tế và thực hành phân tích tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng sinh lời, dòng tiền của doanh nghiệp; thu thập tư liệu phục vụ viết tiểu luận. | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Học tập trải nghiệm, tham quan thực tế, trao đổi với kế toán trưởng, phụ trách tài chính doanh nghiệp | Thu thập báo cáo tài chính, tài liệu liên quan; thực hành tính toán, phân tích các chỉ tiêu; phỏng vấn cán bộ tài chính - kế toán; hoàn thiện số liệu phục vụ tiểu luận. | Đánh giá sơ bộ tiểu luận của sinh viên |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Văn Công (2024), *Giáo trình Phân tích Báo cáo tài chính*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Ngọc Quang (2021), *Lý thuyết và thực hành Phân tích Báo cáo tài chính*, NXB Tài chính, Hà Nội.

[3] Hoàng Anh Đào, Phạm Thanh Trà, Trần Thảo Nguyên (2023), *Factors Affecting the Production and Business Efficiency in Manufacturing Enterprises: Case Study In Cement Manufacturing Enterprises In Tuyen Quang Province*, NXB Đại học Thái Nguyên.

[4] Hoàng Anh Đào, Phạm Thanh Trà (2021-2022), *"Evaluating the production and business efficiency of cement manufacturing enterprises in Tuyen Quang province"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **CLO2** | Phân tích được các chỉ tiêu chủ yếu của báo cáo tài chính của doanh nghiệp | Tiểu luận, thuyết trình seminar | 30% | 3,0 | X | PLO8 |
| **CLO3** | Đánh giá được tình hình tài chính và hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời đề xuất được các giải pháp phù hợp trên cơ sở kết quả phân tích báo cáo tài chính. | Tiểu luận, thuyết trình seminar | 30% | 3,0 | X | PLO8 |
| **CLO4** | Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp; thể hiện tính chủ động, trách nhiệm trong học tập và thực hiện công việc phân tích báo cáo tài chính. | Tiểu luận, thuyết trình seminar | 40% | 2,0 | X | PLO8 |
| **Tổng** | | | **100%** | **10,0** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.030.3

**1.2. Tên học phần:** Kế toán máy

**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc

**1.4. Số tín chỉ**: 3

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 15 (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Bài tập thực hành, seminar: 60
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 0
- Thực tập: 0
- Tự học: 75

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Thanh Trà | Thạc sỹ | Bộ môn Kế toán Tài chính |
| 2 | Đỗ Thị Mỹ Huyền | Thạc sỹ | Bộ môn Kế toán Tài chính |
| 3 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán Tài chính |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần kế toán máy trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin kế toán và các đặc điểm của phần mềm kế toán hiện hành. Trên nền tảng kiến thức chuyên ngành đã tích lũy, người học được rèn luyện kỹ năng thực hành trực tiếp trên phần mềm kế toán MISA, bao gồm: Mở sổ kế toán, khai báo danh mục, nhập số dư đầu kỳ, cập nhật các phân hành kế toán, thực hiện các bút toán cuối kỳ, kết xuất báo cáo kế toán theo quy định đồng thời phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và ứng dụng công nghệ thông tin trong môi trường kế toán số. Thông qua học phần, người học hình thành tác phong làm việc cẩn thận, chính xác, có ý thức trách nhiệm và thói quen tự học, tự cập nhật kiến thức ứng dụng công nghệ trong hành nghề kế toán.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)

**CO1:** Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán trong điều kiện ứng dụng công nghệ thông tin; hiểu được cấu trúc, chức năng và quy trình vận hành các phân hệ của phần mềm kế toán; nắm vững quy trình thực hiện bút toán cuối kỳ và kết xuất báo cáo kế toán.

**CO2:** Hình thành cho người học kỹ năng thực hành thao tác các phần hành kế toán trên phần mềm MISA, bao gồm thu thập và xử lý chứng từ, nhập liệu và ghi sổ trên các phân hệ, đối chiếu số liệu, thực hiện bút toán cuối kỳ và kết xuất báo cáo; đồng thời phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và ứng dụng công nghệ thông tin trong môi trường kế toán số.

**CO3:** Người học có ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp; thể hiện trách nhiệm và tính chủ động trong học tập và thực hiện công việc.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày các nguyên tắc và quy định hiện hành để tổ chức công tác kế toán trong điều kiện kế toán trên máy | x | | |
| CLO2 | Thiết lập được các thông tin cần thiết của dữ liệu kế toán mới | | x | |
| CLO3 | Khai báo được các danh mục cần thiết và nhập được số dư đầu kỳ | | | |
| CLO4 | Thực hiện được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ vào các phân hệ kế toán của phần mềm và thực hiện được các bút toán tự động cuối kỳ | | x | |
| CLO5 | Người học có ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp; thể hiện trách nhiệm và tính chủ động trong học tập và thực hiện công việc. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* | |
|---|---|---|
| | PLO 4 | PLO 8 |
| **CLO 1** | I | |
| **CLO 2** | M,A | |
| **CLO 3** | M,A | |
| **CLO 4** | M,A | |
| **CLO 5** | | R |
| **Học phần Kế toán máy** | M, A | R |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm chuyên cần, ý thức học tập, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài | CLO 5 | 100% | CLO 5 | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 01 Bài kiểm trắc nghiệm | CLO 1 | 100% | CLO 1 | |
| | 30% | 01 Bài kiểm tra thực hành trên máy vi tính | CLO 2 | 10% | | |
| | | | CLO 3 | 40% | | |
| | | | CLO 4 | 50% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi thực hành trên máy vi tính. Thời gian làm bài 60 phút. Yêu cầu tạo cơ sở dữ liệu; Nhập số dư đầu kỳ; Nhập các nghiệp vụ kinh tế phát sinh; Kết chuyển các bút toán cuối kỳ. | CLO 2 | 10% | CLO 2 | PLO4 |
| | | | CLO 3 | 40% | CLO 3 | PLO4 |
| | | | CLO 4 | 50% | CLO 4 | PLO4 |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | Giới thiệu đề cương chi tiết của học phần<br>**Chương 1: Tổ chức công tác kế toán trong điều kiện kế toán trên máy**<br>1.1. Kế toán và thông tin kế toán trong điều kiện tổ chức kế toán máy<br>1.2. Hệ thống thông tin kế toán và công nghệ thông tin<br>1.3. Nội dung tổ chức công tác kế toán trong điều kiện kế toán máy<br>1.4. Giới thiệu về phần mềm kế toán | 1 | | | | 1 | Khái quát được nội dung tổ chức công tác kế toán trong điều kiện doanh nghiệp áp ứng dụng công nghệ thông tin. | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu | - Tìm hiểu đề cương chi tiết học phần trước khi đến lớp<br>- Đọc chương 1, mục 1.1 – 1.4<br>- Nghe giảng | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà |
| | **Chương 2: Ứng dụng phần mềm kế toán trong doanh** | 1 | 3 | | | 4 | - Vận dụng được kiến thức lý | CLO1, CLO2, CLO3, | Thuyết trình, làm mẫu, thực | - Đọc giáo trình Chương 2 | - Kiểm tra kết quả khai |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | **nghiệp**<br>2.1. Chuẩn bị và cài đặt<br>2.2. Khai báo và tạo dữ liệu kế toán | | | | | | thuyết để giải thích quy trình cài đặt phần mềm và các bước khai báo tạo dữ liệu kế toán ban đầu trên MISA.<br>- Thực hiện được thao tác cài đặt phần mềm MISA và tạo dữ liệu kế toán trên phần mềm. | CLO5 | hành cá nhân trên máy | (mục 2.1–2.2) trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu cài đặt và khai báo dữ liệu trên MISA.<br>- Tự thực hành tạo cơ sở dữ liệu và khai báo thông tin doanh nghiệp. | báo dữ liệu qua phần mềm. |
| 2 | **Chương 2: Ứng dụng phần mềm kế toán trong doanh nghiệp**<br>2.2. Khai báo và tạo dữ liệu kế | 1 | 4 | | | 5 | - Thực hiện được khai báo đầy đủ hệ thống danh mục | CLO1, CLO2, CLO3, CLO5 | Làm mẫu, thực hành cá nhân trên máy, hướng dẫn trực tiếp | - Đọc giáo trình Chương 2 mục 2.2 trước khi đến lớp.<br>- Quan sát | - Kiểm tra kết quả khai báo danh mục qua phần mềm. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | toán | | | | | | | | | làm mẫu từng loại danh mục rồi tự thực hành khai báo.<br>- Kiểm tra lại tính đầy đủ và chính xác sau khi khai báo. | |
| 3 | **Chương 2: Ứng dụng phần mềm kế toán trong doanh nghiệp**<br>2.3. Nhập số dư đầu kỳ | 1 | 4 | | | 5 | - Thực hiện được nhập chính xác số dư đầu kỳ các tài khoản kế toán trên phần mềm MISA và kiểm tra tính cân đối số liệu sau khi nhập. | CLO1, CLO3, CLO5 | Thuyết trình, Làm mẫu, thực hành cá nhân trên máy, hướng dẫn trực tiếp | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung Chương 2 mục 2.3 trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu quy trình nhập số dư đầu kỳ.<br>- Tự thực | - Kiểm tra kết quả số dư đầu kỳ qua phần mềm. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | | | | hành nhập số dư và kiểm tra cân đối. | |
| 4 | **Chương 2: Ứng dụng phần mềm kế toán trong doanh nghiệp**<br>2.4. Cập nhật các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên các phân hệ của phần mềm Misa<br>2.4.1. Phân hệ mua hàng | 1 | 4 | | | 5 | - Trình bày được các thao tác để thực hiện đúng trình tự nhập liệu trên phân hệ Mua hàng của phần mềm MISA.<br>- Thực hiện được cập nhật phân hệ Mua hàng: nhập đơn đặt hàng, hóa đơn mua hàng và theo dõi thanh toán công nợ phải trả nhà cung cấp. | CLO1, CLO4, CLO5 | Làm mẫu, thực hành cá nhân trên máy, hướng dẫn trực tiếp | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung Chương 2 mục 2.4 trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu quy trình thao tác phân hệ mua hàng<br>- Tự thực hành thao tác phân hệ mua hàng và kiểm tra cân đối. | - Kiểm tra kết quả thao tác phân hệ mua hàng qua phần mềm. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 5 | 2.4.2. Phân hệ kho | 0.5 | 4.5 | | | 5 | - Trình bày được các thao tác để thực hiện đúng trình tự nhập liệu trên phân hệ kho của phần mềm MISA.<br>- Thực hiện, cập nhật phân hệ kho trên phần mềm | CLO1, CLO4, CLO5 | Thuyết trình, Làm mẫu, Thực hành cá nhân trên máy, hướng dẫn trực tiếp | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung Chương 2 mục 2.4 trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu quy trình thao tác phân hệ kho<br>- Tự thực hành thao tác phân hệ kho và kiểm tra cân đối. | - Kiểm tra kết quả thao tác phân hệ kho qua phần mềm. |
| 6 | 2.4.3. Phân hệ bán hàng | 1 | 4 | | | 5 | - Trình bày được các thao tác để thực hiện đúng trình tự nhập liệu trên | CLO1, CLO4, CLO5 | Thuyết trình, Làm mẫu, Thực hành cá nhân trên máy, hướng | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung Chương 2 mục 2.4 | - Kiểm tra kết quả thao tác phân hệ bán hàng qua |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | phân hệ bán hàng của phần mềm MISA.<br>- Thực hiện, cập nhật được phân hệ bán hàng trên phần mềm | | dẫn trực tiếp | trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu quy trình thao tác phân hệ bán hàng<br>- Tự thực hành thao tác phân hệ bán hàng và kiểm tra cân đối. | phần mềm. |
| 7 | 2.4.4. Phân hệ quỹ | 1 | 4 | | | 5 | - Trình bày được các thao tác để thực hiện đúng trình tự nhập liệu trên phân hệ quỹ của phần mềm MISA.<br>- Thực hiện, cập nhật | CLO1, CLO4, CLO5 | Làm mẫu, thực hành cá nhân trên máy, hướng dẫn trực tiếp | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung Chương 2 mục 2.4 trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu quy trình | - Kiểm tra kết quả thao tác phân hệ quỹ qua phần mềm. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | được phân hệ quỹ trên phần mềm | | | thao tác phân hệ quỹ<br>- Tự thực hành thao tác phân hệ quỹ và kiểm tra cân đối. | |
| | 2.4.5. Phân hệ ngân hàng | 1 | | | | | - Trình bày được các thao tác để thực hiện đúng trình tự nhập liệu trên phân hệ ngân hàng của phần mềm MISA. | CLO1, CLO4, CLO5 | Thuyết trình, đàm thoại | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung Chương 2 mục 2.4 trước khi đến lớp. | - Trả lời câu hỏi trên lớp |
| 8 | 2.4.5. Phân hệ ngân hàng | | 3 | | | 4 | - Thực hiện được thao tác trên phân hệ ngân hàng liên quan đến các nghiệp | CLO1, CLO4, CLO5 | Làm mẫu, thực hành cá nhân trên máy, hướng dẫn trực tiếp | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung Chương 2 mục 2.4 | - Kiểm tra kết quả thao tác phân hệ ngân hàng qua |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | vụ kinh tế phát sinh | | | trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu quy trình thao tác phân hệ ngân hàng<br>- Tự thực hành thao tác phân hệ ngân hàng và kiểm tra cân đối. | phần mềm. |
| | 2.4.6. Phân hệ TSCĐ | 1 | 2 | | | 4 | - Trình bày được các thao tác để thực hiện đúng trình tự nhập liệu trên phân hệ TSCĐ của phần mềm MISA.<br>- Thực hiện | CLO1, CLO4, CLO5 | Làm mẫu, thực hành cá nhân trên máy, hướng dẫn trực tiếp | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung Chương 2 mục 2.4 trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu quy trình | - Kiểm tra kết quả thao tác phân hệ TSCĐ qua phần mềm. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | được các thao tác trên phân hệ TSCĐ | | | thao tác phân hệ TSCĐ<br>- Tự thực hành thao tác phân hệ TSCĐ và kiểm tra cân đối. | |
| 9 | 2.4.6. Phân hệ TSCĐ | | 1 | | | | - Thực hiện được các thao tác trên phân hệ TSCĐ | CLO1, CLO4, CLO5 | Làm mẫu, thực hành cá nhân trên máy, hướng dẫn trực tiếp | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung Chương 2 mục 2.4 trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu quy trình thao tác phân hệ TSCĐ<br>- Tự thực hành thao | - Kiểm tra kết quả thao tác phân hệ TSCĐ qua phần mềm. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | | | | tác phân hệ TSCĐ và kiểm tra cân đối. | |
| | 2.4.7. Phân hệ CCDC | 1 | 4 | | | 4 | - Trình bày được các thao tác để thực hiện đúng trình tự nhập liệu trên phân hệ CCDC của phần mềm MISA.<br>- Thực hiện được các thao tác trên phân hệ CCDC | CLO1, CLO4, CLO5 | Làm mẫu, thực hành cá nhân trên máy, hướng dẫn trực tiếp | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung Chương 2 mục 2.4 trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu quy trình thao tác phân hệ CCDC<br>- Tự thực hành thao tác phân hệ CCDC và kiểm tra cân đối. | - Kiểm tra kết quả thao tác phân hệ CCDC qua phần mềm.<br>- Kiểm tra thường xuyên |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 10 | 2.4.8. Phân hệ tiền lương | 1 | 5 | | | 4 | - Trình bày được các thao tác để thực hiện đúng trình tự nhập liệu trên phân hệ tiền lương của phần mềm MISA.<br>- Thực hiện được các thao tác trên phân hệ tiền lương | CLO1, CLO4, CLO5 | Làm mẫu, thực hành cá nhân trên máy, hướng dẫn trực tiếp | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung Chương 2 mục 2.4 trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu quy trình thao tác phân hệ tiền lương<br>- Tự thực hành thao tác phân hệ tiền lương và kiểm tra cân đối. | - Kiểm tra kết quả thao tác phân hệ tiền lương qua phần mềm. |
| 11 | 2.4.9. Phân hệ thuế | 1 | 2 | | | 4 | - Trình bày được các thao tác để thực hiện đúng trình tự | CLO1, CLO4, CLO5 | Làm mẫu, thực hành cá nhân trên máy, hướng dẫn trực | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung Chương 2 | - Kiểm tra kết quả thao tác phân hệ thuế |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | nhập liệu trên phân hệ thuế của phần mềm MISA.<br>- Thực hiện được các thao tác trên phân hệ thuế | | tiếp | mục 2.4 trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu quy trình thao tác phân hệ thuế<br>- Tự thực hành thao tác phân hệ thuế và kiểm tra cân đối. | qua phần mềm. |
| | 2.4.10. Phân hệ giá thành | 1 | 2 | | | 4 | - Trình bày được các thao tác để thực hiện đúng trình tự nhập liệu trên phân hệ giá thành của phần mềm MISA.<br>- Thực hiện | CLO1, CLO4, CLO5 | Làm mẫu, thực hành cá nhân trên máy, hướng dẫn trực tiếp | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung Chương 2 mục 2.4 trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu quy trình | - Kiểm tra kết quả thao tác phân hệ giá thành qua phần mềm. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | được cập nhật phân hệ giá thành | | | thao tác phân hệ giá thành<br>- Tự thực hành thao tác phân hệ giá thành và kiểm tra cân đối. | |
| 12 | 2.4.10. Phân hệ giá thành (tiếp) | | 6 | | | 4 | - Thực hiện được cập nhật phân hệ giá thành | CLO1, CLO4, CLO5 | Làm mẫu, thực hành cá nhân trên máy, hướng dẫn trực tiếp | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung Chương 2 mục 2.4 trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu quy trình thao tác phân hệ giá thành<br>- Tự thực hành thao | - Kiểm tra kết quả thao tác phân hệ giá thành qua phần mềm. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | | | | tác phân hệ giá thành và kiểm tra cân đối. | |
| 13 | 2..4.11. Phân hệ tổng hợp | 0.5 | 2 | | | 4 | - Trình bày được các thao tác để thực hiện đúng trình tự nhập liệu trên phân hệ tổng hợp của phần mềm MISA.<br>- Thực hiện được cập nhật phân hệ tổng hợp | CLO1, CLO4, CLO5 | Làm mẫu, thực hành cá nhân trên máy, hướng dẫn trực tiếp | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung Chương 2 mục 2.4 trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu quy trình thao tác phân hệ tổng hợp<br>- Tự thực hành thao tác phân hệ tổng hợp và kiểm tra cân đối. | - Kiểm tra kết quả thao tác phân hệ tổng hợp qua phần mềm. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 2..5. Thực hiện các bút toán cuối kỳ | 0.5 | 3 | | | 4 | - Trình bày được các thao tác để thực hiện các bút toán cuối kỳ của phần mềm MISA.<br>- Thực hiện được cập nhật hiện các bút toán cuối kỳ | CLO1, CLO4, CLO5 | Làm mẫu, thực hành cá nhân trên máy, hướng dẫn trực tiếp | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung Chương 2 mục 2.4 trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu quy trình thao tác các bút toán cuối kỳ<br>- Tự thực hành thao tác các bút toán cuối kỳ và kiểm tra cân đối. | - Kiểm tra kết quả thao tác các bút toán cuối kỳ qua phần mềm. |
| | 2..6. Kết xuất thông tin dữ liệu kế toán | 0.5 | 2.5 | | | 4 | - Trình bày được các thao tác để thực hiện | CLO1, CLO4, CLO5 | Thuyết trình, làm mẫu, thực | - Đọc giáo trình tìm hiểu nội dung | - Kiểm tra kết quả thao tác kết |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | đúng trình tự kết xuất thông tin dữ liệu kế toán của phần mềm MISA.<br>- Thực hiện được kết xuất thông tin dữ liệu kế toán trên phần mềm | | hành, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu.. | Chương 2 mục 2.4 trước khi đến lớp.<br>- Quan sát làm mẫu quy trình thao tác kết xuất thông tin dữ liệu kế toán<br>- Tự thực hành thao tác kết xuất thông tin dữ liệu kế toán. | xuất thông tin dữ liệu kế toán<br>- Kiểm tra thường xuyên |
| | **Tổng** | **15** | **60** | | | **75** | | | | | |

## 8. Học liệu

### 8.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Đoàn Xuân Tiên, Nguyễn Vũ Việt(2014),*Giáo trình kế toán máy,* NXB Tài chính

### 8 .2. Tài liệu tham khảo

[2] Công ty cổ phần MISA (2009), Giáo trình kế toán máy, NXB Văn hóa - Thông tin

## 9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO 2 | Thiết lập được các thông tin cần thiết của dữ liệu kế toán mới | Thực hành | 10% | | | PLO4 |
| CLO 3 | Khai báo được các danh mục cần thiết và nhập được số dư đầu kỳ | Thực hành | 40% | | | PLO4 |
| CLO4 | Thực hiện được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ vào các phân hệ kế toán của phần mềm và thực hiện được các bút toán tự động cuối kỳ | Thực hành | 50% | 2 | x | PLO4 |
| | **Tổng** | | **100%** | **10** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo:** Đại học. **Chương trình đào tạo:** Kế toán

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.033.3

**1.2. Tên học phần:** Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp

**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc

**1.4. Số tín chỉ:** 03

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 0 giờ
- Bài tập thực hành, semina: 60 giờ (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 45
- Thực tập: 0
- Tự học: 45 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 2 | Phạm Thanh Trà | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 3 | Nguyễn Thúy Hằng | Thạc sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp giúp người học vận dụng kiến thức kế toán vào thực tiễn thông qua việc tìm hiểu mô hình tổ chức, bộ máy kế toán và quy trình xử lý thông tin kế toán trong doanh nghiệp. Trên cơ sở bộ chứng từ và số liệu kế toán mô phỏng của một doanh nghiệp giả định, người học thực hành thực hiện quy trình kế toán từ thu thập, kiểm tra và xử lý chứng từ, ghi sổ kế toán, tổng hợp số liệu đến lập báo cáo tài chính theo quy định hiện hành. Thông qua học phần, người học củng cố kiến thức chuyên môn, rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp và hình thành năng lực tổ chức, thực hiện công tác kế toán trong doanh nghiệp, đồng thời nâng cao ý thức tuân thủ pháp

luật, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và tác phong làm việc chuyên nghiệp.

### 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)

**CO1:** Giúp người học nắm vững và thực hiện đúng quy trình, trình tự xử lý thông tin kế toán của doanh nghiệp trong thực tế, từ nghiệp vụ kinh tế phát sinh, chứng từ kế toán đến sổ kế toán chi tiết, sổ kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính.

**CO2:** Phát triển kỹ năng lập chứng từ, ghi sổ kế toán chi tiết các phần hành tài sản, nguồn vốn; tính toán, phân bổ chi phí, giá thành, xác định kết quả kinh doanh, nghĩa vụ thuế và tổng hợp số liệu để lập báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo đúng chế độ kế toán hiện hành.

**CO3:** Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp; rèn luyện tính chủ động, trách nhiệm, cẩn trọng trong thực hành nghề nghiệp kế toán.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Lập chứng từ và ghi sổ chi tiết kế toán tài sản và vốn chủ sở hữu của đơn vị thực hành trên cơ sở thông tin tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị. | X | X | |
| **CLO2** | Tính toán, phân bổ chi phí, giá thành sản phẩm; xác định kết quả kinh doanh và nghĩa vụ thuế của đơn vị thực hành trên cơ sở thông tin nhân sự và phương án tiền lương. | | X | |
| **CLO3** | Tổng hợp số liệu kế toán chi tiết vào sổ kế toán tổng hợp và lập báo cáo tài chính của đơn vị thực hành theo chế độ kế toán hiện hành. | | X | |
| **CLO4** | Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp; thể hiện tính chủ động, trách nhiệm và cẩn trọng trong thực hành nghề nghiệp kế toán. | | | X |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) | |
|---|---|---|
| | PLO4 | PLO8 |
| **CLO1** | M,A | |
| **CLO2** | M,A | |
| **CLO3** | M,A | |
| **CLO4** | | R |
| **Học phần Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp** | **M,A** | **R** |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức thực hành, mức độ chuẩn bị hồ sơ, tính chủ động và trách nhiệm trong tham gia các hoạt động thực hành | CLO4 | 100% | | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | Báo cáo thực tế cơ sở | CLO1<br>CLO2 | 60%<br>40% | | |

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Vấn đáp: sinh viên mang theo bài tập lớn đã hoàn thành để đối chiếu, minh chứng khi trả lời (không thu giữ); nội dung vấn đáp bao quát toàn bộ CLO1,2,3 của học phần | CLO1<br>CLO2<br>CLO3 | 40%<br>30%<br>30% | X | X(PLO4) |

## 7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | Bài 1: Giới thiệu tổng quan về đơn vị thực hành<br>1.1. Thông tin chung về đơn vị thực hành<br>1.2. Tổ chức kế toán<br>1.3. Quản lý nhân sự và chế độ làm việc<br>1.4. Cơ chế và phương án tiền lương | 0 | 4 | 0 | 0 | 2 | Thu thập và hệ thống hóa thông tin chung, tổ chức kế toán của đơn vị thực hành; thông tin quản lý nhân sự, chế độ làm việc, cơ chế và phương án tiền lương của đơn vị thực hành làm cơ sở thực hiện các phần hành kế toán. | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, giới thiệu thực tế, vấn đáp | Tìm hiểu hồ sơ, quy chế nhân sự, phương án tiền lương, tài liệu giới thiệu về đơn vị thực hành; đọc tài liệu [1]; ghi chép thông tin tổ chức kế toán. | Điểm danh; vấn đáp đầu giờ; kiểm tra ghi chép thực hành. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 2 | Bài 2: Hướng dẫn lập chứng từ và sổ chi tiết theo từng phần hành<br>2.1. Kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu | 0 | 4 | 0 | 0 | 2 | Thu thập, xử lý chứng từ và lập được sổ chi tiết kế toán vốn bằng tiền và các khoản phải thu. | CLO1 | Hướng dẫn thực hành, làm mẫu, thực hành trực tiếp | Thu thập chứng từ thực tế; lập sổ chi tiết vốn bằng tiền, các khoản phải thu theo hướng dẫn. | Đánh giá hồ sơ thực hành trên lớp. |
| 3 | Bài 2 (tiếp): 2.2. Kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ | 0 | 4 | 0 | 0 | 2 | Thu thập, xử lý chứng từ và lập được sổ chi tiết kế toán vật liệu, công cụ dụng cụ. | CLO1 | Hướng dẫn thực hành, làm mẫu | Thu thập chứng từ nhập, xuất vật liệu, công cụ dụng cụ; lập sổ chi tiết. | Đánh giá hồ sơ thực hành trên lớp. |
| 4 | Bài 2 (tiếp): 2.3. Kế toán TSCĐ và đầu tư dài hạn<br>Kết luận, ôn tập phần 2.1 - 2.3 | 0 | 4 | 0 | 0 | 2 | Thu thập, xử lý chứng từ và lập được sổ chi tiết kế toán tài sản cố định và đầu tư dài hạn. | CLO1 | Hướng dẫn thực hành, thảo luận nhóm | Thu thập chứng từ tăng, giảm tài sản cố định, đầu tư dài hạn; lập sổ chi tiết; ôn tập. | Đánh giá hồ sơ thực hành; câu hỏi ôn tập. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 5 | Bài 2 (tiếp): 2.4. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương | 0 | 4 | 0 | 0 | 2 | Tính toán tiền lương và các khoản trích theo lương của người lao động tại đơn vị thực hành. | CLO2 | Hướng dẫn thực hành, làm mẫu | Thu thập bảng chấm công, bảng lương; lập sổ chi tiết tiền lương và các khoản trích theo lương. | Đánh giá hồ sơ thực hành trên lớp. |
| 6 | Bài 2 (tiếp): 2.5. Kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm | 0 | 5 | 0 | 0 | 2 | Tính toán, phân bổ chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại đơn vị thực hành. | CLO2 | Hướng dẫn thực hành, bài tập tình huống | Thu thập chứng từ chi phí sản xuất; lập sổ chi tiết, tính giá thành sản phẩm. | Đánh giá hồ sơ thực hành trên lớp. |
| 7 | Bài 2 (tiếp): 2.6. Kế toán thành phẩm | 0 | 5 | 0 | 0 | 3 | Tính toán giá trị nhập, xuất thành phẩm tại đơn vị thực hành. | CLO2, CLO4 | Hướng dẫn thực hành, hệ thống hóa | Thu thập chứng từ nhập, xuất thành phẩm; lập sổ chi tiết; | Đánh giá hồ sơ thực hành trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 8 | Bài 2 (tiếp):<br>2.7. Kế toán tiêu thụ sản phẩm và xác định kết quả kinh doanh<br>2.8. Kế toán vốn chủ sở hữu | 0 | 5 | 0 | 0 | 3 | Hệ thống hóa kỹ năng lập chứng từ, ghi sổ chi tiết các phần hành đã thực hành; tính toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Lập chứng từ và ghi sổ chi tiết kế toán vốn chủ sở hữu. | CLO1, CLO2, CLO4 | Hướng dẫn thực hành | thu thập chứng từ tiêu thụ sản phẩm; tính toán, xác định kết quả kinh doanh; vốn chủ sở hữu; lập sổ chi tiết. | Kiểm tra thường xuyên |
| 9 | Bài 2 (tiếp): 2.9. Kế toán thuế và các khoản phải nộp nhà nước<br>Kết luận, ôn tập Bài 2 | 0 | 5 | 0 | 0 | 3 | Tính toán và xác định nghĩa vụ thuế, các khoản phải nộp nhà nước của đơn vị thực hành. | CLO2, CLO4 | Hướng dẫn thực hành, hệ thống hóa | Thu thập chứng từ thuế và các khoản phải nộp nhà nước; lập sổ chi tiết; ôn tập toàn bộ Bài 2. | Đánh giá hồ sơ thực hành; câu hỏi ôn tập. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 10 | Bài 3: Hướng dẫn lập sổ kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính<br>3.1. Sơ đồ và trình tự ghi sổ kế toán tổng hợp | 0 | 5 | 0 | 0 | 3 | Nghiên cứu và xác định sơ đồ, trình tự ghi sổ kế toán tổng hợp của đơn vị thực hành làm cơ sở tổng hợp số liệu kế toán. | CLO3 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành | Nghiên cứu sơ đồ, trình tự ghi sổ của đơn vị thực hành; đọc tài liệu [1], [2]. | Vấn đáp; Đánh giá bài tập. |
| 11 | Bài 3 (tiếp)<br>3.2. Hướng dẫn lập sổ | 0 | 5 | 0 | 0 | 3 | Hoàn thiện hệ thống sổ kế toán tổng hợp đầy đủ, chính xác, khớp đúng với sổ chi tiết. | CLO3 | Hướng dẫn thực hành, bài tập tình huống | Đối chiếu, hoàn thiện sổ kế toán tổng hợp; kiểm tra tính khớp đúng giữa sổ tổng hợp và sổ chi tiết. | Đánh giá hồ sơ thực hành trên lớp. |
| 12 | Bài 3 (tiếp)<br>3.3. Hướng dẫn lập báo cáo tài chính | 0 | 5 | 0 | 0 | 3 | Lập được các báo cáo cơ bản trong hệ thống báo cáo tài chính. | CLO3 | Hướng dẫn thực hành | Lập các báo cáo kế toán; hoàn thiện bộ báo cáo tài chính. | Chấm hồ sơ thực hành trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 13 | Hoàn thiện hồ sơ thực hành | 0 | 5 | 0 | 0 | 3 | Hoàn thiện toàn bộ hồ sơ thực hành (chứng từ, sổ chi tiết, sổ tổng hợp, báo cáo tài chính) | CLO3, CLO4 | Hướng dẫn thực hành, hệ thống hóa, vấn đáp | Rà soát, hoàn thiện hồ sơ thực hành; ôn tập chuẩn bị thi cuối kỳ. | Đánh giá tổng hợp hồ sơ thực hành; điểm danh chuyên cần. |
| 14 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu Tuần này có lịch thực tế của học phần khác) | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | Tự nghiên cứu, hệ thống hóa được kiến thức toàn học phần và xây dựng được đề cương khảo sát chuẩn bị cho đợt thực tế. | CLO4 | Tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn của giảng viên | Đọc lại tài liệu; hệ thống hóa kiến thức; xây dựng đề cương khảo sát thực tế. | Không đánh giá chính thức (GV hướng dẫn trực tuyến khi cần). |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 15 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu (Tuần này có lịch thực tế của học phần khác) | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | Tự nghiên cứu, hệ thống hóa được kiến thức toàn học phần và xây dựng được đề cương khảo sát chuẩn bị cho đợt thực tế. | CLO4 | Tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn của giảng viên | Đọc lại tài liệu; hệ thống hóa kiến thức; xây dựng đề cương khảo sát thực tế. | Không đánh giá chính thức (GV hướng dẫn trực tuyến khi cần). |
| 16 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu Tuần này có lịch thực tế của học phần khác) | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | Tự nghiên cứu, hệ thống hóa được kiến thức toàn học phần và xây dựng được đề cương khảo sát chuẩn bị cho đợt thực tế. | CLO4 | Tự học, tự nghiên cứu có hướng dẫn của giảng viên | Đọc lại tài liệu; hệ thống hóa kiến thức; xây dựng đề cương khảo sát thực tế. | Không đánh giá chính thức (GV hướng dẫn trực tuyến khi cần). |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 17 | Đi thực tế tại cơ sở<br>(05 ngày) | 0 | 0 | 45 | 0 | 3 | Tìm hiểu tổ chức bộ máy kế toán; quy trình luân chuyển chứng từ, ghi sổ kế toán; ứng dụng phần mềm kế toán; lập báo cáo tài chính và lưu trữ hồ sơ kế toán; trao đổi với cán bộ kế toán doanh nghiệp. | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Học tập trải nghiệm, tham quan thực tế, trao đổi với kế toán doanh nghiệp | Thu thập tài liệu, quan sát/tham gia quy trình, phỏng vấn cán bộ kế toán, hoàn thành báo cáo thực tế. | Đánh giá báo cáo thực tế |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] PGS.TS. Phạm Đức Cường (2020), *Tổ chức kế toán trong các đơn vị kinh tế,* NXB Kinh tế - Tài chính, Hà Nội.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

[3] Hoàng Anh Đào, Phạm Thanh Trà (2025), *Hệ thống câu hỏi trắc nghiệm, bài tập và bài giải kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa*, NXB Giáo dục

[4] Phạm Thanh Trà, Hoàng Anh Đào (2022-2023), *"Situation of the organization of accounting work in small-and-medium sized enterprises in Tuyen Quang province"*

[5] Nguyễn Thuý Hằng, Đinh Thị Anh, Trần Thị Định (2025-2026), *"Nghiên cứu thực trạng tổ chức công tác kế toán tại Trường Đại học Tân Trào"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **CLO 1** | Lập chứng từ và ghi sổ chi tiết kế toán tài sản và vốn chủ sở hữu của đơn vị thực hành trên cơ sở thông tin tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị. | Vấn đáp | 30% | 3,0 | X | PLO4 |
| **CLO 2** | Tính toán, phân bổ chi phí, giá thành sản phẩm; xác định kết quả kinh doanh và nghĩa vụ thuế của đơn vị thực hành trên cơ sở thông tin nhân sự và phương án tiền lương. | Vấn đáp | 30% | 2,0 | X | PLO4 |
| **CLO 3** | Tổng hợp số liệu kế toán chi tiết vào sổ kế toán tổng hợp và lập báo cáo tài chính của đơn vị thực hành theo chế độ kế toán hiện hành. | Vấn đáp | 40% | 4,0 | X | PLO4 |
| **Tổng** | | | **100%** | **10,0** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán**

**1. Thông tin chung về học phần**

**1.1. Mã học phần: KT2.1.195.3**

**1.2. Tên học phần: Tổ chức công tác kế toán hành chính sự nghiệp**

**1.3. Loại học phần: Bắt buộc**

**1.4. Số tín chỉ: 03**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 0 tiết
- Bài tập thực hành/thảo luận: 90 tiết
- Tự học: 60 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: (Không)
- Học phần học trước: Kế toán hành chính sự nghiệp

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Trần Thị Diên | Tiến sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 3 | Nguyễn Thúy Hằng | Thạc sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |

**2. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng tổ chức công tác kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp trên môi trường máy tính theo chế độ kế toán hiện hành. Nội dung học phần tập trung vào thiết lập hệ thống sổ kế toán, xử lý chứng từ, hạch toán các phần hành chủ yếu như vốn bằng tiền, vật tư, tài sản cố định, tiền lương, thu, chi và xác định kết quả hoạt động; lập báo cáo tài chính và lưu trữ hồ sơ kế toán. Học xong học phần, người học hình thành năng lực tổ chức, thực hiện và kiểm soát quy trình kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức tốt công tác kế toán, đồng thời rèn luyện tác phong làm việc chính xác, trách nhiệm và tuân thủ pháp luật, chuẩn mực nghề nghiệp kế toán.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

- **CO1:** Trang bị cho người học kiến thức về tổ chức công tác kế toán tại đơn vị hành chính, sự nghiệp theo quy định hiện hành; tổ chức bộ máy kế toán, hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và báo cáo tài chính.

- **CO2:** Hình thành kỹ năng tổ chức và thực hiện công tác kế toán trên phần mềm kế toán; hạch toán, ghi sổ, lập báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán và lưu trữ tài liệu kế toán tại đơn vị hành chính, sự nghiệp.

- **CO3:** Rèn luyện ý thức tuân thủ pháp luật, chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và đạo đức nghề nghiệp; làm việc cẩn thận, trung thực, trách nhiệm và tác phong chuyên nghiệp trong thực hiện công tác kế toán.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung chuẩn đầu ra học phần | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Vận dụng được các quy định về tổ chức công tác kế toán để thiết lập bộ máy kế toán, hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và tổ chức công tác kế toán tại đơn vị hành chính, sự nghiệp theo quy định hiện hành. | x | | |
| **CLO2** | Thực hiện thành thạo việc hạch toán, ghi sổ kế toán trên phần mềm đối với các nghiệp vụ về vốn bằng tiền, vật tư, tài sản cố định, tiền lương và các khoản trích theo lương tại đơn vị hành chính, sự nghiệp. | | x | |
| **CLO3** | Thực hiện được các nghiệp vụ kế toán thu, chi; lập Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán và tổ chức lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định. | | x | |
| **CLO4** | Tuân thủ pháp luật, chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và đạo đức nghề nghiệp; thể hiện tính trung thực, cẩn thận, trách nhiệm và tác phong chuyên nghiệp trong thực hiện công tác kế toán. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| Chuẩn đầu ra học phần (CLO) | PLO4 | PLO8 |
|---|---|---|
| **CLO1.** Vận dụng được các quy định về tổ chức công tác kế toán để thiết lập bộ máy kế toán, hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và tổ chức công tác kế toán tại đơn vị hành chính, sự nghiệp theo quy định hiện hành. | MA | R |
| **CLO2.** Thực hiện thành thạo việc hạch toán, ghi sổ kế toán trên phần mềm đối với các nghiệp vụ về vốn bằng tiền, vật tư, tài sản cố định, tiền lương và các khoản trích theo lương tại đơn vị hành chính, sự nghiệp. | MA | R |
| **CLO3.** Thực hiện được các nghiệp vụ kế toán thu, chi; lập Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán và tổ chức lưu trữ hồ sơ, tài liệu kế toán theo đúng quy định. | MA | R |
| **CLO4.** Tuân thủ pháp luật, chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp và đạo đức nghề nghiệp; thể hiện tính trung thực, cẩn thận, trách nhiệm và tác phong chuyên nghiệp trong thực hiện công tác kế toán. | R | R |
| **Học phần Tổ chức công tác kế toán hành chính sự nghiệp** | MA | R |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **A1. Chuyên cần** | **10** | Chuyên cần, ý thức học tập, chuẩn bị bài, tuân thủ quy trình thực hành, tác phong làm việc | CLO4 | 100 | CLO4 | |
| **A2. Kiểm tra thường xuyên** | **30** | Thực hành trên máy vi tính theo từng phần hành kế toán; xử lý chứng từ, ghi sổ kế toán, lập các báo cáo kế toán | CLO1 | 40 | | |
| | | | CLO2 | 40 | | |
| | | | CLO3 | 20 | | |

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **A3. Đánh giá cuối học phần** | **60** | Hoàn thành hồ sơ thực hành hoàn chỉnh trên máy vi tính. Hồ sơ thực hành gồm chứng từ, bảng tính, sổ kế toán, báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán và hồ sơ lưu trữ; sinh viên in, đóng quyển và nộp sản phẩm để đánh giá | CLO1 | 40 | CLO1 | **PLO4** |
| | | | CLO2 | 40 | CLO2 | |
| | | | CLO3 | 20 | CLO3 | |
| **Tổng cộng** | **100** | | | **100** | | **PLO4** |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành/Bài tập | Tự học | | | | | |
| **1** | **Bài 1: Thiết lập hệ thống sổ kế toán và tổ chức chứng từ**<br>1.1. Tổ chức bộ máy kế toán HCSN<br>1.2. Thiết lập hệ thống chứng từ, tài khoản<br>1.3. Khai báo danh mục trên phần mềm | 0 | 12 | 8 | Vận dụng quy định để thiết lập sổ sách, tạo lập danh mục ban đầu trên phần mềm/hệ thống. | CLO1, CLO4 | Thuyết giảng, làm mẫu trên máy vi tính | Đọc tài liệu, thực hành khai báo thông tin cơ sở | Đánh giá chuyên cần, hỏi đáp |
| **2** | **Bài 2: Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền, vật tư và TSCĐ**<br>2.1. Lập chứng từ thu, chi, nhập, xuất | 0 | 11 | 7 | Thực hành lập chứng từ và ghi sổ các nghiệp vụ tiền, vật tư, TSCĐ trên phần mềm. | CLO1, CLO2, CLO4 | Diễn giảng, hướng dẫn thực hành | Thực hành nhập liệu chứng từ mua sắm, thu chi | Đánh giá qua bài tập thực hành cá nhân |
| **3** | **Bài 2: Tổ chức công tác kế toán vốn bằng tiền, vật tư và TSCĐ (tiếp)**<br>2.2. Ghi sổ chi tiết và sổ cái các TK liên quan<br>2.3. Tính hao mòn, khấu hao TSCĐ | 0 | 11 | 8 | Thực hành lập chứng từ và ghi sổ các nghiệp vụ tiền, vật tư, TSCĐ trên phần mềm. | CLO1, CLO2, CLO4 | Diễn giảng, hướng dẫn thực hành | Thực hành nhập liệu chứng từ mua sắm, thu chi | Kiểm tra TX 1 (Thực hành trên máy) |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành/Bài tập | Tự học | | | | | |
| **4** | **Bài 3: Tổ chức kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương**<br>3.1. Lập bảng chấm công, bảng thanh toán lương<br>3.2. Tính toán các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT...)<br>3.3. Định khoản và ghi sổ | 0 | 11 | 7 | Lập bảng lương, tính toán các khoản trích nộp theo đúng tỷ lệ và ghi sổ kế toán. | CLO2, CLO4 | Phân tích hồ sơ, làm mẫu, xử lý tình huống | Thực hành tính lương và lập ủy nhiệm chi | Đánh giá qua bài tập thực hành cá nhân |
| **5** | **Bài 4: Tổ chức kế toán thu, chi và xác định kết quả hoạt động**<br>4.1. Kế toán thu, chi hoạt động HCSN<br>4.2. Kế toán thu, chi viện trợ, dự án | 0 | 11 | 7 | Xử lý, phân loại các khoản thu/chi ngân sách, thu/chi dịch vụ và kết chuyển cuối kỳ. | CLO3, CLO4 | Nêu vấn đề, bài tập thực hành tổng hợp | Nhập liệu nghiệp vụ thu chi, thực hiện bút toán kết chuyển | Đánh giá qua bài tập thực hành cá nhân |
| **6** | **Bài 4: Tổ chức kế toán thu, chi và xác định kết quả hoạt động (tiếp)**<br>4.3. Xác định kết quả và phân phối thặng dư | 0 | 12 | 8 | Xử lý, phân loại các khoản thu/chi ngân sách, thu/chi dịch vụ và kết chuyển cuối kỳ. | CLO3, CLO4 | Nêu vấn đề, bài tập thực hành tổng hợp | Nhập liệu nghiệp vụ thu chi, thực hiện bút toán kết chuyển | Kiểm tra TX 2 (Thực hành trên máy) |
| **7** | **Bài 5: Tổ chức lập Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán và lưu trữ tài liệu**<br>5.1. Lập Báo cáo tài chính | 0 | 10 | 7 | Lên được BCTC, Báo cáo quyết toán từ số liệu đã nhập; | CLO3, CLO4 | Hướng dẫn theo chế độ, | Đối chiếu số liệu, lập | Chấm điểm thực |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành/Bài tập | Tự học | | | | | |
| | | | | | thực hiện sắp xếp hồ sơ, chứng từ khoa học. | | thảo luận nhóm | báo cáo và mô phỏng lưu trữ | hành nhóm/cá nhân |
| **8** | **Bài 5: Tổ chức lập Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán và lưu trữ tài liệu (tiếp)**<br>5.2. Lập Báo cáo quyết toán ngân sách<br>5.3. Quy trình sắp xếp, đóng gói, lưu trữ tài liệu | 0 | 12 | 8 | Lên được BCTC, Báo cáo quyết toán từ số liệu đã nhập; thực hiện sắp xếp hồ sơ, chứng từ khoa học. | CLO3, CLO4 | Hướng dẫn theo chế độ, thảo luận nhóm | Đối chiếu số liệu, lập báo cáo và mô phỏng lưu trữ | Chấm điểm thực hành nhóm/cá nhân |
| | **Cộng** | **0** | **90** | **60** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Phạm Đức Cường (2020), Tổ chức kế toán trong các đơn vị kinh tế, NXB Kinh tế - Tài chính, Hà Nội

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Bộ Tài chính (2024), Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 hướng dẫn chế độ kế toán hành chính, sự nghiệp, Hà Nội.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**
*(HP không tổ chức thi, thực hiện chấm hồ sơ thực hành để lấy điểm A3)*

| Chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung đánh giá | Hình thức đánh giá | Tỷ trọng (%) | Điểm tối đa | Đo lường mức độ đạt CLO | Đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Thiết lập hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định; Lập hệ thống chứng từ kế toán theo bài thực hành. | Chấm hồ sơ thực hành | 40 | 4,0 | CLO1 | PLO4 |
| CLO2 | Thực hiện hạch toán và ghi sổ kế toán trên Microsoft Excel đối với các phần hành kế toán. | | 40 | 4,0 | CLO2 | |
| CLO3 | Lập Báo cáo tài chính, Báo cáo quyết toán và hoàn thiện hồ sơ kế toán theo đúng quy định. | | 20 | 2,0 | CLO3 | |
| **Tổng cộng** | | | **100** | **10,0** | | **PLO4** |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

## Trình độ đào tạo: Đại học, Chương trình đào tạo: Kế toán

**1. Thông tin chung về học phần**

**1.1. Mã học phần: TN2.1.505.2**

**1.2. Tên học phần: Tin học ứng dụng trong Kế toán**

**1.3. Loại học phần: bắt buộc**

**1.4. Số tín chỉ: 02**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 15 giờ (bao gồm 1 giờ kiểm tra thường xuyên trên lớp)
- Bài tập thực hành: 30 giờ
- Kiểm tra, đánh giá:
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa:
- Thực tập:
- Tự học: 55 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Lê Văn Hùng | Phó giáo sư, tiến sĩ | Tin học |
| 2 | Trần Thị Hồng Dung | Thạc sĩ | Tin học |
| 3 | Ma Thị Hồng Thu | Thạc sĩ | Tin học |
| 4 | Tống Xuân Trường | Thạc sĩ | Tin học |
| 5 | Nguyễn Thị Hà Phương | Thạc sĩ | Tin học |

**2. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán và vai trò của công nghệ thông tin trong kế toán doanh nghiệp; đồng thời rèn luyện kỹ năng sử dụng Microsoft Excel và phần mềm kế toán để xử lý dữ liệu, thực hiện nghiệp vụ, hạch toán và lập báo cáo kế toán. Qua đó, người học có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, cẩn trọng và có trách nhiệm trong công việc kế toán.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

- CO1: Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán, vai trò của công nghệ thông tin trong kế toán doanh nghiệp và quy trình xử lý thông tin kế toán trong môi trường số.

- CO2: Hình thành khả năng sử dụng Microsoft Excel để xây dựng bảng tính, sử dụng các hàm, quản lý và xử lý dữ liệu phục vụ công tác kế toán.

- CO3: Phát triển kỹ năng sử dụng phần mềm kế toán để thực hiện các nghiệp vụ kế toán, hạch toán, xử lý dữ liệu và lập một số báo cáo kế toán cơ bản.

- CO4: Rèn luyện tư duy logic, tính cẩn trọng, tác phong làm việc khoa học, khả năng tự học, làm việc độc lập và phối hợp nhóm trong quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc kế toán.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày được khái niệm hệ thống thông tin kế toán, vai trò của công nghệ thông tin và quy trình xử lý thông tin kế toán trong doanh nghiệp. | X | | |
| CLO2 | Giải thích được quy trình xử lý nghiệp vụ kế toán và chức năng cơ bản của Microsoft Excel và phần mềm kế toán trong doanh nghiệp. | X | | |
| CLO3 | Sử dụng được Microsoft Excel để lập bảng tính, sử dụng hàm, quản lý và xử lý dữ liệu phục vụ công tác kế toán. | | X | |
| CLO4 | Vận dụng được phần mềm kế toán để nhập liệu, xử lý nghiệp vụ, hạch toán và lập một số báo cáo kế toán cơ bản. | | X | |
| CLO5 | Thể hiện được tính trung thực, cẩn trọng, tinh thần hợp tác, ý thức tự học và trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc kế toán. | | | X |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) |
|---|---|
| | PLO 5 |
| **CLO 1** | I |
| **CLO 2** | I |
| **CLO 3** | R |
| **CLO 4** | M |
| **CLO 5** | |
| **Học phần Tin học ứng dụng trong Kế toán** | M |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần, tham gia học tập | 10% | Điểm danh; quan sát ý thức học tập; đánh giá mức độ chuẩn bị bài, tham gia thảo luận và thực hành trên lớp | CLO 5 | CLO5: 100% | X | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 01 đầu điểm kiểm tra thường xuyên bằng bài thực hành trên Microsoft Excel hoặc sản phẩm học tập cá nhân/nhóm | CLO 2, CLO 3 | CLO2: 30% CLO3: 70% | X | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài thi thực hành trên máy tính: xử lý dữ liệu kế toán bằng Microsoft Excel; thực hiện nghiệp vụ trên phần mềm kế toán; trình bày và giải thích sản phẩm | CLO 3, CLO 4, CLO 5 | CLO3: 40% CLO4: 40% CLO5: 20% | X | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | **Chương 1. Tổng quan về công nghệ thông tin trong kế toán**<br>1. Hệ thống thông tin kế toán.<br>2. Vai trò của CNTT trong kế toán doanh nghiệp.<br>3. Quy trình xử lý thông tin kế toán trong môi trường số. | 2 | 4 | 0 | 0 | 3 | Trình bày được khái niệm hệ thống thông tin kế toán, vai trò của CNTT và quy trình xử lý thông tin kế toán trong doanh nghiệp. | CLO1 | Thuyết trình kết hợp đàm thoại gợi mở; trình chiếu; minh họa. | Đọc tài liệu trước giờ học; nghe giảng; tham gia thảo luận; trả lời câu hỏi; ghi chép nội dung trọng tâm. | Quan sát mức độ tham gia học tập; hỏi đáp; nhận xét ý thức chuẩn bị bài. |
| 2 | **Chương 1. Tổng quan về công nghệ thông tin trong kế toán**<br>3. Giới thiệu Microsoft Excel<br>4. Giới thiệu phần mềm kế toán.<br>5. Ứng dụng CNTT trong công tác kế toán. | 2 | 4 | 0 | 0 | 3 | Giải thích được chức năng cơ bản của Microsoft Excel và phần mềm kế toán trong xử lý nghiệp vụ kế toán. | CLO2 | Thuyết trình; hướng dẫn thực hành; minh họa trên máy tính. | Quan sát thao tác mẫu; thực hành làm quen giao diện; trao đổi, thảo luận và trả lời câu hỏi. | Quan sát quá trình thực hành; nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ. |
| 3 | **Chương 2. Microsoft Excel trong kế toán**<br>1. Tổ chức bảng | 1 | 2 | 0 | 0 | 3 | Sử dụng được Microsoft Excel để tạo bảng tính, | CLO3 | Thuyết trình; hướng dẫn thực | Thực hành trên máy tính; hoàn thành bài tập; | Quan sát quá trình thực hành; đánh giá bài tập trên lớp; phản |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | tính.<br>2. Định dạng dữ liệu.<br>3. Các hàm thông dụng trong kế toán. | | | | | | định dạng dữ liệu và vận dụng các hàm cơ bản phục vụ công tác kế toán. | | hành; dạy học theo nhiệm vụ. | trao đổi và hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực hành. | hỏi trực tiếp. |
| 4 | **Chương 2. Microsoft Excel trong kế toán**<br>4. Quản lý dữ liệu.<br>5. Lọc, sắp xếp dữ liệu.<br>6. Lập bảng tính kế toán. | 1 | 2 | 0 | 0 | 3 | Vận dụng được Microsoft Excel để quản lý, xử lý và khai thác dữ liệu phục vụ công tác kế toán. | CLO3 | Hướng dẫn thực hành; dạy học theo nhiệm vụ; giải quyết vấn đề. | Thực hành xử lý dữ liệu; hoàn thiện bài tập; thảo luận và chia sẻ kết quả. | Quan sát; đánh giá bài thực hành; nhận xét sản phẩm học tập. |
| 5 | **Chương 2. Microsoft Excel trong kế toán**<br>7. Bài tập tổng hợp trên Excel.<br>8. Ôn tập chương 1 và chương 2. | 1 | 2 | 0 | 0 | 4 | Vận dụng được Microsoft Excel để xử lý dữ liệu kế toán và giải quyết các bài tập tổng hợp trên bảng tính. | CLO2, CLO3, | Thực hành; dạy học theo nhiệm vụ; hướng dẫn cá nhân. | Thực hiện bài tập tổng hợp; hoàn thiện sản phẩm; tự đánh giá và trao đổi kết quả với giảng viên. | A2: 01 bài kiểm tra thường xuyên bằng bài thực hành trên Microsoft Excel hoặc sản phẩm học tập cá nhân/nhóm, có sử dụng rubric đánh giá. |
| 6 | **Chương 2. Microsoft Excel trong kế toán**<br>9. Hàm thống kê, | 1 | 2 | 0 | 0 | 4 | Vận dụng được các hàm thống kê, điều kiện, tra cứu | CLO3 | Thuyết trình; hướng dẫn thực | Thực hành sử dụng các hàm trên dữ liệu kế toán; hoàn | Quan sát quá trình thực hành; nhận xét bài tập; phản hồi |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | hàm điều kiện.<br>10. Hàm tra cứu và tham chiếu. | | | | | | và tham chiếu trong Microsoft Excel để xử lý dữ liệu kế toán. | | hành; dạy học theo nhiệm vụ. | thành bài tập; trao đổi và thảo luận kết quả. | trực tiếp. |
| 7 | **Chương 2. Microsoft Excel trong kế toán**<br>11. Tổng hợp và phân tích dữ liệu.<br>12. Lập báo cáo trên Excel. | 1 | 2 | 0 | 0 | 5 | Vận dụng được Microsoft Excel để tổng hợp, phân tích dữ liệu và lập các báo cáo kế toán cơ bản. | CLO3 | Hướng dẫn thực hành; giải quyết vấn đề; dạy học theo nhiệm vụ. | Thực hành lập báo cáo; xử lý dữ liệu; trình bày và trao đổi kết quả với giảng viên. | Quan sát; đánh giá sản phẩm thực hành; nhận xét kết quả học tập. |
| 8 | **Chương 3. Phần mềm kế toán**<br>1. Giới thiệu phần mềm kế toán.<br>2. Cấu trúc dữ liệu và quy trình làm việc. | 1 | 2 | 0 | 0 | 5 | Giải thích được quy trình xử lý dữ liệu và chức năng cơ bản của phần mềm kế toán; thực hiện được các thao tác khởi tạo và quản lý dữ liệu ban đầu. | CLO2, CLO4 | Thuyết trình; minh họa; hướng dẫn thực hành trên máy tính. | Quan sát thao tác mẫu; thực hành khởi tạo dữ liệu; trao đổi và giải đáp các tình huống phát sinh. | Quan sát quá trình thực hành; nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ. |
| 9 | **Chương 3. Phần** | 1 | 2 | 0 | 0 | 5 | Vận dụng | CLO4 | Hướng | Thực hành | Quan sát quá |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | **mềm kế toán**<br>3. Nhập liệu chứng từ.<br>4. Hạch toán các nghiệp vụ kế toán cơ bản. | | | | | | được phần mềm kế toán để nhập liệu, xử lý và hạch toán các nghiệp vụ kế toán cơ bản. | | dẫn thực hành; dạy học theo tình huống; giải quyết vấn đề. | nhập liệu và hạch toán; xử lý các tình huống thực tế; hoàn thiện bài tập theo yêu cầu. | trình thực hành; đánh giá bài tập; nhận xét sản phẩm học tập. |
| 10 | **Chương 3. Phần mềm kế toán**<br>5. Lập sổ kế toán.<br>6. Lập báo cáo kế toán trên phần mềm. | 1 | 2 | 0 | 0 | 5 | Vận dụng được phần mềm kế toán để lập sổ kế toán và một số báo cáo kế toán cơ bản phục vụ công tác quản lý. | CLO4, | Hướng dẫn thực hành; dạy học theo nhiệm vụ; học theo tình huống. | Thực hành lập sổ và báo cáo; tự đánh giá kết quả; trao đổi với giảng viên để hoàn thiện sản phẩm. | Quan sát quá trình thực hành; đánh giá sản phẩm; phản hồi trực tiếp. |
| 11 | **Chương 3. Phần mềm kế toán**<br>7. Quản lý danh mục.<br>8. Quản lý chứng từ và sổ kế toán. | 1 | 2 | 0 | 0 | 5 | Vận dụng được phần mềm kế toán để quản lý danh mục, chứng từ và sổ kế toán phục vụ công tác kế toán doanh nghiệp. | CLO4 | Hướng dẫn thực hành; dạy học theo nhiệm vụ; giải quyết vấn đề. | Thực hành quản lý danh mục, nhập liệu chứng từ; trao đổi và xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thực hành. | Quan sát quá trình thực hành; nhận xét bài tập; phản hồi trực tiếp. |
| 12 | **Chương 3. Phần mềm kế toán** | 1 | 2 | 0 | 0 | 5 | Vận dụng được phần | CLO4 | Hướng dẫn thực | Thực hành lập và khai | Quan sát quá trình thực hành; |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 9. Lập báo cáo tài chính cơ bản.<br>10. Khai thác và in báo cáo. | | | | | | mềm kế toán để lập, khai thác và in các báo cáo kế toán cơ bản theo yêu cầu. | | hành; dạy học theo tình huống; thực hành trên máy tính. | thác báo cáo; phân tích kết quả; hoàn thiện sản phẩm theo yêu cầu của giảng viên. | đánh giá sản phẩm; nhận xét và góp ý. |
| 13 | **Bài tập tổng hợp**<br>1. Thực hành tổng hợp trên Microsoft Excel và phần mềm kế toán.<br>2. Hoàn thiện quy trình xử lý dữ liệu kế toán.<br>**Ôn tập và tổng kết học phần**<br>**Ôn tập và tổng kết học phần**<br>1. Hệ thống hóa kiến thức và kỹ năng.<br>2. Giải đáp thắc mắc.<br>3. Hướng dẫn chuẩn bị đánh giá cuối học phần. | 1 | 2 | 0 | 0 | 5 | Vận dụng tổng hợp được kiến thức và kỹ năng sử dụng Microsoft Excel và phần mềm kế toán để xử lý dữ liệu và giải quyết bài toán kế toán cơ bản.<br>Hệ thống hóa được kiến thức và kỹ năng của học phần; tự đánh giá mức độ đạt chuẩn đầu ra và chuẩn bị cho đánh giá cuối học phần. | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 | Dạy học theo nhiệm vụ; dạy học theo dự án; hướng dẫn thực hành.<br>Ôn tập có hướng dẫn; thảo luận; giải đáp; hệ thống hóa kiến thức. | Thực hiện bài tập tổng hợp theo cá nhân/nhóm; hoàn thiện sản phẩm; trình bày và trao đổi kết quả.<br>Ôn tập; tự đánh giá mức độ đạt CLO; trao đổi với giảng viên; hoàn thiện nội dung học tập | Quan sát quá trình thực hiện; đánh giá sản phẩm theo rubric; nhận xét mức độ hoàn thành nhiệm vụ.<br>Đánh giá quá trình học tập; hướng dẫn chuẩn bị cho bài thi kết thúc học phần theo kế hoạch của Nhà trường. |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Bộ tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, Nxb Lao Động, Hà Nội.

[2] Trần Thị Song Minh (2018), *Giáo trình Tin học ứng dụng*, Nxb Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.

[3] Slide hướng dẫn đào tạo phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015, PGS.TS Đặng Văn Thanh, Chủ tịch hiệp hội kế toán và kiểm toán Việt Nam.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[4] Nguyễn Trung Tín, Phạm Quang Huy, Lâm Hoàng Khâm (2024), *Giáo trình MS Office Word – Excel,* NXB Thanh Niên

[5] Bùi Văn Dương, Võ Văn Nhị, Đặng Văn Sáng, Nguyễn Ngọc Hiến (2009), Hướng dẫn thực hành lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo thuế GTGT trên Excel, NXB Tài chính.

[6] Nguyễn Thị Kim Ngân, Lê Ngọc Đoan Trang, Phạm Mạnh Hà, Ma Thanh Hoàn (2025-2026), *"Ảnh hưởng của các nhân tố bên trong đến hoạt động chuyển đổi số công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào.

[7] Vũ Anh Sơn, Trần Thị Định, Đặng Thị Huyền (2024-2025), *"Nghiên cứu thực trạng chuyển đổi số trong công tác tài chính tại Trường Đại học Tân Trào",* Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra –đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO3 | Sử dụng được Microsoft Excel để lập bảng tính, sử dụng hàm, quản lý và xử lý dữ liệu phục vụ công tác kế toán. | Thực hành trên máy tính: xây dựng bảng tính, sử dụng hàm, xử lý và tổng hợp dữ liệu kế toán theo yêu cầu bài toán. | 40% | 4.0 | X | |
| CLO4 | Vận dụng được phần mềm kế | Thực hành trên máy tính: thực | 40% | 4.0 | X | |

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra –đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | toán để nhập liệu, xử lý nghiệp vụ, hạch toán và lập một số báo cáo kế toán cơ bản. | hiện nghiệp vụ kế toán trên phần mềm, xử lý dữ liệu và lập báo cáo kế toán cơ bản. | | | | |
| CLO5 | Thể hiện được tính trung thực, cẩn trọng, tinh thần hợp tác, ý thức tự học và trách nhiệm nghề nghiệp trong quá trình ứng dụng công nghệ thông tin vào công việc kế toán. | Đánh giá thông qua quá trình thực hiện bài thi: tính chính xác, khoa học, trình bày sản phẩm, khả năng giải thích kết quả và quy trình xử lý dữ liệu, tuân thủ quy định trong phòng thi. | 20% | 2.0 | X | |
| **Tổng** | | | **100%** | **10** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

## Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán

### 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần: KT2.1.034.2**

**1.2. Tên học phần: Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại**

**1.3. Loại học phần: Tự chọn.**

**1.4. Số tín chỉ: 02 (1tín chỉ lý thuyết + 1 tín chỉ thực tế)**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 15 giờ (bao gồm 1 giờ kiểm tra thường xuyên trên lớp)
- Thực hành trên lớp: 0
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 45
- Thực tập: 0
- Tự học: 40 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Hoàng Thị Hạnh | ThS. | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |
| 2 | Phạm Thanh Trà | ThS. | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 3 | Phạm Trung Nghĩa | ThS. | Bộ môn Kế toán – Tài chính |

### 2. Mô tả tóm tắt học phần

Nghiệp vụ Ngân hàng thương mại cung cấp cho người học kiến thức tổng quan về lịch sử hình thành, chức năng, các dịch vụ và vai trò của ngân hàng thương mại trong nền kinh tế, cùng với các nghiệp vụ chủ yếu bao gồm quản lý nguồn vốn và huy động vốn, quản lý tài sản, nghiệp vụ tín dụng ngắn hạn và trung dài hạn, quy trình phân tích tín dụng, và dịch vụ thanh toán trong nước cũng như quốc tế. Trên cơ sở đó, người học từng bước hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức vào giải quyết các tình huống thực tiễn phát sinh trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, đồng thời phát triển thái độ học tập tích cực, khả năng tự nghiên cứu và tinh thần trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn thuộc lĩnh vực kế toán – tài chính tại đơn vị và tổ chức.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

**CO1:** Trang bị cho người học kiến thức tổng quan về ngân hàng thương mại và các nghiệp vụ chủ yếu bao gồm nghiệp vụ nguồn vốn, tín dụng, quy trình phân tích tín dụng và dịch vụ thanh toán của ngân hàng thương mại.

**CO2:** Hình thành cho người học kỹ năng vận dụng các kiến thức chuyên môn về nghiệp vụ ngân hàng vào xử lý và giải quyết các vấn đề thực tiễn phát sinh trong hoạt động kinh doanh ngân hàng và lĩnh vực kế toán – tài chính tại đơn vị, tổ chức.

**CO3:** Bồi dưỡng thái độ học tập nghiêm túc, tinh thần tự nghiên cứu tích cực, ý thức trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến hoạt động ngân hàng thương mại.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO 1** | Trình bày được tổng quan về lịch sử hình thành, chức năng, dịch vụ, vai trò và các loại hình ngân hàng thương mại trong hệ thống ngân hàng Việt Nam. | X | | |
| **CLO 2** | Phân tích được cơ cấu nguồn vốn, các nghiệp vụ huy động vốn và quản lý vốn nợ của ngân hàng thương mại, đồng thời làm rõ mối liên hệ giữa nguồn vốn và tài sản. | X | X | |
| **CLO 3** | Vận dụng được kiến thức về nghiệp vụ tín dụng và quy trình phân tích tín dụng để xử lý các tình huống tài trợ kinh doanh và đầu tư trong thực tiễn. | | X | |
| **CLO 4** | Vận dụng được kiến thức về dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế của ngân hàng thương mại để giải quyết các vấn đề thanh toán thực tiễn tại đơn vị, tổ chức. | | X | |
| **CLO 5** | Thể hiện thái độ học tập tích cực, tinh thần tự nghiên cứu và ý thức trách nhiệm trong học tập và thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn liên quan đến nghiệp vụ ngân hàng. | | | X |

## 5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* |
|---|---|
| | PLO5 |
| **CLO1** | I |
| **CLO2** | R |
| **CLO3** | M |
| **CLO4** | M |
| **CLO5** | |
| **Học phần Nghiệp vụ NHTM(**)** | M |

*Ghi chú: PLO5 - "Giải quyết vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kế toán - tài chính và liên ngành để thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn cơ bản tại đơn vị, tổ chức" là chuẩn đầu ra về kiến thức/kỹ năng chuyên môn. CLO5 (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm) là chuẩn đầu ra về thái độ học tập và tinh thần trách nhiệm nghề nghiệp, không thuộc bản chất "giải quyết vấn đề thực tiễn chuyên môn" của PLO5 nên không thể hiện mức I/R/M trong ma trận trên. CLO5 được rèn luyện xuyên suốt học phần và đánh giá qua cấu phần A1 - Chuyên cần (Mục 6), đóng góp cho các chuẩn đầu ra về phẩm chất, đạo đức và năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm của CTĐT.*

## 6. Đánh giá học phần

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức học tập; mức độ tham gia thảo luận, xây dựng bài | CLO5 | 100% | | |

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 01 điểm kiểm tra thường xuyên bằng hình thức tự luận ngắn/ Bài tập | CLO1<br>CLO2 | 50%<br>50% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi tự luận; thời gian làm bài 60 phút; đề thi gồm các câu hỏi đánh giá năng lực phân tích và vận dụng kiến thức học phần | CLO3<br>CLO4 | 50%<br>50% | X | |

## 7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần

| Tuần | Chương, mục | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1 | Chương 1. Tổng quan về ngân hàng thương mại<br>1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của ngân hàng<br>1.2. Chức năng của ngân hàng thương mại<br>1.3. Các dịch vụ ngân hàng<br>1.4. Vai trò của ngân hàng thương mại<br>1.5. Các loại hình ngân hàng thương mại<br>1.6. Hệ thống ngân hàng Việt Nam | 2 | 0 | 0 | 0 | 2 | Trình bày được lịch sử hình thành và phát triển của ngân hàng; nhận biết các chức năng cơ bản của ngân hàng thương mại | CLO1, CLO5 | Thuyết trình, vấn đáp | Đọc đề cương học phần; đọc học liệu số 1; chuẩn bị câu hỏi về lịch sử hình thành ngân hàng | Điểm danh; câu hỏi nhanh |
| 2 | Chương 2. Nguồn vốn và quản lý nguồn vốn | 2 | 0 | 0 | 0 | 2 | Phân tích được đặc điểm nguồn vốn, các nhân tố ảnh | CLO2, CLO5 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo | Đọc học liệu số 1; tìm hiểu các sản phẩm | Điểm danh; câu hỏi vấn |

| Tuần | Chương, mục | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 2.1. Nguồn vốn và nghiệp vụ huy động vốn của ngân hàng thương mại<br>2.2. Đặc điểm nguồn vốn và các nhân tố ảnh hưởng tới quy mô, cơ cấu vốn<br>2.3. Quản lý vốn nợ; Mối liên hệ giữa nguồn vốn và tài sản | | | | | | hưởng đến quy mô, cơ cấu vốn và nội dung quản lý vốn nợ của ngân hàng thương mại | | luận nhóm | huy động vốn của ngân hàng thực tế | đáp |
| 3 | Chương 3. Tài sản và quản lý tài sản của NHTM<br>3.1. Các khoản mục tài sản<br>3.2. Quản lý tài sản<br>3.3. Mối liên hệ giữa nguồn vốn và tài sản | 2 | 0 | 0 | 0 | 3 | Trình bày được các khoản mục tài sản và mối liên hệ giữa nguồn vốn, tài sản trong hoạt động ngân hàng | CLO2, CLO5 | Thuyết trình, phân tích tình huống | Đọc học liệu số 1; liên hệ thực tế cơ cấu tài sản của một ngân hàng | Câu hỏi nhanh |

| Tuần | Chương, mục | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | Chương 4. Các nghiệp vụ tín dụng<br>4.1. Phân loại nghiệp vụ tín dụng<br>4.2. Xác định quy mô cho vay<br>4.3. Nghiệp vụ tín dụng theo cách thức cấp tín dụng<br>4.4. Nghiệp vụ tín dụng theo hình thức đảm bảo<br>4.5. Một số nghiệp vụ tín dụng khác (chiết khấu, bao thanh toán, cho thuê tài chính, bảo lãnh)<br>Kiểm tra thường xuyên A2 | 2 | 0 | 0 | 0 | 3 | Hệ thống hóa được kiến thức Chương 1, 2, 3; trình bày được phân loại các nghiệp vụ tín dụng và phương pháp xác định quy mô cho vay | CLO1, CLO2, CLO3, CLO5 | Kiểm tra viết, thuyết trình, phân tích tình huống | Ôn tập chương 1, 2, 3 chuẩn bị kiểm tra thường xuyên (tự luận, 45 phút); đọc mục 4.1, 4.2 học liệu số 1 | Kiểm tra thường xuyên tự |
| 5 | Chương 5. Quy trình tín dụng và phân tích tín dụng | 2 | 0 | 0 | 0 | 3 | Trình bày được quy trình tín dụng từ tiếp nhận hồ sơ đến giải ngân, giám sát | CLO3, CLO5 | Thuyết trình, mô phỏng | Đọc mục 5.1 học liệu số 1; lập sơ đồ quy trình tín | Điểm danh; đánh giá qua sơ đồ |

| Tuần | Chương, mục | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 5.1. Quy trình tín dụng<br>5.2. Phân tích tín dụng: phân tích khách hàng vay, phân tích phương án vay, phân tích rủi ro | | | | | | và thanh lý khoản vay | | | dụng; liên hệ thực tế quy trình tại ngân hàng | |
| 6 | Chương 6. Dịch vụ thanh toán của ngân hàng<br>6.1. Tổng quan về dịch vụ thanh toán<br>6.2. Dịch vụ thanh toán trong nước | 2 | 0 | 0 | 0 | 3 | Trình bày được tổng quan về dịch vụ thanh toán; vận dụng được các phương thức thanh toán trong nước vào tình huống thực tiễn | CLO4, CLO5 | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống | Đọc mục 6.1, 6.2 học liệu số 1; tìm hiểu các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt hiện hành | Câu hỏi nhanh; thảo luận nhóm |
| 7 | Chương 6. Dịch vụ thanh toán của ngân hàng (tiếp)<br>6.3. Thanh toán vốn giữa các ngân hàng thương mại<br>6.4. Dịch vụ thanh toán quốc tế | 3 | 0 | 0 | 0 | 3 | Trình bày được tổng quan về dịch vụ thanh toán; vận dụng được các phương thức thanh toán trong nước vào tình huống thực tiễn | CLO4, CLO5 | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống | Đọc mục 6.1, 6.2 học liệu số 1; tìm hiểu các phương thức thanh toán không dùng tiền mặt hiện hành | Câu hỏi nhanh; thảo luận nhóm |

| Tuần | Chương, mục | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 8 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngân hàng | CLO5 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu |
| 9 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngân hàng | CLO5 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu |
| 10 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngân hàng | CLO5 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu |
| 11 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngân hàng | CLO5 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu |

| Tuần | Chương, mục | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 12 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngân hàng | CLO5 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu |
| 13 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực ngân hàng | CLO5 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu |
| 14 | Sinh viên đi thực tế trong tuần 14 hoặc tuần 15.<br>Tuần thực tế tại ngân hàng/đơn vị thực tế: Tìm hiểu cơ cấu tổ chức, quy định nội bộ; quan sát và hỗ trợ nghiệp vụ nguồn vốn, huy động vốn, tín dụng, | 0 | 0 | 45 | 0 | 3 | Vận dụng được toàn bộ kiến thức đã học (nguồn vốn, tài sản, tín dụng, thanh toán) để nhận diện, quan sát và phân tích các nghiệp vụ ngân hàng thương mại trong thực tế tại đơn vị; thực hiện được việc thu thập, xử lý thông tin | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 | Hướng dẫn thực tế của cán bộ, chuyên viên ngân hàng; quan sát quy trình nghiệp vụ thực tế; trao đổi, phỏng vấn nhân viên; | Chuẩn bị đề cương câu hỏi, kế hoạch thực tế trước khi đi; tham gia đầy đủ tại đơn vị thực tế; ghi chép nhật ký thực tế theo tuần; viết và nộp báo cáo thu hoạch cá | Điểm danh; nhận xét, đánh giá của đơn vị thực tế; chấm báo cáo thu hoạch |

| Tuần | Chương, mục | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | thanh toán trong nước và quốc tế tại đơn vị thực tế; tổng hợp số liệu, viết và hoàn thiện báo cáo thu hoạch | | | | | | nghiệp vụ; đồng thời thể hiện thái độ học tập nghiêm túc, chủ động quan sát, ghi chép và hoàn thành báo cáo thu hoạch. | | hỗ trợ xử lý hồ sơ, chứng từ (nếu được phân công); hướng dẫn viết báo cáo thu hoạch | nhân sau đợt thực tế. | |
| **Tổng** | | **15** | **0** | **45** | **0** | **40** | | | | | |

## 8. Học liệu

### 8.1. Tài liệu bắt buộc

[1] Phan Thị Thu Hà (2013), *Giáo trình Ngân hàng thương mại*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

### 8.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Đăng Dờn (2014), *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

[3] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các văn bản pháp luật hiện hành về hoạt động ngân hàng.

[4] Nguyễn Thị Kim Ngân (2023), Giải pháp phát triển thị trường ngân hàng số tại các chi nhánh ngân hàng Sacombank trên địa bàn thành phố Hà Nội, NXB Tài chính.

## 9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| CLO 3 | Vận dụng được kiến thức về nghiệp vụ tín dụng và quy trình phân tích tín dụng để xử lý các tình huống tài trợ kinh doanh và đầu tư trong thực tiễn. | Tự luận vận dụng, phân tích tình huống | 50% | 5,0 | X | |
| CLO 4 | Vận dụng được kiến thức về dịch vụ thanh toán trong nước và quốc tế của ngân hàng thương mại để giải quyết các vấn đề thanh toán thực tiễn tại đơn vị, tổ chức. | Tự luận vận dụng, liên hệ thực tiễn | 50% | 5,0 | X | |
| **Tổng** | | | **100%** | **10** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học.** **Chương trình đào tạo: Kế toán**

**1. Thông tin chung về học phần**

**1.1. Mã học phần: KT2.1.166.2**

**1.2. Tên học phần: Kế toán doanh nghiệp xây dựng**

**1.3. Loại học phần: Tự chọn**

**1.4. Số tín chỉ: 02**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 15 giờ (bao gồm tra thường xuyên trên lớp)
- Bài tập thực hành, seminar: 0
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 45
- Thực tập: 0
- Tự học: 40 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thúy Hằng | Thạc sỹ | Kinh tế - Kinh doanh |
| 2 | Phạm Thanh Trà | Thạc sỹ | Kế toán – Tài chính |
| 3 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sỹ | Kế toán – Tài chính |

**2. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kế toán trong doanh nghiệp xây dựng, bao gồm: tổng quan về đặc thù của loại hình doanh nghiệp xây dựng và hệ thống pháp luật kế toán có liên quan; kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh (vật tư, tài sản cố định, tiền lương và các khoản trích theo lương); kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm; kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh; kế toán đầu tư tài chính, công nợ và vốn chủ sở hữu; lập và phân tích báo cáo tài chính trong doanh nghiệp xây dựng. Trên cơ sở đó, người học hình thành và rèn luyện kỹ năng định khoản, xử lý nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập chứng từ và sổ kế toán theo đúng chế độ kế toán hiện hành, đồng thời xây dựng thái độ nghiêm túc, cẩn trọng, trung thực và có trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ kế toán tại doanh nghiệp xây dựng.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

- CO1: Trang bị cho người học kiến thức cơ bản và chuyên sâu về tổng quan kế toán doanh nghiệp xây dựng, kế toán các yếu tố đầu vào, kế toán tập hợp chi phí và giá thành sản phẩm, kế toán doanh thu – chi phí – kết quả kinh doanh, kế toán công nợ – vốn chủ sở hữu và báo cáo tài chính trong doanh nghiệp xây dựng.

- CO2: Hình thành và phát triển kỹ năng định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, vận dụng phương pháp hạch toán để tập hợp chi phí, tính giá thành, xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính trong thực tiễn kế toán của doanh nghiệp xây dựng.

- CO3: Xây dựng phẩm chất nghề nghiệp cẩn trọng, trung thực, tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, có trách nhiệm trong thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kế toán tại đơn vị, tổ chức.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày và giải thích được đặc thù của doanh nghiệp xây dựng, hệ thống pháp luật kế toán và nội dung công tác kế toán áp dụng cho loại hình doanh nghiệp này. | x | | |
| CLO2 | Vận dụng được phương pháp hạch toán để định khoản các nghiệp vụ liên quan đến kế toán vật tư, tài sản cố định, tiền lương, tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp. | | x | |
| CLO3 | Vận dụng được kiến thức về kế toán doanh thu, chi phí, công nợ và vốn chủ sở hữu để định khoản, xác định kết quả hoạt động kinh doanh và lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp xây dựng. | | x | |
| CLO4 | Phân tích được một số chỉ tiêu kế toán và nhận xét bước đầu về tình hình tài chính qua báo cáo tài chính của doanh nghiệp xây dựng. | | x | |
| CLO5 | Thể hiện thái độ cẩn trọng, trung thực, có trách nhiệm và tuân thủ chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn kế toán tại doanh nghiệp xây dựng. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO*) |
|---|---|
| | **PLO5** |
| CLO1 | M |
| CLO2 | M |
| CLO3 | M |
| CLO4 | M |
| CLO5 | M |
| **Học phần Kế toán doanh nghiệp xây dựng** | **M** |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá mức độ chuẩn bị bài, tham gia thảo luận và ý thức học tập | CLO5 | 100% | X | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | Bài kiểm tra tự luận (01 bài) – hạch toán các nghiệp vụ kinh tế cụ thể | CLO2<br>CLO3 | 50%<br>50% | X | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi tự luận cuối kỳ; thời gian làm bài 60 phút; đề thi đánh giá năng lực áp dụng và phân tích kiến thức học phần | CLO1<br>CLO2<br>CLO3 | 25%<br>35%<br>40% | X | PLO5 |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong /ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | Chương 1: Tổng quan kế toán doanh nghiệp xây dựng<br>1.1. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán doanh nghiệp xây dựng<br>1.2. Hệ thống pháp luật và những nguyên tắc kế toán cơ bản<br>1.3. Nội dung công tác kế toán trong doanh nghiệp xây dựng | 2 | 0 | 0 | 0 | 6 | Trình bày được đặc thù của doanh nghiệp xây dựng và hệ thống pháp luật kế toán; mô tả được nội dung công tác kế toán trong loại hình doanh nghiệp này. | CLO 1 | Thuyết giảng, vấn đáp, thảo luận nhóm | Đọc Chương 1 tài liệu [1]; nghe giảng, ghi chép, thảo luận nhóm | Bài tập về nhà |
| 2 | Chương 2: Kế toán các yếu tố đầu vào của quá trình sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng | 2 | 0 | | | 6 | Vận dụng được phương pháp hạch toán để định khoản các nghiệp vụ | CLO 2 | Thuyết giảng, đàm thoại, nghiên cứu tình | Đọc Chương 2 tài liệu [1]; làm bài tập định | Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong /ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 2.1. Kế toán vật tư<br>2.2. Kế toán tài sản cố định<br>2.3. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương | | | 0 | 0 | | kinh tế liên quan đến vật tư, TSCĐ, tiền lương trong doanh nghiệp xây dựng. | | huống, thực hành bài tập | khoản; thảo luận nhóm | |
| 3 | Chương 3: Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây dựng<br>3.1. Nhiệm vụ kế toán chi phí và tính giá thành sản phẩm<br>3.2. Phân loại chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản phẩm<br>3.3. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm | 3 | 0 | 0 | 0 | 6 | Thực hiện được hạch toán tập hợp chi phí sản xuất theo đối tượng tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm xây lắp theo các phương pháp phù hợp. | CLO 3 | Thuyết giảng, đàm thoại, thực hành bài tập, nghiên cứu tình huống | Đọc Chương 3 tài liệu [1]; làm bài tập tập hợp chi phí, tính giá thành; thảo luận nhóm | Kiểm tra thường xuyên (tuần 9) |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong /ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 4 | Chương 4: Kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động trong doanh nghiệp xây dựng<br>4.1. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ<br>4.2. Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính<br>4.3. Kế toán thu nhập và chi phí khác<br>4.4. Kế toán xác định và phân phối kết quả hoạt động kinh doanh<br>4.5. Kế toán quản trị doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động | 3 | 0 | 0 | 0 | 6 | Vận dụng được kiến thức về kế toán doanh thu, chi phí để định khoản và xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp xây dựng. | CLO 3 | Thuyết giảng, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, thực hành bài tập | Đọc Chương 4 tài liệu [1]; làm bài tập xác định kết quả kinh doanh; thảo luận nhóm | Bài tập tại lớp |
| 5 | Chương 5: Kế toán đầu tư tài chính, công nợ và vốn chủ | 3 | 0 | | | 6 | Vận dụng được phương pháp hạch | CLO 4 | Thuyết giảng, đàm | Đọc Chương 5 tài liệu | Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong /ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | sở hữu trong doanh nghiệp xây dựng<br>5.1. Kế toán các khoản đầu tư tài chính<br>5.2. Kế toán nợ phải thu<br>5.3. Kế toán nợ phải trả<br>5.4. Kế toán vốn chủ sở hữu | | | 0 | 0 | | toán để định khoản các nghiệp vụ liên quan đến đầu tư tài chính, công nợ và vốn chủ sở hữu trong doanh nghiệp xây dựng. | | thoại, nghiên cứu tình huống | [1]; làm bài tập; thảo luận nhóm | |
| 6 | Chương 6: Báo cáo tài chính trong doanh nghiệp xây dựng<br>6.1. Khái quát về hệ thống báo cáo tài chính<br>6.2. Báo cáo tài chính riêng<br>6.3. Báo cáo tài chính hợp nhất 6.4. Báo cáo tài chính tổng hợp | 2 | 0 | 0 | 0 | 6 | Lập được các báo cáo tài chính cơ bản của doanh nghiệp xây dựng trên cơ sở số liệu kế toán đã được hạch toán. | CLO 3 | Thuyết giảng, đàm thoại, hướng dẫn tự học | Đọc Chương 6 tài liệu [1]; lập báo cáo tài chính theo mẫu; thảo luận nhóm | Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong /ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 7 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | | | | | 3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực định giá tài sản. | CLO 5 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu |
| 8 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | | | | | 3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực định giá tài sản. | CLO 5 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu |
| 9 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | | | | | 3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến | CLO 5 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị | Sinh viên tự học, tự |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong /ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | lĩnh vực định giá tài sản. | | | đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | nghiên cứu |
| 10 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | | | | | 3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực định giá tài sản. | CLO 5 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu |
| 11 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | | | | | 3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực định giá tài sản. | CLO 5 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong /ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | | | | nội dung chưa rõ | |
| 12 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực định giá tài sản. | CLO 5 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu |
| 13 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực định giá tài sản. | CLO 5 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong /ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 14 | *Thực tế tại doanh nghiệp trong tuần 14 hoặc tuần 15* Quan sát và tìm hiểu tổ chức công tác kế toán tại đơn vị - Thực hành nhận diện, phân loại và xử lý chứng từ kế toán - Tìm hiểu quy trình hạch toán chi phí, giá thành, doanh thu và lập BCTC - Thu thập số liệu phục vụ viết tiểu luận | 0 | 0 | 45 | 0 | 0 | Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn kế toán tại doanh nghiệp xây dựng; hình thành kỹ năng nghề nghiệp và thái độ nghề nghiệp chuyên nghiệp. | CLO 1CLO2 CLO 3 CLO 4 | Thực tế tại doanh nghiệp, hướng dẫn tại chỗ | Quan sát, ghi chép, thực hành tại DN; thu thập số liệu viết tiểu luận | |
| **Tổng** | | **15** | **0** | **45** | **0** | **55** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Vũ Việt và Nguyễn Tuấn Anh (2021), Giáo Trình Kế toán doanh nghiệp xây dựng, NXB Tài chính, Hà Nội

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Vũ Việt và Nguyễn Thị Hòa (2010), Giáo Trình Kế toán doanh nghiệp xây lắp, NXB Tài chính, Hà Nội.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO1 | Trình bày và giải thích được đặc thù của doanh nghiệp xây dựng, hệ thống pháp luật kế toán và nội dung công tác kế toán áp dụng. | Tự luận | 25% | 2,5 | X | |
| CLO2 | Vận dụng được phương pháp hạch toán để định khoản các nghiệp vụ liên quan đến vật tư, TSCĐ, tiền lương, chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm xây lắp. | Tự luận | 35% | 3,5 | X | |
| CLO3 | Vận dụng được kiến thức về kế toán doanh thu, chi phí, công nợ, vốn chủ sở hữu để định khoản, xác định kết quả kinh doanh và lập báo cáo tài chính. | Tự luận | 40% | 4,0 | X | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.023.2

**1.2. Tên học phần:** Định giá tài sản

**1.3. Loại học phần:** Tự chọn

**1.4. Số tín chỉ**: 2

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 15 (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Bài tập thực hành, seminar: 0
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 45
- Thực tập: 0
- Tự học: 40

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Duy Hưng | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán Tài chính |
| 2 | Phạm Thanh Trà | Thạc sỹ | Bộ môn Kế toán Tài chính |
| 3 | Nguyễn Thúy Hằng | Thạc sỹ | Bộ môn Kinh tế Kinh doanh |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Định giá tài sản cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về nguyên tắc định giá trong nền kinh tế thị trường. Trên nền tảng đó, người học được trang bị phương pháp và quy trình định giá đối với các loại tài sản chủ yếu trong thực tiễn, gồm bất động sản, máy và thiết bị, tài sản vô hình, cũng như phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp. Người học vận dụng được các nguyên tắc và phương pháp định giá để phân tích, xác định giá trị tài sản và doanh nghiệp trong các tình huống cụ thể, đồng thời thực hiện được các công việc tổ chức định giá tài sản như lập hồ sơ, xây dựng báo cáo, chứng thư và hợp đồng định giá theo đúng quy trình hiện hành. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực tự học, tự nghiên cứu và khả năng phát hiện, xử lý các vấn đề phát sinh trong hoạt động định giá tài sản tại các tổ chức thẩm định giá trong thực tiễn.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)

CO1: Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về các nguyên tắc, phương pháp và nội dung của định giá tài sản trong nền kinh tế thị trường

CO2: Hình thành khả năng vận dụng kiến thức định giá để xử lý các vấn đề cơ bản liên quan đến xác định giá trị tài sản và doanh nghiệp

CO3: Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực định giá tài sản.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày được các nguyên tắc, phương pháp và nội dung của định giá tài sản trong nền kinh tế thị trường | x | | |
| CLO2 | Xác định giá trị bất động sản, máy thiết bị, tài sản vô hình và doanh nghiệp trong các tình huống thực tiễn | | x | |
| CLO3 | Thực hiện được các vấn đề phát sinh trong quá trình định giá tài sản và đề xuất cách xử lý phù hợp | | x | |
| CLO4 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực định giá tài sản. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* |
|---|---|
| | PLO 5 |
| **CLO 1** | I |
| **CLO 2** | R |
| **CLO 3** | M |
| **CLO 4** | I |
| **Học phần Định giá tài sản** | M |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức học tập; mức độ chuẩn bị bài; mức độ tham gia làm việc nhóm | CLO 4 | 100% | CLO4 | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 02 bài kiểm tra: trong đó có 01 bài tập nhóm; 01 bài kiểm tra tự luận | CLO 1 | 30% | | |
| | | | CLO 2 | 50% | | |
| | | | CLO 3 | 20% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi tự luận; thời gian làm bài 60 phút; Đề thi gồm các câu hỏi lý thuyết và bài tập đánh giá khả năng vận dụng kiến thức học phần | CLO 1 | 30% | CLO 1 | |
| | | | CLO 2 | 50% | CLO 2 | |
| | | | CLO3 | 20% | CLO3 | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | Giới thiệu đề cương chi tiết của học phần<br>**Chương 1: Nguyên tắc định giá trong nền kinh tế thị trường**<br>1.1.Các khái niệm cơ bản<br>1.2. Mục đích của định giá tài sản<br>1.3.Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị tài sản<br>1.4. Các nguyên tắc thẩm định giá trong nền kinh tế thị trường | 2 | 0 | 0 | 0 | 3 | - Trình bày các khái niệm cơ bản và mục đích của định giá tài sản.<br>- Phân tích các nguyên tắc thẩm định giá và các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị tài sản. | CLO1, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, giải quyết vấn đề, phát vấn | - Tìm hiểu về đề cương chi tiết học phần trước khi đến lớp.<br>- Đọc chương 1, mục 1.1 – 1.4<br>- Nghe giảng | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà |
| 2 | **Chương 2: Định giá bất động sản**<br>2.1. Tổng quan về thị trường bất động sản | 2 | 0 | 0 | 0 | 3 | - Trình bày đặc điểm thị trường bất động sản và các yếu tố tác động đến giá | CLO1, CLO2, CLO4 | Thuyết trình, phát vấn, nghiên | - Đọc chương 2, mục 2.1 – 2.3<br>- Nghe | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 2.2. Các phương pháp định giá bất động sản<br>2.3. Quy trình định giá bất động sản | | | | | | trị bất động sản.<br><br>- Vận dụng các phương pháp và quy trình định giá bất động sản để xác định giá trị bất động sản trong các tình huống cụ thể. | | cứu tình huống | giảng<br>- Trao đổi các nội dung liên quan định giá bất động sản | tập về nhà |
| 3 | **Chương 3: Định giá máy, thiết bị**<br>3.1. Tổng quan về máy, thiết bị<br>3.2. Định giá máy, thiết bị<br>3.3. Các phương pháp định giá máy, thiết bị<br>3.4. Quy trình định giá máy, thiết bị | 2 | 0 | 0 | 0 | 3 | - Giải thích đặc điểm của máy, thiết bị và nội dung định giá nhằm xác định các yếu tố liên quan đến giá trị tài sản.<br><br>- Vận dụng các phương pháp và quy trình định giá | CLO1, CLO2, CLO4 | Thuyết trình, phát vấn, nghiên cứu tình huống | - Đọc chương 3, mục 3.1 – 3.4<br>- Nghe giảng | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | để xác định giá trị máy, thiết bị trong các tình huống cụ thể. | | | | |
| 4 | **Chương 4: Phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp**<br>4.1. Giá trị doanh nghiệp và nhu cầu xác định giá trị doanh nghiệp<br>4.2. Các yếu tố tác động tới giá trị doanh nghiệp<br>4.3. Các phương pháp chủ yếu xác định giá trị doanh nghiệp<br>4.4. Quy trình đánh giá giá trị doanh nghiệp | 2 | 0 | 0 | 0 | 3 | - Giải thích nội dung xác định giá trị doanh nghiệp và các yếu tố tác động.<br>- Vận dụng các phương pháp xác định giá trị doanh nghiệp trong các tình huống cụ thể.<br>- Mô tả quy trình xác | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, NC tình huống | - Đọc chương 4, mục 4.1 – 4.4<br>- Nghe giảng | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | định giá trị doanh nghiệp trong thực tiễn. | | | | |
| 5 | **Chương 5: Định giá tài sản vô hình**<br>5.1. Khái niệm và đặc điểm của tài sản vô hình<br>5.2. Phân loại tài sản vô hình<br>5.3. Phân biệt thương hiệu, nhãn hiệu và lợi thế thương mại<br>5.4. Phương pháp định giá tài sản vô hình | 2 | 0 | 0 | 0 | 3 | - Giải thích khái niệm, đặc điểm, phân loại tài sản vô hình và mối quan hệ giữa các loại tài sản vô hình.<br>- Vận dụng các phương pháp định giá để xác định giá trị tài sản vô hình trong các tình huống cụ thể. | CLO1, CLO2, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống | - Đọc chương 5, mục 5.1 – 5.4<br>- Nghe giảng | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | - Phân biệt các loại tài sản vô hình chủ yếu như thương hiệu, nhãn hiệu và lợi thế thương mại | | | | |
| 6 | **Chương 6: Tổ chức công tác định giá tài sản**<br>6.1. Quy trình định giá tài sản<br>6.2. Hồ sơ định giá tài sản | 2 | 0 | 0 | 0 | 3 | - Giải thích quy trình và hồ sơ định giá tài sản trong thực tiễn. | CLO1, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, thảo luận, xử lý tình huống | - Đọc chương 6, mục 6.1 – 6.2<br>- Nghe giảng | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà |
| 7 | **Chương 6: Tổ chức công tác định giá tài sản**<br>6.3. Báo cáo định giá tài sản<br>6.4. Chứng thư định giá tài sản<br>6.5. Hợp đồng định giá tài | 3 | 0 | 0 | 0 | 3 | - Mô tả nội dung báo cáo và chứng thư định giá tài sản<br>- Vận dụng các quy định | CLO1, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, thảo luận, xử lý tình huống | - Đọc chương 6, mục 6.3 – 6.5<br>- Nghe giảng | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà<br>- Kiểm |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | sản | | | | | | về hợp đồng định giá tài sản trong tổ chức thực hiện hoạt động định giá | | | | tra thường xuyên |
| 8 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực định giá tài sản. | CLO4 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | |
| 9 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực định giá tài | CLO4 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi | |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | sản. | | | nội dung chưa rõ | |
| 10 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực định giá tài sản. | CLO4 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | |
| 11 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực định giá tài sản. | CLO4 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | |
| 12 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 3 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu | CLO4 | Tự học, tự nghiên | Ôn tập theo CLO; | |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | các vấn đề liên quan đến lĩnh vực định giá tài sản. | | cứu | chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | |
| 13 | Sinh viên tự học, tự nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 4 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến lĩnh vực định giá tài sản. | CLO4 | Tự học, tự nghiên cứu | Ôn tập theo CLO; chuẩn bị đề cương cá nhân; trao đổi nội dung chưa rõ | |
| 14 | *Sinh viên đi thực tế trong tuần 14 hoặc tuần 15*<br>**Thực tế tại đơn vị**<br>- Tìm hiểu cơ cấu tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp thẩm định giá. | | | 45 | | | Trải nghiệm thực tế; quan sát thực địa; nghiên cứu tình huống; thảo luận với chuyên | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | - Tham quan, quan sát hoạt động tại doanh nghiệp thẩm | - Đánh giá mức độ tham gia hoạt động thực tế.<br>- Báo cáo thu | Bài tập nhóm |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | - Quan sát quy trình tiếp nhận hồ sơ và thực hiện định giá tài sản.<br>- Nghiên cứu hồ sơ, báo cáo và chứng thư thẩm định giá.<br>- Tìm hiểu việc vận dụng các phương pháp định giá bất động sản, máy thiết bị, tài sản vô hình và doanh nghiệp trong thực tế.<br>- Trao đổi với chuyên gia về các tình huống phát sinh trong quá trình định giá. | | | | | | gia; học tập theo dự án | | định giá.<br>- Thu thập thông tin, tài liệu và minh chứng thực tế.<br>- Trao đổi, phỏng vấn chuyên gia về quy trình và phương pháp định giá.<br>- Thảo | hoạch cá nhân/nhóm. | |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | | | luận nhóm, phân tích tình huống thực tế. - Viết báo cáo thu hoạch và trình bày kết quả học tập. | | |
| | Tổng | 15 | | 45 | | 40 | | | | | |

*3*

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Minh Hoàng, Phạm Văn Bình (2018), *Giáo trình Định giá tài sản*, Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Lê Thị Kim Nhung, Vũ Xuân Dũng (2017), *Giáo trình định giá tài sản*, Nhà xuất bản Hà Nội.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra -đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO 1 | Trình bày được các nguyên tắc, phương pháp và nội dung của định giá tài sản trong nền kinh tế thị trường | Tự luận | 30% | 3 | x | |
| CLO 2 | Xác định giá trị bất động sản, máy thiết bị, tài sản vô hình và doanh nghiệp trong các tình huống thực tiễn | Tự luận | 50% | 5 | x | |

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra -đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| CLO3 | Thực hiện được các vấn đề phát sinh trong quá trình định giá tài sản và đề xuất cách xử lý phù hợp | Tự luận | 20% | 2 | x | |
| | **Tổng** | | **100%** | **10** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.027.2

**1.2. Tên học phần:** Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ

**1.3. Loại học phần:** Tự chọn

**1.4. Số tín chỉ**: 2

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 15 (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Bài tập thực hành, seminar: 30
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 0
- Thực tập: 0
- Tự học: 55

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Thanh Trà | Thạc sỹ | Bộ môn Kế toán Tài chính |
| 2 | Phạm Trung Nghĩa | Thạc sỹ | Bộ môn Kế toán Tài chính |
| 3 | Nguyễn Thúy Hằng | Thạc sỹ | Bộ môn Kinh tế Kinh doanh |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ cung cấp cho người học hệ thống kiến thức tổng quan về kế toán trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ. Nội dung học phần tập trung vào bốn phần hành cốt lõi: tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại, dịch vụ; kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp nội thương; kế toán hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa; kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh dịch vụ vận tải và du lịch. Thông qua học phần, người học thực hiện được các nghiệp vụ kế toán từ thu thập và xử lý chứng từ đến định khoản, ghi sổ kế toán theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, đồng thời hình thành ý thức trách nhiệm và đạo đức nghề nghiệp kế toán trong môi trường thương mại, dịch vụ.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)

CO1: Trang bị cho người học kiến thức về công tác kế toán trong các loại hình doanh nghiệp kinh doanh thương mại nội thương, kinh doanh xuất, nhập khẩu, kinh doanh du lịch và dịch vụ

CO2: Hình thành khả năng vận dụng Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán để thực hiện công tác kế toán trong các doanh nghiệp kinh doanh thương mại nội thương, kinh doanh xuất, nhập khẩu, kinh doanh du lịch và dịch vụ.

CO3: Góp phần hình thành ý thức trách nhiệm, tính trung thực, đạo đức nghề nghiệp kế toán và khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức để thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày được đặc điểm hoạt động kinh doanh ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ | x | | |
| CLO2 | Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán có liên quan đến loại hình kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại, dịch vụ | x | | |
| CLO3 | Vận dụng Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán để định khoản, xác định chứng từ, sổ sách kế toán có liên quan đến loại hình kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại, dịch vụ | | x | |
| CLO4 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu và chấp hành nghiêm các quy tắc, chuẩn mực và chế độ tài chính - kế toán hiện hành | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* |
|---|---|
| | PLO 4 |
| CLO 1 | I |
| CLO 2 | R |
| CLO 3 | M |
| CLO 4 | I |
| Học phần Kế toán doanh nghiệp thương mại dịch vụ | M |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức học tập; mức độ chuẩn bị bài; mức độ tham gia làm việc nhóm | CLO 4 | 100% | CLO4 | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 02 bài kiểm tra: trong đó có 01 bài tập nhóm; 01 bài kiểm tra tự luận | CLO 1 | 20% | | |
| | | | CLO 2 | 20% | | |
| | | | CLO 3 | 60% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi trắc nghiệm (40 câu, 60 phút) | CLO 1 | 20% | CLO 1 | |
| | | | CLO 2 | 20% | CLO 2 | |
| | | | CLO 3 | 60% | CLO 3 | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | Giới thiệu đề cương chi tiết của học phần<br>**Chương 1: Tổ chức công tác kế toán trong các doanh nghiệp thương mại, dịch vụ**<br>1.1.Đặc điểm hoạt động kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý trong doanh nghiệp thương mại<br>1.2.Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ | 2 | 4 | | | 6 | - Giải thích được vai trò, nhiệm vụ, nguyên tắc kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ<br>- Giải thích nội dung tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ. | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức học tập theo nhóm, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu | Tìm hiểu đề cương chi tiết học phần trước khi đến lớp<br>- Đọc chương 1, mục 1.1 – 1.2<br>- Nghe giảng | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà |
| 2 | **Chương 2**<br>**Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp nội thương**<br>2.1.Đặc điểm kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp nội thương<br>2.2.Nhiệm vụ kinh doanh | 2 | 4 | | | 7 | - Trình bày được đặc điểm kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp nội thương<br>- Giải thích được nguyên | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 2, mục 2.1 – 2.3<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà<br>- Bài tập nhóm |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài | Liên quan | PP giảng dạy đạt | Hoạt động | Hoạt động |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | hàng hóa<br>2.3.Kế toán nghiệp vụ mua hàng | | | | | | tắc, nội dung và phương pháp kế toán nghiệp vụ mua hàng<br>- Định khoản, xác định chứng từ, sổ sách có liên quan kế toán nghiệp vụ mua hàng | | | huống<br>- Làm bài tập nhóm | |
| 3 | **Chương 2**<br>**Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp nội thương (tiếp)**<br>2.4.Kế toán nghiệp vụ bán hàng<br>2.5.Kế toán giá vốn hàng bán<br>2.6.Kế toán xác định kết quả kinh doanh | 2 | 4 | | | 7 | - Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán nghiệp vụ bán hàng, giá vốn hàng bán và xác định kết quả kinh doanh<br>-- Định khoản, xác định chứng từ, sổ sách có liên quan kế toán nghiệp vụ hàng, giá vốn hàng bán và xác định kết quả kinh doanh | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 2, mục 2.4 – 2.6<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Làm bài tập nhóm | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà<br>- Bài tập nhóm |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài | Liên quan | PP giảng dạy đạt | Hoạt động | Hoạt động |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 4 | **Chương 3**<br>**Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu**<br>3.1.Đặc điểm hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu<br>3.2.Các phương thức xuất nhập khẩu<br>3.3.Nhiệm vụ kế toán kinh doanh xuất nhập khẩu<br>3.4.Nguyên tắc đánh giá hàng hóa và các cách đánh giá hàng hóa<br>3.5.Kế toán nghiệp vụ nhập khẩu hàng hóa | 2 | 4 | | | 7 | - Trình bày được những vấn đề cơ bản liên quan đến hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu<br>- Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán đối với hoạt động kinh nhập khẩu hàng hóa<br>- Định khoản, xác định chứng từ, sổ sách có liên quan hoạt động kinh nhập khẩu hàng hóa | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 3, mục 3.1 – 3.5<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Làm bài tập nhóm | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà |
| 5 | **Chương 3**<br>**Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu** (tiếp)<br>3.6.Kế toán nghiệp vụ xuất khẩu hàng hóa | 2 | 4 | | | 7 | - Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán đối với nghiệp vụ | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, | - Đọc chương 3, mục 3.6<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà<br>- Làm bài tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài | Liên quan | PP giảng dạy đạt | Hoạt động | Hoạt động |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | xuất khẩu hàng hóa<br>- Định khoản, xác định chứng từ, sổ sách có liên quan nghiệp vụ xuất khẩu hàng hóa | | tự nghiên cứu | tình huống<br>- Làm bài tập nhóm | nhóm |
| 6 | **Chương 3**<br>**Kế toán hoạt động kinh doanh hàng hóa trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu** (tiếp)<br>3.7.Kế toán chi phí và xác định kết quả kinh doanh | 1 | 2 | | | 3 | - Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán chi phí và xác định kết quả kinh doanh<br>- Định khoản, xác định chứng từ, sổ sách có liên quan kế toán chi phí và xác định kết quả kinh doanh | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 3, mục 3.7<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Làm bài tập nhóm | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà<br>- Làm bài tập nhóm |
| | **Chương 4**<br>**Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp dịch vụ** | 2 | 1 | | | 4 | - Trình bày được những vấn đề cơ bản liên quan đến hoạt | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, | - Đọc chương 4, mục 4.1 – 4.2 | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài | Liên quan | PP giảng dạy đạt | Hoạt động | Hoạt động |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 4.1.Đặc điểm hoạt động dịch vụ và nhiệm vụ kế toán<br>4.2.Kế toán doanh thu, chi phí, giá thành và kết quả kinh doanh dịch vụ vận tải | | | | | | động dịch vụ<br><br>- Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán đối với doanh thu, chi phí, giá thành và kết quả kinh doanh dịch vụ vận tải | | hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu | - Nghe giảng<br>- - Xử lý tình huống<br>- Làm bài tập nhóm | |
| 7 | **Chương 4**<br>**Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp dịch vụ** (tiếp)<br>4.2.Kế toán doanh thu, chi phí, giá thành và kết quả kinh doanh dịch vụ vận tải (tiếp)<br>4.3.Kế toán doanh thu, chi phí, giá thành và kết quả kinh doanh du lịch | 2 | 4 | | | 7 | - Định khoản, xác định chứng từ, sổ sách có liên quan doanh thu, chi phí, giá thành và kết quả kinh doanh dịch vụ vận tải<br>- Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán doanh thu, chi phí, giá thành và kết | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 4, mục 4.2 – 4.3<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Làm bài tập nhóm | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài | Liên quan | PP giảng dạy đạt | Hoạt động | Hoạt động |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | quả kinh doanh du lịch | | | | |
| 8 | **Chương 4**<br>**Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cung cấp dịch vụ** (tiếp)<br>4.3.Kế toán doanh thu, chi phí, giá thành và kết quả kinh doanh du lịch | | 3 | | | 7 | - Định khoản, xác định chứng từ, sổ sách có liên quan doanh thu, chi phí, giá thành và kết quả kinh doanh du lịch | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 4, mục 4.3<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Làm bài tập nhóm | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà<br>- Kiểm tra thường xuyên |
| **Cộng** | | **15** | **30** | | | **55** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Ngô Thế Chi và Trương Thị Thủy (2019), Giáo trình Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ, NXB Tài Chính, Hà Nội.

[2] Bộ Tài chính (2025), Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025, NXB Kinh tế tài chính.

**8 .2. Tài liệu tham khảo**

[3] Ngô Thế Chi và Trương Thị Thủy (2013), Giáo trình kế toán tài chính, NXB Tài chính, Hà Nội.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO 1 | Trình bày được đặc điểm hoạt động kinh doanh ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ | Trắc nghiệm | 20% | 2 | x | |
| CLO 2 | Giải thích được nguyên tắc, nội dung và phương pháp kế toán có liên quan đến loại hình kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại, dịch vụ | Trắc nghiệm | 20% | 2 | x | |
| CLO3 | Vận dụng | Trắc | 60% | 6 | x | |

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | Luật Kế toán, chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán để định khoản, xác định chứng từ, sổ sách kế toán có liên quan đến loại hình kinh doanh trong doanh nghiệp thương mại, dịch vụ | nghiệm | | | | |
| | **Tổng** | | **100%** | **10** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán**

**1. Thông tin chung về học phần**

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.041.2

**1.2. Tên học phần:** Kế toán ngân hàng thương mại

**1.3. Loại học phần:** Tự chọn

**1.4. Số tín chỉ**: 2

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 15 (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Bài tập thực hành, seminar: 30
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 0
- Thực tập: 0
- Tự học: 55

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Thanh Trà | Thạc sỹ | Bộ môn Kế toán Tài chính |
| 2 | Phạm Duy Hưng | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán Tài chính |
| 3 | Phạm Trung Nghĩa | Thạc sỹ | Bộ môn Kế toán Tài chính |

**2. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần kế toán ngân hàng thương mại cung cấp cho người học những kiến thức về kế toán trong ngân hàng thương mại. Nội dung học phần tập trung nghiên cứu kiến thức về: các đặc điểm hoạt động của ngân hàng thương mại ảnh hưởng đến công tác kế toán, nội dung tổ chức công tác kế toán, nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh doanh cơ bản như kế toán vốn huy động, kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng, kế toán vốn chủ sở hữu và tài sản, kế toán nghiệp vụ ngân quỹ và thanh toán qua ngân hàng, đồng thời xác định kết quả kinh doanh. Thông qua học phần, người học vận dụng được kiến thức để định khoản, xác định được các chứng từ, sổ kế toán liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đối với các phần hành kế toán trong ngân hàng thương mại đúng nguyên tắc và phương pháp kế toán hiện hành. Từ đó hình thành ý thức nghề nghiệp và thái độ trách nhiệm, tuân thủ chuẩn mực kế toán trong hoạt động thực tiễn tại ngân hàng thương mại

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

**CO1:** Trang bị cho người học kiến thức cơ bản, hệ thống về tổ chức kế toán ngân hàng thương mại; nguyên tắc, phương pháp và quy trình hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu như huy động vốn, cấp tín dụng, thanh toán, thu nhập – chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

**CO2:** Hình thành cho người học kỹ năng thu thập và xử lý chứng từ, ghi sổ kế toán và lập báo cáo phục vụ việc ghi nhận, cung cấp thông tin kinh tế – tài chính trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại;

**CO3:** Phát triển ý thức trách nhiệm, tính cẩn thận, trung thực và tôn trọng chuẩn mực, chế độ kế toán trong thực hiện công tác kế toán tại ngân hàng thương mại; đồng thời hình thành thói quen tự học, tự nghiên cứu để cập nhật các quy định kế toán ngân hàng phù hợp với yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày được những vấn đề cơ bản liên quan đến kế toán ngân hàng thương mại | x | | |
| CLO2 | Giải thích được nguyên tắc, phương pháp, quy trình hạch toán và xác định được kết quả hoạt động kinh doanh trong ngân hàng thương mại | x | | |
| CLO3 | Thực hiện được định khoản, xác định chứng từ, sổ sách kế toán có liên quan đến các phần hành kế toán trong ngân hàng thương mại | | x | |
| CLO4 | Có năng lực tự học, tự nghiên cứu và chấp hành nghiêm các quy tắc, chuẩn mực và chế độ tài chính - kế toán hiện hành | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* |
|---|---|
| | PLO 4 |
| CLO 1 | I |
| CLO 2 | R |
| CLO 3 | M |
| CLO 4 | I |
| Học phần Kế toán ngân hàng thương mại | M |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức học tập; mức độ chuẩn bị bài; mức độ tham gia làm việc nhóm | CLO 4 | 100% | CLO4 | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 01 bài kiểm tra thường xuyên hình thức tự luận gồm lý thuyết và bài tập | CLO 1 | 20% | | |
| | | | CLO 2 | 20% | | |
| | | | CLO 3 | 60% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi tự luận; thời gian làm bài 60 phút | CLO 1 | 20% | CLO 1 | |
| | | | CLO 2 | 20% | CLO 2 | |
| | | | CLO 3 | 60% | CLO 3 | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | Giới thiệu đề cương chi tiết của học phần<br>**Chương 1:**<br>**Tổng quan về kế toán ngân hàng thương mại**<br>1.1. Một số vấn đề cơ bản về kế toán ngân hàng thương mại<br>1.2. Chứng từ kế toán ngân hàng<br>1.3. Tài khoản và hệ thống tài khoản kế toán ngân hàng thương mại<br>1.4. Tổ chức bộ máy kế toán ngân hàng thương mại<br>1.5. Các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán áp dụng trong kế toán ngân hàng thương mại | 2 | 4 | | | 7 | - Khái quát được vai trò, nhiệm vụ, đặc điểm kế toán ngân hàng thương mại và sự khác biệt so với kế toán doanh nghiệp.<br>- Vận dụng được hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán, tổ chức bộ máy kế toán và các nguyên tắc kế toán trong ngân hàng thương mại | CLO1 | Thuyết trình, đàm thoại, tổ chức học nhóm, phát vấn | - Tìm hiểu đề cương chi tiết học phần trước khi đến lớp<br>- Đọc giáo trình Chương 1, mục 1.1 – 1.5 trước khi đến lớp.<br>- Nghe giảng, ghi chép<br>- Thảo luận nhóm: so sánh hệ thống tài khoản NHTM với doanh nghiệp.<br>- Làm bài tập | - Bài tập nhanh tại lớp.<br>- Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 2 | **Chương 2: Kế toán vốn huy động của ngân hàng thương mại**<br>2.1. Khái quát về nghiệp vụ huy động vốn của ngân hàng thương mại<br>2.2. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả lãi trong kế toán vốn huy động của ngân hàng thương mại<br>2.3. Chứng từ và tài khoản kế toán<br>2.4. Kế toán vốn huy động của ngân hàng thương mại | 2 | 4 | | | 7 | - Khái quát được đặc điểm nghiệp vụ huy động vốn và nguyên tắc ghi nhận chi phí trả lãi trong kế toán vốn huy động của ngân hàng thương mại.<br>- Thực hiện được định khoản liên quan đến nghiệp vụ huy động vốn của ngân hàng thương mại. | CLO2, CLO3 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, bài tập thực hành | - Đọc giáo trình Chương 2, mục 2.1 – 2.4 trước khi đến lớp.<br>- Nghe giảng, ghi chép<br>- Xử lý tình huống<br>- Làm bài tập kế toán huy động vốn | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà |
| 3 | **Chương 2: Kế toán vốn huy động của ngân hàng thương mại (tiếp)** | 1 | 2 | | | 7 | - Thực hiện được định khoản, xác định chứng từ | CLO2, CLO3 | Nghiên cứu tình huống, | - Ôn lại Chương 2, mục 2.4 và bài tập đã | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 2.4. Kế toán vốn huy động của ngân hàng thương mại (tiếp) | | | | | | và sổ sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ huy động vốn của ngân hàng thương mại. | | thực hành bài tập, thảo luận nhóm | giao.<br>- Thực hành giải bài tập tổng hợp kế toán vốn huy động.<br>- Thảo luận nhóm xử lý tình huống phát sinh lãi dự trả.<br>- Làm bài tập Chương 2 | về nhà |
| | **Chương 3: Kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại**<br>3.1.Khái quát về nghiệp vụ cấp tín dụng và kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại | 1 | 2 | | | 7 | - Khái quát được đặc điểm nghiệp vụ cấp tín dụng, nguyên tắc hạch toán lãi và hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán sử dụng trong | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, phát vấn, hướng dẫn tự học | - Đọc giáo trình Chương 3, mục 3.1 – 3.4 trước khi đến lớp.<br>- Nghe giảng, ghi chép<br>- Chuẩn bị | - Câu hỏi phát vấn tại lớp.<br>- Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 3.2.Nguyên tắc hạch toán lãi trong nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại<br>3.3. Chứng từ và tài khoản kế toán<br>3.4. Kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại | | | | | | kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại. | | | câu hỏi về nguyên tắc tính lãi dự thu. | |
| 4 | **Chương 3: Kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại**<br>3.4. Kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại<br>3.5. Kế toán trích lập, sử dụng dự phòng rủi ro tín dụng và xử lý tài sản đảm bảo | 1 | 2 | | | 7 | - Vận dụng được nguyên tắc, quy trình hạch toán để xử lý các nghiệp vụ liên quan đến kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại.<br>- Thực hiện được định khoản liên | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thực hành bài tập nhóm | - Đọc giáo trình Chương 3, mục 3.4 – 3.5 trước khi đến lớp.<br>- Nghe giảng<br>- Thảo luận nhóm xử lý tình huống<br>- Làm bài tập Chương 3. | - Bài tập tình huống tại lớp.<br>- Bài tập về nhà Chương 3. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | quan đến các phần hành kế toán nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại. | | | | |
| | **Chương 4: Kế toán vốn chủ sở hữu, tài sản cố định, công cụ dụng cụ và vật liệu của ngân hàng thương mại**<br>4.1. Kế toán vốn chủ sở hữu của ngân hàng thương mại | 1 | 2 | | | 7 | - Vận dụng được nguyên tắc, phương pháp kế toán để xử lý các nghiệp vụ liên quan đến vốn chủ sở hữu của ngân hàng thương mại<br>- Thực hiện được định khoản các nghiệp vụ liên quan đến vốn chủ sở hữu | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thực hành bài tập | - Đọc giáo trình Chương 4, mục 4.1 trước khi đến lớp.<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Thực hành | - Bài tập tình huống tại lớp.<br>- Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | của ngân hàng thương mại. | | | | |
| 5 | **Chương 4: Kế toán vốn chủ sở hữu, tài sản cố định, công cụ dụng cụ và vật liệu của ngân hàng thương mại**<br>4.2. Kế toán tài sản cố định, công cụ dụng cụ và vật liệu của ngân hàng thương mại | 2 | 4 | | | 7 | - Vận dụng được nguyên tắc, phương pháp kế toán để xử lý các nghiệp vụ liên quan đến kế toán tài sản cố định, công cụ dụng cụ và vật liệu của ngân hàng thương mại<br>- Thực hiện được định khoản liên quan đến kế toán tài sản cố định, công cụ dụng cụ và vật liệu của ngân | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thực hành bài tập | - Đọc giáo trình Chương 4, mục 4.2 trước khi đến lớp.<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Thực hành định khoản<br>- Làm bài tập tổng hợp Chương 4. | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | hàng thương mại. | | | | |
| 6 | **Chương 5: Kế toán nghiệp vụ ngân quỹ và thanh toán qua ngân hàng**<br>5.1. Kế toán nghiệp vụ ngân quỹ<br>5.2. Kế toán nghiệp vụ thanh toán của ngân hàng thương mại<br>5.3. Kế toán thanh toán liên ngân hàng | 2 | 4 | | | 7 | - Vận dụng được nguyên tắc, quy trình hạch toán để xử lý các nghiệp vụ ngân quỹ và thanh toán qua ngân hàng<br>- Thực hiện được định khoản liên quan đến ngân quỹ và thanh toán qua ngân hàng | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống, thực hành bài tập nhóm, phát vấn | - Đọc giáo trình Chương 5, mục 5.1 – 5.3 trước khi đến lớp.<br>- Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Thực hành định khoản | - Bài tập tình huống tại lớp. |
| 7 | **Chương 6: Kế toán thu nhập – chi phí và xác định kết quả kinh doanh**<br>6.1. Khái quát các khoản thu nhập, chi phí của | 2 | 4 | | | 7 | - Khái quát được cơ cấu các khoản thu nhập, chi phí của ngân hàng thương mại và nguyên | CLO1, CLO2, CLO3, | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu | - Đọc giáo trình Chương 6, mục 6.1 – 6.3 trước khi đến lớp. | - Bài tập tình huống tại lớp.<br>- Bài tập về nhà |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | ngân hàng thương mại<br>6.2. Kế toán thu nhập, chi phí của ngân hàng thương mại<br>6.3. Kế toán chi phí thuế của ngân hàng thương mại | | | | | | tắc ghi nhận trong kế toán.<br>- Vận dụng được nguyên tắc, phương pháp kế toán thu nhập, chi phí và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp để hạch toán các nghiệp vụ thu nhập, chi phí và chi phí thuế của ngân hàng thương mại.<br>- Thực hiện được định khoản liên quan đến kế toán thu nhập, chi phí và chi | CLO4 | tình huống, thực hành bài tập | - Nghe giảng<br>- Xử lý tình huống<br>- Thực hành | Chương 6 (phần 6.1–6.3). |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | phí thuế của ngân hàng thương mại. | | | | |
| 8 | **Chương 6: Kế toán thu nhập – chi phí và xác định kết quả kinh doanh**<br>6.4.Kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận của ngân hàng thương mại | 1 | 2 | | | 7 | - Vận dụng được phương pháp kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận.<br>- Thực hiện được định khoản liên quan đến kế toán xác định kết quả kinh doanh và phân phối lợi nhuận của ngân hàng thương mại. | CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, đàm thoại, nghiên cứu tình huống, hướng dẫn SV tự học, tự nghiên cứu | - Đọc chương 6, mục 6.4<br>- Nghe giảng | - Bài tập nhanh tại lớp<br>- Bài tập về nhà<br>- Kiểm tra thường xuyên |
| | **Tổng** | **15** | **30** | | | **55** | | | | | |

**Ghi chú:**

*Số*

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Văn Lộc, Hà Minh Sơn (2019), *Giáo trình Kế toán ngân hàng thương mại*, NXB Tài chính, Hà Nội.

**8 .2. Tài liệu tham khảo**

[2] Hà Minh Sơn (2008), *Bài tập kế toán ngân hàng thương mại,* NXB Tài chính, Hà Nội.

[3] Nguyễn Đăng Dờn (2014), *Nghiệp vụ ngân hàng thương mại*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.

[4] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các văn bản pháp luật hiện hành về hoạt động ngân hàng.

[5] Nguyễn Thị Kim Ngân (2023), Giải pháp phát triển thị trường ngân hàng số tại các chi nhánh ngân hàng Sacombank trên địa bàn thành phố Hà Nội, NXB Tài chính.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| **Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO)** | **Nội dung CLO** | **Hình thức kiểm tra - đánh giá** | **Trọng số của CLO trong đề thi (%)** | **Điểm số tối đa** | **Cần đo lường mức đạt CLO** | **Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào** |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **(1)** | **(2)** | **(3)** | **(4)** | **(5)** | **(6)** | **(7)** |
| CLO 1 | Trình bày được những vấn đề cơ bản liên quan đến kế toán ngân hàng thương mại | Tự luận | 20% | 2 | x | |
| CLO 2 | Giải thích được nguyên tắc, phương pháp, quy trình hạch toán và xác định được kết quả hoạt động kinh doanh trong ngân hàng thương mại | Tự luận | 20% | 2 | x | |
| CLO3 | Thực hiện được định khoản, xác định chứng từ, sổ sách kế toán có liên quan đến các phần hành kế toán trong ngân hàng thương mại | Tự luận | 60% | 6 | x | |
| | **Tổng** | | **100%** | **10** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán**

**1. Thông tin chung về học phần**

**1.1. Mã học phần: KT2.1.010.2**

**1.2. Tên học phần: Hệ thống thông tin kế toán**

**1.3. Loại học phần: Tự chọn**

**1.4. Số tín chỉ: 02 (01 tín chỉ lý thuyết + 01 tín chỉ thực hành)**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 15 giờ (bao gồm 1 giờ kiểm tra thường xuyên trên lớp)
- Bài tập thực hành, seminar: 30 giờ
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 0
- Thực tập: 0
- Tự học: 55 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thúy Hằng | Thạc sỹ | Kinh tế - Kinh doanh |
| 2 | Phạm Duy Hưng | Tiến sỹ | Kế toán – Tài chính |
| 3 | Phạm Thanh Trà | Thạc sỹ | Kế toán – Tài chính |

**2. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Hệ thống thông tin kế toán trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và có hệ thống về tổ chức, vận hành và kiểm soát hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp, bao gồm tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ sách và báo cáo kế toán trong điều kiện thủ công; phân tích sai sót, gian lận và các nguy cơ mạng; xây dựng kiểm soát nội bộ theo mô hình COSO và COBIT; sử dụng các công cụ mô tả hệ thống như sơ đồ dòng dữ liệu và lưu đồ; thiết kế cơ sở dữ liệu quan hệ và mô hình REA; đồng thời tiếp cận quy trình thông tin kế toán theo từng chu trình kinh doanh bao gồm chu trình doanh thu, chu trình mua hàng, chu trình nhân sự - tiền lương và chu trình sản xuất. Người học từng bước hình thành năng lực vận hành hệ thống thông tin kế toán trong thực tiễn doanh nghiệp, nhận diện và kiểm soát rủi ro thông tin, rèn luyện tư duy phân tích, làm việc chính xác và có trách nhiệm với dữ liệu kế toán trong môi trường tin học hóa.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

- CO1: Trang bị cho người học kiến thức hệ thống về tổ chức hệ thống thông tin kế toán trong điều kiện thủ công và tin học hóa; các nguyên lý kiểm soát nội bộ, công cụ mô tả hệ thống và quy trình thông tin kế toán theo các chu trình kinh doanh.

- CO2: Hình thành cho người học kỹ năng thực hiện quy trình thu thập, xử lý chứng từ, ghi sổ kế toán và lập báo cáo kế toán; vận dụng các công cụ mô tả và phân tích hệ thống thông tin kế toán trong thực tiễn doanh nghiệp.

- CO3: Hình thành thái độ làm việc nghiêm túc, trung thực, có trách nhiệm trong tổ chức và vận hành hệ thống thông tin kế toán; chủ động thích ứng với môi trường công nghệ kế toán thay đổi.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Trình bày được tổng quan về hệ thống thông tin kế toán và thực hiện được việc tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và báo cáo kế toán trong điều kiện thủ công tại doanh nghiệp. | X | | |
| CLO2 | Phân tích được sai sót, gian lận và nguy cơ đối với hệ thống thông tin kế toán; vận dụng được các nguyên tắc kiểm soát nội bộ theo mô hình COSO và COBIT để xây dựng biện pháp kiểm soát phù hợp trong doanh nghiệp. | | X | |
| CLO3 | Lập được sơ đồ dòng dữ liệu, lưu đồ hệ thống và thiết kế được cơ sở dữ liệu quan hệ theo mô hình REA; thực hiện được quy trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán trong các chu trình doanh thu, mua hàng, nhân sự - tiền lương và sản xuất. | | X | |
| CLO4 | Thể hiện thái độ làm việc nghiêm túc, trung thực và có trách nhiệm trong tổ chức, vận hành hệ thống thông tin kế toán; chủ động thích ứng với yêu cầu tin học hóa công tác kế toán. | | | X |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO*) |
|---|---|
| | **PLO4** |
| CLO1 | M |
| CLO2 | M |
| CLO3 | M |
| CLO4 | M |
| **Học phần Hệ thống thông tin kế toán** | **M** |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá mức độ chuẩn bị bài, tham gia thảo luận và ý thức học tập | CLO4 | 100% | X | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 01 bài kiểm tra trên lớp bằng hình thức trắc nghiệm kết hợp tự luận ngắn, đánh giá kiến thức và kỹ năng chương 1 và chương 2 | CLO1<br>CLO2 | 50%<br>50% | X | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi trắc nghiệm; thời gian làm bài 60 phút; đề thi đánh giá năng lực áp dụng và phân tích kiến thức học phần | CLO1<br>CLO2<br>CLO3 | 30%<br>35%<br>35% | X | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | Chương 1. Tổng quan về HTTTKT và tổ chức HTTTKT trong điều kiện thủ công<br>1.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh và tổ chức bộ máy quản lý trong doanh nghiệp thương mại<br>1.2. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp thương mại dịch vụ<br>1.3. Các mô hình tổ chức xử lý và quản lý dữ liệu của HTTTKT<br>1.4. Chu kỳ phát triển HTTTKT và HTTTKT trong nền kinh tế số<br>1.5. Tổ chức hệ thống chứng từ kế toán | 2 | 4 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được tổng quan về HTTTKT và thực hiện được việc tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán trong điều kiện thủ công | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, vấn đáp, bài tập thực hành, thảo luận nhóm | Đọc TLBB [1] chương 1-2; làm bài tập tổ chức chứng từ và sổ kế toán theo mẫu; tham khảo TLTK [2] | Điểm danh; câu hỏi nhanh trên lớp; đánh giá qua bài tập thực hành |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 1.6. Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán<br>1.7. Tổ chức hệ thống sổ kế toán<br>1.8. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán | | | | | | | | | | |
| 2 | Chương 1. Tổng quan về HTTTKT và tổ chức HTTTKT trong điều kiện thủ công (tiếp)<br>Chương 2. Rủi ro và kiểm soát hệ thống thông tin kế toán<br>2.1. Khái quát về sai sót và gian lận đối với HTTTKT<br>2.2. Phát hiện và ngăn chặn sai sót, gian lận | 2 | 4 | 0 | 0 | 8 | Trình bày được tổng quan về HTTTKT và thực hiện được việc tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ sách, báo cáo kế toán trong điều kiện thủ công | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, vấn đáp, bài tập thực hành, thảo luận nhóm | Đọc TLBB [1] chương 1-2; làm bài tập tổ chức chứng từ và sổ kế toán theo mẫu; tham khảo TLTK [2] | Điểm danh; câu hỏi nhanh trên lớp; đánh giá qua bài tập thực hành |
| 3 | Chương 2. Rủi ro và kiểm soát hệ thống thông tin kế toán (tiếp)<br>2.3. Tấn công mạng, phần mềm độc hại và biện | 2 | 4 | 0 | 0 | 8 | Phân tích được sai sót, gian lận, nguy cơ mạng; vận dụng được | CLO2, CLO4 | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống, bài tập nhóm, | Đọc TLBB [1] chương 3-4; thảo luận tình huống gian lận kế | Điểm danh; đánh giá bài tập nhóm; kiểm tra thường |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | pháp ngăn chặn<br>2.4. Khái quát về kiểm soát nội bộ; kiểm soát nội bộ theo quan điểm COSO và COBIT<br>2.5. Xây dựng kiểm soát nội bộ của HTTTKT và an toàn dữ liệu mạng Kiểm tra thường xuyên (01 tiết – cuối tuần 7, nội dung chương 1 và chương 2) | | | | | | COSO và COBIT để xây dựng kiểm soát nội bộ và bảo đảm an toàn dữ liệu | | thảo luận | toán; làm bài tập nhóm xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ cho doanh nghiệp | xuyên (01 tiết cuối tuần 7) |
| 4 | Chương 3. Công cụ mô tả HTTTKT và tổ chức cơ sở dữ liệu kế toán<br>3.1. Khái quát về các công cụ mô tả HTTTKT<br>3.2. Sơ đồ dòng dữ liệu (DFD)<br>3.3. Lưu đồ tài liệu, lưu đồ hệ thống và lưu đồ chương trình | 2 | 4 | 0 | 0 | 8 | Lập được sơ đồ dòng dữ liệu, lưu đồ hệ thống | CLO3, CLO4 | Thuyết trình, thực hành vẽ sơ đồ, thực hành thiết kế CSDL, thảo luận nhóm | Đọc TLBB [1] chương 5-6; thực hành vẽ DFD và lưu đồ hệ thống; tham khảo TLTK [2] | Điểm danh; đánh giá qua bài thực hành |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 5 | Chương 3 (tiếp)<br>3.4. Khái quát về cơ sở dữ liệu và tổ chức dữ liệu<br>3.5. Phần mềm kế toán và hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp (ERP)<br>3.6. Cơ sở dữ liệu quan hệ và quá trình thiết kế CSDL theo mô hình REA | 2 | 4 | | | 8 | Thiết kế được cơ sở dữ liệu quan hệ theo mô hình REA phục vụ lưu trữ thông tin kế toán | CLO3, CLO4 | Thuyết trình, thực hành vẽ sơ đồ, thực hành thiết kế CSDL, thảo luận nhóm | Đọc TLBB [1] chương 5-6; thực hành thiết kế sơ đồ REA cho một chu trình kinh doanh; tham khảo TLTK [2] | Điểm danh; đánh giá qua bài thực hành |
| 6 | Chương 4. HTTTKT theo tiếp cận chu trình kinh doanh<br>4.1. Chu trình doanh thu: quy trình thông tin kế toán, nguy cơ và biện pháp kiểm soát<br>4.2. Chu trình mua hàng: quy trình thông tin kế toán, nguy cơ và biện | 2 | 5 | 0 | 0 | 8 | Thực hiện được quy trình thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán trong các chu trình kinh doanh | CLO3, CLO2, CLO4 | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống, bài tập nhóm tích hợp, thuyết trình nhóm | Đọc TLBB [1] chương 7-10; phân tích tình huống từng chu trình | Điểm danh; đánh giá bài tập nhóm tích hợp; câu hỏi vận dụng |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | pháp kiểm soát<br>4.3. Chu trình nhân sự và tiền lương: quy trình thông tin kế toán, nguy cơ và biện pháp kiểm soát<br>4.4. Chu trình sản xuất: quy trình thông tin kế toán, nguy cơ và biện pháp kiểm soát | | | | | | | | | | |
| 7 | Chương 4 (tiếp)<br>4.3. Chu trình nhân sự và tiền lương: quy trình thông tin kế toán, nguy cơ và biện pháp kiểm soát<br>4.4. Chu trình sản xuất: quy trình thông tin kế toán, nguy cơ và biện pháp kiểm soát | 3 | 5 | | | 8 | Nhận diện và kiểm soát nguy cơ trong từng chu trình | CLO3, CLO2, CLO4 | Thuyết trình, nghiên cứu tình huống, bài tập nhóm tích hợp, thuyết trình nhóm | Đọc TLBB [1] chương 7-10; làm bài tập tích hợp nhóm (lập sơ đồ quy trình, thiết kế kiểm soát cho một doanh nghiệp cụ thể) | Điểm danh; đánh giá bài tập nhóm tích hợp; câu hỏi vận dụng |
| **Tổng** | | **15** | **30** | **0** | **0** | **55** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Hữu Ánh (2021), Giáo trình Hệ thống thông tin kế toán, NXB Đại học Kinh tế quốc dân

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Bùi Văn Dương, Võ Văn Nhị, Đặng Văn Sáng, Nguyễn Ngọc Hiến (2009), Hướng dẫn thực hành lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính và báo cáo thuế GTGT trên Excel, NXB Tài chính.

[3] Nguyễn Thị Kim Ngân, Lê Ngọc Đoan Trang, Phạm Mạnh Hà, Ma Thanh Hoàn (2025-2026), *"Ảnh hưởng của các nhân tố bên trong đến hoạt động chuyển đổi số công tác kế toán tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào.

[4] Vũ Anh Sơn, Trần Thị Định, Đặng Thị Huyền (2024-2025), *"Nghiên cứu thực trạng chuyển đổi số trong công tác tài chính tại Trường Đại học Tân Trào",* Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO1 | Trình bày được tổng quan về HTTTKT; thực hiện được việc tổ chức chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và báo cáo kế toán trong điều kiện thủ công. | Trắc nghiệm | 30% | 3,0 | X | |
| CLO2 | Phân tích được sai sót, gian lận, nguy cơ đối với HTTTKT; vận dụng được các nguyên tắc COSO và COBIT để xây dựng biện pháp kiểm soát phù hợp. | Trắc nghiệm | 35% | 3,5 | X | |
| CLO3 | Lập được sơ đồ dòng dữ liệu, lưu đồ hệ thống, thiết kế CSDL theo mô hình REA và thực hiện được quy trình thông tin kế toán trong các chu trình kinh doanh. | Trắc nghiệm | 35% | 3,5 | X | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán**

**1. Thông tin chung về học phần**

**1.1. Mã học phần: KT2.1.170.2**

**1.2. Tên học phần: Kế toán quản trị nâng cao**

**1.3. Loại học phần: Tự chọn**

**1.4. Số tín chỉ: 02**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 15 giờ (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Bài tập thực hành, seminar: 30
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 0
- Thực tập: 0
- Tự học: 55 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Kế toán quản trị (KT2.1.013.3)

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Đỗ Thị Mỹ Huyền | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán - Tài chính |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán - Tài chính |
| 3 | Nguyễn Thúy Hằng | Thạc sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |

**2. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần Kế toán quản trị nâng cao trang bị cho người học kiến thức nâng cao về đánh giá trách nhiệm quản lý theo các trung tâm trách nhiệm trong doanh nghiệp phân cấp quản lý, kế toán quản trị chiến lược chi phí, kiểm soát và đo lường hiệu quả hoạt động, cùng cách thức tổ chức công tác kế toán quản trị phù hợp với đặc điểm, quy mô của doanh nghiệp. Người học được rèn luyện kỹ năng xây dựng hệ thống báo cáo bộ phận theo các trung tâm trách nhiệm, vận dụng công cụ kế toán quản trị chiến lược để phân tích vị thế cạnh tranh, kiểm soát chi phí, đo lường hiệu quả hoạt động và hỗ trợ ra quyết định chiến lược của doanh nghiệp. Học phần còn trang bị kiến thức, kỹ năng về tổ chức bộ máy, quy

trình thu thập, xử lý thông tin và lập báo cáo kế toán quản trị trong doanh nghiệp. Thông qua học phần, người học hình thành năng lực thu thập, xử lý thông tin, ghi sổ và lập báo cáo kế toán quản trị phục vụ cung cấp thông tin kinh tế - tài chính phục vụ quản lý ở mức độ chuyên sâu, đồng thời củng cố đạo đức nghề nghiệp và tinh thần trách nhiệm trong công tác kế toán quản trị.

### 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)

**CO1:** Trang bị cho người học kiến thức nâng cao về đánh giá trách nhiệm quản lý theo các trung tâm trách nhiệm, kế toán quản trị chiến lược chi phí, kiểm soát và đo lường hiệu quả hoạt động, tổ chức công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp.

**CO2:** Phát triển kỹ năng xây dựng hệ thống báo cáo bộ phận theo trung tâm trách nhiệm, vận dụng công cụ kế toán quản trị chiến lược để kiểm soát, đo lường hiệu quả hoạt động và tổ chức công tác kế toán quản trị phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp.

**CO3:** Củng cố ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp kế toán; rèn luyện tính chủ động, trách nhiệm và tư duy hệ thống trong tổ chức công tác kế toán quản trị.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Đánh giá được trách nhiệm quản lý theo các trung tâm trách nhiệm và xây dựng được hệ thống báo cáo bộ phận phục vụ đánh giá trách nhiệm quản lý trong doanh nghiệp phân cấp. | X | X | |
| **CLO2** | Vận dụng được kế toán quản trị chiến lược chi phí để phân tích vị thế cạnh tranh và hỗ trợ ra quyết định dài hạn của doanh nghiệp. | X | X | |
| **CLO3** | Xây dựng được hệ thống chỉ tiêu kiểm soát, đo lường hiệu quả hoạt động chiến lược và lập được báo cáo kế toán quản trị phục vụ ra quyết định chiến lược; tổ chức được công tác kế toán quản trị phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp. | | X | |
| **CLO4** | Thể hiện được đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và tính chủ động, hệ thống trong tổ chức, thực hiện công tác kế toán quản trị. | | | X |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* |
|---|---|
| | PLO4 |
| CLO1 | M |
| CLO2 | M |
| CLO3 | M |
| CLO4 | |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức học tập, mức độ chuẩn bị bài, tính chủ động và trách nhiệm trong tham gia các hoạt động học tập | CLO4 | 100% | X | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | Bài kiểm tra thường xuyên hình thức tự luận | CLO1 CLO2 | 50% 50% | X | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Thi tự luận; thời gian làm bài 90 phút; đề thi gồm câu hỏi lý thuyết và bài tập tình huống | CLO1 CLO2 CLO3 | 30% 30% 40% | X | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1 | Chương 1: Kế toán quản trị cho việc đánh giá trách nhiệm quản lý<br>1.1. Mô hình quản lý doanh nghiệp và đánh giá trách nhiệm quản lý | 1 | 3 | 0 | 0 | 6 | Trình bày được mô hình quản lý phân cấp và nội dung đánh giá trách nhiệm quản lý trong doanh nghiệp. | CLO1, CLO4 | Thuyết giảng, đàm thoại, vấn đáp | Đọc tài liệu [1] (1.1); nghe giảng, ghi chép, thảo luận. | Điểm danh; vấn đáp đầu giờ. |
| 2 | Chương 1 (tiếp)<br>1.2. Kế toán trách nhiệm trong các doanh nghiệp được phân cấp quản lý | 2 | 3 | 0 | 0 | 7 | Đánh giá được trách nhiệm quản lý theo các trung tâm trách nhiệm; xây dựng được báo cáo bộ phận trong doanh nghiệp phân cấp. | CLO1, CLO4 | Thuyết giảng, hướng dẫn thực hành, bài tập tình huống | Đọc tài liệu [1] (1.2); làm bài tập xây dựng báo cáo bộ phận. | Chấm bài tập trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 3 | Chương 2: Kế toán quản trị chiến lược chi phí<br>2.1. Tổng quan về kế toán quản trị chiến lược | 2 | 4 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được tổng quan về kế toán quản trị chiến lược và vai trò trong quản lý doanh nghiệp hiện đại. | CLO2 | Diễn giảng, thảo luận nhóm | Đọc tài liệu [1] (2.1); thảo luận nhóm theo chủ đề. | Vấn đáp; kiểm tra bài tập. |
| 4 | Chương 2 (tiếp)<br>2.2. Kế toán quản trị chiến lược chi phí | 2 | 4 | 0 | 0 | 7 | Vận dụng được kế toán quản trị chiến lược chi phí để phân tích vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp; hệ thống hóa kiến thức Chương 1-2. | CLO2, CLO4 | Ôn tập, kiểm tra, thuyết giảng, nghiên cứu tình huống | Ôn tập chuẩn bị kiểm tra thường xuyên; đọc tài liệu [1] (2.2); giải quyết tình huống chiến lược. | Kiểm tra thường xuyên (tự luận). |
| 5 | Chương 3: Kế toán quản trị chiến lược: kiểm soát, đánh | 2 | 4 | 0 | 0 | 7 | Xây dựng được hệ | CLO3 | Diễn giảng, | Đọc tài liệu [1] (3.1); giải quyết | Đánh giá bài |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | giá kết quả hoạt động và ra quyết định<br>3.1. Kế toán quản trị kiểm soát và đo lường hiệu quả chiến lược | | | | | | thống chỉ tiêu kiểm soát, đo lường hiệu quả hoạt động chiến lược của doanh nghiệp. | | nghiên cứu tình huống, hướng dẫn thực hành | tình huống đo lường hiệu quả. | tập trên lớp. |
| 6 | Chương 3 (tiếp)<br>3.2. Kế toán quản trị cho việc ra quyết định chiến lược | 2 | 4 | 0 | 0 | 7 | Lập được báo cáo kế toán quản trị phục vụ ra quyết định chiến lược của doanh nghiệp. | CLO3 | Diễn giảng, nghiên cứu tình huống, thực hành lập báo cáo | Đọc tài liệu [1] (3.2); lập báo cáo kế toán quản trị theo tình huống. | Đánh giá bài tập trên lớp.. |
| 7 | Chương 4: Tổ chức kế toán quản trị doanh nghiệp<br>4.1. Khái niệm, vai trò của tổ chức công tác kế toán quản trị doanh nghiệp<br>4.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán | 2 | 4 | 0 | 0 | 7 | Trình bày được vai trò, các nhân tố ảnh hưởng, yêu cầu và nhiệm vụ của tổ chức công tác kế | CLO3, CLO4 | Diễn giảng, đàm thoại | Đọc tài liệu [1] (4.1 - 4.3); thảo luận nhóm. | Vấn đáp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | quản trị<br>4.3. Yêu cầu, nhiệm vụ của tổ chức công tác kế toán quản trị | | | | | | toán quản trị trong doanh nghiệp. | | | | |
| 8 | Chương 4 (tiếp)<br>4.4. Hình thức tổ chức công tác kế toán quản trị<br>4.5. Nội dung tổ chức công tác kế toán quản trị doanh nghiệp | 2 | 4 | 0 | 0 | 7 | Mô tả được cách thức tổ chức công tác kế toán quản trị trong doanh nghiệp; nhận diện hình thức tổ chức phù hợp; hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng toàn học phần. | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Diễn giảng, đàm thoại, bài tập thực hành, hệ thống hóa | Đọc tài liệu [1] (4.4 - 4.5); làm bài tập tổng hợp; ôn tập. | Đánh giá tổng hợp trên lớp |
| | **Tổng** | **15** | **30** | **0** | **0** | **55** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Vũ Việt và Mai Ngọc Anh (2020), *Giáo trình Kế toán quản trị doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội.

**8 .2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Ngọc Quang (2024), Giáo trình kế toán quản trị, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

[3] Nguyễn Thị Kim Ngân (2021-2022), *"Tổ chức kế toán quản trị trong các doanh nghiệp lâm nghiệp trực thuộc tỉnh Tuyên Quang trong quá trình chuyển đổi mô hình hoạt động kinh doanh"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào.

[4] Phạm Thanh Trà, Hoàng Anh Đào, Đinh Thị Lan (2025-2026), *"The Application of management accounting in manufacturing enterprises in Tuyen Quang province"*, Đề tài NCKH cấp trường, Trường Đại học Tân Trào

**9. Yêu cầu đối với báo cáo thực tập nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO1 | Đánh giá được trách nhiệm quản lý theo các trung tâm trách nhiệm và xây dựng được hệ thống báo cáo bộ phận phục vụ đánh giá trách nhiệm quản lý trong doanh nghiệp phân cấp. | Tự luận | 30% | 3,0 | X | |
| CLO2 | Vận dụng được kế toán quản trị chiến lược chi phí để phân tích vị thế cạnh tranh và hỗ trợ ra quyết định dài hạn của doanh nghiệp. | Tự luận | 30% | 3,0 | X | |
| CLO3 | Xây dựng được hệ thống chỉ tiêu kiểm soát, đo lường hiệu quả hoạt động chiến lược và lập được báo cáo kế toán quản trị phục vụ ra quyết định chiến lược; tổ chức được công tác kế toán quản trị phù hợp với đặc điểm doanh nghiệp. | Tự luận | 40% | 4,0 | X | |
| **Tổng** | **100%** | **10,0** | | | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán**

**1. Thông tin chung về học phần**

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.119.4

**1.2. Tên học phần:** Thực tập 1

**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc

**1.4. Số tín chỉ**: 6

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 0
- Bài tập thực hành, seminar: 0
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 0
- Thực tập: 300
- Tự học: 0

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Phạm Thanh Trà | Thạc sỹ | Bộ môn Kế toán Tài chính |
| 2 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sỹ | Bộ môn Kế toán Tài chính |
| 3 | Phạm Trung Nghĩa | Thạc sỹ | Bộ môn Kế toán Tài chính |

**2. Mô tả tóm tắt học phần**

Học phần thực tập 1 tạo cơ hội cho người học tiếp cận với môi trường làm việc thực tế để ứng dụng kiến thức và kỹ năng đã học trong chương trình đào tạo vào thực tế công tác kế toán tại doanh nghiệp, quan sát quy trình làm việc, thực hành một số kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn liên quan đến chuyên ngành học và hoàn thành báo cáo thực tập. Thông qua quá trình thực tập, người học được cọ xát môi trường nghề nghiệp, bước đầu hình thành kỹ năng chuyên môn và thái độ nghề nghiệp đúng đắn.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

**CO1:** Vận dụng được kiến thức đã học để thực hành tại đơn vị thực tập;

**CO2**: Rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm trong việc thảo luận và giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán tại cơ sở thực tập.

**CO3:** Thể hiện động cơ học tập đúng đắn, ý thức trách nhiệm trong công việc; có khả năng tự tích lũy kiến thức và đúc kết kinh nghiệm thực tiễn để hình thành và phát triển kỹ năng nghề nghiệp kế toán.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Vận dụng tốt những kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vào việc thực hiện và đánh giá các vấn đề liên quan đến công việc thực tập, thực tế tại đơn vị tại đơn vị và thu thập được các thông tin, số liệu kế toán tại đơn vị thực tập để viết được một báo cáo thực tập về chuyên môn sau khi kết thúc đợt thực tập. | | x | |
| CLO2 | Giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm và giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác kế toán trong doanh nghiệp (đơn vị HCSN) | | x | |
| CLO 3 | Thể hiện động cơ học tập đúng đắn, phương pháp làm việc khoa học, chủ động xây dựng kế hoạch học tập phù hợp; ý thức trách nhiệm, khả năng tự tích lũy kiến thức, đúc kết kinh nghiệm để hình thành kỹ năng nghề nghiệp | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* | | |
|---|---|---|---|
| | PLO 5 | PLO 6 | |
| **CLO 1** | M,A | | |
| **CLO 2** | | M,A | |
| **CLO 3** | M | | |
| **Học phần Thực tập 1 (**)** | M,A | M,A | |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Điểm chuyên cần | 10% | Do người hướng dẫn tại cơ sở thực tập đánh giá theo thang điểm 10 | CLO 3 | 100% | CLO3 | |
| A2. Điểm quá trình thực tập | 30% | Do Trưởng đoàn thực tập (GVHD) chấm trên cơ sở nhận xét của cơ sở thực tập và phiếu đánh giá | CLO 2 | 100% | CLO 2 | PLO6 |
| A3. Điểm báo cáo thực tập | 60% | Do Hội đồng chấm báo cáo đánh giá theo thang điểm 10 | CLO 1 | 100% | CLO 1 | PLO5 |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 1-8 | Sinh viên học các học phần tại trường | | | | | | | | | | |
| 9 | **Chương 1: Tổng quan về đơn vị thực tập**<br>1.1. Những thông tin chung về đơn vị thực tập<br>1.2. Quá trình hình thành và phát triển của đơn vị thực tập<br>1.3. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập | 0 | 0 | 0 | 33 | 0 | Khái quát được những thông tin chung về đơn vị thực tập. Mô tả được chức năng, nhiệm vụ cụ thể của tất cả các bộ phận trong đơn vị.<br>-Tiếp cận và làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp tại các đơn vị | CLO1, CLO 3 | Thực tập, thực tế, tự học tự nghiên cứu | - Thu thập tài liệu giới thiệu về đơn vị; thực hiện nội quy, kỷ luật tại nơi thực tập.<br>- Tiếp cận và làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp tại các đơn vị | Báo cáo thực tập, Chuyên cần, Đánh giá quá trình thực tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 10 | **Chương 1: Tổng quan về đơn vị thực tập (tiếp)**<br>1.4. Cơ cấu bộ máy kế toán của đơn vị thực tập<br>1.5. Nội dung công tác kế toán tại đơn vị thực tập | 0 | 0 | 0 | 33 | 0 | - Vận dụng được kiến thức đã học để tìm hiểu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng thành viên tại bộ phận thực tập, chính sách kế toán áp dụng tại đơn vị.<br>-Tiếp cận và làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp tại các đơn vị | CLO1, CLO 3 | Thực tập, thực tế, tự học tự nghiên cứu | - Thu thập tài liệu về đơn vị; thực hiện nội quy, kỷ luật tại nơi thực tập.<br>- Tiếp cận và làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp tại các đơn vị | Báo cáo thực tập, Chuyên cần, Đánh giá quá trình thực tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 11 | **Chương 2: Thực trạng tổ chức và hạch toán kế toán tại tại đơn vị thực tập**<br>2.1.Kế toán vốn bằng tiền<br>2.2.Kế toán các khoản phải thu<br>2.3.Kế toán hàng tồn kho<br>2.4.Kế toán tài sản cố định<br>2.5.Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương<br>2.6.Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm | 0 | 0 | 0 | 33 | 0 | - Tiếp cận và làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp tại các đơn vị<br>- Mô tả được ít nhất một phần hành kế toán thực tế tại các đơn vị | CLO1, CLO2, CLO 3 | Thực tập, thực tế, tự học tự nghiên cứu | - Người học thực hành phần hành kế toán tại đơn vị thực tập, dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực tập.<br>- Người học thu thập, ghi chép các thông tin và số liệu thực tế phục vụ cho báo cáo thực tập.<br>- Thực hiện theo yêu cầu, kế hoạch của Khoa và Nhà trường. | Báo cáo thực tập, Chuyên cần, Đánh giá quá trình thực tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 2.7.Kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.<br>2.8. Kế toán thu, chi và quyết toán hoạt động sự nghiệp (hoặc dự án, ngân sách, tài chính, SXKD, vốn đầu tư ...) | | | | | | | | | | |
| 12 | **Chương 2: Thực trạng tổ chức và hạch toán kế toán tại tại đơn vị thực tập (tiếp)**<br>2.1.Kế toán vốn bằng tiền<br>2.2.Kế toán các khoản phải thu<br>2.3.Kế toán hàng tồn kho | 0 | 0 | 0 | 33 | 0 | - Tiếp cận và làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp tại các đơn vị<br>- Mô tả được ít nhất một phần hành kế toán thực tế tại các đơn | CLO1, CLO2, CLO 3 | Thực tập, thực tế, tự học tự nghiên cứu | - Người học thực hành phần hành kế toán tại đơn vị thực tập, dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực tập.<br>- Người học thu thập, ghi chép các thông tin và số liệu thực tế phục vụ cho báo | Báo cáo thực tập, Chuyên cần, Đánh giá quá trình thực tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 2.4.Kế toán tài sản cố định<br>2.5.Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương<br>2.6.Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm<br>2.7.Kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.<br>2.8. Kế toán thu, chi và quyết toán hoạt động sự nghiệp (hoặc dự án, ngân sách, tài chính, SXKD, vốn đầu tư ...) | | | | | | vị | | | cáo thực tập.<br>- Thực hiện theo yêu cầu, kế hoạch của Khoa và Nhà trường. | |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| 13 | **Chương 2: Thực trạng tổ chức và hạch toán kế toán tại tại đơn vị thực tập (tiếp)**<br>2.1.Kế toán vốn bằng tiền<br>2.2.Kế toán các khoản phải thu<br>2.3.Kế toán hàng tồn kho<br>2.4.Kế toán tài sản cố định<br>2.5.Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương<br>2.6.Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm | 0 | 0 | 0 | 33 | 0 | - Tiếp cận và làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp tại các đơn vị<br>- Mô tả được ít nhất một phần hành kế toán thực tế tại các đơn vị | CLO1, CLO2, CLO 3 | Thực tập, thực tế, tự học tự nghiên cứu | - Người học thực hành phần hành kế toán tại đơn vị thực tập, dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực tập.<br>- Người học thu thập, ghi chép các thông tin và số liệu thực tế phục vụ cho báo cáo thực tập.<br>- Thực hiện theo yêu cầu, kế hoạch của Khoa và Nhà trường. | Báo cáo thực tập, Chuyên cần, Đánh giá quá trình thực tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 2.7.Kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.<br>2.8. Kế toán thu, chi và quyết toán hoạt động sự nghiệp (hoặc dự án, ngân sách, tài chính, SXKD, vốn đầu tư ...) | | | | | | | | | | |
| 14 | **Chương 2: Thực trạng tổ chức và hạch toán kế toán tại tại đơn vị thực tập (tiếp)**<br>2.1.Kế toán vốn bằng tiền<br>2.2.Kế toán các khoản phải thu<br>2.3.Kế toán hàng tồn kho | 0 | 0 | 0 | 33 | 0 | - Tiếp cận và làm quen với môi trường làm việc chuyên nghiệp tại các đơn vị<br>- Mô tả được ít nhất một phần hành kế toán thực tế tại các đơn | CLO1, CLO2, CLO 3 | Thực tập, thực tế, tự học tự nghiên cứu | - Người học thực hành phần hành kế toán tại đơn vị thực tập, dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực tập.<br>- Người học thu thập, ghi chép các thông tin và số liệu thực tế phục vụ cho báo | Báo cáo thực tập, Chuyên cần, Đánh giá quá trình thực tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | 2.4.Kế toán tài sản cố định<br>2.5.Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương<br>2.6.Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm<br>2.7.Kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.<br>2.8. Kế toán thu, chi và quyết toán hoạt động sự nghiệp (hoặc dự án, ngân sách, tài chính, SXKD, vốn đầu tư ...) | | | | | | vị | | | cáo thực tập.<br>- Thực hiện theo yêu cầu, kế hoạch của Khoa và Nhà trường. | |
| 15 | **Chương 2: Thực trạng** | 0 | 0 | 0 | 33 | | - Tiếp cận và làm quen | CLO1, CLO2, | Thực tập, thực tế, tự | - Người học thực hành phần | Báo cáo thực tập, |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | **tổ chức và hạch toán kế toán tại tại đơn vị thực tập (tiếp)**<br>2.1.Kế toán vốn bằng tiền<br>2.2.Kế toán các khoản phải thu<br>2.3.Kế toán hàng tồn kho<br>2.4.Kế toán tài sản cố định<br>2.5.Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương<br>2.6.Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm<br>2.7.Kế toán thành phẩm, | | | | | | với môi trường làm việc chuyên nghiệp tại các đơn vị<br>- Mô tả được ít nhất một phần hành kế toán thực tế tại các đơn vị | CLO3 | học tự nghiên cứu | hành kế toán tại đơn vị thực tập, dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực tập.<br>- Người học thu thập, ghi chép các thông tin và số liệu thực tế phục vụ cho báo cáo thực tập.<br>- Thực hiện theo yêu cầu, kế hoạch của Khoa và Nhà trường. | Chuyên cần, Đánh giá quá trình thực tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh.<br>2.8. Kế toán thu, chi và quyết toán hoạt động sự nghiệp (hoặc dự án, ngân sách, tài chính, SXKD, vốn đầu tư ...) | | | | | | | | | | |
| 16 | Chương 3: Nhận xét và đề xuất | 0 | 0 | 0 | 33 | 0 | Xác định được vấn đề tồn tại trong việc thực hiện phần hành kế toán trên ở các đơn vị | CLO1, CLO2, CLO3 | Thực tập, thực tế, tự học tự nghiên cứu | - Người học thực hành phần hành kế toán tại đơn vị thực tập, dưới sự hướng dẫn của người hướng dẫn thực tập.<br>- Người học phân tích thực trạng công tác kế toán tại đơn vị thực tập và đưa ra các đề | Báo cáo thực tập, Chuyên cần, Đánh giá quá trình thực tập |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương / chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ ngoài trường, seminar | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| | | | | | | | | | | xuất (nếu có)<br>- Thực hiện theo yêu cầu, kế hoạch của Khoa và Nhà trường. | |
| 17 | Hoàn thiện, chỉnh sửa toàn bộ báo cáo thực tập theo góp ý của giảng viên hướng dẫn; nộp báo cáo thực tập | 0 | 0 | 0 | 36 | 0 | Tổng hợp số liệu, hoàn thiện và trình bày được báo cáo thực tập đầy đủ, chính xác theo đúng quy định của cơ sở đào tạo. | CLO1, CLO2, CLO3 | Tự nghiên cứu, hướng dẫn của giảng viên | Rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo thực tập theo góp ý của giảng viên hướng dẫn; chuẩn bị hồ sơ nộp báo cáo. | Nộp báo cáo thực tập (sử dụng để lấy điểm thi, không tổ chức thi riêng); tổng hợp điểm chuyên cần và điểm quá trình thực tập. |
| | **Tổng** | | | | **300** | | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] PGS.TS. Trương Thị Thủy, PGS.TS. Ngô Thị Thu Hồng (2019) *Giáo trình Kế toán tài chính*, NXB Tài chính;

[2] Phạm Văn Liên, Ngô Thanh Hoàng (2019), Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp, NXB Tài Chính, Hà Nội.

**8 .2. Tài liệu tham khảo**

[3] Bộ Tài chính (2025), Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025

[4] Bộ Tài chính (2024), Chế độ Kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông Tư Số: 24/2024/TT-BTC Ngày 17/04/2024 Của Bộ Tài Chính, NXB Tài Chính, Hà Nội.

[5] Bộ Tài chính (2016), *Hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa*, NXB Tài chính;

**9. Yêu cầu đối với báo cáo thực tập nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra -đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| CLO 1 | Vận dụng tốt những kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vào việc thực hiện và đánh giá các vấn đề liên quan đến công việc thực tập, thực tế tại đơn vị tại đơn vị và thu thập được các thông tin, số liệu kế toán tại đơn vị thực tập để viết được một báo cáo thực tập về chuyên môn sau khi kết thúc đợt thực tập. | Báo cáo thực tập | 100% | 10 | x | PLO5 |

## 10. Rubric đánh giá báo cáo thực tập

| Nội dung | Tiêu chí đánh giá | Điểm tối đa |
|---|---|---|
| Hình thức | Trình bày đúng định dạng, không có lỗi đánh máy, lỗi chính tả | 1.0 |
| | Bố cục báo cáo thực tập đầy đủ theo mẫu | 2.0 |
| | Nội dung từng phần cụ thể đáp ứng theo đúng yêu cầu của báo cáo thực tập | 3.0 |
| | Có dẫn chứng về số liệu, sơ đồ, hình ảnh minh họa và đảm bảo tính chính xác | 4.0 |
| **Tổng** | | 10 |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN - TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo:** Đại học. **Chương trình đào tạo:** Kế toán

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.038.4

**1.2. Tên học phần:** Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp)

**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc

**1.4. Số tín chỉ:** 06

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 0 giờ
- Bài tập thực hành, semina: 0 giờ
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 0 giờ
- Thực tập, rèn nghề: 300 giờ
- Tự học: 0 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Thực tập 1
- Học phần học trước: Không

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 2 | Phạm Thanh Trà | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 3 | Đỗ Thị Mỹ Huyền | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Thực tập tốt nghiệp giúp người học vận dụng tổng hợp kiến thức và kỹ năng đã tích lũy trong chương trình đào tạo ngành Kế toán vào môi trường làm việc thực tế tại các doanh nghiệp, tổ chức và đơn vị. Thông qua quá trình tham gia các hoạt động chuyên môn, người học củng cố kiến thức nghề nghiệp, rèn luyện kỹ năng thực hành, kỹ năng làm việc và giải quyết các vấn đề thực tiễn trong lĩnh vực kế toán. Học phần góp phần hình thành năng lực thích ứng với môi trường nghề nghiệp, tác phong làm việc

chuyên nghiệp, tinh thần trách nhiệm và ý thức tuân thủ pháp luật, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp.

### 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)

**CO1:** Giúp người học vận dụng được hệ thống kiến thức kế toán, kiểm toán, tài chính, thuế đã học để tìm hiểu, đối chiếu với thực tiễn hoạt động và công tác kế toán tại đơn vị thực tập.

**CO2:** Phát triển kỹ năng thu thập, phân tích thông tin, đề xuất kiến nghị và lập báo cáo thực tập; kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và hợp tác trong môi trường nghề nghiệp.

**CO3:** Hình thành ý thức tuân thủ nội quy, kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp; rèn luyện tính chủ động, trách nhiệm trong thực tập và thực hiện công việc.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Vận dụng được kiến thức đã học để tìm hiểu thực tiễn hoạt động, phân tích thực trạng công tác kế toán theo đề tài nghiên cứu tại đơn vị thực tập và đề xuất được kiến nghị nhằm hoàn thiện vấn đề nghiên cứu. | x | x | |
| **CLO2** | Tổng hợp số liệu, lập và trình bày được báo cáo thực tập đầy đủ, chính xác theo đúng quy định của cơ sở đào tạo. | x | x | |
| **CLO3** | Giao tiếp hiệu quả, hợp tác và làm việc với cán bộ, nhân viên tại đơn vị thực tập để thu thập thông tin và hoàn thành nhiệm vụ được giao đúng tiến độ. | | x | |
| **CLO4** | Tuân thủ nội quy, kỷ luật của đơn vị thực tập; thể hiện tinh thần trách nhiệm, chủ động và đạo đức nghề nghiệp trong quá trình thực tập. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) | |
|---|---|---|
| | **PLO5** | **PLO6** |
| **CLO1** | M,A | |
| **CLO2** | M,A | |
| **CLO3** | | M,A |
| **CLO4** | | M,A |
| **Học phần Thực tập 2 (Thực tập tốt nghiệp)** | **M,A** | **M,A** |

**6. Đánh giá học phần**

Điểm thực tập (ĐTT) của học phần gồm 03 thành phần:

- Điểm chuyên cần (ĐCC) chiếm 10%;
- Điểm quá trình thực tập (ĐQTTT) chiếm 30%;
- Điểm báo cáo thực tập (ĐBCTT) chiếm 60%.

Công thức tính: ĐTT = 10% × ĐCC + 30% × ĐQTTT + 60% × ĐBCTT.

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở các thành phần điểm như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Điểm chuyên cần | 10% | Do người hướng dẫn tại cơ sở thực tập đánh giá theo thang điểm 10; mỗi ngày nghỉ không phép trừ 01 điểm, nghỉ nửa buổi trừ 0,5 điểm | CLO4 | 100% | x | |

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A2. Điểm quá trình thực tập | 30% | Do Trưởng đoàn thực tập (GVHD) chấm trên cơ sở nhận xét của cơ sở thực tập và phiếu đánh giá, theo 4 tiêu chí: ý thức chấp hành nội quy, kỷ luật (2,0đ); tinh thần trách nhiệm, thái độ với công việc (2,0đ); khả năng vận dụng kiến thức chuyên môn vào thực tiễn (2,0đ); kết quả, mức độ hoàn thành công việc được giao (4,0đ) | CLO1<br>CLO3<br>CLO4 | 20%<br>40%<br>40% | x | X (PLO6) |
| A3. Điểm báo cáo thực tập | 60% | Do Hội đồng chấm báo cáo của Khoa đánh giá theo thang điểm 10, theo 4 tiêu chí: hình thức trình bày đúng quy định, không lỗi đánh máy, lỗi chính tả (1,0đ); bố cục báo cáo đầy đủ theo mẫu (2,0đ); nội dung từng phần đáp ứng đúng yêu cầu của báo cáo thực tập (3,0đ); có dẫn chứng số liệu, sơ đồ, hình ảnh minh họa và đảm bảo tính chính xác (4,0đ) | CLO1<br>CLO2 | 70%<br>30% | X | X (PLO5) |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **1-8** | Sinh viên học các học phần khác tại trường | | | | | | | | | | |
| **9** | Chương 1: Tìm hiểu đơn vị thực tập<br>1. Lịch sử hình thành, hình thức sở hữu<br>2. Ngành nghề, lĩnh vực hoạt động, chức năng nhiệm vụ<br>3. Tổ chức sản xuất kinh doanh, hoạt động, quản lý | 0 | 0 | 0 | 34 | 0 | Vận dụng được kiến thức đã học để tìm hiểu, mô tả lịch sử hình thành, ngành nghề hoạt động và tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý của đơn vị thực tập. | CLO1, CLO3, CLO4 | Thực tế tại đơn vị, hướng dẫn của cơ sở thực tập, tự nghiên cứu | Liên hệ, gặp gỡ đơn vị thực tập; thu thập tài liệu giới thiệu về đơn vị; thực hiện nội quy, kỷ luật tại nơi thực tập. | Giảng viên hướng dẫn theo dõi tiến độ; nhận xét ban đầu của đơn vị thực tập. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **10** | Chương 2: Tìm hiểu bộ phận kế toán tại đơn vị<br>2.1. Tổ chức bộ máy kế toán<br>- Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận kế toán<br>- Nhiệm vụ của từng vị trí công tác | 0 | 0 | 0 | 34 | 0 | Vận dụng được kiến thức đã học để tìm hiểu tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng thành viên tại bộ phận thực tập. | CLO1, CLO3, CLO4 | Thực tế tại đơn vị, hướng dẫn của cơ sở thực tập | Tìm hiểu bộ máy bộ phận thực tập; giao tiếp, làm việc với cán bộ, nhân viên tại đơn vị để thu thập thông tin. | Quan sát, trao đổi với cán bộ hướng dẫn;<br>kiểm tra việc SV ghi nhật ký thực tập. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **11** | Chương 2 (tiếp)<br>2.2. Tổ chức công tác kế toán tại đơn vị<br>- Hình thức kế toán và chính sách kế toán áp dụng<br>- Hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và báo cáo kế toán (hoặc báo cáo tài chính) áp dụng<br>- Mối quan hệ giữa bộ phận kế toán với các bộ phận khác<br>2.3. Lựa chọn nội dung nghiên cứu phần hành kế toán<br>Sinh viên lựa chọn một nội dung phù hợp:<br>1. Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán.<br>2. Kế toán vật tư, công cụ dụng cụ, hàng hóa.<br>3. Kế toán tài sản cố định.<br>4. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.<br>5. Kế toán chi phí, doanh thu, thu – chi | 0 | 0 | 0 | 33 | 0 | Vận dụng được kiến thức đã học để tìm hiểu hình thức kế toán, chính sách kế toán áp dụng và mối quan hệ công việc giữa bộ phận thực tập với các bộ phận khác trong đơn vị; lựa chọn được phần hành kế toán phù hợp làm nội dung nghiên cứu trong báo cáo thực tập. | CLO1, CLO3, CLO4 | Thực tế tại đơn vị, hướng dẫn của cơ sở thực tập | Tìm hiểu hình thức, chính sách kế toán áp dụng; tổng hợp thông tin Chương 2; xác định chuyên đề nghiên cứu cho Chương 3 | Quan sát, trao đổi với cán bộ hướng dẫn; kiểm tra việc SV ghi nhật ký thực tập. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **12** | Chương 3: Thực tập tốt nghiệp<br>3.1. Thực trạng công tác kế toán của chuyên đề nghiên cứu (giai đoạn 1: thu thập số liệu, tài liệu) | 0 | 0 | 0 | 34 | 0 | Vận dụng được lý thuyết liên quan để tổ chức thu thập thông tin, số liệu thực tế về thực trạng công tác kế toán theo đề tài nghiên cứu tại đơn vị thực tập. | CLO1, CLO3 | Thực tế tại đơn vị, tự nghiên cứu, hướng dẫn của giảng viên | Đọc lý thuyết liên quan đến đề tài; thu thập chứng từ, số liệu, tài liệu liên quan tại đơn vị thực tập. | Giảng viên hướng dẫn kiểm tra tiến độ thu thập số liệu. |
| **13** | Chương 3 (tiếp)<br>3.1. Thực trạng công tác kế toán của đề tài nghiên cứu (giai đoạn 2: xử lý, hệ thống hóa số liệu) | 0 | 0 | 0 | 33 | 0 | Phân tích được thực trạng công tác kế toán theo đề tài nghiên cứu trên cơ sở số liệu, tài liệu đã thu thập. | CLO1, CLO3 | Thực tế tại đơn vị, tự nghiên cứu, hướng dẫn của giảng viên | Xử lý, hệ thống hóa số liệu; mô tả thực trạng công tác kế toán theo đề tài nghiên cứu. | Giảng viên hướng dẫn kiểm tra, góp ý nội dung thực trạng. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **14** | Chương 3 (tiếp)<br>3.1. Thực trạng công tác kế toán của đề tài nghiên cứu (hoàn thiện) | 0 | 0 | 0 | 33 | 0 | Phân tích, trình bày hoàn chỉnh được thực trạng công tác kế toán theo đề tài nghiên cứu tại đơn vị thực tập. | CLO1, CLO2 | Tự nghiên cứu, hướng dẫn của giảng viên | Viết hoàn thiện mục 3.1 của báo cáo thực tập; xin ý kiến góp ý của giảng viên hướng dẫn. | Giảng viên hướng dẫn kiểm tra, góp ý bản thảo. |
| **15** | Chương 3 (tiếp)<br>3.1. Thực trạng công tác kế toán của đề tài nghiên cứu (tiếp tục hoàn thiện) | 0 | 0 | 0 | 33 | 0 | Phân tích, trình bày hoàn chỉnh được thực trạng công tác kế toán theo đề tài nghiên cứu tại đơn vị thực tập. | CLO1, CLO2 | Tự nghiên cứu, hướng dẫn của giảng viên | Viết hoàn thiện mục 3.1 của báo cáo thực tập; xin ý kiến góp ý của giảng viên hướng dẫn. | Giảng viên hướng dẫn kiểm tra, góp ý bản thảo. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/ chương/ chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **16** | Chương 3 (tiếp)<br>3.2. Nhận xét, kiến nghị nhằm hoàn thiện vấn đề nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 33 | 0 | Phân tích được những ưu điểm, hạn chế và đề xuất được kiến nghị nhằm hoàn thiện vấn đề nghiên cứu tại đơn vị thực tập. | CLO1, CLO2 | Tự nghiên cứu, hướng dẫn của giảng viên | Phân tích ưu điểm, hạn chế; đề xuất kiến nghị; viết mục 3.2 của báo cáo thực tập. | Giảng viên hướng dẫn kiểm tra, góp ý bản thảo. |
| **17** | Hoàn thiện, chỉnh sửa toàn bộ báo cáo thực tập theo góp ý của giảng viên hướng dẫn; nộp báo cáo thực tập | 0 | 0 | 0 | 33 | 0 | Tổng hợp số liệu, hoàn thiện và trình bày được báo cáo thực tập đầy đủ, chính xác theo đúng quy định của cơ sở đào tạo. | CLO2, CLO4 | Tự nghiên cứu, hướng dẫn của giảng viên | Rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện báo cáo thực tập theo góp ý của giảng viên hướng dẫn; chuẩn bị hồ sơ nộp báo cáo. | Nộp báo cáo thực tập (sử dụng để lấy điểm thi, không tổ chức thi riêng); tổng hợp điểm chuyên cần và điểm quá trình thực tập. |
| | **Cộng** | **0** | **0** | **0** | **300** | **0** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Hướng dẫn viết báo cáo thực tập do Khoa Kinh tế - QTKD, Trường Đại học Tân Trào ban hành.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Nguyễn Thành Tài (2025), *Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp*, NXB Hồng Đức, Hà Nội.

[3] Bộ Tài chính (2024), *Chế độ Kế toán hành chính sự nghiệp theo Thông tư số 24/2024/TT-BTC ngày 17/4/2024 của Bộ Tài chính*, NXB Tài chính, Hà Nội.

[4] Bộ Tài chính (2010), *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính, Hà Nội.

**9. Yêu cầu đối với báo cáo thực tập nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Vận dụng được kiến thức đã học để tìm hiểu thực tiễn hoạt động, phân tích thực trạng công tác kế toán theo đề tài nghiên cứu tại đơn vị thực tập và đề xuất được kiến nghị nhằm hoàn thiện vấn đề nghiên cứu. | Báo cáo thực tập | 70% | 7,0 | X | PLO5 |
| **CLO2** | Tổng hợp số liệu, lập và trình bày được báo cáo thực tập đầy đủ, chính xác theo đúng quy định của cơ sở đào tạo. | Báo cáo thực tập | 30% | 3,0 | X | PLO5 |
| | **Tổng** | | **100%** | **10,0** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN-TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo: Đại học. Chương trình đào tạo: Kế toán**

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần: KT2.1.028.3**

**1.2. Tên học phần: Kiểm toán báo cáo tài chính**

**1.3. Loại học phần: Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp**

**1.4. Số tín chỉ: 03 (1,6 TC lý thuyết, 1,4 TC thực hành)**

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 24 tiết
- Thực hành trong/ngoài trường, seminar: 42 tiết
- Tự học: 84 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: (Không)
- Học phần học trước: Lý thuyết kiểm toán

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Trần Thị Diên | Tiến sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |
| 2 | Phạm Duy Hưng | Tiến sĩ | Bộ môn Kinh tế - Kinh doanh |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng về quy trình kiểm toán báo cáo tài chính theo chuẩn mực kiểm toán hiện hành. Nội dung học phần tập trung vào kiểm toán các chu kỳ và các khoản mục chủ yếu trên báo cáo tài chính như chu kỳ bán hàng và thu tiền, chu kỳ mua hàng và thanh toán, chu kỳ hàng tồn kho và chi phí; đồng thời vận dụng các thủ tục kiểm toán để thu thập, đánh giá bằng chứng và đưa ra kết luận kiểm toán. Qua học phần, người học hình thành năng lực thực hiện các công việc kiểm toán cơ bản, phân tích và đánh giá tính trung thực, hợp lý của thông tin tài chính, đồng thời rèn luyện tác phong độc lập, khách quan, cẩn trọng và tuân thủ chuẩn mực, đạo đức nghề nghiệp kiểm toán.

## 3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)

**- CO1:** Trang bị cho người học kiến thức về quy trình, phương pháp và kỹ thuật kiểm toán báo cáo tài chính; vận dụng hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam (VSA), có tham chiếu Chuẩn mực kiểm toán quốc tế (ISA), trong kiểm toán các chu kỳ và khoản mục trọng yếu trên báo cáo tài chính.

- **CO2:** Hình thành kỹ năng lập kế hoạch kiểm toán, thiết kế và thực hiện các thủ tục kiểm toán, thu thập và đánh giá bằng chứng kiểm toán; nhận diện, phân tích sai sót, lập bút toán điều chỉnh và hình thành ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính.

- **CO3:** Rèn luyện tác phong làm việc chuyên nghiệp, tư duy phân tích, tính độc lập, khách quan và tinh thần trách nhiệm; tuân thủ chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp, pháp luật và quy trình kiểm toán trong quá trình thực hiện công việc chuyên môn.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Giải thích được quy trình, phương pháp kiểm toán, cơ sở dẫn liệu và mục tiêu kiểm toán áp dụng cho các chu kỳ và khoản mục trọng yếu trên BCTC. | x | | |
| CLO2 | Vận dụng quy trình và thủ tục kiểm toán để thực hành kiểm toán các chu kỳ: bán hàng, mua hàng, hàng tồn kho và tiền lương. | | x | |
| CLO3 | Nhận diện, phân tích sai sót; thực hiện kiểm toán các khoản mục (Tiền, TSCĐ, Nợ phải trả, Vốn chủ sở hữu), lập bút toán điều chỉnh và hình thành ý kiến kiểm toán. | | x | |
| CLO4 | Tôn trọng các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp; tuân thủ quy trình giải quyết công việc chuyên môn khoa học, khách quan và hiệu quả. | | | x |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)* |
|---|---|
| | **PLO 8** |
| **CLO 1** | M,A |
| **CLO 2** | M,A |
| **CLO 3** | M,A |
| **CLO 4** | R |
| **Học phần Kiểm toán BCTC** | **M,A** |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **A1. Chuyên cần** | **10** | Điểm danh; chuẩn bị bài; tham gia thảo luận; ý thức học tập; thực hiện nhiệm vụ học tập trên lớp | CLO4 | 100 | X | |
| **A2. Kiểm tra thường xuyên** | **30** | Bài kiểm tra viết; bài tập tình huống; bài tập nhóm; thực hành thiết kế thủ tục kiểm toán, phân tích hồ sơ kiểm toán và xử lý tình huống | CLO1 | 30 | | |
| | | | CLO2 | 30 | | |
| | | | CLO3 | 40 | | |
| **A3. Đánh giá cuối kỳ** | **60** | Thi tự luận gồm câu hỏi lý thuyết vận dụng và bài tập kiểm toán tổng hợp | CLO1 | 30 | X | **PLO8** |
| | | | CLO2 | 30 | X | |
| | | | CLO3 | 40 | X | |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | LT | TH/BT | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | Liên quan CLO | Phương pháp giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| **1** | **Chương 1. Khái quát về kiểm toán báo cáo tài chính**<br>1.1 Khái niệm, mục tiêu kiểm toán BCTC<br>1.2 Nội dung và nguyên tắc cơ bản<br>1.3 Người sử dụng báo cáo kiểm toán<br>1.4 Chuẩn mực VSA và ISA1.5 Quy trình kiểm toán BCTC | **3** | **5** | **10** | Giải thích được mục tiêu, quy trình kiểm toán BCTC; phân biệt VSA và ISA; xác định vai trò của kiểm toán viên và cơ sở dẫn liệu trong kiểm toán. | CLO1, CLO4 | **LT:** Thuyết trình, đàm thoại, phân tích chuẩn mực VSA và ISA.<br>**TH:** Phân tích hồ sơ kiểm toán mẫu, nhận diện quy trình kiểm toán trên tình huống thực tế. | Đọc giáo trình, chuẩn mực VSA; nghiên cứu hồ sơ kiểm toán; thảo luận nhóm; phân tích tình huống. | Điểm chuyên cần; hỏi đáp; đánh giá mức độ tham gia thảo luận. |
| **2** | **Chương 2. Kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán**<br>2.1. Đặc điểm chu kỳ mua hàng và thanh toán | **3** | **5** | **10** | Phân tích đặc điểm chu kỳ mua hàng; đánh giá rủi ro, xác định cơ sở dẫn liệu và mục tiêu kiểm toán đối với các khoản phải trả và chi phí. | CLO1, CLO2 | **LT:** Giảng giải kết hợp phân tích tình huống.**TH:** Hướng dẫn đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ và lập chương trình kiểm toán. | Phân tích quy trình mua hàng; xây dựng bảng câu hỏi KSNB; thiết kế chương trình kiểm toán. | Quan sát; nhận xét bài tập nhóm. |

| Tuần | Chương, mục | LT | TH/BT | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | Liên quan CLO | Phương pháp giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 2.2. Các khoản mục trên BCTC có liên quan<br>2.3. Các sai phạm thường gặp trong kế toán mua hàng và thanh toán | | | | | | | | |
| **3** | **Chương 2. Kiểm toán chu kỳ mua hàng và thanh toán**<br>2.4. Tài liệu kế toán có liên quan<br>2.5. Phương pháp và kỹ thuật kiểm toán | **3** | **5** | **10** | Thực hiện thủ tục kiểm toán, thu thập bằng chứng kiểm toán và lập giấy tờ làm việc đối với chu kỳ mua hàng và thanh toán. | CLO2 | **LT:** Giảng giải kỹ thuật kiểm toán.**TH:** Thực hành kiểm tra chứng từ, đối chiếu công nợ, lập Working Papers. | Thực hành trên hồ sơ kiểm toán; lập giấy tờ làm việc; trình bày kết quả. | **Kiểm tra thường xuyên số 1** (thực hành). |
| **4** | **Chương 3. Kiểm toán chu kỳ bán hàng và thu tiền**<br>3.1. Đặc điểm chu kỳ bán hàng và thu tiền<br>3.2. Các khoản mục trên BCTC có liên quan | **3** | **6** | **11** | Thiết kế và thực hiện thủ tục kiểm toán doanh thu, phải thu khách hàng; đánh giá bằng chứng và phát hiện sai sót. | CLO1, CLO2 | **LT:** Thuyết trình kết hợp phân tích sai sót thường gặp.**TH:** Thực hành xác nhận công nợ, kiểm tra chứng từ và lập giấy tờ làm việc. | Thiết kế chương trình kiểm toán; thực hành trên hồ sơ doanh nghiệp; thảo luận nhóm. | Đánh giá bài tập tình huống; nhận xét trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | LT | TH/BT | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | Liên quan CLO | Phương pháp giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 3.3. Các sai phạm thường gặp trong kế toán bán hàng và thu tiền<br>3.4. Tài liệu kế toán có liên quan<br>3.5. Phương pháp và kỹ thuật kiểm toán | | | | | | | | |
| **5** | **Chương 4. Kiểm toán chu kỳ hàng tồn kho và chi phí**<br>4.1. Đặc điểm chu kỳ hàng tồn kho và chi phí<br>4.2. Các khoản mục trên BCTC có liên quan<br>4.3. Các sai phạm thường gặp trong kế toán hàng tồn kho và chi phí<br>4.4. Tài liệu kế toán có liên quan<br>4.5. Phương pháp | **3** | **5** | **10** | Thực hiện kiểm toán hàng tồn kho; đánh giá kết quả kiểm kê; thiết kế thủ tục kiểm toán giá vốn và chi phí. | CLO2, CLO3 | **LT:** Giảng giải kết hợp phân tích hồ sơ kiểm kê.**TH:** Thực hành kiểm kê mô phỏng, lập giấy tờ làm việc và xử lý sai lệch. | Phân tích bảng kiểm kê; thực hành xử lý sai lệch; lập Working Papers. | Chấm bài tập thực hành; phản hồi trực tiếp. |

| Tuần | Chương, mục | LT | TH/BT | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | Liên quan CLO | Phương pháp giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | và kỹ thuật kiểm toán | | | | | | | | |
| **6** | **Chương 5. Kiểm toán chu kỳ tiền lương và nhân sự**<br>5.1. Đặc điểm chu kỳ tiền lương và nhân sự<br>5.2. Các khoản mục trên BCTC có liên quan<br>5.3. Các sai phạm thường gặp trong kế toán tiền lương và nhân sự<br>5.4. Tài liệu kế toán có liên quan<br>5.5. Phương pháp và kỹ thuật kiểm toán | **3** | **5** | **10** | Thực hiện kiểm toán tiền lương và các khoản trích theo lương; phát hiện sai sót và đề xuất bút toán điều chỉnh. | CLO2, CLO3 | **LT:** Thuyết trình kết hợp phân tích hồ sơ lao động.**TH:** Kiểm tra bảng chấm công, bảng lương, chứng từ thanh toán và các khoản trích theo lương. | Đối chiếu hồ sơ lao động; lập giấy tờ làm việc; trao đổi kết quả với nhóm. | **Kiểm tra thường xuyên số 2.** |
| **7** | **Chương 6. Kiểm toán các khoản mục trên báo cáo tài chính** | **3** | **6** | **11** | Thực hiện kiểm toán các khoản mục chủ yếu; đánh giá bằng chứng kiểm toán và lập bút toán | CLO3 | **LT:** Giảng giải kết hợp phân tích hồ sơ kiểm toán.**TH:** Thực hành kiểm toán | Thực hành kiểm toán trên bộ hồ sơ; lập bảng tổng hợp sai sót; đề | Đánh giá hồ sơ kiểm toán; chữa bài tập. |

| Tuần | Chương, mục | LT | TH/BT | Tự học (giờ) | Chuẩn đầu ra của bài học/chủ đề | Liên quan CLO | Phương pháp giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra, đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | 6.1. Kiểm toán tiền và các khoản tương đương tiền<br>6.2. Kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao<br>6.3. Kiểm toán nợ phải trả | | | | điều chỉnh. | | tiền, TSCĐ, nợ phải trả và lập bảng tổng hợp sai sót. | xuất điều chỉnh. | |
| **8** | **Chương 6. Kiểm toán các khoản mục trên báo cáo tài chính**<br>6.4. Kiểm toán nguồn vốn chủ sở hữu<br>6.5. Kiểm toán các khoản mục khác | **3** | **5** | **12** | Tổng hợp kết quả kiểm toán; hoàn thiện hồ sơ kiểm toán và hình thành ý kiến kiểm toán phù hợp. | CLO3, CLO4 | **LT:** Hệ thống hóa quy trình hình thành ý kiến kiểm toán.<br>**TH:** Thực hành hoàn thiện hồ sơ kiểm toán, lập báo cáo kiểm toán và bảo vệ kết quả kiểm toán. | Hoàn thiện hồ sơ kiểm toán; lập báo cáo kiểm toán; trình bày và bảo vệ ý kiến kiểm toán. | Tổng kết học phần; hướng dẫn ôn thi kết thúc học phần. |
| | **Cộng** | **24** | **42** | **84** | | | | | |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] Nguyễn Trọng Cơ, Thịnh Văn Vinh (2021). *Giáo trình kiểm toán báo cáo tài chính căn bản*. NXB Tài chính, Hà Nội.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] Trần Thị Diên, Phạm Duy Hưng, Phạm Trung Nghĩa, Nguyễn Thúy Hằng (2026), Giáo trình Kiểm toán báo cáo tài chính (tài liệu lưu hành nội bộ)

[3] Bộ Tài chính (2025), Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Hà Nội.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| CLO1 | Giải thích được quy trình, phương pháp kiểm toán, cơ sở dẫn liệu và mục tiêu kiểm toán áp dụng cho các chu kỳ và khoản mục trọng yếu trên BCTC. | Tự luận | 30 | 3,0 | CLO1 | PLO8 |
| CLO2 | Vận dụng quy trình và thủ tục kiểm toán để thực hành kiểm toán các chu kỳ: bán hàng, mua hàng, hàng tồn kho và tiền lương. | Tự luận | 30 | 3,0 | CLO2 | |
| CLO3 | Nhận diện, phân tích sai sót; thực hiện kiểm toán các khoản mục | Tự luận | 40 | 4,0 | CLO3 | |

| Ký hiệu chuẩn đầu ra học phần (CLO) | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | (Tiền, TSCĐ, Nợ phải trả, Vốn chủ sở hữu), lập bút toán điều chỉnh và hình thành ý kiến kiểm toán. | | | | | |
| | **Tổng cộng** | | **100** | **10,0** | | |

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO
KHOA KINH TẾ & QTKD
**BỘ MÔN KẾ TOÁN – TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

# ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

**Trình độ đào tạo:** Đại học. **Chương trình đào tạo:** Kế toán

## 1. Thông tin chung về học phần

**1.1. Mã học phần:** KT2.1.019.3

**1.2. Tên học phần:** Kế toán thuế

**1.3. Loại học phần:** Bắt buộc (thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp).

**1.4. Số tín chỉ:** 03

**1.5. Phân bổ thời gian:**

- Lý thuyết: 24 giờ (bao gồm kiểm tra thường xuyên)
- Bài tập thực hành, semina: 42 giờ
- Thực hành ngoài trường, doanh nghiệp, thực tế, thực địa: 0
- Thực tập: 0
- Tự học: 84 giờ

**1.6. Điều kiện tham gia học phần**

- Học phần tiên quyết: Nguyên lý kế toán
- Học phần học trước: Thuế Nhà nước

**1.7. Thông tin về giảng viên**

| TT | Họ và tên | Học hàm, học vị | Bộ môn phụ trách giảng dạy |
|---|---|---|---|
| 1 | Nguyễn Thị Kim Ngân | Tiến sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 2 | Đỗ Thị Mỹ Huyền | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |
| 3 | Phạm Duy Hưng | Thạc sĩ | Bộ môn Kế toán – Tài chính |

## 2. Mô tả tóm tắt học phần

Học phần Kế toán thuế trang bị kiến thức và kỹ năng kế toán thuế trong doanh nghiệp, gồm bản chất, nhiệm vụ kế toán thuế và phương pháp hạch toán các sắc thuế cơ bản và các loại thuế, phí, lệ phí khác. Nội dung học phần gồm 5 chương, kết hợp lý thuyết và thực hành, giúp người học xác định nghĩa vụ thuế, tính thuế, hạch toán nghiệp vụ phát sinh và phản ánh thông tin thuế trên sổ sách, báo cáo kế toán theo quy định pháp luật. Thông qua học phần, người học có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn doanh nghiệp, xử lý số liệu, lập sổ sách, báo cáo thuế, đồng thời rèn luyện ý thức tuân thủ pháp luật thuế, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp kế toán, cùng tinh thần chủ động và trách nhiệm trong học tập và công việc.

**3. Mục tiêu học phần (Course Objective – viết tắt là CO)**

**CO1:** Giúp người học nắm vững bản chất, vai trò, nội dung và phương pháp kế toán các sắc thuế cơ bản phát sinh trong doanh nghiệp.

**CO2:** Phát triển kỹ năng lập chứng từ, hạch toán, ghi sổ kế toán đối với các sắc thuế cơ bản của doanh nghiệp; vận dụng được cơ sở pháp lý và phương pháp kế toán để giải thích, phân tích kết quả xử lý nghiệp vụ thuế trong các tình huống thực tiễn.

**CO3:** Hình thành ý thức tuân thủ pháp luật thuế, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp kế toán; rèn luyện tính chủ động, trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ được giao.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần (Course Learning Outcome – viết tắt là CLO)**

Sau khi học xong học phần, người học có khả năng:

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Kiến thức | Kỹ năng | Mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm |
|---|---|---|---|---|
| **CLO1** | Khái quát được các nội dung cơ bản thuế, hệ thống thuế và yêu cầu quản lý thuế trong doanh nghiệp. | X | | |
| **CLO2** | Vận dụng được quy định của pháp luật thuế và chế độ kế toán hiện hành để thực hiện kế toán đối với các sắc thuế cơ bản trong doanh nghiệp. | X | X | |
| **CLO3** | Phân tích được cơ sở của việc vận dụng phương pháp kế toán đối với các nghiệp vụ phát sinh về các sắc thuế cơ bản trong doanh nghiệp. | | X | |
| **CLO4** | Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật thuế, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp kế toán; chủ động và trách nhiệm trong học tập, nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ được giao. | | | X |

**5. Ma trận mối liên hệ giữa các chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO)**

| CLO | Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLO) |
|---|---|
| | **PLO8** |
| **CLO1** | R |
| **CLO2** | M,A |
| **CLO3** | M,A |
| **CLO4** | M,A |
| **Học phần Kế toán thuế** | **M,A** |

**6. Đánh giá học phần**

Người học được đánh giá kết quả học tập trên cơ sở điểm thành phần như sau:

| Các thành phần đánh giá | Trọng số (%) | Hình thức/công cụ kiểm tra - đánh giá | Liên quan đến CLO | Trọng số từng CLO trong thành phần đánh giá (%) | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức độ đạt PLO |
|---|---|---|---|---|---|---|
| A1. Chuyên cần | 10% | Điểm danh; đánh giá ý thức học tập, mức độ chuẩn bị bài, tính chủ động và trách nhiệm trong tham gia các hoạt động học tập | CLO4 | 100% | | |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 30% | 01 bài kiểm tra thường xuyên hình thức tự luận/bài tập | CLO1<br>CLO2 | 40%<br>60% | | |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Tiểu luận và thuyết trình seminar: sinh viên/nhóm (2-3 SV) lựa chọn đề tài thuộc từng phần hành kế toán thuế gắn với số liệu một doanh nghiệp cụ thể; nộp báo cáo tiểu luận viết và thuyết trình 10-15 phút, trả lời phản biện 5-10 phút trước lớp.<br>Tiêu chí đanh<br>-Đánh giá khả năng vận dụng kiến thức kế toán thuế và quy định pháp luật thuế để giải quyết vấn đề thực tiễn.<br>- Đánh giá khả năng phân tích, tổng hợp và đề xuất giải pháp phù hợp.<br>- Đánh giá chất lượng báo cáo tiểu luận và hình thức trình bày.<br>- Đánh giá kỹ năng thuyết trình, trả lời câu hỏi và bảo vệ quan điể | CLO2<br>CLO3<br>CLO4 | 30%<br>30%<br>40% | X | X |

**7. Kế hoạch và nội dung giảng dạy học phần**

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **1** | Chương 1: Khái quát chung về kế toán thuế Việt Nam<br>1.1. Khái niệm<br>1.2. Bộ phận cấu thành kế toán thuế<br>1.3. Nhiệm vụ kế toán thuế | 3 | 5 | 0 | 0 | 10 | Trình bày được khái niệm, bộ phận cấu thành và nhiệm vụ của kế toán thuế trong doanh nghiệp. | CLO1, CLO4 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận theo nhóm chủ đề | Đọc tài liệu [1] Chương 1 (mục 1.1 - 1.3); chuẩn bị ví dụ về bộ phận cấu thành kế toán thuế tại doanh nghiệp; thảo luận nhóm về nhiệm vụ kế toán thuế. | Điểm danh; vấn đáp đầu giờ. |
| **2** | Chương 2: Kế toán thuế giá trị gia tăng (GTGT)<br>2.1. Kế toán thuế GTGT đầu ra<br>2.2. Kế toán thuế GTGT được khấu trừ | 3 | 5 | 0 | 0 | 10 | Vận dụng được phương pháp kế toán thuế GTGT đầu ra và thuế GTGT được khấu trừ trong các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp. | CLO1 CLO2, CLO3 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành, bài tập tình huống | Đọc tài liệu [1] Chương 2 (2.1 - 2.2); làm bài tập định khoản thuế GTGT đầu ra và thuế GTGT được khấu trừ. | Chấm bài tập thực hành trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **3** | Chương 2 (tiếp): 2.3. Sổ sách kế toán thuế GTGT | 3 | 5 | 0 | 0 | 10 | Lập được sổ sách kế toán thuế GTGT; hệ thống hóa nội dung kế toán thuế GTGT. | CLO2 | Hướng dẫn thực hành, thảo luận nhóm, kiểm tra | Đọc tài liệu [1] (2.3); hoàn thiện bài tập tổng hợp Chương 1, 2; ôn tập chuẩn bị kiểm tra thường xuyên. | Kiểm tra thường xuyên (01 đầu điểm, hình thức tự luận/bài tập). |
| **4** | Chương 3: Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)<br>3.1. Chứng từ và thủ tục liên quan<br>3.2. Tài khoản sử dụng | 3 | 5 | 0 | 0 | 10 | Trình bày được chứng từ, thủ tục và tài khoản sử dụng trong kế toán thuế TNDN. | CLO1, CLO2, CLO4 | Thuyết trình, vấn đáp, hướng dẫn thực hành | Đọc tài liệu [1] Chương 3 (3.1 - 3.2); chuẩn bị ví dụ về chứng từ thuế TNDN tại doanh nghiệp. | Vấn đáp; kiểm tra bài tập. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **5** | Chương 3 (tiếp):<br>3.3. Phương pháp kế toán thuế TNDN<br>3.4. Sổ sách kế toán sử dụng | 3 | 5 | 0 | 0 | 11 | Vận dụng được phương pháp kế toán và lập sổ sách kế toán thuế TNDN trong doanh nghiệp. | CLO2, CLO3 | Hướng dẫn thực hành, bài tập tình huống | Đọc tài liệu [1] (3.3 - 3.4); làm bài tập định khoản, ghi sổ kế toán thuế TNDN. | Chấm bài tập thực hành trên lớp. |
| **6** | Chương 4: Kế toán thuế thu nhập cá nhân (TNCN)<br>4.1. Chứng từ và thủ tục liên quan<br>4.2. Tài khoản sử dụng | 3 | 5 | 0 | 0 | 11 | Trình bày được chứng từ, thủ tục, tài khoản sử dụng trong kế toán thuế TNCN. | CLO1, CLO2, CLO4 | Thuyết trình, vấn đáp, thảo luận nhóm | Đọc tài liệu [1] Chương 4 (4.1 - 4.2); liên hệ thực tiễn về khấu trừ thuế TNCN tại doanh nghiệp. | Điểm danh; câu hỏi nhanh. |
| **7** | Chương 4 (tiếp):<br>4.3. Phương pháp kế toán thuế TNCN<br>4.4. Sổ sách kế toán sử dụng | 3 | 6 | 0 | 0 | 11 | Vận dụng được phương pháp kế toán và lập sổ sách kế toán thuế TNCN trong doanh nghiệp. | CLO2, CLO3 | Hướng dẫn thực hành, bài tập tình huống | Đọc tài liệu [1] (4.3 - 4.4); làm bài tập định khoản, ghi sổ kế toán thuế TNCN. | Chấm bài tập thực hành trên lớp. |

| Tuần | Chương, mục | Số giờ tín chỉ | | | | | Chuẩn đầu ra của bài học/chương/chủ đề | Liên quan đến CLO nào | PP giảng dạy đạt chuẩn đầu ra | Hoạt động học của người học | Hoạt động kiểm tra đánh giá |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Lý thuyết | Thực hành trong/ngoài trường | Thực tế | Thực tập, rèn nghề | Tự học | | | | | |
| **8** | Chương 5: Kế toán các loại thuế khác<br>5.1. Kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt<br>5.2. Kế toán thuế xuất khẩu, nhập khẩu<br>5.3. Kế toán các loại thuế, phí và lệ phí khác<br>Hệ thống hóa, ôn tập toàn học phần; giao đề tài tiểu luận seminar | 3 | 6 | 0 | 0 | 11 | Vận dụng được phương pháp kế toán thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu - nhập khẩu và các loại thuế, phí, lệ phí khác; hệ thống hóa kiến thức, kỹ năng toàn học phần. | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | Thuyết trình, hướng dẫn thực hành, hệ thống hóa, vấn đáp | Đọc tài liệu [1] Chương 5 (5.1 - 5.3); ôn tập theo CLO; nhận đề tài tiểu luận seminar (theo nhóm chủ đề GTGT/TNDN hoặc TNCN/thuế khác) để chuẩn bị báo cáo và thuyết trình vào buổi đánh giá cuối kỳ. | Đánh giá tổng hợp trên lớp; điểm danh chuyên cần. |

**8. Học liệu**

**8.1. Tài liệu bắt buộc**

[1] PGS.TS. Phạm Đức Cương, PGS.TS. Trần Mạnh Dũng (2025), *Thuế và Kế toán thuế trong doanh nghiệp – Lý thuyết và thực hành*, NXB Tài chính.

**8.2. Tài liệu tham khảo**

[2] PGS.TS. Đoàn Vân Anh (2016), *Giáo trình kế toán thuế trong doanh nghiệp*, NXB Thống kê.

**9. Yêu cầu đối với đề thi nhằm đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần**

| Ký hiệu CLO | Nội dung CLO | Hình thức kiểm tra - đánh giá | Trọng số của CLO trong đề thi (%) | Điểm số tối đa | Cần đo lường mức đạt CLO | Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO nào |
|---|---|---|---|---|---|---|
| **CLO2** | Vận dụng được quy định của pháp luật thuế và chế độ kế toán hiện hành để thực hiện kế toán đối với các nhóm sắc thuế cơ bản trong doanh nghiệp. | Tiểu luận, thuyết trình seminar | 30% | 3,0 | X | PLO8 |
| **CLO3** | Phân tích được cơ sở của việc vận dụng phương pháp kế toán đối với các nghiệp vụ phát sinh về các sắc thuế cơ bản trong doanh nghiệp. | Tiểu luận, thuyết trình seminar | 30% | 3,0 | X | PLO8 |
| **CLO4** | Tuân thủ pháp luật thuế, chuẩn mực và đạo đức nghề nghiệp kế toán; thể hiện tính chủ động, trách nhiệm trong học tập và thực hiện công việc kế toán thuế. | Tiểu luận, thuyết trình seminar | 40% | 4,0 | X | PLO8 |
| **Tổng** | | | **100%** | **10,0** | | |